



**NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT**

Sa Môn DI TÙNG

**THỦ LĂNG NGHIÊM  
KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH**

**(TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)**

(Tái bản lần thứ ba)

**PHẬT QUỐC THANH TỊNH TÂM  
MAITREYA BUDDHA MEDITATION CENTER**

**310 E. Red Bird Lane**

**Duncanville, Texas 75116 - U.S.A.**

**Tel. 972-709-5685**

-----\*\*\*-----

**PL. 2561 - DL. 2017**

# LỜI NÓI ĐẦU

Kính gửi quý đạo hữu,

Sở dĩ Thầy quyết định làm tóm tắt Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm vì các lý do sau đây:

1. Chúng ta, nếu cần, có thể qua hệ thống Internet, tìm nguyên bản kinh này rất dễ dàng và còn có thể chọn bản dịch của người dịch chúng ta ưa thích, không sợ làm mất toàn bản kinh.
2. Chúng ta chỉ mong học phần cốt tủy, ngắn gọn của phần Hiển Giáo. Chúng ta hoàn toàn tin tưởng nơi những lời Đức Phật dạy, cho nên không đặt nặng phải học những lý luận ngài dùng để bác bỏ những sự hiểu lầm của ngài Anan và thánh chúng.
3. Để thực hành Thiền Định, chúng ta làm theo lời dạy của Đức Phật dạy ngài Anan dạy cho chúng sanh để áp dụng trong thời Mật Pháp:
  - **Xây dựng đàn tràng để lễ lạy, phát nguyện và tụng Chú.**
  - **“Nếu có tập khí cũ không thể diệt trừ, ông dạy người đó nhất tâm trì tụng Thần Chú Vô Thượng Phật Đảnh Quang Minh “Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra” của Ta.”**
  - **Thực hành Thiền Định một trăm ngày.**  
Vì vậy, chúng ta đặt nặng “Phân khai thị về Mật Giáo,” và “Ngũ Âm Ma.”

Mong rằng việc tóm tắt Kinh này sẽ giúp quý đạo hữu tiết kiệm bớt thời gian trong phần lý thuyết (Lý) mà nhiều chỗ không thể hiểu. Chúng ta chỉ **chú tâm hoàn toàn vào việc thực hành** (Sư.)

**Mô Phật**

**Sa Môn Di Tùng**

**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢN THỦ LĂNG NGHIÊM**  
(TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)



*Lưu ý: Tài liệu này chỉ dành cho Phật tử trong hệ thống “Thanh Tịnh Tâm” sử dụng, không phổ biến rộng rãi cho đại chúng.*

## TIỀN TRÌNH XÂY DỰNG ĐÀN TRÀNG LĂNG NGHIÊM TẠI HOA KỲ

-----

Chúng tôi có duyên với Phật giáo Đại Thừa, nên trong thời công phu khuya thường tụng Chân Ngôn **Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra** (Thần Chú Lăng Nghiêm.) Chúng tôi cũng được học, tụng Kinh Đại Phật Đánh thủ Lăng Nghiêm, đồng thời tham khảo các bài viết với tựa đề “Lăng Nghiêm Đại Định.” Tuy nhiên, chúng tôi vẫn thắc mắc rằng nếu không xây dựng đàn tràng Lăng Nghiêm, không thực hành ba tuần bảy ngày lễ lạy, phát nguyện và tụng chú, đồng thời không được chính Đức Phật Thích Ca rời đầu an ủi khiến nên giác ngộ, và an cư thực hành Thiền định một trăm ngày như trong kinh Đức Phật đã dạy thì làm sao có thể luận bàn đến Lăng Nghiêm Đại Định?

Ông Tăng Phụng Nghi nghiên cứu sâu rộng và só giải (tông thông) Kinh Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm (ĐPĐTLN) không nói đến từ trước tới nay nơi nào đã **xây dựng Đàn tràng Lăng Nghiêm để tu tập** mà chỉ nhắc đến một Giới đàn được thành tựu. Ngoài ra, trong bộ Phật Học Phổ Thông, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đã không dịch phần xây dựng Đàn tràng Lăng Nghiêm<sup>1</sup> khiến nhiều Phật tử không biết có phần xây dựng Đàn tràng nếu không đọc những bản dịch khác.<sup>2</sup> HT Tuyên Hóa trong sách chú giải Thần Chú Lăng Nghiêm chỉ nhắc đến “tán trì” (đi, đứng, nằm, ngồi) đều trì tụng Thần Chú nhưng không thấy nói đến xây dựng Đàn tràng Lăng Nghiêm để tu tập như trong Kinh ĐPĐTLN chỉ dẫn. Hai vị Geshe<sup>3</sup> Tây Tạng, một từ

---

<sup>1</sup> Lý do thiếu phần xây dựng Đàn Tràng Lăng Nghiêm có lẽ vì bộ sách này mang tên “Phật Học Phổ Thông.”

<sup>2</sup> Kinh ĐPĐTLN đã được dịch ra tiếng Việt bởi nhiều vị như Thiền Sư Nhẫn Tế, HT Tuyên Hóa, HT Thích Duy Lực, Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, Cư sĩ Hạnh Cơ ...

<sup>3</sup> Geshe là học vị Tiến sĩ của Phật giáo Tây Tạng.

Dhalamsala và một từ một tu viện giòng truyền thừa Gelupa ở Nam Ấn Độ khi ghé thăm Cốc (mobile home) của chúng tôi vào năm 2008 đã xin vào Đoàn tràng Lãng NghiêM để trì tụng Chon Ngôn Lãng NghiêM vì quý vị cho biết chưa bao giờ thấy nơi nào có Đoàn tràng này.

Có thể, vì chúng tôi ít giao lưu với thế giới bên ngoài và thiếu nghiên cứu rộng rãi trên hệ thống internets, nên không biết nơi nào có xây dựng Đoàn tràng Lãng NghiêM để tu tập. Xin quý vị khi có duyên đọc những dòng chữ này và nếu biết được nơi nào có xây dựng Đoàn tràng Lãng NghiêM để tu tập, vui lòng liên lạc với chúng tôi để chúng tôi tìm đến học hỏi.

### **1. Khởi quyết tâm xây dựng Đoàn tràng Lãng NghiêM**

Chúng tôi tự hỏi: (1) Nếu lịch sử ghi Kinh ĐPĐTLN là quốc bảo của nước Ấn Độ thời xưa và Kinh này bị ngăn cấm không được mang ra nước ngoài, tại sao tại Ấn Độ không Chùa Đại Thừa nào xây dựng Đoàn tràng Lãng NghiêM để cho tứ chúng tu tập? (2) Một trăm năm sau khi Trí Giả Đại sư viên tịch, Kinh ĐPĐTLN qua Trung Quốc và cho đến ngày nay tại sao vẫn chưa thấy Đoàn tràng Lãng NghiêM được xây dựng để tứ chúng tu tập theo Kinh này? (3) Trong hồi ký, Thiền sư Nhẫn Tế đã được Lama Quốc Vương Tây Tạng ấn chứng là đã qua kỳ khảo hạch vượt tất cả Lama Tây Tạng, khi về nước chỉ đặt tên Chùa tại Bình Dương là Chùa Tây Tạng (năm 1936) nhưng không dạy pháp tu của Tây Tạng lại bỏ thì giờ dịch Kinh ĐPĐTLN Tông Thông từ năm 1944 đến năm 1950 thì hoàn tất? Nhiều câu hỏi như trên chưa có giải đáp, nên chúng tôi đọc tới đọc lui Kinh ĐPĐTLN để mong tìm lời giải đáp. Trong tâm lúc nào cũng nghĩ rằng nếu không thể thiết lập Đoàn tràng Lãng NghiêM theo lời dạy của Đức Phật trong Kinh, như vậy Đức Phật thuyết kinh ĐPĐTLN ra để làm gì?

Lời Đức Phật dạy trong kinh: “Anan, những hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni hay hàng cư sĩ, thí chủ trong sạch như thế, **vào đời mạt pháp**, tâm dứt tham dâm, giữ tịnh giới Phật, ở trong **đàn tràng**<sup>4</sup>, phát nguyện Bồ Đề, ra vào tắm rửa, **sáu thời hành đạo, không lo ngủ nghỉ, như thế trải qua ba lần bảy ngày, Ta tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đỉnh an ủi, khiến nên Giác Ngộ**”.

Một hôm, với đức tin mãnh liệt vào lời dạy của Đức Phật về sự tu tập trong Đàn tràng vào thời mạt pháp khiến có thể Giác ngộ, chúng tôi bỗng nhiên phát quyết tâm tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đã từ lâu ghi sâu trong tâm trí của chúng tôi để tiến đến việc xây dựng Đàn tràng Lăng Nghiêm. Thật vậy, chúng ta đang ở vào thời kỳ mạt pháp, tại sao chúng ta không thực hành những gì Đức Phật dạy để áp dụng tu tập vào thời mạt pháp để được hữu hiệu hơn?

Trước khi xây dựng Đàn tràng, Đức Phật dạy: “Nếu ở đời mạt pháp, có người muốn ngồi đàn tràng tu hành, trước hãy giữ Cấm Giới Tỳ Kheo trong sạch... Sau khi Giới được thành tựu, mặc áo mới, sạch, đốt hương, ở chỗ vắng mà trì tụng Chơn Ngôn (Thần Chú) nói ra từ Tâm Phật này, một trăm lẻ tám biến. Sau đó kiết giới, **dựng lập đàn tràng, cầu xin Chư Vô Thượng Như Lai mười phương hiện trụ các quốc độ** phóng quang Đại Bi đến rọi đỉnh đầu.”

Đây là điều kiện đầu tiên để tiến đến việc xây dựng Đàn tràng.

---

<sup>4</sup>Quý vi dịch kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm dùng chữ “đạo tràng” để chỉ nơi tu tập nói chung. Với đạo tràng Lăng Nghiêm, chúng tôi dùng chữ “đàn tràng Lăng Nghiêm” để phân biệt tính cách sử dụng đặc biệt của đàn tràng để được sự gia hộ ngay trực tiếp (vua Việt Nam lập đàn tràng để cầu Thượng Đế, Trí Giả Đại sư lập đàn tràng để cầu xin Kinh Lăng Nghiêm vào Trung Quốc, Khổng Minh thời Tam Quốc bên Tàu đã nhiều lần lập đàn tràng để cầu gió Đông, cầu sống lâu ...)

## 2. Giai đoạn giải quyết các điều kiện xây dựng Đền tràng Lăng Nghiêm

### 2.1 Xây nền: Giải mã đầu tiên

Đề xây đền tràng Đức Phật dạy: “Người đời mặt pháp, nguyện lập đền tràng, trước hết kiếm con trâu trắng sức mạnh ở núi Tuyết Sơn, sống bằng cỏ thơm non mượt, loài trâu trắng này chỉ uống nước trong của núi Tuyết Sơn, phân rất nhuyễn mịn. Nên lấy phân đó hòa trộn với bột hương Chiên Đàn để tráng nền đất. Nếu không phải là loài trâu trắng ở Tuyết Sơn thì **phân hôi bẩn, không thể tráng nền**. Riêng ở đồng bằng, có thể đào bỏ lớp đất trên mặt, lấy đất sét vàng từ năm thước trở xuống rồi hòa trộn với hương Chiên Đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, can tùng và kê thiết. Mười thứ ấy rây nghiền thành bột, trộn với đất sét để làm nền đền tràng, mỗi bề một trượng sáu, thành cái đền bát giác.”

Để xây Đền tràng, việc đầu tiên là xây nền. Nếu xây dựng Đền tràng đòi hỏi vị Tỳ kheo phải giữ Giới hạnh trong sạch, thì vật liệu cũng phải tinh khiết. Thời kỳ Đức Phật tại thế, người Ấn Độ xây nền bằng phân trâu/bò trộn với đất. Muốn có loại phân tinh khiết, chúng ta phải lên Hy mã Lạp sơn tìm phân của con trâu Yak để làm nền. Ngày nay, chúng ta làm nền bằng xi-măng (cement,) sắt (rebar,) lót gỗ, nệm... Những vật liệu này đều tinh khiết. Do đó, chúng tôi thấy không có trở ngại gì trong tiêu chuẩn làm nền của đền tràng. Chúng tôi gọi việc này là “giải mã” (giải ý nghĩa mật) vì chúng ta thường nghĩ rằng làm thế nào có thể có được phân trâu trắng trên Hy mã Lạp sơn đủ để làm nền Đền tràng.

### 2.2 Tụng Chơn Ngôn: Giải mã thứ hai

Kinh ghi “Trong bảy ngày đầu, chí thành đánh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, Chư Đại Bồ Tát, Chư A La Hán.



Thường trong sáu thời đi quanh đàn tụng Chơn Ngôn, hết lòng hành Đạo, **mỗi thời trì một trăm lễ tám biến.**

Chơn Ngôn **Tát Đát Đa Bát Đát Ra** (Chú Lăng Nghiêm) đầy đủ gồm năm phần (ngũ đệ.) Thời gian trung bình (không quá nhanh hay chậm) để tụng một biến (ngũ đệ) Chơn Ngôn Lăng Nghiêm khoảng mười phút. Dầu chúng ta định nghĩa một thời là hai giờ hay bốn giờ, chúng ta cũng không thể nào tụng đủ một trăm lễ tám biến trong một thời. Vậy chúng ta làm sao đây?

Chúng ta hãy đọc đoạn: “Đức Thế Tôn từ đánh phóng ra hào quang trăm báu, trong hào quang phóng ra hoa sen báu ngàn cánh, có **Hóa Thân Như Lai** ngồi trong hoa sen, đánh phóng mười đạo hào quang trăm báu, mỗi mỗi hào quang đều thị hiện khắp mười hằng hà sa **Kim Cang Mật Tích** đỡ núi, cầm chữ khắp cõi hư không. Tứ chúng ngược trông, sợ mừng hòa lẫn, xin Phật thương che, nhất tâm lắng nghe Như Lai Vô Kiến Đánh Tướng phóng quang Phật tuyên thuyết Thân Chú.”...

Kinh : “Anan, đây là **Phật Đảnh Quang Tụ Tát Đát Đa Bát Đát Ra** (SITATAPATRA), bí mật Già Đà, vi diệu chương cú, xuất sanh tất cả mười phương Chư Phật. Mười phương Như Lai nhân Chú Tâm này đắc thành Vô thượng Chánh Biến Tri Giác.

Từ đầu của Chơn Ngôn cho đến trước chữ “Úm!” (hay “Án!”) là phần đảnh lễ Chư Bồ Tát Kim Cang Mật Tích. Quý vị này từ Hóa Thân Như Lai phóng ra. Vậy chúng ta có thể đảnh lễ ngay nơi gốc là Hóa Thân Như Lai bằng câu: “**Nam Mô Phật Đảnh Quang Tụ Bạt Già Phạm.**” Sau đó, từ chữ Úm! đến hết thực sự là Chơn Ngôn thay thế bằng “**Tát Đát Đa Bát Đát Ra.**” Do đó, chúng ta thay thế tụng toàn bộ Chơn Ngôn bằng cách tụng: “**Nam Mô Phật Đảnh Quang Tụ Bạt Già Phạm Tát Đát Đa Bát Đát Ra. Úm! A na lệ,**

**tỳ xá đề bệ ra bạt xà ra đà rị bàn đà nễ bạt xà ra bàn ni phần hổ hồng đô lô ung phần ta bà ha!”**

Với cách tụng này chúng ta có thể giải quyết được việc tụng một trăm lễ tám biến Chơn Ngôn trong vòng một canh giờ không có gì khó khăn.

### 2.3 Sương tháng Tám: Giải mã thứ ba

Kinh ghi: “Trung tâm đàn đặt một cái bát, trong bát đựng nước sương móc tháng Tám.” Nếu chúng ta đã đi thăm viếng nước Ấn Độ, chúng ta thấy có rất nhiều hoa sen. Vào tháng Tám, sương đọng trên các lá sen rất nhiều, và chúng ta có thể lấy sương từ đó. Sương đó tinh khiết không như nước ở ao hồ, nước mưa hứng qua mái nhà. Ngày nay, cách lọc hay cất nước ( đun nước bốc hơi, cho ngưng tụ bằng cách làm lạnh) thật là tinh khiết, mưa đâu cũng có.

Tuy nhiên, thay vào để bát nước ở trung tâm đàn tràng, chúng tôi khởi niệm đặt tượng của Đức Phật Thích Ca thay thế vào với lý do là Đàn tràng này do Ngài chỉ dạy, tại sao chúng ta không đặt tượng của Ngài ở chính giữa đàn tràng. Nhân duyên đưa đến sự thay thế này về sau được kiểm chứng là “được” vì khi nhập Đàn tràng tu tập, Phật tử nhiều chung quanh tượng, một số Phật tử hữu duyên thấy tia sáng phát ra từ tượng Ngài chiếu vào Phật tử.

Giải mã được ba phần này là quan trọng. Các phần khác chúng ta cứ theo sự chỉ dạy trong kinh mà trang trí hình tượng Chư Phật, Chư Bồ Tát ... tùy theo khả năng có được.

### 3. Xây dựng Đàn tràng đầu tiên

Sau khi giải mã những phần khó thực hiện, chúng tôi xây dựng một Đàn tràng nhỏ để chính mình thực hành kiểm chứng. Dĩ nhiên, chúng tôi phải tham khảo các kinh, luật, để soạn hai phần dẫn lễ và phát nguyện như trong Kinh

ĐPĐTLN nêu ra. Chúng tôi không dám trình bày nơi đây những sự trải nghiệm trong khi nhập Đàn tràng, chỉ xin ghi rằng những gì Đức Phật nói trong kinh đều có xảy ra. Chúng tôi đã chấm dứt nhập Đàn tràng vào ngày chót bằng những giọt nước mắt sung sướng và biết ơn sâu xa đến Đức Bổ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy dỗ cho chúng sanh con đường ra khỏi sanh tử luân hồi trong thời mạt pháp qua pháp tu nhập Đàn tràng Lăng Nghiêm.

Lời Đức Phật dạy là dành cho tứ chúng chứ đâu phải cho Tăng/Ni mà thôi. Vì vậy chúng tôi quyết định tạo điều kiện xây dựng đàn tràng dành cho tứ chúng.

#### **4. Đàn tràng cho tứ chúng**

Chúng tôi rất thận trọng trong sự phát triển xây dựng Đàn tràng cho tứ chúng tu tập với lý do rất đơn giản: căn cơ của tứ chúng khác nhau, trải nghiệm về tu tập Đàn tràng Lăng Nghiêm của chúng tôi quá ít ỏi, nếu có những Phật tử căn cơ cao và trong lúc đó trải nghiệm của chúng tôi quá hẹp hòi, nếu trường hợp này xảy ra thì sao? Tuy nhiên, tin tưởng vào sự gia hộ của Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Long Thần Hộ Pháp Bồ Tát Ma Ha Tát, chúng tôi dự trù mở Đàn tràng Lăng Nghiêm tại Tiểu Bang Kentucky, nơi một ngôi Chùa nằm trên đồi núi nhìn xuống dòng sông Ohio.

Chúng tôi đến ngôi Chùa này để giảng Phật Pháp. Vị trụ trì Chùa đã di chuyển đi nơi khác. Chùa có một trụ cement đường kính khoảng bốn feet, cao sáu feet, do vị trụ trì trước xây dựng nhằm làm Chùa một cột. Chúng tôi muốn xây Đàn tràng Lăng Nghiêm khung bằng sắt lên trên trụ cement này. Vật liệu rẻ, Phật tử có nghề hàn tinh nguyện xây dựng. Tuy nhiên, duyên chưa đủ nên vị chủ Chùa cứ lần lượt kéo dài không tiến hành.

Lần thứ hai, chúng tôi được một vị trụ trì giới thiệu một Phật tử ở Tennessee sẵn sàng cho xây cất Đàn tràng tại khu đất

Phật tử này mua để khi về già về đó tu tập. Khu này là đồi núi trông rất đẹp lại yên tĩnh rộng hơn mười mẫu đất. Chúng tôi cùng vị trụ trì này và một ít Phật tử lên nơi đó cắm cọc chuẩn bị xây cất với kinh phí Phật tử này đài thọ luôn. Nhưng duyên lại chưa đủ nên việc xây cất lại bị đình chỉ.

Phải đợi đến năm 2004, Phật tử Texas thấy tuổi chúng tôi đã già mới mời chúng tôi về một chỗ có chiếc mobile home (chúng tôi gọi là Cốc thay vì Chùa) để chúng tôi khỏi phải đi đây đi đó nữa, đồng thời giúp Phật tử tu tập. Nơi đây, cũng có vài trở ngại nơi thợ xây cất, nhưng chúng tôi đã xây dựng được một Đàn tràng Lăng Nghiêm đầu tiên, khoảng cách giữa hai cạnh đối diện là mười sáu feet cho tứ chúng tu tập vào năm 2008.

Vì số lượng Phật tử xin gia nhập Đàn tràng tu tập gia tăng, năm 2011 Phật tử tại đây lại xây dựng một ngôi Chùa (Chùa Phật Quốc Thanh Tịnh Tâm) cách cái Cốc này một giờ lái xe, nơi đó, chúng tôi xây dựng một Đàn tràng Lăng Nghiêm thứ hai lớn hơn, khoảng cách giữa hai cạnh đối diện là hai mươi bốn feet. Ngoài Phật tử tại Hoa kỳ, còn có một số Phật tử Úc và Gia Nã Đại (Canada) đến tham gia.

Chúng tôi cùng Phật tử có duyên với Đàn tràng Lăng Nghiêm đã giúp xây dựng một Đàn tràng Lăng Nghiêm thứ ba cho một gia đình Phật tử tại California, trong khuôn viên nhà của gia đình Phật tử này. Khoảng cách từ cạnh này qua cạnh kia chỉ có mười hai feet. Dù vậy khóa tu đầu tiên vào năm 2015 cũng có được mười một Phật tử tham dự trong hai tuần. Sở dĩ chỉ mở khóa hai tuần (mỗi ngày thêm một thời) vì đa số Phật tử không có ngày nghỉ phép đủ ba tuần. Kết quả vẫn khả quan.

Và cũng trong năm 2015, chúng tôi cùng Phật tử đã xây dựng được một Chùa nhỏ tại Florida (Chùa Vô Trụ Thanh Tịnh Tâm.) Đàn tràng Lăng Nghiêm thứ tư này dành cho

Tăng/Ni thuộc hệ thống Thanh Tịnh Tâm của chúng tôi là chính, nếu còn chỗ, Cư sĩ cũng có thể vào tu tập không phân biệt.

Chúng tôi chỉ có vài lời ngắn gọn ghi trên, mong rằng sẽ gây cảm ứng tốt cho những Phật tử tại gia hoặc xuất gia muốn tu tập trong Đàn Tràng Lăng Nghiêm để chúng ta giữ gìn Kinh Lăng Nghiêm nói riêng và Phật Pháp nói chung trường tồn. Ngoài ra, nếu có Chùa, hay nhóm Phật tử nào muốn xây dựng Đàn Tràng riêng, xin vui lòng liên lạc với chúng tôi, chúng tôi sẵn sàng cố vấn cho việc xây dựng và chia xẻ kinh nghiệm xây dựng và tu tập trong Đàn Tràng.



## Ghi Chú:

Kinh ghi tóm tắt ba tuần lễ tu tập trong Đàn tràng như sau:

“**Trong bảy ngày đầu**, chí thành đánh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, Chư Đại Bồ Tát, Chư A La Hán. Thường trong sáu thời đi quanh đàn tụng Chú, hết lòng hành Đạo, mỗi thời trì một trăm lễ tám biến.

“**Trong bảy ngày thứ hai**, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát, tâm không gián đoạn. Trong Luật Tạng của Ta đã có chỉ dạy về nguyện.

“**Trong bảy ngày thứ ba**, trong cả mười hai thời<sup>5</sup>, một bề trì Chú Tát Đát Đa Bát Đát Ra của Phật. Cho đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện chỗ ánh sáng của gương giao nhau, được Phật xoa đánh; bèn ở nơi đạo tràng tu Tam Ma Địa, có thể khiến cho hạng tu học đời mặt pháp thân tâm sáng sạch như ngọc lưu ly<sup>6</sup>.

“Sau hai mươi một ngày, ngồi nghiêm chỉnh an cư [Thiền định.] Trải qua **một trăm ngày**, những người có lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi mà đắc quả Tu Đà Hoàn. Dầu cho thân tâm thánh quả chưa thành, vẫn quyết định tự biết thành Phật không sai lầm.

## Mô Phật

### Sa Môn Di Tùng

---

<sup>5</sup> Ở phần trên Đức Phật dạy trong suốt ba lần hai mươi một ngày, **mỗi ngày sáu thời**, nay ghi bảy ngày sau cùng mỗi ngày mười hai thời, phải chăng có sự sai biệt? Đối với chúng tôi việc này không quan trọng bởi vì chúng tôi đã trải nghiệm phương thức hai tuần và mỗi ngày trong hai tuần đó thực hành bảy thời có hiệu quả.

<sup>6</sup> Câu này có nghĩa là: Tập khí ô nhiễm lâu đời được tẩy sạch.

# KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH THỦ LĂNG NGHIÊM (TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)

Tên đầy đủ của Kinh: **Đại Phật Đảnh, Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liễu Nghĩa, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm.**

Giải nghĩa:

**Đại Phật Đảnh:** Kinh này Đức Phật dạy thẳng vào Chơn Tâm, ý nghĩa rất thâm sâu chỉ có chư Phật mới thâm nhập được, ngay cả quý ngài Bồ tát cũng không ngộ nhập được, nên dùng chữ “Vô kiến đảnh tướng” của Phật và thêm chữ Đại để nói lên Chơn Tâm bao trùm tất cả mười phương Pháp giới.

**Như Lai Mật Nhân:** Nếu chúng ta y theo Chơn Tâm này làm nhân địa tu hành, sẽ được thành Phật.

**Tu Chứng Liễu Nghĩa:** Nếu chúng ta y theo Chơn Tâm mà tu sẽ chứng chỗ rốt ráo, nên gọi là “tu chứng liễu nghĩa.”

**Chư Bồ Tát Vạn Hạnh:** Nếu chúng ta y theo Chơn Tâm này mà thực hành lục độ<sup>7</sup> muôn hạnh của Bồ tát, thì chính là đã thực hành “chư Bồ tát vạn hạnh.”

**Thủ Lăng Nghiêm:** “Thủ Lăng Nghiêm,” Tàu dịch là “**Đại định kiên cố.**” Chữ Đại để chỉ cho cái Bản thể Chơn Tâm sẵn có của tất cả chúng sanh và chư Phật, nó bao trùm khắp cả mười phương Pháp giới. Thể tánh ấy thường tịch tịnh không vọng động nên gọi rằng “Định.” Không bị thời gian thay đổi, hay không gian chuyển dời, không tăng không giảm, nên gọi rằng “Kiên cố.”

---

<sup>7</sup> Lục độ: Nói đầy đủ là “lục độ ba la mật” sáu pháp tu đưa đến bờ giải thoát: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ.

**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH THỦ LĂNG NGHIÊM**  
**(TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)**





# Quyển I

## Phần 1

Kinh này bắt đầu bằng câu “**tôi nghe như vậy.**”<sup>8</sup> Kinh do Đức Phật dạy tại Tịnh Xá Kỳ Hoàn, thành Thất La Phiệt. Pháp hội gồm Đức Phật, các vị Tỳ Kheo, các vị Bồ Tát từ mười phương đến, và Phật tử tham dự.<sup>9</sup>

### Duyên khởi của kinh:

Vua Ba Tư Nặc mở tiệc chay cúng dường Đức Phật. Trong thành, các trưởng giả, cư sĩ cúng dường trai tăng. Duy chỉ có ngài Anan trước đã nhận lời mời riêng, nên đi khát thực một mình trong thành. Lúc ấy, khi đi ngang qua nhà người dâm nữ Ma Đăng Già, ngài bị phép huyền thuật của cô ta mê hoặc, bắt vào phòng riêng khiến ngài gần phạm giới. Đức Phật biết được, ngài phóng quang nói Thần Chú Lăng Nghiêm rồi bảo ngài Văn Thù Sư Lợi đem Thần Chú đó đến giúp tiêu diệt tà chú của Ma Đăng Già và đưa ngài Anan cùng Ma Đăng Già về chỗ của Phật.

Về đến Tịnh Xá, ngài Anan buồn khóc lạy Phật tha thiết xin Phật chỉ dạy những pháp Xa Ma Tha (Chi,) Tam Ma<sup>10</sup> (Quán,) và Thiên Na (gồm Chi và Quán.)

*(Lưu ý: Phần duyên khởi này rất quan trọng. Vì sao? Chính duyên khởi này đưa đến việc Đức Phật khai thị phần Mật*

---

<sup>8</sup> Đức Phật dặn ngài Anan phải dùng câu “tôi nghe như vậy” trước khi kể lại lời dạy của Đức Phật trong Pháp hội, để tránh tứ chúng hiểu lầm lời dạy này là của ngài Anan.

<sup>9</sup> Kinh Phật thường ghi rõ Pháp hội xảy ra tại nơi nào, và có những ai tham dự ...

<sup>10</sup> Tam Ma: Để nói Pháp Quán tưởng, tiếng Phạn thường dùng chữ Vipassana phiên âm là Tỳ Bà Xá Na! Một vài chỗ trong kinh dùng danh từ này.

giáo, phóng quang đọc Thần Chú “**Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra**” thường được gọi là Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm để chỉ dẫn Phật tử, vào thời Mạt Pháp, xây dựng đàn tràng tu tập như ngài đã dạy rõ trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm.)

## Phần 2

(*Lưu ý: Nên đọc qua tất cả nội dung của kinh để hiểu, nhưng phải ghi nhớ những nội dung được in đậm để thực hành*)

### Chỉ bày Chơn Tâm

Đức Phật bảo ngài Anan:”Ông với Ta đồng phái, tình như anh em ruột. Vậy, khi ông mới phát tâm xuất gia, ở trong Phật Pháp, **thấy**<sup>11</sup> tướng tốt gì của ta mà bỏ được những ân ái sâu nặng của thế gian?”

Ngài Anan bạch Phật:” Con thấy ba mươi hai tướng tốt của Như Lai<sup>12</sup> nên con khao khát ngưỡng mộ mà xuất gia.”

Đức Phật dạy:”Lành thay Anan! Ông phải biết: “Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sống chết nối nhau đều do **không biết cái Chơn Tâm Thường Trụ, Thể Tánh vốn trong sạch, sáng suốt mà lại dùng các Vọng Tưởng chằng**

---

<sup>11</sup> Phật chọn căn mắt (một trong sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) để giảng dạy về Tâm.

<sup>12</sup> Như Lai là một trong mười danh hiệu của Đức Phật gồm: Như Lai (thường trụ, không từ đâu đến, cũng không đi về đâu,) Ứng Cúng (người đáng được cúng dường,) Chánh Biến Tri (người hiểu biết đúng tất cả Pháp,) Minh Hạnh Túc (người có đủ Trí Huệ và đức hạnh,) Thiện Thệ (người đã đi một cách tốt đẹp,) Thế Gian Giải (người đã thấu hiểu thế giới,) Vô Thượng Sĩ (đáng tối cao không ai vượt qua,) Điều Ngự Trượng Phu (người đã chế ngự được bản ngã và nhân loại,) Thiên Nhơn Sư (bậc thầy của cõi trời và cõi người,) Phật Thế Tôn (bậc giác ngộ được các cõi tôn kính.)

**chân thật** nên mới có sự chuyển động trôi lăn.<sup>13</sup> Nay ông muốn học đạo Bồ Đề Vô Thượng thì phải lấy Tâm Ngay Thăng mà trả lời chỗ Ta hỏi không có quanh co.”

“Anan! Nay Ta hỏi ông:” Khi ông do ba mươi hai tướng tốt của Như Lai mà phát tâm thì ông lấy cái gì mà thấy và lấy cái gì mà ưa thích?”

Ngài Anan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn: con do mắt thấy tướng tốt của Như Lai tâm sanh ra ưa thích, nên con phát nguyện lìa bỏ sanh tử.”

### **Đức Phật bảy lần phá cái chấp của ngài Anan về nơi trú của Tâm**

*(Lưu ý: Bảy lần chấp Tâm của ngài Anan, đọc nhưng không cần phải nhớ.)*

Đức Phật bảo: “Nay Ta hỏi ông Tâm và mắt ấy hiện nay ở chỗ nào?”

#### **1. Chấp Tâm ở trong thân**

Ngài Anan bạch Phật: “Con mắt của con ở trên mặt con, còn cái Tâm Thức hay biết ở trong thân con.”

Đức Phật bảo: “Nếu cái Tâm hiểu biết ở trong thân thì sao nó không thấy được tim, gan, phổi, bao tử ... Đã không biết bên trong làm sao biết được bên ngoài.”

#### **2. Chấp Tâm ở ngoài thân**

Ngài Anan bạch Phật: “Như vậy Tâm con thật ở ngoài thân, ví như ngọn đèn đặt ở ngoài phòng không thấy vật trong phòng nhưng thấy vật ở ngoài phòng.”

---

<sup>13</sup> Trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi. Căn bản tu Phật nằm ngay chỗ này có nghĩa là muốn không còn đau khổ, chúng ta phải **“thoát vòng sanh tử luân hồi.”**

Đức Phật bảo: “Nếu Tâm ở ngoài thân thì Tâm và thân khác nhau, chẳng dính líu gì với nhau. Vậy thì cái gì Tâm biết thì thân không thể biết, còn cái gì thân biết thì Tâm không thể biết. Còn nếu Tâm và thân cùng hay biết thì làm sao Tâm lại ở ngoài thân?”

### **3. Cháp Tâm núp sau con mắt**

Ngài Anan bạch Phật: “Như vậy, cái Tâm con núp sau con mắt. Ví dụ như có người lấy chén lưu ly trong suốt úp vào đôi mắt, Tâm ở nơi mắt nên không thấy ở trong, nhưng vẫn thấy bên ngoài qua cái chén, nên con nói Tâm núp sau con mắt.”

Đức Phật bảo: “Nếu Tâm núp sau con mắt, sao Tâm không thấy con mắt?”

### **4. Cháp nhắm mắt thấy tối là thấy bên trong thân**

Ngài Anan bạch Phật: “Mở mắt thấy sáng gọi là thấy bên ngoài; nhắm mắt thấy tối là thấy bên trong. Nghĩa ấy như thế nào?”

Đức Phật bảo: “Nếu mắt thấy tối thì cái tối ở trước mắt sao lại ở trong thân? Còn nếu cái tối đó ở trong thân thì khi ở trong phòng tối không có ánh sáng thì cái gì ở trong nhà tối đó là tạng phủ của ông sao? Vậy ông nói thấy tối gọi là thấy bên trong thân, thật không có lẽ đó.”

### **5. Cháp Tâm hợp chỗ nào thì liền có ở chỗ đó**

Ngài Anan bạch Phật: “Con thường nghe Phật dạy rằng: “Do Tâm sanh nên các Pháp sanh. Nay con nghĩ rằng cái Thể biết suy nghĩ đó mới thật là Tâm của con, hễ hợp với chỗ nào thì Tâm liền hiện chỗ đó, chứ không phải ở trong, ở ngoài hay ở chặng giữa.”

Đức Phật bảo ngài Anan: “Cái Tâm ấy nếu không có tự Thể thì không thể hợp được, còn nếu không có tự Thể mà hợp

được thì giới thứ mười chín<sup>14</sup> cùng trần thứ bảy hợp lại được hay sao? Nghĩa ấy không đúng. Còn nếu Tâm ông có tự Thể thì khi ông lấy tay gãi một chi lẽ ra tứ chi<sup>15</sup> đều biết, mà nếu điều biết thì lại không biết gãi chỗ nào, như vậy nói rằng hợp chỗ nào Tâm liền ở chỗ đó, thật không có lẽ ấy.”

## 6. Cháp Tâm ở chặng giữa

Ngài Anan bạch Phật: Khi nói về nghĩa Thật Tướng, Thế Tôn cũng nói rằng: “Tâm không ở trong cũng không ở ngoài” như vậy Tâm chắc phải ở chặng giữa?”

Đức Phật bảo ngài Anan: Theo ông cái giữa ấy ở chỗ nào, ở nơi cảnh hay ở nơi thân? Nếu nói ở giữa căn và trần sinh ra Nhãn Thức thì Tâm ấy gồm cả hai bên hay không gồm cả hai bên? Nếu gồm cả hai bên thì vật (vô tri) và Tâm Thể (hay biết) xen lộn lẫn nhau lấy cái gì làm cái giữa? Vậy ông nói cái Tâm ở chặng giữa thật không có lẽ đó.”

## 7. Cháp Tâm chặng dính dán vào đầu cả

Ngài Anan bạch Phật: “Trước đây Phật dạy Tâm không ở trong, không ở ngoài, không ở chính giữa, tất cả không dính bám tạm gọi là Tâm, nay con nói không dính bám thì gọi là Tâm.”

Đức Phật bảo ngài Anan: “Các vật tượng trong thế gian như hư không và chúng sanh ông cho là có hay không có, nếu không có tướng tức là không, chẳng lẽ không lại có tướng. Có tướng thì có chỗ ở, làm sao lại cho là không dính bám được? Vậy, nên biết rằng cái không dính bám vào đầu cả chính là Tâm hiểu biết thật không có lẽ đó.”

---

<sup>14</sup> Sáu căn, sáu trần, sáu thức cộng lại gọi là mười tám giới. Nay nói giới thứ mười chín nghĩa là không có. Trần chỉ có sáu, nay nói trần thứ bảy cũng nghĩa là không có. Cho nên, Đức Phật hỏi hai cái không có hợp lại được hay sao?

<sup>15</sup> Tứ chi là hai tay và hai chân. Khi nói “một chi” có nghĩa là nói một tay hay một chân nào đó.

## Phần 3

### Đức Phật chỉ rõ Tánh Thấy

Lúc bấy giờ, từ gương mặt, Đức Phật phóng ra các hào quang báu, ánh sáng rực rỡ như mặt trời chiếu sáng khắp thế giới của Chư Phật, sáu thứ chấn động<sup>16</sup>, các cõi nước nhiều như vi trần trong mười phương hiện ra cùng một lúc. Trong các thế giới này, tất cả các vị Bồ Tát hiện có mặt đều an trụ ở nước mình cung kính chấp tay nghe lời Phật dạy.

### Hai thứ căn bản

*(Lưu ý: Hai thứ căn bản này phải ghi nhớ)*

Đức Phật bảo ngài Anan: “Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay, do không biết hai loại căn bản lầm lẫn tu tập, cũng như nấu cát mà muốn thành món ngon, dầu trải qua số kiếp nhiều như bụi, rốt cũng chẳng được. Thế nào là hai loại căn bản? Anan! Một là: **Cội gốc của Sanh Tử từ vô thủy**<sup>17</sup>. Tức là ông hiện giờ và các chúng sanh dùng cái **Tâm bám níu theo duyên**<sup>18</sup> mà làm Tự Tánh<sup>19</sup>.” Hai là: **Cái Thể Bản**

---

<sup>16</sup> Sáu cách rung động trên mặt đất bao gồm:

1. Động: Động tức là động cựa
2. Khởi: Khởi tức là vùng dậy.
3. Dông: Dông tức là phun ra
4. Chấn: Chấn tức là vang dội
5. Hồng: Hồng tức là gào lên
6. Kích: Kích tức là đánh ra

Ba thứ chấn động trước gọi là biến hóa của hình thể, ba thứ chấn động sau gọi là sự biến hóa của âm thanh. Ấy là sáu thứ chấn động nơi địa cầu, chứng minh cho một đại sự, như khi Phật thành đạo.

<sup>17</sup> Cội gốc của Sanh Tử từ vô thủy là “**Căn bản vô minh**”

<sup>18</sup> Cái Tâm bám níu theo duyên là “**Vọng Tâm**.”

**Lai Thanh Tịnh Bồ Đề Niết Bàn Vô Thủy**, tức là cái **Chơn Tâm vốn sáng soi của ông bây giờ, hay sanh các duyên**. Ông lại duyên theo các tướng duyên này mà bỏ quên Chơn Tâm. Cho nên tuy trọn ngày sử dụng Nó [Chơn Tâm] mà chẳng tự biết, oan uổng lạc vào sáu nẻo<sup>20</sup>.”

**Nương cái Thấy<sup>21</sup> gạn hỏi cái Tâm**

*(Lưu ý: Đoạn này đọc cho biết, không cần phải nhớ)*

Đức Phật đưa tay và co năm ngón tay lại, hỏi ngài Anan: Ông có thấy không?

Ngài Anan bạch Phật: Dạ có thấy.

Đức Phật bảo: Ông thấy cái gì?

Ngài Anan trả lời: Con thấy Như Lai đưa tay lên rồi co ngón thành nắm tay sáng ngời chói Tâm và Mắt của con.”

Đức Phật hỏi: Ông lấy cái gì mà thấy?”

Ngài Anan trả lời: Con và đạị chúng đều lấy con mắt mà thấy.

Đức Phật bảo ngài Anan: Con mắt ông thì thấy, còn ông lấy cái gì làm Tâm đối với nắm tay chói sáng của Ta?

Ngài Anan bạch Phật: Thưa con lấy cái năng biết suy nghĩ làm Tâm<sup>22</sup>.

Đức Phật bảo: Cái đó chẳng phải là Tâm của ông đâu.

Ngài Anan bạch Phật: Nếu cái ấy không phải là Tâm của con thì gọi là cái gì?

---

<sup>19</sup> Tự Tánh cũng gọi là **Chơn Tâm, Phật Tánh ...**

<sup>20</sup> Sáu nẻo còn gọi là sáu đường: Theo quan niệm về vũ trụ (vũ trụ quan) của Phật giáo, chúng sanh chết và tái sanh vào sáu đường tùy theo nghiệp (hành động) của mình trong kiếp sống trước, còn gọi là “vòng sanh tử luân hồi.” Sáu đường gồm: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A tu la, Người, Trời (Thiên)

<sup>21</sup> Đức Phật dùng cái Thấy (mắt, một trong sáu Căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) để giảng dạy.

<sup>22</sup> Cái năng biết suy nghĩ là Vọng Tâm, trong lúc đó Đức Phật muốn ngài Anan chỉ bày cái Chơn Tâm.

Đức Phật bảo: **Đó là cái Tướng tạo nên các tướng hư vọng của tiền trần<sup>23</sup>, nó làm mê lầm Chơn Tâm của ông.** Do từ vô thủy đến nay, ông nhận tên giặc đó làm con, bèn mất đi cái Vốn Thường Hằng<sup>24</sup> của ông nên phải chịu luân hồi.

Ngài Anan bạch Phật: Từ lâu nay con dùng cái Tâm này, nay Như Lai nói đó không phải là Tâm, như vậy con không có Tâm sao? Kính xin Phật rũ lòng từ bi chỉ bày.

Khi ấy Đức Thế Tôn liền khai thị cho ngài Anan và đại chúng muốn được Vô Sanh Pháp Nhẫn<sup>25</sup>. Ngài nói: Như Lai thường nói **các Pháp<sup>26</sup> sanh ra đều do Tâm hiện.** Hãy phân biệt, **nếu rời cái tiền trần mà có cái phân biệt (cái biết nói chung) thì đó mới là Chơn Tâm** của ông; còn nếu rời tiền trần mà không có cái phân biệt (**cái biết**) thì đó chỉ là sự phân biệt bóng dáng tiền trần (Vọng Tâm) mà thôi không thể chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn.

### **Tánh Thấy không phải là con mắt**

Phật bảo ngài Anan: Hết thấy những người tu học trong thế gian hiện tuy thành được chín bậc định<sup>27</sup> thứ lớp mà chẳng được hết lậu để thành A la hán, đều do **chấp lấy cái vọng tưởng sanh tử này mà làm cho là chân thật.** Thế nên, ông nay tuy được đa văn mà không thành Quả Thánh.

Ngài Anan khóc than và biết rằng **nếu có đa văn mà chẳng tu hành thì chẳng khác gì chưa từng được nghe đạo, như người chỉ nói chuyện ăn rất cuộc chẳng được no.**

Liên khi ấy, Như Lai từ chũ Vạn ở ngực phóng ra ánh sáng báu, chiếu khắp tất cả thế giới của Chư Phật mười phương như số vi trần. Hào quang rưới khắp Đánh các Đức Như Lai

---

<sup>23</sup> Tất cả những gì là đối tượng của sáu căn thì được gọi là “tiền trần.”

<sup>24</sup> Cái “Vốn Thường Hằng” chỉ cho Chơn Tâm.

<sup>25</sup> Vô Sanh Pháp Nhẫn là quả vị không còn tái sanh nữa.

<sup>26</sup> Các Pháp ở đây có nghĩa là tất cả núi sông, đất đai, chúng sanh...

<sup>27</sup> Chín bậc định gồm: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ. Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Diệt Thọ Tướng Định (cũng còn gọi là Diệt Tận Định.)



của mười phương cõi báu, rồi xoay về chiếu sáng đến ngài Anan và đại chúng.

Phật hỏi ngài Anan: Nếu không có bàn tay Ta thì không có nắm tay của Ta và nếu không có con mắt của ông thì không thành cái thấy của ông. Vậy thì lấy nhãn căn (con mắt) của ông mà so với nắm tay của Ta, cái nghĩa có tương xứng không?

Ngài Anan bạch Phật: Bạch Phật có nghĩa giống nhau.

Đức Phật bảo: Ông nói giống nhau nghĩa không đúng. Người không có bàn tay thì không có nắm tay, nhưng người mù vẫn thấy tối đen, tiền trần tối đen chứ cái thấy nào có hao kém gì?

Ngài Anan thưa: Trước mắt người mù thấy đen sao gọi là thấy được?

Đức Phật bảo ngài Anan: Người mù không có con mắt chỉ thấy tối đen, so với người có mắt trong nhà tối thì hai cái tối đen ấy không giống nhau. Vì nếu người mù mắt được sáng lại thì người ta bảo mắt người ấy thấy mọi sự vật. Trong lúc đó, nếu người ở trong phòng tối bỗng có đèn đốt sáng lên liền thấy mọi vật, lẽ ra phải nói cái đèn tự nó thấy, nhưng cái đèn đâu có tự thấy được. Đèn chỉ làm sáng các hình sắc và mắt thấy chứ không phải đèn. **Mắt làm sáng tỏ các sắc nhưng Tánh Thấy là Tâm chứ chẳng phải mắt.**

### **Ý nghĩa chủ và khách**

*(Lưu ý: Phần này đọc để hiểu, không có gì khó khăn)*

Ngài Kiều Trần Như bạch Phật: Con nghĩ như vậy: Không ở yên mãi thì gọi là Khách, còn ở mãi là Chủ, giống như người khách đi đường vào nghỉ nơi quán trọ, sau đó lại đi, còn người chủ quán trọ thì chẳng đi đâu cả. Lại nữa, ánh sáng mặt trời qua khe hở chiếu rõ bụi trần dao động trong hư không lặng yên. Như vậy, lay động gọi là trần, đứng lặng là hư không.

Đức Phật bảo: Đúng vậy!

Khi ấy Đức Như Lai co năm ngón tay lại, rồi mở ra, và hỏi ngài Anan rằng ông thấy gì?

Ngài Anan đáp: Con thấy bàn tay của Như Lai lúc nắm, lúc mở.

Đức Phật bảo ngài Anan: Ông thấy tay Ta khi nắm, khi mở, đó là tay Ta có mở có nắm hay là cái Thấy của ông có mở có nắm?

Ngài Anan thưa: Bàn tay của Phật có nắm có mở, chẳng phải cái Tánh Thấy của con có mở có nắm.

Đức Phật hỏi: Cái gì Động, cái gì Tĩnh?

Ngài Anan thưa: Bàn tay của Phật không ở yên (Động) còn Tánh Thấy của con còn không có Tĩnh, lấy gì gọi là không ở yên được.

Phật dạy: Đúng thế!

Khi ấy, từ trong bàn tay Phật phát ra một đạo hào quang chiếu qua bên phải ngài Anan, ngài Anan liền quay đầu trông qua bên phải; Phật lại phóng quang qua bên tay trái ngài Anan, ngài Anan lại quay đầu trông qua bên trái.

Đức Phật bảo: Hôm nay vì sao đầu ông dao động?

Ngài Anan bạch Phật: Con thấy hào quang của Phật chiếu qua bên phải rồi lại qua bên trái, nên đầu con tự dao động.

Đức Phật hỏi: Như vậy, đầu ông động hay cái Thấy của ông động?

Ngài Anan bạch Phật: Thưa Thế Tôn, đầu con động chứ Tánh Thấy của con thì dừng đứng còn chẳng có, lấy gì mà dao động.

Đức Phật dạy: Đúng thế!

Lúc bấy giờ Như Lai bảo cùng tất cả đại chúng: Các chúng sanh lấy cái dao động mà gọi là Trần, lấy cái không ở yên gọi là Khách, các ông hãy xem ông Anan đầu tự dao động mà cái Thấy không có chỗ động. Bàn tay của Ta có khi nắm khi mở mà cái Thấy không duỗi không co. **Có sao các ông hiện nay lại lấy cái động làm Thân, làm Cảnh, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt. bỏ mất Chân Tánh, làm việc điên đảo, mất chỗ Chân Thật, nhận vật làm mình, luân hồi trong ấy, tự mình chọn lấy sự trôi nổi đổi thay?**

## Quyển II

### Phần 4

#### **Chỉ Tánh Thấy không sanh diệt**

*(Lưu ý: Phần này đọc để hiểu, không có gì khó khăn)*

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc đứng lên bạch Phật: Kính xin Phật chỉ rõ làm thế nào chứng biết chỗ Chẳng Sanh Diệt của Tâm này.

Phật hỏi: Đại Vương! Thân ông hiện nay có giống đờc như kim cang còn hoài chẳng hoại, hay lại biến đổi và tan rã?

“Bạch Thế Tôn! Cái thân đây của con rốt cuộc rồi cũng thay đổi và tiêu diệt.”

Đức Phật bảo: Đại Vương! Ông chưa từng diệt làm sao lại biết là phải bị diệt?

“Bạch Thế Tôn! Hôi còn bé nhỏ, da con mịn màng, đến lúc này tóc bạc da nhăn, sống chẳng còn bao lâu.”

Đức Phật bảo: Đại Vương! Ông thấy thân ông biến đổi không ngừng, rõ là phải diệt. Vậy, ông có biết trong thân ông có cái gì không diệt không?

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật: Con thật không biết.

Đức Phật dạy: Nay Ta sẽ chỉ cho ông rõ cái Tánh Không Sanh Diệt. Đại Vương! Ông năm mấy tuổi thì thấy sông Hằng?

Vua bạch: Khi còn lên ba, mẹ con dẫn con đi qua sông Hằng.

Đức Phật bảo: Đại Vương! Như lời ông nói khi ba tuổi ông thấy nước sông Hằng, nay ông đã già thì nước ấy có gì thay đổi không?

Vua bạch: Thừa, cũng như khi lên ba, chẳng khác gì.

Đức Phật bảo: Nay Đại Vương! Mặt ông tuy nhăn, nhưng Tánh của cái Thấy chưa hề bị nhăn. Cái nhăn thì thay đổi, còn cái không bị nhăn thì chẳng thay đổi. Cái thay đổi thì phải diệt, còn cái không thay đổi thì vốn không sanh, không diệt.

## Chỉ chỗ điên đảo

Ngài Anan liền bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Nếu cái Thấy, Nghe này thật không sanh diệt thì tại sao Đức Thế Tôn lại bảo rằng chúng con đều bỏ mất Chân Tánh, làm việc điên đảo, lộn ngược. Cúi xin Phật mở lòng từ bi rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Khi ấy, Đức Như Lai liền duỗi cánh tay, ngón tay chỉ xuống, hỏi ngài Anan: Như nay ông thấy tay của Ta là chánh hay đảo?

Ngài Anan bạch Phật: Chúng sanh thế gian cho là đảo ngược, còn con thì chẳng biết cái nào là chánh, cái nào là đảo.

Đức Phật bảo: Nếu người thế gian cho như thế là đảo ngược, như vậy thế nào là chánh?

Ngài Anan bạch Phật: Đức Như Lai đưa tay chỉ lên là chánh.

Đức Phật bảo: Cánh tay đảo ngược như thế chỉ là đầu đuôi thay đổi lẫn nhau mà thôi. Nay lấy cái thân ông và Pháp Thân Thanh Tịnh của Như Lai mà so sánh thì thân của Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, còn thân của ông gọi là Tánh Điên Đảo. Tùy ông xét kỹ: Thân ông, thân Phật, cái gọi là điên đảo lộn ngược đó, do ở chỗ nào mà gọi là điên đảo?

Khi ấy, ngài Anan và đại chúng sững sốt nhìn Phật chẳng biết Thân Tâm chỗ nào điên đảo? Đức Phật khởi lòng từ bi, thương xót, phát tiếng hải triều bảo khắp trong hội: Ta thường dạy rằng: Sắc Tâm, các duyên và các Tâm Sở, các Pháp sở duyên đều duy Tâm mà hiện. Thân ông và Tâm (Vọng Tâm) ông đều là những vật hiện ra ở trong cái **Diệu Tâm Mầu Sáng Thuần Chân** (Chơn Tâm.) Tại sao ông bỏ mất cái Tâm mà Tánh nó vốn nhiệm mầu, tròn sáng, quý báu để nhận lấy sự mê lầm trong cái vốn đã Giác ngộ?

**Mê muội (vô minh) thành có Hư Không.** Trong hư không mê muội ấy, kết cái tối ám thành Sắc, Sắc xen lẫn với vọng tưởng ra hình tướng làm Thân. Nhóm các duyên dao động bên trong, giông ruồi theo bên ngoài, rồi lấy cái tướng mù mịt lằng xằng đó làm Tâm. Một phen mê lầm cái tướng ấy

làm Tâm thì đưa tới cái làm là Tâm ở trong sắc thân, mà chẳng biết rằng từ sắc thân cho đến núi sông, hư không, đất đai bên ngoài, hết thấy đều là vật hiện ra trong cái Diệu Minh Chơn Tâm này. [Phần này nói vì vô minh mà sanh ra núi sông, đất đai và chúng sanh ..., khó có thể suy nghĩ được, chúng ta chỉ tin lời Phật dạy rồi tu tập, đến khi thành Phật sẽ biết.]

### Lựa bỏ Tâm phan duyên để chỉ tánh Thấy không trả về đâu

Phật bảo ngài Anan: Nếu các ông còn lấy cái Tâm phan duyên để nghe Pháp thì Pháp đó cũng chỉ là cái sở duyên (được duyên) chứ chẳng phải là Pháp Tánh<sup>28</sup>. Ví như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng cho người kia, mà người kia chỉ nhìn vào ngón tay thì làm sao thấy được cái sáng của mặt trăng? Lại nữa, nếu các ông lấy cái phân biệt pháp âm của Ta mà làm Tâm của ông, thì cái Tâm [phân biệt] ấy phải rời tiếng nói mà vẫn tự nó có tánh phân biệt. Ví như người khách ngủ trọ nơi quán rồi lại đi, trong lúc đó người chủ quán thì chẳng đi đâu cả. Ở đây cũng thế, nếu thật là Tâm của ông thì chẳng đi đâu cả.

Ngài Anan thưa: Nếu Tâm Tánh của con đều mỗi mỗi đều có chỗ trả về, thì cái Diệu Minh Nguyên Tâm mà Như Lai nói đó sao lại không trả về?

Phật bảo ngài Anan: Nay Ta trả cái sáng về cho mặt trời, cái tối trả về cho đêm không trăng, thông suốt trả về cho các cửa, ngăn bít trả về cho tường vách, sắc duyên trả về cho phân biệt, trống rỗng trả về cho hư không, mù mịt trả về cho bụi bặm, trong sáng trả về cho trời tạnh. Tất cả mọi vật gì trong thế gian đều không ra ngoài những loại ấy. Còn cái Thấy của ông thấy tám thứ kia thì ông định trả về đâu? Tám thứ kia có sai biệt, còn Cái Thấy không có sai biệt. Các thứ có thể trả về tất nhiên không phải là ông, còn cái không trả

---

<sup>28</sup> Pháp Tánh thì không có năng (chủ thể) và sở (đối tượng.)

về được, không phải chính ông thì là ai? Thế mới biết rằng **Tâm ông vốn nhiệm màu, sáng sạch, ông tự mê muội bỏ mất Bản Tâm mà chịu luân hồi sanh tử**, thường bị chìm đắm, thế nên Như Lai nói rất đáng thương xót vậy!

### **Lựa riêng trần cảnh để nêu ra Tánh Thấy**

Ngài Anan bạch Phật: Tuy con biết Tánh Thấy không thể trả về đâu, nhưng làm sao biết đó là Chân Tánh của con?

Phật bảo ngài Anan: Anan! Cùng tốt sức Thấy của ông, núi sông, người vật, ... đều là vật chứ không phải là ông. Các vật ấy xa gần tuy sai khác nhau nhưng đồng do cái Thấy trong sạch (Kiến Tinh) của ông trông thấy, thì các vật đó tuy có sai khác mà Tánh Thấy không sai khác. **Cái Tinh Diệu Minh** (trong sáng, màu nhiệm, sáng suốt) **này là Tánh Thấy của ông**. Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, mê mình làm vật, bỏ mất Bản Tâm, bị vật xoay chuyển, cho nên ở trong đó mà thấy lớn, thấy nhỏ. **Nếu có thể chuyển được vật thì đồng với Như Lai, Thân Tâm tròn sáng**. Đó là Đạo Tràng Bất Động, trên đầu một mảy lông, trùm chứa mười phương quốc độ<sup>29</sup>.

### **Phần 5**

#### **Đức Phật nêu ra Tánh Thấy ngoài các nghĩa “Phải” và “Chẳng Phải”**

Ngài Anan bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Nếu cái Thấy đó thật là Diệu Tánh của con, thì cái Chân Tánh hiện đang trước mặt con.

Phật bảo ngài Anan: Nếu cái Thấy đang ở trước mặt ông thì ông hãy lấy tay chỉ rõ đích xác cái gì là cái Thấy?

---

<sup>29</sup> Chơn Tâm bao trùm tất cả, sợi lông rất nhỏ nằm trong Chơn Tâm như vậy là một với Chơn Tâm.

Ngài Anan bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh Văn như chúng con mà cho đến các vị Bồ Tát cũng không thể ở nơi hiện tượng muôn vật mà có thể chỉ ra cái Thấy lia ngoài tất cả vật lại có riêng Tự Tánh.

Đức Phật bảo: Đúng thế! Đúng Thế! Mười phương Như Lai và các Đại Bồ Tát ở trong Tự Trụ Tam Ma Địa<sup>30</sup>, ở trong ấy, cái Thấy và cái được thấy cùng các chỗ Tướng Tướng đều như hoa đóm giữa hư không, vốn không chỗ có cái Thấy cho đến những cái được Thấy, tất cả vốn là Thể Bồ Đề<sup>31</sup> sáng sạch nhiệm màu. Làm sao ở trong đó lại có Phải hay Chẳng Phải<sup>32</sup>?

## Phần 6

### Chỉ thẳng Tánh Thấy

Đức Phật bảo: Anan ông nên biết rằng: Khi thấy sáng, cái Thấy chẳng phải là sáng; khi thấy tối, cái Thấy chẳng phải là tối; khi thấy không, cái thấy chẳng phải là cái không; khi thấy ngăn bít, cái Thấy chẳng phải là ngăn bít. Đây là bốn nghĩa đã thành rồi vậy!

Ông lại nên biết: Khi thấy mà có Tướng Thấy, cái thấy đó chẳng phải là Tánh Thấy. **Cái Thấy mà do lia Tướng Thấy vẫn có, đó mới là Tánh Thấy siêu việt.** [*Câu này phải ghi nhớ trong tim.*]

---

<sup>30</sup> Tam Ma Địa là âm chữ Phạn Samadhi có nghĩa là Chánh Định.

<sup>31</sup> Tất cả vốn Thể Bồ Đề có nghĩa là tất cả đưa về Như Lai Tạng (Chơn Tâm.)

<sup>32</sup> Không còn sự đối đãi, bất nhị (không hai).

## Phần 7

### Chỉ ra cái Vọng Thấy

(*Lưu ý: Phần này cần đọc để hiểu*)

Đức Phật dạy: Này Anan! Tất cả chúng sanh luân hồi trong thế gian đều do hai thứ vọng thấy điên đảo phân biệt ngay nơi Tâm Tánh mà phát sanh, ngay theo nghiệp mà xoay vần. Thế nào là hai thứ vọng thấy? Một là Vọng Thấy Biệt Nghiệp của chúng sanh, hai là Vọng Thấy Đồng Phận của chúng sanh.

**Thế nào là Vọng Thấy Biệt Nghiệp<sup>33</sup>?** Anan! Như người bị nhắm mắt ban đêm nhìn ngọn đèn thấy có năm màu bao phủ. Tuy nhiên, người không bị nhắm mắt, nhìn ngọn đèn lại không thấy có năm màu bao phủ. Cho nên cái thấy có năm màu bao phủ là do bệnh nhắm mắt mà ra. Còn cái thấy được bệnh nhắm mắt thì vốn chẳng phải là bệnh vậy. Cho nên **người trí không nên đi tìm căn nguyên của năm màu do mắt nhắm sanh ra là có hình tướng hay chẳng có hình tướng.** [*Vì sao vậy? Năm màu là do mắt bị nhắm vọng sanh ra, không thực có hình tướng, cho nên không thể hỏi về căn nguyên của hình tướng của năm màu?*]

**Thế nào là Vọng Thấy Đồng Phận<sup>34</sup>?** Anan! Cõi Diêm Phù Đề này, ngoài nước biển ra, trong đó có ba ngàn Châu (lục địa.) Nếu ở trong đó có một Châu nhỏ chỉ có hai nước mà riêng người trong một nước đồng cảm ác duyên, thì chúng sanh trong nước đó thấy tất cả những cảnh giới không tốt, còn chúng sanh trong nước gần bên thì không thấy.

---

<sup>33</sup> Biệt nghiệp là nghiệp riêng của mỗi chúng sanh.

<sup>34</sup> Đồng Phận cũng gọi là Cộng nghiệp, nghiệp chung của một số chúng sanh.



## Phần 8

### Tánh Thấy không phải là Cái Thấy

Đức Phật dạy: Này Anan! Hiện giờ, ông dùng con mắt xem thấy núi sông, cõi nước và chúng sanh đều là do cái **Bệnh Thấy từ vô thủy**<sup>35</sup> tạo thành. Cái thấy và vật được thấy **hình như hiện ra** nơi tiền cảnh, nhưng thật ra đó vốn chỉ là cái bệnh nhắm mắt thành lòa, cho nên thấy có Năng Kiến (cái thấy) và Sở Kiến (vật được thấy) hiện ở trong cái Giác Minh (Bốn Giác Minh Tâm<sup>36</sup>) mà thôi.

Tóm lại, **hai cái thấy Vọng Thấy Biệt Nghiệp và Vọng Thấy Đồng Phận** đều do cái Thấy Hư Vọng từ vô thủy sanh ra. Chính cái bệnh duyên hư vọng tạo thành thấy nghe hay biết, hòa hợp mà giả dối sanh ra, hòa hợp giả dối mà diệt mất. Cho nên, **nếu xa lìa các bệnh duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp này, tức thời diệt được các nguyên nhân sanh tử, trọn đủ Thể Bồ Đề Không Sanh, Không Diệt.** [*Câu này là cốt tủy của sự tu tập.*] Đó là cái Bản Tâm xưa nay trong sạch (Chơn Tâm,) cái vốn Giác Ngộ Thường Trụ xưa nay. Thêm vào đó, phải hiểu rằng Bản Giác không phải hòa hợp mà sanh, cũng không phải không hòa hợp.

## Phần 9

(*Lưu ý: Phần này đọc để hiểu, và nhớ rằng năm Ám đều giả dối*)

### Tóm thu về Như Lai Tạng

Đức Phật dạy: Anan! Ông còn chưa rõ **tất cả các tướng huyễn hóa nơi tiền trần, chính nơi tâm mà sinh ra, rồi theo nơi tâm mà diệt mất.** Cái huyễn hóa giả dối gọi là

---

<sup>35</sup> Bệnh Thấy từ vô thủy còn gọi là **Căn Bản Vô Minh.**

<sup>36</sup> Bốn Giác Minh Tâm còn gọi là **Chơn Tâm, Phật Tánh ...**

**Tướng**, mà cái **Tánh** chính là tâm tánh nhiệm màu sáng suốt; như vậy, cho đến năm âm, sáu nhập, mười hai xứ và mười tám giới, nhân duyên hòa hợp giả dối có sinh ra, nhân duyên chia lìa giả dối gọi rằng diệt; mà không biết rằng **sinh, diệt, đi, lại đều vốn là tánh chân như cùng khắp**, không lay động, nhiệm màu, sáng suốt, thường trụ của Như Lai Tạng. Trong tâm tánh chân thường đó, cầu cho ra những cái đi, lại, mê, ngộ, sống, chết, hẳn không thể được. *[Phần tiếp theo, đức Phật giảng chi tiết về Năm Âm (Ngũ Âm, cũng gọi là Ngũ Uẩn) năm thành phần duyên hợp nên con người. Phần này chỉ đọc để biết rằng Năm Âm là không thực, không cần phải thuộc vì ngoài phạm vi hiểu biết của chúng ta và ngoài sự cần thiết trong pháp tu nhập đàn tràng Lăng Nghiêm của chúng ta.]*

### **Thu Sắc Âm**

"Anan! Làm sao năm Âm<sup>37</sup> vốn là tánh chân như nhiệm màu của Như Lai Tạng? Anan! Ví như có người đem con mắt trong sạch, xem hư không trong sáng, chỉ thấy một hư không trong sáng, hẳn không thấy gì khác. Người kia, không lý do gì, lại bắt con mắt không lay động; ngó chăm mãi, phát ra mỗi một thì ở giữa hư không, riêng thấy có hoa đóm lãng xăng và có tất cả những tướng giả dối lộn xộn; nên biết Sắc Âm cũng lại như vậy. *[Nơi đây, đức Phật dùng ví dụ con mắt ngó lâu một nơi nên thấy có hoa đóm để gọi ý cho chúng ta tự hiểu được sự thành hình của Sắc Âm.]*

Anan! Các hoa đóm lãng xăng ấy, không phải từ hư không mà đến, không phải từ con mắt mà ra. Thật vậy, Anan! Nếu từ hư không mà đến, thì phải trở về hư không; mà đã có ra có vào, thì không phải là hư không nữa. Hư không, nếu lại không phải là hư không, thì tự nhiên không thể dung nạp hoa

---

<sup>37</sup> Năm Âm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

đốm sinh diệt trong ấy, như thân thể ông Anan không dung nạp được một ông Anan nữa.

Nếu, hoa đốm từ con mắt mà ra, thì nếu đã từ con mắt mà ra, tất rồi phải trở vào con mắt; lại cái tánh hoa đốm ấy đã từ con mắt mà ra, thì lẽ ra phải có thấy. Nếu như có thấy thì khi đi ra, đã làm hoa đốm giữa hư không, đến khi xoay về, phải thấy được con mắt. Nếu không có thấy, thì khi đi ra đã làm mờ hư không, đến khi trở về phải làm mờ con mắt. Lại như thế, khi thấy hoa đốm, lẽ ra con mắt không mờ, làm sao, chỉ khi thấy hư không trong suốt, thì mới gọi là con mắt trong sáng? Vậy nên biết rằng **Sắc Ấm là giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu Thọ Ấm**

Anan! Ví như có người tay chân yên ổn, trăm vóc điều hòa, bỗng như quên mình, không có gì là trái là thuận; người ấy không lý do gì, lấy hai bàn tay xoa nhau giữa hư không, thì nơi hai bàn tay giả dối sinh ra những cảm xúc trơn, rít, lạnh, nóng. Nên biết Thọ Ấm cũng lại như vậy.

Anan! Các cảm xúc giả dối kia, không phải từ hư không mà đến, không phải từ bàn tay mà ra. Thật vậy, Anan! Nếu từ hư không mà đến, thì đã sinh cảm xúc nơi bàn tay, sao lại không sinh cảm xúc nơi thân thể, không lẽ hư không lại biết lựa chỗ sinh ra cảm xúc. Nếu như từ bàn tay mà ra, thì lẽ ra không cần hai bàn tay phải hợp lại. Lại nữa, đã từ bàn tay mà ra, thì khi bàn tay hợp lại, biết có cảm xúc, đến khi bàn tay rời ra, thì cảm xúc phải chạy vào và xương tủy cánh tay, lẽ ra phải biết đường vào của cảm xúc; rồi lại phải có tâm hay biết, biết ra, biết vào, và phải có một vật đi lại trong thân, sao lại phải chờ đến hai tay hợp lại mới gọi là cảm xúc. Vậy nên biết rằng

**Thọ Âm là giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu Tướng Âm**

Anan! Ví như có người, khi nghe nói đến quả mơ chua thì trong miệng có nước bọt chảy ra; khi nghĩ đến đứng trên dốc cao thì lòng bàn chân ghê rợn. Nên biết Tướng Âm cũng lại như vậy.

Anan! Câu chuyện mơ chua như thế, không phải do quả mơ sinh ra, không phải do cái miệng mà vào. Thật vậy, Anan! Nếu do quả mơ sinh ra, thì quả mơ tự nói lấy, sao phải đợi người ta nói; nếu do cái miệng mà vào, thì lẽ ra cái miệng tự nghe lấy, cần gì đến lỗ tai; nếu riêng mình lỗ tai nghe, thì nước bọt kia, sao không từ lỗ tai chảy ra. Câu chuyện nghĩ đến đứng trên dốc cao cũng giống như vậy. Vậy nên biết rằng **Tướng Âm là giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu Hành Âm**

Anan! Ví như dòng nước dốc, sóng mòi nổi nhau, lớp trước lớp sau, không vượt khỏi nhau. Nên biết Hành Âm cũng lại như vậy.

Anan! Dòng nước như vậy không nhân hư không mà sinh, không nhân nước mà có, không phải tánh nước, cũng không ra ngoài hư không và nước. Thật vậy, Anan! Nếu nhân hư không mà sinh, thì cả thập phương hư không vô cùng tận, phải thành dòng nước vô cùng tận và tự nhiên thế giới đều bị chìm đắm cả. Nếu nhân nước mà có, thì dòng nước dốc ấy bản tánh lẽ ra không phải là nước nữa và hiện nay, đã có thể chỉ ra hai tướng của nước và của dòng nước khác nhau. Nếu dòng nước dốc tức là tánh nước thì khi nước đứng lại, lẽ ra

không phải là nước nữa; nếu ra ngoài hư không và nước thì không có cái gì ở ngoài hư không và, ngoài nước ra, không thể có dòng nước. Vậy nên biết rằng **Hành Âm là giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu Thức Âm**

Anan! Ví như có người lấy bình tần già, bít cả hai lỗ, rồi vác đầy bình hư không, đi xa nghìn dặm, đem cho nước khác. Nên biết Thức Âm cũng lại như vậy.

Anan! Cái hư không đó, không phải đến từ phương kia, cũng không phải đưa vào phương này. Thật vậy, Anan! Nếu đến từ phương kia, thì trong cái bình đã đựng hư không đem đi, ở chỗ cũ cái bình phải thiếu hư không; nếu đưa vào phương này, thì khi mở miệng bình trút ra, phải thấy hư không ra. Vậy nên biết rằng **Thức Âm là giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.



**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢN THỦ LĂNG NGHIÊM**  
(TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)



## Quyển III

### Thu Sáu Nhập<sup>38</sup>

*(Lưu ý: Phần này đọc để hiểu, và nhớ rằng sáu nhập cũng là giả dối)*

#### Thu nhãn nhập

"Lại nữa, Anan! vì sao bản tánh của sáu nhập, vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai Tạng? Anan! tức nơi trong con mắt kia, ngó chăm phát ra mỗi một, thì cả cái thấy và cái mỗi một đó đều là thể tánh Bồ Đề, chăm chú phát ra tướng mỗi một.

Nhân nơi hai thứ vọng trần sáng và tối, phát ra cái thấy bên trong, thu nạp các trần tướng ấy gọi là tánh thấy; cái thấy đó rời hai trần sáng và tối kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, Anan! Ông nên biết cái thấy đó không phải từ nơi sáng, nơi tối mà đến, không phải từ nơi con mắt mà ra, cũng không phải do cái hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu từ cái sáng mà đến, thì khi tối đã theo cái sáng mà diệt, lẽ ra không thấy được tối. Nếu từ cái tối mà đến, thì khi sáng phải theo cái tối mà diệt, lẽ ra không thấy được sáng. Nếu do con mắt mà sinh, hẳn không có sáng, có tối, thì cái thấy như vậy vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra, thì ngó trước thấy các trần tượng, xoay về phải thấy con mắt; lại hư không tự thấy, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng **nhãn nhập là giả dối** (hư vọng,) vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

#### Thu nhĩ nhập

"Anan! Ví như người lấy hai ngón tay bít chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỗi một, trong đầu hóa ra có tiếng; cả cái nghe cùng

---

<sup>38</sup> Sáu Nhập: Nhãn (Mắt,) Nhĩ (Tai,) Tỷ (Mũi,) Thiệt (lưỡi,) Thân, Ý.

cái mỗi một đồng là thể tánh Bồ Đề, chăm chú phát ra tướng mỗi một.

Nhân nơi hai thứ vọng trần động và tĩnh, phát ra cái nghe ở trong, thu nạp cái trần tượng đó, gọi là tánh nghe. Tánh nghe ấy rời hai trần động, tĩnh kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, Anan! Ông nên biết, cái nghe đó không phải từ nơi động, nơi tĩnh mà đến, không phải từ nơi lỗ tai mà ra, không phải do hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu cái nghe kia từ nơi tĩnh mà đến, thì khi động phải theo cái tĩnh mà diệt, lẽ ra không nghe được động. Nếu từ nơi động mà đến, thì khi tĩnh sẽ theo cái động mà diệt, lẽ ra không biết được tĩnh. Nếu do lỗ tai mà sinh, hẳn không có động, có tĩnh, thì cái nghe như vậy vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra, thì đã có tánh nghe, chắc không phải là hư không nữa; lại hư không tự nghe, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng **nhĩ nhập là giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu tử nhập**

"Anan! Ví như có người bít gấp hai lỗ mũi, bít lâu thành ra mỗi một thì ở, trong lỗ mũi, nghe có cảm xúc lạnh; nhân những cảm xúc như thế, mà phân biệt được là thông, là ngăn bít, là rỗng, là đặc, cho đến các mùi thơm, thối; cả cái người cùng cái mỗi một đồng là thể tánh Bồ Đề, chăm chú phát ra tướng mỗi một.

Nhân nơi hai thứ vọng trần thông và bít, phát ra cái người ở trong, thu nạp các trần tượng đó gọi là tánh biết người. Cái người đó rời hai trần thông và bít kia, rốt ráo không có tự thể. Nên biết cái người đó, không phải từ cái thông, cái bít mà đến, không phải từ nơi lỗ mũi mà ra, cũng không phải do hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu từ cái thông mà đến, thì khi



bít, cái ngửi đã mất rồi, làm sao mà biết được bít; nếu nhân cái bít mà có, thì khi thông, không còn cái ngửi, làm sao biết được các mùi thơm, thối. Nếu từ lỗ mũi sinh ra, hẳn không có cái thông, cái bít, thì cái ngửi như vậy vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra, thì cái ngửi đó, phải xoay lại ngửi lỗ mũi của ông; lại hư không tự ngửi, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng **tỷ nhập là giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu thiệt nhập**

"Anan! Ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sinh ra mỗi mệt. Nếu người đó có bệnh thì có vị đắng. Còn người không có bệnh thì có chút vị ngọt. Do những cảm xúc ngọt, đắng, mà bày tỏ cái tánh nếm; còn khi không động thì thường có tánh nhạt. Cả cái nếm và cái mỗi mệt đồng là thể tánh Bồ Đề, chăm chú phát ra tướng mỗi mệt.

Nhân nơi hai thứ vọng trần nhạt và ngọt, đắng, phát cái nếm ở trong, thu nạp các trần tượng đó, gọi là tánh biết nếm. Tánh biết nếm ấy rời hai trần nhạt và ngọt, đắng kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, Anan! Ông nên biết rằng cái biết đắng, biết nhạt như vậy, không phải từ vị ngọt, đắng mà đến, không phải nhân tánh nhạt mà có, không phải từ nơi lưỡi mà ra, cũng không phải do hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu từ các vị ngọt đắng mà đến, thì khi nhạt, cái biết nếm đã diệt rồi, làm sao biết được nhạt; nếu từ cái nhạt mà ra thì khi ngọt, cái nếm đã mất rồi, làm sao biết được vị ngọt, đắng. Nếu do cái lưỡi sinh ra, hẳn không có những vị ngọt, đắng và nhạt, thì cái biết nếm ấy vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra, thì hư không tự nếm, chứ không phải lưỡi ông nếm; lại hư không tự biết, nào có dính gì đến chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng **thiệt nhập là giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

## Thu thân nhập

"Anan! Ví dụ như có người dùng bàn tay lạnh chạm bàn tay nóng, nếu thể bên lạnh nhiều hơn, thì bên nóng cũng thành lạnh theo, nếu thể bên nóng nhiều hơn, thì bên lạnh cũng thành ra nóng; rồi như vậy, do cái cảm xúc nhận biết trong lúc hợp lại mà rõ sự nhận biết lúc rời ra. Nếu cái thể chênh lệch hiện thành giữa nóng và lạnh, thì nhân đó phát ra mỗi một mà có cảm xúc. Cả cái biết cảm xúc cùng cái mỗi một đồng là thể tánh Bồ Đề, chăm chú phát ra tướng mỗi một.

Nhân nơi hai vọng trần ly và hợp, phát ra cái hay biết ở trong, thu nạp các trần tượng đó, gọi là cái biết cảm xúc. Cái biết như thế, rời hai trần ly và hợp, trái và thuận kia, rốt ráo không có tự thể; thật vậy, Anan! Ông nên biết cái cảm xúc đó, không phải từ cái ly, cái hợp mà tới, không phải từ cái trái, cái thuận mà có, không phải do nơi thân thể mà ra, cũng không phải do nơi hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu từ cái hợp mà đến thì khi ly, cái biết đã mất rồi, làm sao biết được cái ly; đối với hai tướng trái và thuận thì cũng như vậy. Nếu từ thân thể mà ra, hẳn không có những tướng ly, hợp, trái, thuận, thì cái biết cảm xúc của ông vốn không tự tánh. Nếu từ nơi hư không mà ra, thì hư không tự hay biết, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng **thân nhập là giả đối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

## Thu ý nhập

"Anan! Ví như có người nhọc mỗi thì ngủ, ngủ chán thì thức dậy, khi nhận biết trần cảnh thì nhớ, khi hết nhớ thì gọi là quên. Các món sinh, trụ, dị, diệt, trái ngược đó, thói quen thu nạp đưa vào trong, không lẫn lộn nhau, gọi là ý căn. Cả cái ý

căn cùng cái mỗi một, đồng là thể tánh Bồ Đề, chăm chú phát ra tướng mỗi một.

Nhân nơi hai thứ vọng trần sinh và diệt, nhóm cái biết ở trong, thu nạp pháp trần bên trong, dòng thấy nghe đi ngược lại vào bên trong mà không đến đâu, gọi là cái ý hay biết. Cái ý hay biết đó rời hai trần thức và ngủ, sinh và diệt kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, Anan! Nên biết cái ý căn hay biết như thế, không phải từ nơi thức, nơi ngủ mà đến, không phải do cái sinh, cái diệt mà có, không phải từ nơi ý căn mà phát ra, cũng không phải do nơi hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu từ nơi thức mà đến, thì khi ngủ đã theo cái thức mà diệt rồi, còn lấy cái gì làm cái ngủ; nếu chắc lúc sinh mới có, thì khi diệt, đã hóa như không có rồi, thì lấy cái gì mà biết là diệt. Nếu do cái diệt mà có, thì khi sinh, không có diệt nữa, lấy gì mà biết là sinh. Nếu do ý căn mà ra, thì hai tướng thức, ngủ thay đổi lẫn nhau nơi thân thể, nếu rời hai tướng ấy ra, thì cái ý hay biết đó, cũng như hoa đóm hư không, rốt ráo không có tự tánh. Nếu do hư không mà sinh, thì hư không tự biết, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng **ý nhập là giả đối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu Mười Hai Xứ<sup>39</sup>**

*(Lưu ý: Phần này đọc để hiểu, và nhớ rằng mười hai Xứ cũng là giả đối)*

#### **Thu hai xứ sắc trần và nhãn căn**

"Lại nữa, Anan! Vì sao bản tánh của mười hai xứ, vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai Tạng?

---

<sup>39</sup> Mười Hai Xứ gồm Sáu căn và Sáu trần.

Anan! Ông hãy xem rừng cây Kỳ đà và các suối ao đó; ý ông nghĩ thế nào? Như thế là sắc trần sinh ra cái thấy, hay cái thấy sinh ra sắc tướng?

Anan! Nếu cái thấy sinh ra sắc tướng, thì khi thấy hư không, không có sắc tướng, lẽ ra tánh thấy sinh ra sắc tướng đã tiêu mất rồi. Mà đã tiêu mất, thì tỏ ra hết thấy đều không; sắc tướng đã không, thì lấy gì rõ được tướng hư không? Đối với hư không thì cũng như vậy.

Lại nếu sắc trần sinh ra cái thấy, thì khi thấy hư không, không có sắc, cái thấy liền tiêu mất đi, tiêu mất thì tất cả đều không, lấy gì rõ được hư không và sắc tướng?

Vậy nên biết rằng cái thấy cùng sắc, không, đều không có xứ sở; tức **sắc trần và cái thấy, hai xứ đó đều giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu hai xứ thanh trần và nhĩ căn**

Anan! Ông lại nghe trong vườn Kỳ đà này, khi đồ ăn dọn rồi thì đánh trống, khi chúng nhóm lại thì đánh chuông, tiếng chuông, tiếng trống trước sau nói nhau. Ý ông nghĩ thế nào? Như thế là, cái tiếng đến bên cái nghe hay cái nghe đến chỗ cái tiếng? Anan! Nếu như cái tiếng đó đến bên cái nghe, thì cũng như Ta khát thực trong thành Thất la phiệt, tại rừng Kỳ đà không có Ta nữa. Cái tiếng đó đã đến bên cái nghe của ông Anan thì lẽ ra ông Mục Kiền Liên, ông Ca Diếp không cùng nghe một lần, hưởng chi, trong này có một ngàn hai trăm năm mươi vị sa môn, một khi nghe tiếng chuông, đồng đến chỗ ăn cơm cả.

Lại như cái nghe của ông đến bên cái tiếng, thì cũng như Ta đã về rừng Kỳ đà rồi, trong thành Thất la phiệt, không còn Ta nữa; vậy khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã

đến nơi tiếng trống rồi, thì khi tiếng chuông cũng phát ra, lẽ ra ông không thể nghe cả hai bên, huống nữa, ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều tiếng khác. Còn nếu không đi đến với nhau, thì lại không nghe.

Vậy nên biết rằng cái nghe và cái tiếng đều không có xứ sở; tức **cái nghe và thanh trần, hai xứ đều giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu hai xứ hương trần và tử căn**

Anan! Ông hãy nghĩ hương chiên đàn trong lư này, hương ấy, nếu đốt đến một thù, thì cả thành Thất la phiệt, trong bốn mươi dặm, đồng thời đều ngửi mùi thơm. Ý ông nghĩ thế nào? Mùi thơm ấy sinh ra, do cây chiên đàn, do nơi lỗ mũi của ông hay do nơi hư không? Nếu như mùi thơm ấy sinh ra do lỗ mũi của ông, thì đã gọi là do lỗ mũi sinh ra, tất phải từ lỗ mũi mà ra, lỗ mũi không phải chiên đàn, làm sao trong lỗ mũi, lại có được mùi thơm chiên đàn? Lại đã gọi rằng ông ngửi mùi thơm, thì mùi thơm phải vào trong lỗ mũi, còn trong lỗ mũi phát ra mùi thơm, mà nói rằng ngửi được, thì không đúng nghĩa.

Nếu sinh ra do nơi hư không, thì tánh hư không thường còn, mùi thơm cũng phải thường có, cần gì phải đốt cây khô chiên đàn trong lư rồi mới có. Nếu mùi thơm sinh ra do cây chiên đàn, thì cái chất thơm ấy nhân đốt mà thành khói; nếu lỗ mũi ngửi được, thì lẽ ra khói phải xông đến lỗ mũi, làm sao, khói đó lên trên không, chưa được bao xa, mà trong 40 dặm đều ngửi thơm cả.

Vậy, nên biết rằng hương trần và cái ngửi đều không có xứ sở, tức **cái ngửi và hương trần hai xứ đều giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

## **Thu hai xứ vị trần và thiệt căn**

Anan! Ông thường hai thời, ở trong chúng cầm bình bát khát thực. Trong đó, hoặc gặp những món tô, lạc, đề hồ, gọi là vị quý.

Ý ông nghĩ thế nào? Vị đó sinh ra, do nơi hư không, do nơi cái lưỡi hay do nơi đồ ăn?

Anan! Nếu vị ấy sinh ra do nơi cái lưỡi của ông, thì ở trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi; cái lưỡi lúc bấy giờ đã thành vị tô rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra cái vị không dòi đổi, mà nếu không dòi đổi, thì không gọi được là biết vị, còn nếu dòi đổi, thì cái lưỡi không phải có nhiều tự thể, làm sao, một cái lưỡi lại biết được nhiều vị? Nếu sinh ra do đồ ăn, thì đồ ăn không có tri Giác, làm sao tự biết được vị? Lại đồ ăn tự biết, thì cũng đồng như người khác ăn, nào có dính gì đến ông, mà gọi rằng ông biết vị? Nếu sinh ra do hư không, thì ông hãy ném cái hư không xem là vị gì. Nếu cái hư không đó vị mặn, thì đã làm mặn cái lưỡi của ông, cũng phải làm mặn cái mặt của ông và mọi người trong cõi này, cũng giống như cá bễ, đã thường chịu cái mặn, không còn biết thế nào là nhạt nữa. Nhưng nếu không biết nhạt, thì lại cũng không biết mặn. Mà đã không biết cái gì, thì làm sao còn gọi là biết vị?

Vậy nên biết rằng các vị và cái lưỡi biết ném đều không có xứ sở; tức **cái biết ném cùng với các vị, hai xứ đều giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

## **Thu hai xứ xúc trần và thân căn**

Anan! Ông thường sớm mai lấy tay xoa đầu, ý ông nghĩ thế nào? Trong việc biết xoa đó, lấy cái gì làm cái biết cảm xúc? Cái biết ở nơi tay hay ở nơi đầu? Nếu nó ở nơi tay, mà cái đầu không biết, thì làm sao thành cái cảm xúc ấy? Còn nếu

nó ở nơi đầu, mà cái tay vô dụng, thì làm sao gọi là cảm xúc được. Nếu cả cái đầu và cái tay, mỗi cái đều có biết, thì một mình ông Anan phải có hai cái biết cảm xúc.

Nếu cả đầu và tay đều do một cảm xúc sinh ra, thì tay và đầu lẽ ra chỉ có một tự thể; mà nếu chỉ có một tự thể, thì không năng, không sở, cảm xúc không thành lập được. Còn nếu là hai thể, thì cảm xúc ở phía nào, ở bên năng, thì không ở bên sở, ở bên sở, thì không ở bên năng; không lẽ hư không tạo thành cảm xúc cho ông?

Vậy nên biết rằng cảm xúc và thân căn đều không có xứ sở; tức **cái thân biết cảm xúc cùng cái cảm xúc, hai thứ đều giả đối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu hai xứ pháp trần và ý căn**

Anan! Ông thường **trong ý duyên với ba tánh: thiện, ác và vô ký, sinh ra có các pháp trần**<sup>40</sup>. Những pháp trần đó tức nơi tâm mà sinh ra hay là rời cái tâm, riêng có chỗ khác?

Anan! Nếu tức nơi tâm, thì pháp trần không phải là trần cảnh nữa, và như thế, thì nó không phải là cái sở duyên của tự tâm, làm sao thành một xứ được?

Nếu rời cái tâm, riêng có chỗ khác, thì bản tánh của pháp trần là có biết hay không có biết?

Nếu có biết, thì gọi là tâm, nhưng nếu nó khác với ông và không phải trần cảnh, thì cũng như cái tâm của người khác; còn nếu nó tức là ông và cũng tức là tâm, thì làm sao cái tâm nơi ông lại thành hai được?

---

<sup>40</sup> Ở đây kinh nói rõ rằng Ý căn duyên với ba tánh thiện, ác, vô ký sinh ra Pháp trần (không thuộc vật chất.)

Lại nếu như không có biết, cái pháp trần đó đã không phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì nó sẽ ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc, không, không thể chỉ nó ra được; không lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không?

Không có cảnh sở duyên, thì ý căn do đâu mà lập thành một xứ được?

Vậy nên biết rằng pháp trần cùng ý căn đều không có xứ sở; tức **ý căn cùng pháp trần, hai xứ đều giả dối**, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu mười tám giới<sup>41</sup>**

*(Lưu ý: Phần “thu mười tám giới” này có thể tóm tắt như sau: Nếu đã biết căn và trần đều là giả dối (theo luận giải ở phần trên), vậy thức do căn và trần duyên nhau mà sanh ra, thức này cũng là giả dối)*

### **Thu nhãn, sắc và nhãn thức giới**

Lại nữa Anan! Làm sao mười tám giới vốn là tánh chân như nhiệm màu của Như Lai Tạng?

Anan! Như ông bày tỏ: Nhãn căn và sắc trần làm duyên, sinh ra nhãn thức. Thức đó lại là nhân nhãn căn sinh ra, lấy nhãn căn làm giới, hay nhân sắc trần sinh ra, lấy sắc trần làm giới?

Anan! Nếu nhân nhãn căn sinh ra, mà không có sắc có không, thì không thể phân biệt, dầu cho có cái thức của ông thì đem ra dùng về việc gì? Cái thấy của ông, ngoài những sắc xanh, vàng, trắng, đỏ, thì không thể biểu hiện được; vậy do đâu mà lập thành ra giới?

---

<sup>41</sup> Mười tám giới: Sáu căn, sáu trần và sáu thức



Nếu nhân sắc trần sinh ra, thì khi chỉ có hư không, không có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt, làm sao còn biết được là hư không? Nếu khi sắc tướng biến đổi thành hư không, ông cũng biết rằng sắc tướng biến đổi, mà cái thức của ông thì không biến đổi; thế thì, do đâu mà lập sắc trần làm giới? Nếu theo sắc trần mà biến đổi, thì tự nhiên sắc trần không thành giới được. Nếu không biến đổi, thì là thường hằng, cái thức đã do sắc trần sinh ra, lẽ ra không thể biết hư không ở đâu?

Nếu gồm hai thứ nhãn căn và sắc trần chúng cùng sinh ra; vậy, như hợp lại, thì ở giữa phải ly, còn như ly ra, thì hai bên lại hợp, thể tánh xen lộn, làm sao thành được giới?

Vậy nên biết rằng **nhãn căn sắc trần làm duyên, sinh ra giới nhãn thức, cả ba chỗ đều không**, và ba giới nhãn căn, sắc trần và nhãn thức, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu nhĩ, thanh và nhĩ thức giới**

Anan! Lại như ông bày tỏ: Nhĩ căn và thanh trần làm duyên, sinh ra nhĩ thức. Thức đó nhân nhĩ căn sinh ra, lấy nhĩ căn làm giới, hay nhân thanh trần sinh ra, lấy thanh trần làm giới?

Anan! Nếu nhân nhĩ căn sinh ra, mà không có hai tướng động, tĩnh hiện tiền, thì cái biết của nhĩ căn cũng không thành; mà đã không biết gì, thì cái biết còn không thành, huống nữa cái thức phân biệt còn có hình trạng gì.

Nếu nhân lỗ tai nghe thì đã không động, tĩnh, cái nghe cũng không thành; làm sao lấy hình sắc lỗ tai đối với xúc trần, mà gọi được là giới nhĩ thức ; và cái giới nhĩ thức như thế, do đâu mà lập ra.

Nếu nhân thanh trần mà sinh, thì cái nhĩ thức nhân thanh trần mà có, không có dính líu gì đến cái nghe; mà đã không nghe, thì cũng không biết các tướng thanh trần ở đâu. Lại nói nhĩ thức do thanh trần sinh ra, dầu cho rằng thanh trần, nhân cái nghe mà có tướng, thì cái nghe, lẽ phải nghe được nhĩ thức. Nếu không nghe được nhĩ thức, thì thanh trần không phải là giới của nhĩ thức. Nếu nghe được, thì nhĩ thức cũng đồng như thanh trần, và nhĩ thức đã bị nghe, thì lấy cái gì biết được rằng đã nghe cái thức? Còn nếu cái thức không biết, thì cũng như cỏ như cây.

Lại không lẽ thanh trần và cái nghe xen lộn, thành ra giới ở giữa? Giới ở giữa đã không có, thì các tướng nội căn, ngoại trần, do đâu mà thành lập được.

Vậy, nên biết rằng **nhĩ căn, thanh trần làm duyên, sinh ra giới nhĩ thức, cả ba chỗ đều không** và ba giới nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu tử, hương và tử thức giới**

Anan! Lại như ông bày tỏ: Tử căn và hương trần làm duyên, sinh ra tử thức. Thức đó lại nhân tử căn sinh ra, lấy tử căn làm giới, hay nhân hương trần sinh ra, lấy hương trần làm giới?

Anan! Nếu nhân tử căn sinh ra, thì trong tâm ông lấy cái gì làm tử căn? Ông lấy cái hình tướng mũi thịt như hai móng tay, hay lấy cái tánh ngữi biết lay động làm tử căn?

Nếu lấy cái hình tướng mũi thịt, thì chất thịt là thân căn và cái biết của thân căn là cái biết cảm xúc. Đã gọi là thân căn thì không phải là tử căn, đã gọi rằng cảm xúc, thì đó là xúc

trần đối với thân căn. Vậy, còn không có gì đáng gọi là tỷ căn, do đâu mà lập thành giới?

Nếu lấy cái người biết làm tỷ căn, thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái có người biết? Nếu lấy lỗ mũi thịt, thì cái biết của chất thịt là xúc trần, chứ không phải như tỷ căn; nếu lấy cái hư không làm cái có người biết, thì hư không tự biết, còn xác thịt lẽ ra không biết, như thế, thì lẽ ra hư không là ông; thân của ông mà không có biết, thì ông Anan hiện nay lẽ cũng không còn đâu nữa.

Nếu lấy cái hương làm cái có người biết, thì cái biết thuộc về hương trần, nào dính gì đến ông?

Nếu các mùi thơm, thối sinh ra do tỷ căn của ông, thì hai mùi thơm, thối kia không sinh ra do cây y lan và cây chiên đàn; hai vật đó không tới, ông tự người lỗ mũi là thơm hay là thối; thối thì không phải thơm, thơm thì không phải thối; nếu cả hai mùi thơm, thối đều người được cả, thì một người ông phải có hai tỷ căn và đứng trước tôi hỏi đạo phải có hai ông Anan thì ông nào mới là tự thể của ông. Còn nếu tỷ căn là một, thì thơm, thối không hai, thối đã thành thơm, thơm đã thành thối, hai tánh đó đã không có, thì lấy gì lập được thành giới?

Lại nếu nhân hương trần mà có, thì tỷ thức đã nhân hương trần mà có, cũng như nhân con mắt có thấy, không thể thấy được con mắt; tỷ thức nhân hương trần mà có, lẽ ra không biết được hương trần. Nếu biết được hương trần, thì không phải do hương trần sinh ra, nếu không biết được hương trần, thì không phải là tỷ thức.

Hương trần mà không người biết là có, thì cái giới hương trần không thành; tỷ thức mà không biết hương trần, thì cái giới của nó, không phải do hương trần mà lập. Đã không có cái

thức trung gian, thì nội căn, ngoại trần cũng không thành và tất cả những điều nghĩ biết kia rốt ráo đều luống dối.

Vậy, nên biết rằng **tỷ căn, hương trần làm duyên, sinh ra tỷ thức, cả ba chỗ đều không** và ba giới tỷ căn, hương trần và tỷ thức, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu thiệt, vị và thiệt thức giới**

Anan! Lại như ông bày tỏ: Thiệt căn và vị trần làm duyên, sinh ra thiệt thức. Thức đó lại nhân thiệt căn sinh ra, lấy thiệt căn làm giới, hay nhân vị trần sinh ra, lấy vị trần làm giới?

Anan! Nếu nhân thiệt căn sinh ra, thì như trong thế gian, những loại mía ngọt, mơ chua, hoàng liên đắng, muối mặn, té tân, gừng, quế cay, đều không có vị, ông tự nếm cái lưỡi là ngọt hay là đắng. Nếu cái lưỡi là đắng, thì lấy cái gì mà nếm cái lưỡi; cái lưỡi đã không thể tự nếm được, thì lấy gì mà có hay biết; còn nếu cái lưỡi không đắng, thì tự nhiên vị trần không sinh ra, làm sao mà lập được thành giới?

Nếu nhân vị trần sinh ra; vậy thiệt thức đã là vị rồi, thì cũng đồng như thiệt căn, không thể tự nếm được, làm sao còn biết được là có vị hay không có vị? Lại tất cả các vị không phải do một vật sinh ra. Các vị đã do nhiều vật sinh ra, thì cái thiệt thức do vị trần sinh ra, cũng phải có nhiều tự thể. Nếu tự thể của thiệt thức là một và tự thể đó thật do vị trần sinh ra, thì các vị mặn, nhạt, chua, cay và nhiều vị khác nhau, do các thứ đó hòa hợp cùng sinh ra, đều chỉ là một vị, lẽ ra không có phân biệt; mà đã không có phân biệt, thì không thể gọi là thức, làm sao còn gọi là giới thiệt thức? Không lẽ hư không lại sinh được cái thức của ông?

Nếu thiết căn, vị trần, hòa hợp mà sinh ra cái thức ở giữa, vốn không tự tánh, làm sao mà lập được thành giới?

Vậy, nên biết rằng **thiết căn, vị trần làm duyên, sinh ra thiết thức, cả ba chỗ đều không**, và ba giới thiết căn, vị trần và thiết thức, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu thân, xúc và thân thức giới**

Anan! Lại như ông bày tỏ: Thân căn và xúc trần làm duyên, sinh ra thân thức. Thức đó lại là nhân thân căn sinh ra, lấy thân căn làm giới, hay nhân xúc trần sinh ra, lấy xúc trần làm giới?

Anan! Nếu nhân thân căn sinh ra, không có cái duyên của hai cảm xúc hợp và ly, thì thân căn còn biết gì. Nếu nhân xúc trần sinh ra mà không có thân căn của ông, thì có ai không có thân căn mà biết hợp, biết ly được.

Anan! Vật thì không biết cảm xúc, thân căn có biết, mới có cảm xúc; tức nơi cảm xúc, mà biết có thân căn, tức nơi thân căn mà biết có cảm xúc; nhưng đã tức là cảm xúc, thì không phải thân căn, mà đã tức là thân căn, thì không phải cảm xúc; cả hai tướng thân căn và xúc trần, vốn không có xứ sở. Nếu xúc trần hợp một với thân căn, thì tức là tự thể của thân căn rồi; còn nếu rời hẳn với thân căn, thì thành không có gì, như các tướng hư không.

Nội căn, ngoại trần đã không thành, thì làm sao lập được cái thức ở giữa; cái thức ở giữa đã không lập được, thì nội căn, ngoại trần, bản tánh cũng rỗng không và cái thức của ông do đâu mà lập được thành giới.

Vậy, nên biết rằng **thân căn, xúc trần làm duyên, sinh ra thân thức, cả ba chỗ đều không**, và ba giới thân căn, xúc

trần và thân thức, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

### **Thu ý, pháp và ý thức giới**

Anan! Lại như ông bày tỏ: Ý căn và pháp trần làm duyên, sinh ra ý thức. Thức đó lại là nhân ý căn sinh ra, lấy ý căn làm giới, hay nhân pháp trần sinh ra, lấy pháp trần làm giới?

Anan! Nếu nhân ý căn sinh ra, thì trong ý ông, chắc phải có chỗ nghĩ ngợi mới phát minh được cái ý của ông; nếu không có các pháp trần, thì ý căn không thể sinh ra được. Rồi các pháp trần, ý căn còn không có hình tướng, thì đem ý thức ra mà dùng vào việc gì?

Lại cái thức tâm của ông với các thứ nghĩ ngợi, các sự rõ biết là đồng nhau hay khác nhau. Nếu đồng với ý căn, thì tức là ý căn rồi, làm sao lại do ý căn sinh ra? Nếu khác, mà không đồng với ý căn, thì lẽ ra không còn biết gì. Nếu không biết gì, thì làm sao lại do ý căn sinh ra; còn nếu có biết, thì làm sao lại chia ra ý thức và ý căn? Chỉ hai tánh đồng nhau, khác nhau còn không thành, làm sao lập được thành giới?

Nếu nhân pháp trần sinh ra, thì các pháp trong thế gian, không ngoài năm trần. Ông hãy xét các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, có tướng rõ ràng đối với năm căn, đều không thuộc về phần thu nạp của ý căn. Nếu ý thức của ông quyết định nương nơi pháp trần mà sinh ra, thì ông hãy xét từng pháp, từng pháp hình trạng thế nào. Nếu rời hẳn các tướng sắc, không, động, tĩnh, thông, bí, hợp, ly, sinh, diệt, thì rốt ráo không thành một pháp nào cả. Lại, sinh cũng là các pháp như sắc, như không sinh ra, diệt cũng như các pháp như sắc, như không diệt mất. Các nguyên nhân đã không thành, thì cái thức do nó sinh ra, còn có hình tướng gì; hình tướng còn không có, làm sao mà lập được thành giới. Vậy, nên biết

rằng ý căn, pháp trần làm duyên, sinh ra ý thức, cả ba chỗ đều không, và ba giới ý căn, pháp trần và ý thức, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.”

### **Thu bầy Đại<sup>42</sup>**

#### **Xin khai thị về tứ đại hòa hợp**

Ông Anan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn! Đức Như Lai thường nói về nhân duyên hòa hợp rằng: Tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều nhân bốn món "Đại" hòa hợp mà phát ra. Làm sao đức Như Lai lại bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên và tự nhiên. Nay con không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật rủ lòng thương xót chỉ bày cho chúng sanh nghĩa rốt ráo của trung đạo, không còn các điều hý luận."

#### **Chỉ rõ thể tánh tứ đại không phải hòa hợp**

Khi bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Anan rằng: "Trước đây ông nhằm chán các pháp Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác, phát tâm tha thiết cầu đạo vô thượng Bồ Đề, nên Ta lúc này chỉ bày cho ông Đệ Nhất Nghĩa Đế, làm sao ông lại còn đem những nhân duyên vọng tưởng hý luận thế gian mà tự ràng buộc mình? Ông tuy nghe được nhiều pháp, nhưng cũng như người nói tên vị thuốc, mà đến khi thuốc thật ở trước mắt, thì lại không phân biệt được. Như Lai gọi là rất đáng thương xót. Nay ông hãy nghe cho kỹ, Ta sẽ vì ông phân tách chỉ bày và cũng để cho những người tu đại thừa sau này thông suốt được thật tướng."

Ngài Anan yên lặng kính vâng thánh chỉ của Phật.

---

<sup>42</sup> Bầy Đại: Địa (Đất,) Thủy (Nước,) Hỏa (Lửa,) Phong (Gió,) Không, Kiến (Thấy,) Thức (Biết.)

Phật dạy: "Anan! Như ông đã nói: Bốn món "Đại" hòa hợp phát ra các thứ biến hóa trong thế gian. Anan! Nếu tách các món đại kia không phải hòa hợp, thì không thể lẫn lộn với các đại khác, cũng như hư không không thể hòa hợp được với các sắc tướng. Nếu tách của các đại là hòa hợp, thì cũng đồng như các thứ biến hóa, thủy chung thành nhau, sinh diệt nối nhau, sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, sinh sinh diệt diệt, như vòng lửa quay tròn chưa hề dừng nghỉ. Anan! Như nước thành giá, giá lại thành nước.

### **Thu địa đại**

Ông hãy xét cái tánh của địa đại, to thì làm đất liền, nhỏ thì làm vi trần, cho đến lân hư trần, do chẻ chất cực vi, là sắc tướng nhỏ tốt, ra bảy phần mà thành. Nếu chẻ lân hư trần nữa, thì thật là tánh hư không.

Anan! Nếu cái lân hư trần đó, chẻ ra thành được hư không, thì biết hư không cũng sinh ra được sắc tướng. Nay ông hỏi rằng do hòa hợp mà sinh ra các tướng biến hóa trong thế gian, thì ông hãy xét một cái lân hư trần, phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có, không thể lân hư trần hợp lại thành lân hư trần. Lại lân hư trần đã chẻ được thành hư không, thì phải dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại, mới thành cả hư không. Nhưng nếu sắc tướng hợp lại, thì hợp sắc tướng lại, không thể thành được hư không; còn nếu hư không hợp lại, thì hợp hư không lại, không thể thành được sắc tướng; sắc tướng còn có thể chẻ được, chứ hư không thì làm sao mà hợp được?

**Ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, tánh sắc là chân không, tánh không là chân sắc, bản nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết, theo nghiệp mà phát hiện; thế gian không**



biết, làm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

### **Thu hỏa đại**

"Anan! Hỏa đại không có tự thể, gửi nơi các duyên mà phát hiện. Ông hãy xem các nhà, chưa ăn ở trong thành, khi muốn nhóm bếp, thì tay cầm kính hiển vi, đưa trước ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

Anan! Phàm gọi là hòa hợp, thì như tôi cùng ông và một ngàn hai trăm năm mươi vị tỷ kheo, hiện nay, hợp thành một chúng; tuy chúng chỉ có một, song gạn xét về căn bản, thì mỗi người đều có thân, đều có danh tự họ hàng của mình, như ông Xá Lợi Phất, thì thuộc dòng Bà la môn, ông Ưu lâu tân loa, thì thuộc dòng Ca điếp ba, cho đến ông Anan thì thuộc dòng họ Cù đàm.

Anan! Nếu lửa đó nhân hòa hợp mà có, thì khi người kia cầm kính lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa đó từ trong kính mà ra, do bụi nhụi mà có hay từ mặt trời mà đến?

Anan! Nếu từ mặt trời mà đến, thì lửa ấy đã đốt được bụi nhụi trong tay của ông, những rừng cây mà ánh sáng mặt trời đi qua, lẽ ra đều bị đốt cả. Nếu từ trong kính mà ra, thì lửa ấy đã có thể từ trong kính ra đốt cháy bụi nhụi, làm sao cái kính lại không chảy; cho đến cả cái tay ông cầm kính còn không thấy nóng, thì làm sao kính lại chảy được. Nếu do bụi nhụi sinh ra, thì cần gì ánh sáng mặt trời và kính tiếp đối với nhau, rồi sau lửa mới sinh ra. Ông hãy xét cho kỹ, kính do tay cầm, mặt trời thì ở trên trời, còn bụi nhụi thì từ đất sinh ra, vậy lửa từ phương nào đi đến chỗ đó. Mặt trời và kính xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ lửa kia, không do đâu mà tự có.

Ông còn không biết **trong Như Lai Tạng, tánh hỏa là chân không, tánh không là chân hỏa, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết.**

Anan! Ông nên biết rằng người đời cầm kính một chỗ, thì một chỗ có lửa sinh ra, khắp pháp giới đều cầm kính, thì khắp pháp giới bốc lửa. Lửa bốc khắp thế gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

### **Thu thủy đại**

"Anan! Tánh nước không nhất định, khi chảy, khi đứng không chừng. Như trong thành Thất la phiệt, các ông tiên Ca tỳ la, Chước ca la và các nhà đại huyễn thuật Bát đầu ma, Ha tát đa, vân vân... muốn cầu tinh Thái âm để hòa với các thuốc huyễn thuật, thì các ông ấy, trong lúc sáng trăng trong, tay cầm hạt châu Phương chư, hứng nước trong ánh mặt trăng. Vậy, nước ấy từ trong hạt châu mà ra, do hư không mà có hay từ mặt trăng mà đến?"

Anan! Nếu từ mặt trăng mà đến, thì ở phương xa còn có thể làm cho hạt châu chảy ra nước, những rừng cây ánh sáng mặt trăng đi qua, lẽ ra đều phải phun nước; mà nếu phun nước, thì sao lại phải đợi có hạt châu Phương như mới chảy nước được? Còn nếu không phun nước, thì rõ ràng nước đó, không phải từ mặt trăng mà xuống. Nếu từ hạt châu mà ra, thì trong hạt châu ấy, thường phải chảy nước, sao còn phải đợi ánh sáng mặt trăng trong lúc nửa đêm? Nếu do hư không mà sinh, thì hư không không bờ bến, nước cũng không giới hạn; vậy từ cõi người đến cõi trời, lẽ ra đều phải chìm ngập cả, làm sao lại còn có thủy, lục, không, hành? Ông hãy xét cho

kỹ, mặt trăng từ trên trời đi qua, hạt châu do tay cầm, còn cái mâm hứng nước thì do người sắp đặt; vậy nước kia từ phương nào mà chảy đến đó. Mặt trăng và hạt châu xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ nước kia, không do đâu mà tự có.

Ông còn biết **trong Như Lai Tạng, tánh thủy là chân không, tánh không là chân thủy, bản nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết**. Một chỗ cầm hạt châu, thì một chỗ nước chảy ra, khắp pháp giới cầm hạt châu, thì đầy pháp giới nước sinh ra. Thủy đại sinh khắp thế gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện; thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

### **Thu phong đại**

"Anan! Phong đại không có tự thể, khi động, khi tĩnh không chừng. Ông thường sửa áo, vào trong đại chúng, gấu áo Tăng già lê động đến người bên cạnh, thì có chút gió phả qua mặt người kia. Gió đó lại là, do gấu áo cà sa mà ra, do hư không mà phát khởi hay do mặt người kia mà sinh?

Anan! Nếu gió đó phát ra, do gấu áo cà sa, thì ông đã mặc cả gió, lẽ ra cái áo phải bay tung ra, rời khỏi thân thể của ông. Nay Ta thuyết pháp, rũ áo ở trong Hội này, ông hãy xem cái áo của Ta, gió ở chỗ nào? Không lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió.

Nếu gió đó do hư không sinh ra, thì khi cái áo ông không động, vì sao lại không phải gió? Và tánh hư không thường còn, thì gió lại phải thường sinh ra; khi không có gió, thì hư không phải diệt mất. Gió diệt, thì có thể thấy được, còn hư không diệt, thì hình trạng thế nào? Lại nếu có sinh diệt, thì

không gọi là hư không và đã gọi là hư không, thì làm sao lại phát ra gió được?

Nếu gió đó sinh ra do cái mặt người bị phảy, thì đã do mặt người đó sinh ra, lẽ ra phải phảy lại ông, sao tự ông sửa áo mà lại phảy ngược lại người kia?

Ông hãy xét cho kỹ: Sửa áo là do nơi ông, cái mặt thì thuộc về người kia, hư không thì vắng lặng, không thể lay động, vậy gió từ phương nào giông ruồi đến đó. Tánh gió và tánh hư không cách xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ gió kia, không do đâu mà tự có.

**Ông thật không biết trong Như Lai Tạng, tánh phong [gió] là tánh chân không, tánh không là chân phong [gió], bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết.**

Anan! Như một mình ông hơi động cái áo, thì có chút gió phát ra; khắp pháp giới đều phảy, thì khắp cõi nước sinh ra phong đại. Phong đại đầy đầy thế gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

### **Thu không đại**

"Anan! Hư không không có hình, nhân sắc tướng mà tỏ bày ra. Như trong thành Thất la phiệt, chỗ cách xa sông, những người dòng Sát ly, dòng Bà la môn, dòng Tỳ xá, dòng Thủ đà hay dòng Phả la đọa, dòng Chiên đà la, vân vân... khi dựng nhà mới, thì đào giếng mà lấy nước, đào đất ra một thước, thì trong đó có một thước hư không, như vậy cho đến đào đất ra một trượng, thì trong đó lại được một trượng hư không, hư không nông [cạn] hay sâu, tùy đào đất ra nhiều

hay ít. Hư không đó là nhân đất mà ra, nhân đào mà có hay không nhân gì mà tự sinh?

Anan! Nếu hư không đó không nhân gì mà tự sinh, thì khi trước khi chưa đào đất, sao nơi đó lại không trống rỗng, mà chỉ thấy đất liền, hẳn không thông suốt. Nếu nhân đất mà ra, thì khi đất ra, phải thấy hư không vào; nếu đất ra trước, mà không thấy hư không vào, thì làm sao hư không lại nhân đất mà ra. Còn nếu không ra, không vào, thì hư không với đất vốn không khác nhau; không khác tức là đồng, thì khi đất ra, sao hư không lại không ra. Nếu nhân đào mà ra, thì phải đào ra hư không, chứ không đào ra đất; nếu không nhân đào mà ra, thì tự đào ra đất, làm sao lại thấy hư không?

Ông hãy xét cho kỹ, nhận rõ xét chín: Đào, thì do tay người, theo phương hướng mà vận chuyển, đất, thì từ nơi đất liền mà dời đi, còn hư không, như vậy, thì nhân đâu mà ra. Đào là thật sự, hư không là trống rỗng, không có tác dụng gì với nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ hư không không do đâu mà tự ra. Nếu cái hư không đó, bản tánh viên mãn cùng khắp, không có lay động, thì nên biết hiện tiền hư không và bốn thứ địa, thủy, hỏa, phong, đều gọi là năm đại, tánh thật viên dung, vốn là tánh Như Lai Tạng, không sinh, không diệt.

Anan! Tâm ông mê muội, không ngộ được bốn đại vốn là tánh Như Lai Tạng, ông hãy xét cái hư không là ra, là vào hay không ra, không vào. Ông toàn không biết **trong Như Lai Tạng, tánh Giác là chân không, tánh không là chân Giác, bản nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết.**

Anan! Như một giếng trống không, thì hư không sinh trong một giếng; hư không thập phương, thì cũng như vậy. Không

đại cùng khắp mười phương, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện; thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

### **Thu kiến đại**

"Anan! Cái biết của kiến đại, nhân các thứ sắc, không mà có. Như hiện nay ông ở trong rừng Kỳ đà, sớm mai thì sáng, ban đêm thì tối, đến lúc nửa đêm, trăng tròn thì sáng, vắng trăng thì tối; những tướng sáng, tối ấy do cái thấy phân tách. Cái thấy đó, lại là đồng một thể với các tướng sáng, tối và cả hư không, hay không đồng một thể. Hoặc cũng đồng, cũng không phải đồng, hoặc cũng khác, cũng không phải khác?

Anan! Nếu cái thấy đó, cùng với sáng, tối và hư không vốn là một thể, thì cái sáng, cái tối tiêu diệt lẫn nhau, khi tối, thì không sáng, khi sáng thì không tối; nếu như cái thấy cùng một thể với cái tối, thì khi sáng, cái thấy phải tiêu mất; nếu cùng một thể với cái sáng, thì khi tối, cái thấy phải diệt rồi, mà đã diệt, thì làm sao còn thấy được sáng, thấy được tối. Còn như sáng và tối khác nhau, còn cái thấy thì không sinh không diệt, thì làm sao lại thành đồng một thể được?

Nếu cái thấy đó không phải đồng một thể với cái tối và cái sáng, thì ngoài cái sáng, cái tối và hư không ra, ông hãy phân tách cái thấy thành hình tướng gì; rời cái sáng, cái tối và hư không, cái thấy đó cũng đồng như lông rùa sừng thỏ<sup>43</sup>; nếu tách hẳn ba thứ sáng, tối và hư không, thì do đâu mà thành lập được cái thấy?

---

<sup>43</sup> Lông rùa sừng thỏ có nghĩa là không có vì rùa không có lông và thỏ không có sừng.

Sáng và tối trái ngược lẫn nhau, làm sao hoặc cũng là đồng; rời ba thứ sáng, tối và hư không, cái thấy vốn không còn gì, làm sao hoặc cũng là khác. Bên hư không, bên cái thấy, vốn không có bờ cõi, làm sao lại không phải đồng; thấy cái tối, thấy cái sáng, tánh không dời đổi, làm sao lại không phải khác?

Ông hãy xét cho kỹ, suy xét chín chắn, nhận cho cùng, xét cho rõ, sáng là do mặt trời, tối là do đêm không trăng, thông suốt thuộc về hư không, ngăn bít thuộc về đất liền còn cái thấy, như vậy nhân đâu mà ra. Cái thấy có Giác quan, hư không thì không hay biết, không phải hòa, không phải hợp; không lẽ cái thấy, không do đâu mà tự phát ra. Còn như tất cả các sự thấy, nghe, hay, biết, bản tánh viên mãn cùng khắp, vốn không lay động, thì nên biết kiến đại cùng với hư không không bờ bến, không lay động và bốn món đại: địa, thủy, hỏa, phong, có lay động, đều gọi là sáu đại, tánh thật là viên dung, vốn là tánh Như Lai Tạng, không sinh, không diệt.

Anan! Tánh ông chìm đắm, không ngộ được những sự thấy, nghe, hay, biết của ông vốn là tánh Như Lai Tạng; ông hãy xét những thấy, nghe, hay, biết, đó là sinh hay diệt, là đồng hay là khác, là không phải sinh, không phải diệt, hay không phải đồng, không phải khác. Ông chưa từng biết **trong Như Lai Tạng, cái thấy nơi tâm tánh là cái tánh minh của bản Giác; cái tánh minh của bản Giác biểu lộ ra nơi cái thấy, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết.**

Như nơi nhãn căn, cái thấy cùng khắp pháp giới, thì cái biết nghe, biết ngửi, biết nếm, biết xúc, biết các pháp, công đức nhiệm màu sáng suốt cũng cùng khắp pháp giới, đầy đủ thập phương hư không, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều

là những phân biệt so đo của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

### **Thu thức đại**

"Anan! Thức đại không có nguồn gốc, nhân nơi sáu thứ căn, trần giả dối phát ra. Nay ông hãy xem khắp thánh chúng trong Hội này; ông dùng con mắt lướt qua, mắt ông trông khắp, chỉ như bóng trong gương, không phân tách riêng biệt. Cái thức ông, trong ấy theo thứ lớp chỉ ra đây là ông Văn Thù, đây là ông Phú lâu na, đây là ông Mục kiên liên, đây là ông Tu Bồ Đề, đây là ông Xá Lợi Phất. Cái thức nhận biết như thế sinh ra do cái thấy, do các tướng, do hư không, hay không nhân gì bỗng nhiên sinh ra?

Anan! Nếu cái thức của ông sinh ra do cái thấy; mà như không có các tướng sáng, tối và sắc, không, thì không còn cái thấy của ông; cái thấy còn không có, do đâu mà phát ra được cái thức? Nếu cái thức của ông sinh ra do các tướng, chứ không do cái thấy, thì đã không thấy sáng, cũng không thấy tối; sáng và tối đã không thấy, thì cũng không có sắc, không; các tướng kia còn không có, thì cái thức do đâu mà phát ra? Nếu cái thức sinh ra do hư không, ngoài các tướng và ngoài cái thấy, thì ngoài cái thấy không có cảm Giác, tự nhiên không thể biết được cái sáng, cái tối, các sắc tướng và hư không; ngoài các tướng, thì không có các duyên của tiền trần, sự thấy, nghe, hay, biết, không do đâu mà thành lập được. Ngoài hai thứ căn trần ra, nếu là không, thì cũng đồng như không có, còn nếu là có, thì cũng không đồng như các vật, dầu cho phát ra cái thức của ông, thì đem ra mà phân biệt cái gì?



Nếu cái thức không nhân gì bỗng nhiên mà phát ra, làm sao lại không phân biệt mặt trăng sáng, trong lúc mặt trời đứng bóng?

Ông hãy xét kỹ, nhận xét chín chắn, cái thấy gá vào mắt của ông, các tướng thì trả về cho tiền cảnh, cái gì có thể hình trạng được, thì mới thành có, cái gì không có tướng, thì thành ra không; còn cái thức như vậy, nhân đâu mà ra?

Cái thức thì lay động, cái thấy thì đứng lặng, không phải hòa, không phải hợp, cho đến các sự nghe, ngửi, hay, biết, cũng đều như vậy. Không lẽ cái thức nhận biết không do đâu mà phát ra.

Nếu cái thức đó không do đâu, thì nên biết cái thức đại nhận biết và cái căn đại thấy, nghe, hay, biết, vắng lặng cùng khắp, bản tánh không nương vào đâu mà có; hai món đại ấy cùng với hư không, địa, thủy, hỏa, phong, đều gọi là bảy đại, tánh thật là viên dung, vốn là tánh Như Lai Tạng, không sinh, không diệt.

Anan! Tâm ông nông nổi, không ngộ được cái nhận biết các điều thấy nghe, vốn là tánh Như Lai Tạng. Ông hãy xét sáu cái thức là đồng hay là khác, là không hay là có, là không phải đồng, không phải khác, hay không phải không, không phải có. Ông vốn không biết **trong Như Lai Tạng, cái thức là cái Tánh Giác Minh, Tánh Giác Minh là Chân Thức, là cái biết nhiệm màu yên lặng cùng khắp pháp giới, ẩn hiện thập phương hư không, đâu có chỗ ở, chỉ theo nghiệp mà phát hiện.** Thế gian không biết, lầm là nhân duyên, và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.”

## Giác Ngộ và Phát Nguyện

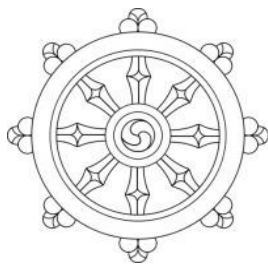
Khi bấy giờ, ông Anan và cả đại chúng nhờ Phật nhiệm màu chỉ bày, thân tâm vắng lặng, không điều ngăn ngại. Cả trong đại chúng đó, mỗi người tự biết tâm tánh cùng khắp mười phương, trông mười phương hư không như xem cái vật, cái lá nắm trong bàn tay; **tất cả những vật có ra trong thế gian, đều tức là tâm tánh Bồ Đề nhiệm màu sáng suốt**. Tâm tánh viên mãn cùng khắp, trùm chứa mười phương, trở lại xem cái thân cha mẹ sinh ra cũng như trong mười phương hư không kia, thổi một vi trần, dầu còn, dầu mất, chẳng khác biển lớn yên lặng, nổi lên một bọt nước, dầu sinh hay diệt, cũng không dính dáng gì. Rõ như vậy, tự biết nhận được tâm tánh bản lai thường trụ không diệt, lễ Phật chấp tay, được cái chưa từng có, ở trước đức Như Lai, nói bài kệ tán thán Phật<sup>44</sup>:

"Đức Thế Tôn bất động,  
Tổng trì tánh diệu trạm,  
Nói pháp Thủ lăng nghiêm,  
Thật hy hữu trong đời,  
Khiến chúng con tiêu diệt  
Vọng tưởng trong ức kiếp,  
Không trải qua tăng kỳ  
Mà chúng được pháp thân.  
Nguyện nay đã chứng quả  
Thành được vị Bảo vương  
Lại hóa độ như thế  
Cho cả hằng sa chúng.  
Đem thâm tâm phụng sự  
Cõi nước như vi trần,

---

<sup>44</sup> Tại Chùa Bắc Tông thường tụng bài kệ này bằng chữ Hán Việt.

Làm được như vậy mới  
Gọi là báo ơn Phật.  
Cúi xin đức Thế Tôn  
Chứng minh cho chúng con,  
Thệ nguyện quyết vào trước  
Trong ngũ trược ác thế;  
Nếu còn một chúng sanh  
Chưa thành được Phật đạo,  
Quyết không ở nơi đó  
Chịu chứng quả Niết Bàn.  
Kính thưa đức Đại Hùng,  
Đại lực, Đại Từ Bi,  
Trông mong lại xét trừ  
Những điều lầm nhỏ nhiệm,  
Cho chúng con sớm lên  
Đến bậc Vô Thượng Giác,  
Nơi thập phương thế giới  
Ngồi đạo tràng thuyết pháp.  
Tánh hư không bất diệt  
Dầu có thể tiêu mất,  
Tâm nguyện chắc chắn này,  
Quyết không hề lay động."



**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢN THỦ LĂNG NGHIÊM**  
(TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)



## Quyển IV

### Phần 10

*(Lưu ý: Đọc phần này hiểu hay không hiểu cũng không sao. Chỉ khi đạt được Chơn Tâm mới rõ Vọng Tâm sinh ra như thế nào, cũng như khi tỉnh mộng mới biết trước đó đang trong mộng mà thôi.)*

### Căn nguyên và Tánh Giác vẹn toàn

Ông Mãn Từ bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, nếu như hết thảy các thứ căn, trần, âm, xứ, giới, vân vân... trong thế gian, đều là tánh thanh tịnh bản nhiên. Như Lai Tạng, thì làm sao bỗng nhiên lại sinh ra các tướng hữu vi như núi, sông, đất liền, thứ lớp đời đời, hết rồi lại có?"

Lại đức Như Lai nói bốn món đại địa, thủy, hỏa, phong, bản tánh viên mãn dung hòa, cùng khắp pháp giới, vắng lặng thường trụ. Bạch Thế Tôn, nếu tánh địa đại cùng khắp, sao lại dung được thủy đại; nếu tánh thủy đại cùng khắp thì hỏa đại không thể phát sinh; làm sao lại phát minh hai tánh thủy đại và hỏa đại đều cùng khắp hư không, không diệt lẫn nhau? Bạch Thế Tôn, tánh địa đại là ngăn ngại, tánh hư không là rộng suốt, làm sao hai đại ấy lại đều cùng khắp pháp giới. Con nay không biết nghĩa ấy do đâu, xin Phật phát lòng đại từ, vén mây mê lầm cho con và trong đại chúng." Ông Mãn Từ nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ bi vô thượng của đức Như Lai.

## Vô Minh Đầu tiên

*(Lưu ý: Phần này chỉ đọc qua để có một khái niệm mà thôi vì chỉ có Phật mới biết được việc này)*

Khi bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Phú lâu na và các vị A la hán lậu tận vô học trong Hội rằng: "Ngày nay Như Lai khắp vì trong Hội này chỉ bày tánh chân thẳng nghĩa trong thẳng nghĩa, khiến cho ở trong Hội này, những hàng định tánh Thanh Văn và hết thảy các bậc A la hán, chưa được hai phép ngã không pháp không, phát tâm hướng về thượng thừa, đều được chỗ tu hành chân chính, thiết thực không xao động của cảnh giới tịch diệt nhất thừa. Ông hãy nghe kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói."

Phật dạy: "Ông Phú lâu na! Như ông vừa nói: Đã là bản nhiên thanh tịnh, làm sao bỗng nhiên lại sinh ra có núi sông, đất liền. Vậy ông không thường nghe Như Lai chỉ dạy: **Tánh Giác là Diệu Minh, Bản Giác là Minh Diệu**, hay sao?"

Ông Phú lâu na bạch: "Thưa Thế Tôn, vâng, con thường nghe Phật chỉ dạy nghĩa ấy."

Phật bảo: "Ông gọi là Giác Minh, vì bản tánh nó là Minh, nên gọi nó là Giác, hay là vì Giác được cái không Minh, mà gọi là Minh Giác?"

Ông Phú lâu na bạch: "Nếu cái không minh đó mà gọi là Giác, thì nó không minh được cái gì."

### Nguyên nhân vọng thấy có thể giới

Phật dạy: "Nếu không có sở minh thì không có Minh Giác, nếu có sở<sup>45</sup> thì không phải là Giác, mà không sở, lại không

---

<sup>45</sup> Sở để chỉ đối tượng, Năng để chỉ chủ thể, Năng và Sở khế hợp với nhau.

phải là Minh; và không minh, thì lại không phải là cái Tánh Giác trong lặng sáng suốt. Vậy **tánh Giác vốn là minh, do vọng tưởng mà cho là Minh Giác**. Giác không có gì là sở minh, nhân có minh mà lập ra thành sở; đã giả dối lập ra **có sở, mới sinh ra cái năng** hư vọng của các ông. "Trong tánh không đồng, không khác, nổi dậy thành ra có khác; khác với cái khác kia, thì nhân cái khác đó, mà lập thành cái đồng. Phát minh cái đồng, cái khác rồi, thì nhân đó, mà lập ra cái không đồng, không khác. Rối loạn như vậy, đối đãi với nhau sinh ra lao lự; lao lự mãi phát ra trần tướng, tự vẫn đục lẫn nhau; do đó, đưa đến những trần lao phiền não. Nổi lên thì thành thế giới, lặng xuống thì thành hư không; hư không là đồng, thế giới là khác; cái không đồng, không khác kia, thật là pháp hữu vi.

"Cái Giác là sáng suốt, cái hư không thì không hay biết, hai cái đối đãi với nhau, thành có lay động, cho nên có Phong Luân nắm giữ thế giới. Nhân cái hư không, mà sinh ra có lay động, phát minh tánh cứng, thì thành có ngăn ngại; các loại kim bảo đều do Minh Giác lập ra tánh cứng, cho nên có Kim Luân nắm giữ cõi nước. Biết cái cứng, thì thành có kim bảo, rồi cái lay động, thì phong đại phát ra; phong đại và kim bảo cọ xát nhau, cho nên có Hòa đại làm tánh biến hóa. Ngọn lửa xông lên, kim bảo sinh ra tánh ướt, cho nên có Thủy Luân trùm khắp các cõi mười phương. Lửa bốc lên, nước sa xuống, giao nhau phát hiện, mà lập thành tánh cứng; chỗ ướt là bề lớn, chỗ khô là gò nổi; do cái nghĩa ấy, trong bề lớn kia, hơi nóng thường bốc lên; trong gò nổi kia, sông ngòi thường chảy xuống. Thế nước kém thế lửa, thì kết thành núi cao, vậy nên đá núi, đập thì có tia lửa, nấu thì chảy ra nước. Thế đất kém thế nước, rút ra thành cỏ cây, vậy nên rừng rú bị đốt thì thành đất, vắt ra thì có nước.

Vọng tưởng giao xen phát sinh, xoay vần làm chũng tử cho nhau; do nhân duyên ấy mà thế giới tiếp tục.

Lại nữa, Phú lâu na! **Vọng tưởng chẳng phải gì khác, do Tánh Giác Minh hóa ra lầm lỗi**; cái sở minh hư vọng đã lập, thì phạm vi của cái năng minh không vượt khỏi được. Do nhân duyên ấy, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc, sáu cái vọng: Sắc, hương, vị, xúc vân vân..., đã thành lập, thì do đó, chia ra có thấy, nghe, hay, biết.

Đồng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà hợp, mà ly, mà thành, mà hoại. Cái thấy phát minh, thì các sắc phát ra; nhận rõ nơi sự thấy, thì thành có tư tưởng; rồi ý kiến khác nhau, thì thành ra ghét, tưởng niệm đồng nhau, thì thành ra yêu. Lan [trần] cái yêu ra, thành hạt giống, thu nạp tưởng niệm, thành ra cái thai, giao cấu phát sinh, hấp dẫn nhóm đồng nghiệp, nên có nhân duyên sinh ra yết la lam, át bồ đàm, vân vân... Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh hay hóa sinh là tùy tùy theo chỗ mà ứng: Noãn chỉ do tưởng niệm mà sinh, thai thì nhân ái tình mà có, thấp sinh thì do cảm mà hợp lại, còn hóa sinh thì phân ly mà ứng hiện. Khi tinh, khi tưởng, khi hợp, khi ly, thay đổi lẫn nhau, nên các loài chịu nghiệp báo cũng theo đó mà lên xuống; do nhân duyên ấy, chúng sanh nối tiếp nhau không dứt.

Phú lâu na! Tư tưởng thương yêu ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời, thì những cha mẹ con cháu trong thế gian sinh nhau không ngớt, nhóm này thì lấy dục tham làm gốc. Lòng tham, lòng yêu giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không thôi, thì các loài thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau; nhóm này thì lấy sát tham làm gốc. Lấy thân người ăn con dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười loài chúng sanh chết sống, sống chết, ăn nuốt lẫn nhau,



nghiệp dữ cùng sinh ra tột đời vị lai, nhóm này thì lấy đạo tham làm gốc.

Người này mắc nợ thân mệnh người kia, người kia trả nợ cũ cho người này; do nhân duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong đường sống chết. Người này yêu cái tâm người kia, người kia ưa cái sắc người này, do nhân duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong vòng ràng buộc. Duy ba món sát, đạo, dâm làm gốc và vì nhân duyên đó, nghiệp quả tiếp tục.

Phú lâu na! Ba thứ tiếp tục điên đảo ấy, đều do tánh sáng suốt rõ biết của Giác Minh, **nhân rõ biết phát ra có tướng, theo vọng tưởng mà kiến chấp sinh ra**, các tướng hữu vi núi sông, đất liền thứ lớp dời đổi, đều nhân cái hư vọng đó, mà xoay vần sau trước.”

### **Giác chẳng sanh mê**

Ông Phú lâu na bạch: "Nếu cái Diệu Giác đó, bản tánh là Diệu Minh, cùng với tâm Như Lai, không thêm không bớt, mà không có gì bỗng nhiên lại sinh ra các tướng hữu vi núi sông, đất liền; vậy Như Lai hiện nay đã chứng được Bản Giác Diệu Minh, không có phân biệt, thì đến lúc nào lại sinh ra núi sông, đất liền và các tập lậu hữu vi?"

Phật bảo ngài Phú lâu na: "Ví như người mê, nơi một xóm làng, lầm phương Nam làm phương Bắc, thì cái mê ấy, lại là nhân mê mà có hay nhân ngộ mà ra?"

Ông Phú lâu na bạch: "Người mê như vậy, cũng không nhân mê, cũng không nhân ngộ. Vì sao? Mê, vốn không có gốc, làm sao lại nhân mê? Còn ngộ, không phải cái sinh ra mê, làm sao lại nhân ngộ?"

Phật dạy: "Người mê kia, chính trong lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ bày cho được ngộ. Phú lâu na! Ý ông nghĩ thế nào? Người ấy giải trừ được cái mê đi, thì đối với xóm làng đó, còn có sanh mê nữa không?"

Thưa Thế Tôn, không.

Phú lâu na! Như Lai mười phương thì cũng như vậy. Cái mê đó không có gốc, tánh nó rốt ráo là rỗng không; **xưa vốn không mê, chỉ hình như có mê, có Giác; Giác được cái mê, thì cái mê diệt và Giác không sinh ra mê.**

Cũng như người lòa thấy hoa đốm giữa hư không, nếu trừ được bệnh lòa, thì hoa đốm nơi hư không diệt mất. Bỗng có người ngu, ở chỗ hư không mà hoa đốm kia đã diệt rồi, lại mong đợi hoa đốm sinh lại. Ông xét người ấy, là ngu hay là trí tuệ?"

Ông Phú lâu na bạch: "Hư không vốn không có hoa đốm, vì hư vọng mà thấy có sinh diệt; thấy hoa đốm diệt mất nơi hư không đã là điên đảo rồi; lại còn muốn bảo nó sinh lại, thì thật là điên dại; làm sao còn gọi người điên như vậy, là ngu hay là trí tuệ."

Phật dạy: "Ông hiểu như vậy, làm sao còn hỏi Tánh Giác Diệu Minh, không có phân biệt của chư Phật Như Lai, lúc nào lại sinh ra núi sông, đất liền.

Lại như quặng vàng lộn với vàng ròng, khi vàng đã luyện thành ròng rồi, thì không xen lộn được nữa; cũng như cây đã đốt ra tro, thì không thành cây được nữa; Bồ Đề Niết Bàn chư Phật Như Lai thì cũng như vậy.

## Các Đại có thể tương dung

"Phú lâu na! Ông lại hỏi về địa, thủy, hỏa, phong, bản tánh viên mãn dung hòa, cùng khắp pháp giới, nghi sao tánh nước, tánh lửa lại không lẫn nhau, diệt nhau và nêu ra hư không và địa đại đều cùng khắp pháp giới, lẽ ra không dung được nhau.

Phú lâu na! Ví như hư không, bản thể không phải các tướng, mà không ngăn cản các tướng phát huy. Vì sao? Phú lâu na! Nơi hư không kia, mặt trời soi thì sáng, mây kéo thì tối, gió lay động, trời tạnh thì trong, hơi đọng, thì đục, bụi nổi thì mù, nước đứng thì ánh. Ý ông nghĩ thế nào? Các tướng hữu vi khác nhau như vậy, nhân các cái kia mà sinh, hay nhân hư không mà có. Phú lâu na! Nếu như do các cái kia sinh ra, thì khi mặt trời soi, đã là mặt trời sáng, mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời, làm sao giữa hư không, lại còn thấy mặt trời tròn. Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự soi lấy, làm sao lúc giữa đêm mây mù, lại không sinh ra sáng chói. Vậy nên biết rằng cái sáng đó, không phải mặt trời, không phải hư không và cũng không ra ngoài hư không và mặt trời. Xét kỹ **các tướng vốn là vọng, không thể chỉ bày**, cũng như muốn hoa đốm hư không kết thành quả hư không, làm sao còn gạn hỏi cái nghĩa lẫn diệt lẫn nhau? Xét cái tánh, vốn là chân, chỉ là Tánh Giác Diệu Minh. Tánh Giác Diệu Minh, vốn không phải là nước hay là lửa, làm sao còn hỏi về nghĩa không dung được nhau?

Bản Tánh Diệu Minh chân thật thì cũng như vậy. Ông phát minh cái hư không, thì có hư không hiện ra; địa, thủy, hỏa, phong, mỗi mỗi phát minh, thì mỗi mỗi hiện ra; nếu cùng phát minh, thì cùng hiện ra.

Thế nào là cùng hiện ra? Phú lâu na! Như trong một chỗ có nước, hiện ra bóng mặt trời, hai người đồng xem mặt trời trong nước; rồi một người đi phương Đông, một người đi phương Tây, thì hai bên đều có mặt trời theo mình cùng đi, một cái về phương Đông, một cái về phương Tây, không có chuẩn đích nhất định. Không nên gạn hỏi rằng, mặt trời đó là một, sao lại mỗi cái đi theo mỗi người? Các mặt trời đã thành hai, làm sao trước kia chỉ hiện ra có một? Hư vọng quanh lộn như thế, không thể lấy gì làm bằng cứ.

### **Chỉ rõ Tánh Diệu Minh là Như Lai Tạng rời cả hai nghĩa “Phi” và “Tức”**

"Phú lâu na! Ông đem cái sắc, cái không, mà lần đoạt lẫn nhau nơi Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng theo ông làm sắc, làm không, cùng khắp pháp giới; vậy nên trong ấy, gió thổi thì động, hư không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối: Chúng sanh mê lầm, lia xa Giác tánh, hợp với trần tướng, cho nên phát ra trần lao mà có các tướng thế gian."

"Ta thì lấy tánh Diệu Minh, không diệt không sinh, hợp với Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng chỉ là tánh Giác Diệu Minh, soi khắp pháp giới; vậy nên trong ấy, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ, đạo trường [tràng] bất động cùng khắp thế giới mười phương, thân trùm cả hư không vô tận mười phương, nơi đầu một mây lông, hiện ra cõi Bảo vương, ngồi trong vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn; lia trần tướng, hợp Giác tánh, nên tánh Giác chân như nhiệm màu sáng suốt hiển bày.

"Nhưng Như Lai Tạng bản tánh diệu viên, **không phải là** tâm, là không, là địa, là thủy, là phong, là hỏa; không phải là nhãn, là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không phải là sắc, là thanh, hương, vị, xúc, pháp; không phải là nhãn thức giới, cho đến

không phải là ý thức giới; không phải là minh, là vô minh, là hết minh, là hết vô minh, cho đến không phải là lão, là tử, là hết lão tử; không phải là khô, là tập, là diệt, là đạo; không phải là trí, là đắc; không phải là bố thí, là trì giới, là tinh tiến, là nhẫn nhục, là thiền định, là trí tuệ, là Ba la mật đa, cho đến cũng không phải là Như Lai, là Ứng cúng, là Chính biến tri; không phải là Đại Niết Bàn, là đức Thường, đức Lạc, đức Ngã, đức Tịnh, vì cái đó, đều không là các pháp thế gian và xuất thế gian vậy<sup>46</sup>.”

"Tức cái bản tánh minh diệu Như Lai Tạng, **cũng tức là tâm**, là không, là địa, là thủy, là phong, là hỏa; tức là nhãn, là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; tức là sắc, là thanh, hương, vị, xúc, pháp; tức là nhãn thức giới, cho đến là ý thức giới; tức là minh, là vô minh, là hết minh, là hết vô minh, cho đến tức là lão, là tử, là hết lão tử; tức là khô, là tập, là diệt, là đạo; tức là trí, là đắc; tức là bố thí, là trì giới, là tinh tiến, là nhẫn nhục, là thiền định, là trí tuệ, là Ba la mật đa, cho đến tức là Như Lai, là Ứng cúng, là Chính biến tri; tức là Đại Niết Bàn, là đức Thường, đức Lạc, đức Ngã, đức Tịnh; do cái đó, tức là các pháp thế gian và xuất thế gian vậy.”

"Tức cái tánh Giác Diệu Minh Như Lai Tạng, **rời cả các nghĩa "tức", "phi" và cũng là "tức", là "phi"; làm sao chúng sanh ba cõi thế gian và các hàng Thanh Văn, Duyên Giác xuất thế gian, lấy cái tâm hay biết sự vật, mà đo lường được vô thượng Bồ Đề của Như Lai, dùng tiếng nói thế gian, mà vào được tri kiến của Phật<sup>47</sup>**. Ví như, những cây đàn cầm, sắt, không hầu, tỷ bà, tuy có tiếng hay, nhưng nếu không có ngón tay hay, thì rốt cuộc cũng không

---

<sup>46</sup> Nơi Như Lai Tạng không còn phân biệt, không còn danh tự.

<sup>47</sup> Phần này cho biết chúng sanh không thể hiểu nổi, lời Đức Phật dạy bằng ví dụ chàng Diễn Nhã Đạt Đa chỉ là **để gợi ý** mà thôi.

phát ra được. Ông cùng chúng sanh thì cũng như vậy. Tâm tánh chân thật, mỗi người đều đầy đủ, nhưng khi Ta ấn ngón tay, thì hải ấn phát ra hào quang, còn các ông tạm móng tâm lên, thì trần lao đã nổi, do vì không siêng năng cầu đạo vô thượng Giác, ưa nhớ Tiểu Thừa, được một ít đã cho là đủ."

### **Mê vọng không có nhân, hết mê là Bồ Đề**

Ông Phú lâu na bạch: "Chơn Tâm Viên Giác Diệu Minh của con và của Như Lai, đều viên mãn không hai, mà con, trước kia mắc vọng tưởng vô thủy, ở lâu trong luân hồi, nay được thánh thừa, còn chưa rớt ráo; Thế Tôn, thì khắp tất cả các vọng đều diệt trọn, chỉ có diệu dụng tánh chân thường. Xin hỏi đức Như Lai, hết thấy chúng sanh, vì nhân gì mà có vọng, tự che Tánh Diệu Minh, mà chịu chìm đắm như vậy?"

Phật bảo ngài Phú lâu na: "Ông tuy trừ được lòng nghi, nhưng còn những điều lầm chưa dứt hết. Nay Ta lại đem những việc hiện tiền thế gian mà hỏi ông. Há ông không nghe trong thành Thất la phiệt, có anh Diễn nhả hạt đa, buổi mai lấy gương soi mặt, bỗng nhiên ưa cái đầu trong gương, lông mày, con mắt có thể thấy được, rồi giận trách cái đầu mình, sao lại không thấy mặt mày, cho là giống yêu quái, rồi không có gì [bỗng nhiên] phát điên bỏ chạy. Ý ông nghĩ thế nào, người đó vì nguyên nhân gì, vô cớ phát điên bỏ chạy?"

Ông Phú lâu na bạch: "Tâm người ấy điên, chứ không có có gì khác."

Phật dạy: "Tánh Diệu Giác viên mãn sáng suốt, bản lai là Diệu Minh cùng khắp; **đã gọi là vọng, thì làm sao có nhân**, nếu có nguyên nhân, thì sao gọi là vọng? Chỉ tự các vọng tưởng xoay vần làm nguyên nhân cho nhau, theo cái mê, chứa cái mê, trải qua kiếp số như vi trần; tuy Phật phát minh, còn không biết trở về. Nguyên nhân cái mê như vậy, là nhân

mê tự có, **biết cái mê không có nhân, thì cái vọng không chỗ nương tựa, còn không có sinh, thì muốn đem cái gì mà làm cái diệt.** Người được đạo Bồ Đề như người tỉnh giấc kể chuyện trong chiêm bao; tâm dầu rõ ràng, nhưng không thể có nhân duyên gì lấy được những vật trong chiêm bao; hưởng nữa, cái mê lại không có nhân, vốn không có gì cả. Như anh Diễn nhả hạt đa trong thành kia, đâu có nhân duyên, mà tự sợ đầu mình bỏ chạy, khi hết điên, thì cái đầu đâu phải từ ngoài đưa tới; dầu chưa hết điên, cái đầu cũng không hề mất.

Phú lâu na! Tánh của cái vọng là như vậy, làm sao còn có nguyên nhân được. Ông chỉ **không theo sự phân biệt ba thứ “các Pháp nơi thế gian, nghiệp quả, chúng sanh”, khi ba duyên đã đoạn rồi, ba nhân không sinh ra nữa, và tánh điên của anh Diễn nhả hạt đa trong tâm ông tự hết. Hết, tức là tâm tánh Bồ Đề trong sạch sáng suốt, bản lai cùng khắp pháp giới hiện ra, không do ai đưa lại, nào cần gì phải tu chứng nhọc nhằn vất vả.**

Ví như có người, ở nơi áo mình, buộc một hạt châu như ý<sup>48</sup>, mà không hay biết, nên phải xin ăn rong ruổi phương xa, nghèo nàn rách rưới; tuy người ấy thật nghèo nàn, nhưng hạt châu không hề bị mất; bỗng nhiên có người khôn, chỉ hạt châu ra cho, thì người ấy muốn gì được nấy, thành giàu có lớn, rồi mới ngộ được hạt châu quý hóa ấy, không phải do ở ngoài đưa tới.”

### **Phá xích nhân duyên, tự nhiên xưa nay không vọng**

Lúc bấy giờ ngài Anan ở trong đại chúng, đành lễ chân Phật, đứng dậy bạch Phật: "Đức Thế Tôn hiện nói về các nghiệp

---

<sup>48</sup> Hột châu trong ché áo là chuyện người cùng tử trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

sát, đạo, dâm. Về ba duyên đoạn rồi, thì ba nhân không sinh và tánh điên anh Diễn nhả đạt đa trong tâm tự hết; hết, tức là Bồ Đề, không do người khác đưa tới; như thế, rõ ràng là nhân duyên rồi, làm sao đức Như Lai lại bỏ nghĩa nhân duyên? Chính con, do nhân duyên, mà tâm được khai ngộ.

Bạch Thế Tôn, nghĩa ấy đâu chỉ đối với hàng Thanh Văn hữu học, ít tuổi như chúng con, mà hiện nay, trong Hội này, ông Đại mục kiên liên, ông Xá Lợi Phất, ông Tu Bồ Đề, vân vân ... cũng từ ông lão Phạm Chí nghe lý nhân duyên của Phật, mà phát tâm khai ngộ, được thành quả vô lậu. Nay Phật dạy rằng Bồ Đề không do nhân duyên, thì các thuyết tự nhiên của nhóm Câu xá ly, thành Vương xá, lại thành đê nhất nghĩa. Xin Phật rủ lòng đại bi, khai phá chỗ mê làm cho chúng con.”

Đức Phật bảo: "Anan! Như cái đầu anh Diễn nhả đạt đa vốn là tự nhiên, nó đã tự nhiên như thế, thì có lúc nào lại không tự nhiên, vậy vì nhân duyên gì, mà sợ cái đầu, phát điên bỏ chạy? Nếu cái đầu tự nhiên, vì nhân duyên mà điên, thì sao không tự nhiên, vì nhân duyên mà mất đi? Cái đầu vốn không mất, điên sợ giả dối phát ra, chứ nào có thay đổi gì, mà phải nhờ đến nhân duyên. Nếu tánh điên vốn là tự nhiên và vốn có sẵn tánh điên sợ, thì khi chưa điên, cái điên núp vào chỗ nào? Nếu tánh không điên là tự nhiên, thì cái đầu vẫn không việc gì, sao lại phát điên bỏ chạy? Nếu ngộ được cái đầu sẵn có, biết mình vì phát điên mà bỏ chạy, thì nhân duyên và tự nhiên đều là hý luận."

### **Đưa vào Bồ Đề**

"Vậy nên Ta nói: Ba duyên đoạn trừ rồi, tức là tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề sinh, tâm sinh diệt diệt, đó chỉ là sinh diệt. Diệt



và sinh đều hết, thì gọi là vô công dụng đạo<sup>49</sup>. Nếu có tự nhiên, như vậy là phát minh tâm tự nhiên sinh, tâm sinh diệt diệt, thế cũng là sinh diệt và lấy cái không sinh diệt, gọi là tự nhiên. Cũng như, trong thế gian các tướng hòa lẫn thành ra một thể, gọi là tánh hòa hợp; cái không phải hòa hợp, thì gọi là tánh bản nhiên. Bản nhiên không phải bản nhiên, hòa hợp không phải hòa hợp, hòa hợp và bản nhiên đều rời bỏ, **rời bỏ và không rời bỏ đều "phi", câu nói này, mới gọi là pháp không hý luận."**

"Bồ Đề Niết Bàn còn ở xa xôi, nếu ông không trải qua nhiều kiếp siêng năng tu chứng, thì tuy ghi nhớ diệu lý thanh tịnh mười hai bộ kinh của thập phương Như Lai, như cát sông Hằng, cũng chỉ càng thêm hý luận. Ông tuy nói lý nhân duyên, tự nhiên, chắc chắn rõ ràng, người đời gọi ông là đa văn bậc nhất. Với cái huân tập đa văn nhiều kiếp đó, ông không thoát khỏi được nạn Ma đăng già, phải đợi thần chú Phật đánh của Ta, làm cho lửa dâm trong tâm nòng Ma đăng già hết đi và nòng được quả A na hàm, ở trong Phật pháp thành rừng tinh tiến, sông ái khô cạn, mới khiến cho ông được giải thoát. Vậy nên ông Anan, tuy ông **nhiều kiếp ghi nhớ những pháp bí mật diệu nghiêm của Như Lai, cũng không bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa rời hai khổ ưa ghét thế gian.** Như nòng Ma đăng già, trước kia là dâm nữ, do sức thần chú, tiêu diệt lòng ưa muốn, nay ở trong Phật pháp, gọi tên là Tánh Tử kheo ni, cùng với mẹ La hầu la là Da du đà la, đồng ngộ nhân trước, biết đã trải qua nhiều đời, nhân vì tham ái mà khổ, một niệm huân tu pháp vô lậu thiện, thì người đã ra khỏi ràng buộc, người thì được Phật thọ ký, làm sao, ông còn tự dối mình, mắc mứu mãi trong vòng nghe thấy."

---

<sup>49</sup> Vô công dụng đạo: Dùng đạo không tồn công sức.

## Phần 11

### Chỉ nghĩa quyết định

#### Các pháp tu hành sau khi đốn ngộ, phát Bồ Đề Tâm

Ngài Anan và cả đại chúng nghe lời Phật dạy, tiêu hết nghi hoặc, ngộ được thật tướng, thân và ý đều yên lành, được pháp chưa từng có, nên thỉnh cầu đức Phật dạy pháp tu hành, phát Bồ Đề Tâm.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thương xót các hàng Thanh Văn, Duyên Giác trong Hội, chưa được tự tại nơi tâm Bồ Đề, và những chúng sanh phát Bồ Đề tâm trong đời Mạt Pháp về sau, khi Phật đã diệt độ rồi, khai thị cho đường tu hành nhiệm mầu **pháp vô thượng thừa**, và chỉ dạy ông Anan với cả đại chúng rằng: "Các ông quyết định phát tâm Bồ Đề, đối với pháp Tam ma đề chư Phật Như Lai, không sinh mệt mỏi, thì trước hết, nên rõ hai nghĩa quyết định, trong lúc bắt đầu phát tâm tự Giác<sup>50</sup>."

#### Phát Tâm trong lúc tu nhân

*(Lưu ý: Đọc kỹ đoạn này và nhớ lấy để khi tu không lạc vào tà đạo)*

"Thế nào là hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm. Anan! nghĩa thứ nhất là: Nếu các ông muốn rời bỏ phép Thanh Văn, tu thừa Bồ Tát, vào tri kiến của Phật, thì **ên xét kỹ cái nhân địa phát tâm với quả địa của Giác ngộ là đồng hay là khác nhau**. Anan! Nếu nơi nhân địa mà đem cái tâm sinh diệt làm cái nhân tu hành, đề cầu cho được cái quả bất sinh bất diệt của Phật thừa, thì **thật không thể được**. Do cái nghĩa đó, ông nên xét các pháp, có thể làm

---

<sup>50</sup> Phát Tâm tự Giác còn gọi là Sơ Tâm Giác Ngộ.

ra trong khí thể gian, đều phải thay đổi diệt mất. Anan! Ông xét các pháp, có thể làm ra trong thể gian, có cái gì là không hư nát, nhưng không bao giờ nghe hư không tan rã, vì sao? Vì hư không không phải là cái bị làm ra, do đó, trước sau không hề tan mất. Thì trong thân ông, tướng cứng là địa đại, thấm ướt là thủy đại, hơi ấm là hỏa đại, lay động là phong đại; **do bốn cái ấy ràng buộc, mà chia cái Tâm Tánh Diệu Minh vắng lặng, cùng khắp của ông, làm ra cái thấy, cái nghe, cái biết, cái xét nghĩ, từ đầu đến cuối, tạo thành năm lớp ô trược.**

"**Thế nào là trược?** Anan! Ví như nước trong, bản nhiên là trong sạch, lại như những thứ bụi, đất, tro, cát, bản chất là ngăn ngại; hai bên bản nhiên thể chất khác nhau, không hợp nhau được. Có người thể gian lấy đất bụi kia, ném vào nước sạch, thì đất mất ngăn ngại, nước mất trong sạch, hình trạng đục vẩn, gọi đó là trược; năm lớp ô trược của ông cũng giống như vậy.

Anan! Ông thấy hư không khắp mười phương thế giới. Bên không, bên thấy, không tách rời nhau; có cái không mà không thật thể, có cái thấy mà không hay biết, hai bên xen lộn giả dối thành ra lớp thứ nhất, gọi là **kiếp trược**.

Thân ông hiện ôm bốn món đại làm tự thể, che bít những sự thấy, nghe, hay, biết, thành bị ngăn ngại và trở lại làm cho các thứ địa, thủy, hỏa, phong, thành có hay biết; các điều đó xen lộn giả dối thành ra lớp thứ hai, gọi là **kiến trược**.

Lại trong tâm ông, những sự nhớ biết học tập, phát ra tri kiến, hiện ra tướng sáu trần, thì những sự đó, rời tiền trần không có tướng, rời tri Giác không có tánh, xen lộn giả dối thành ra lớp thứ ba, gọi là **phiền não trược**.

Lại tâm ông ngày đêm sinh diệt không ngừng, tri kiến thì muốn lưu mãi ở thế gian, nhưng nghiệp báo xoay vần thì lại thường dời đổi cõi này cõi khác, những điều đó xen lộn giả dối thành ra lớp thứ tư, gọi là **chúng sanh trực**.

Cái thấy, cái nghe của ông, bản tánh vốn không khác nhau, do các trần cách trở, mà không duyên có gì, lại sinh ra khác nhau; trong tánh thì vẫn biết nhau, nhưng trong dụng thì trái ngược nhau, cái đồng và cái khác đã mất hẳn chuẩn đích, xen lộn giả dối thành ra lớp thứ năm, gọi là **mệnh trực**.

Anan! Nay ông muốn cho cái sự thấy, nghe, hay, biết, vĩnh viễn khế hợp với bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai, thì trước hết, phải lựa bỏ cõi gốc sống chết, **nuơng theo cái không sinh diệt mà thành tựu tánh trong lặng cùng khắp. Dùng cái trong lặng mà xoay các thứ sinh diệt hư vọng trở về nơi bản Giác, được tánh không sinh diệt của bản Giác làm cái tâm nhân địa, thì về sau mới viên thành Quả Địa tu chứng**<sup>51</sup>. Như lắng nước đục đục trong một cái đồ để yên, để yên mãi không lay động, thì đất cát tự chìm xuống và nước trong hiện ra, thế gọi là bắt đầu uốn dẹp các khách trần phiền não; gạn bùn hết sạch, chỉ còn nước trong, thì gọi là dứt hẳn căn bản vô minh; tướng sáng suốt đã tinh thuần, thì tất cả các điều biến hiện đều không gây ra phiền não và hợp với đức màu thanh tịnh của Niết Bàn.

### **Xét rõ gốc rễ phiền não**

Nghĩa thứ hai là các ông quyết muốn phát tâm Bồ Đề, nơi thừa Bồ Tát, sinh lòng đại dũng mãnh, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi, thì **nên xét rõ cõi gốc phiền não**, những thứ

---

<sup>51</sup> Câu này phải nhớ kỹ vì đó là **pháp tu để áp dụng vào thực hành** chứ không phải nói suông.

ấy từ vô thủy đến nay phát sinh nghiệp và nảy nở ra, là ai làm, ai chịu?

Anan! Ông tu đạo Bồ Đề, nếu không suy xét cội gốc phiền não, thì không thể biết những căn trần hư vọng, nó điên đảo ở chỗ nào; chỗ điên đảo còn không biết, thì làm sao uốn dẹp được nó và chứng được quả vị Như Lai.

Anan! Ông hãy xem người thế gian cỡi nút, hễ không thấy chỗ thắt nút, thì không biết cỡi, chứ không hề nghe hư không bị phá tan; vì sao? Vì hư không không có hình tướng, không thắt, không cỡi vậy. Thì như ông hiện nay, sáu thứ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý làm mai mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà; do đó, từ vô thủy, thế giới chúng sanh sinh ra ràng buộc, không thể vượt khỏi thế gian sự vật.<sup>52</sup>

Anan! **Thế nào gọi là thế giới chúng sanh?** Thế là thời gian dôi dỗi, giới là không gian phương hướng. Nay ông nên biết những phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên, phương dưới là giới. Còn quá khứ, vị lai, hiện tại là thế. Phương hướng có mười, số lưu chuyển của thời gian có ba, hết thấy chúng sanh dệt cái vọng mà thành như vậy; nơi sự dôi dỗi trong thân, thế và giới gắn bó với nhau. Nhưng cái tánh của giới đó, tuy là mười phương, song có chỗ nhất định có thể chỉ rõ, thì thế gian chỉ nhận phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc; phía trên, phía dưới, thì không có vị trí rõ ràng; ở giữa cũng không có chỗ nhất định. Số bốn đã rõ rồi, nhân với số thế, thì ba lần bốn, bốn lần ba, xoay vần là số mười hai, nhân luôn ba lớp, một chục thành trăm, thành nghìn, thì

---

<sup>52</sup> Ý nghĩa đoạn này là qua sáu căn, chúng sanh dính mắc (ràng buộc) vào thế gian.

tổng quát trước sau, ở trong sáu căn, mỗi mỗi có thể có đến một nghìn hai trăm công đức.

Anan! Trong sáu căn đó, ông lại xét định chỗ hơn, chỗ kém. Như nhãn căn xem thấy, phía sau thì tối, phía trước thì sáng, phương trước toàn sáng, phương sau toàn tối, kể cả ngó qua bên phải bên trái, thì ba phần chỉ thấy được hai; tóm lại công đức của nhãn căn không toàn vẹn, trong ba phần công đức thì một phần không có; vậy nên biết **nhãn căn chỉ có tám trăm công đức**.

Như nhĩ căn nghe khắp, mười phương không sót, động thì giống như có xa có gần, tĩnh thì không có bờ bến; vậy nên biết **nhĩ căn đầy đủ một nghìn hai trăm công đức**.

Như tỷ căn ngửi biết cả lúc thở ra, thở vào; chỉ có trong lúc thở ra, thở vào mà còn thiếu trong lúc hơi thở giao tiếp; xét nơi tỷ căn, ba phần còn thiếu một; vậy nên biết **tỷ căn chỉ có tám trăm công đức**.

Như thiệt căn phô bày cùng tốt trí thế gian và xuất thế gian; lời nói có chừng hạn, nhưng lý thì vô cùng vô tận; vậy nên biết **thiệt căn đầy đủ một nghìn hai trăm công đức**.

Như thân căn biết xúc trần, biết các cảm xúc trái và thuận; khi hợp lại thì biết, khi rời ra thì không biết, rời chỉ có một, hợp thì có hai; xét nơi thân căn, ba phần còn thiếu một; vậy nên biết **thân căn chỉ có tám trăm công đức**.

Như ý căn thâm lắng dung nạp tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian trong mười phương ba đời; dù thánh hay phàm, không pháp nào không bao dung cùng tốt bờ bến; vậy nên biết **ý căn đầy đủ một nghìn hai trăm công đức**.

Anan! Nay ông muốn ngược dòng sinh tử, xoay về tốt gốc lưu chuyển, đến chỗ không sinh diệt, thì nên xét trong sáu

căn hiện đương thọ dụng, cái gì là hợp, cái gì là ly, cái gì là sâu, cái gì là cạn, cái gì là viên thông, cái gì là không viên mãn. Nếu ngộ được căn tánh viên thông nơi đó, ngược lại dòng nghiệp dết vọng vô thủy kia và theo được tánh viên thông, thì đối với sự tu hành nơi cái căn không viên thông, hiệu quả xấp bội, một ngày bằng một kiếp. Ta nay đã chỉ rõ sáu căn viên minh, vốn có những số lượng công đức như thế; tùy ông lựa chọn nơi căn nào, có thể nhập đạo được, thì Ta sẽ phát minh, để cho ông được tăng tiến trên đường tu hành. Thập phương Như Lai, nơi mười tám giới, mỗi giới đều tu hành được viên mãn vô thượng Bồ Đề; trong các giới đó, cũng không có gì là hơn, là kém. Chỉ vì ông căn cơ thấp kém<sup>53</sup>, chưa thể viên mãn trí tuệ, tự tại trong ấy được, nên Ta bảo ông **chỉ đi sâu vào một căn, đi sâu đến chỗ không còn vọng tưởng, thì cả sáu căn kia một thời đều thanh tịnh.**"

Ngài Anan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, làm sao ngược dòng hư vọng, đi sâu vào một căn, lại có thể khiến cho sáu căn một thời đều thanh tịnh?"

Phật bảo ngài Anan: "Ông nay đã được quả Tu đà hoàn, đã diệt được kiến hoặc của ba cõi thế gian chúng sanh, song còn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy; các tập khí kia, phải nhân tu đạo rồi mới đoạn được, huống chi, trong đó còn có rất nhiều phân loại, số mục sinh trụ dị diệt.

Nay ông hãy xét sáu căn hiện tiền là một, hay là sáu. Anan! Nếu nói là một, thì lẽ tai sao không thấy, con mắt sao không nghe, đầu sao không đi, chân sao không nói; còn nếu sáu căn đó quyết định là sáu, thì như trong Hội này, tôi chỉ dạy pháp

---

<sup>53</sup> Đức Phật nói rõ sự lựa chọn căn viên thông để phù hợp với căn cơ của mình, chứ không nhất định phải chọn một trong sáu căn.

môn nhiệm mầu cho ông, trong sáu căn của ông, cái gì linh thọ?"

Ông Anan bạch: "Tôi dùng lỗ tai nghe."

Phật dạy: "Lỗ tai ông tự nghe, nào dính gì đến thân với miệng, mà miệng ông thì hỏi nghĩa, thân ông thì đứng dậy kính vâng. Vậy nên biết rằng chẳng phải một, mà cuối cùng thành sáu, chẳng phải sáu, mà cuối cùng thành một, rốt cuộc cái căn của ông, vốn không phải là một, hay là sáu. Anan! Ông nên biết cái căn ấy không phải một, không phải sáu; do từ vô thủy đằm chấp trái ngược, nên nơi tánh viên trạm (trong lặng,) sinh ra có cái một, cái sáu. Nay ông được quả Tu đà hoàn, tuy đã tiêu được cái sáu, nhưng còn chưa quên cái một.

Như cái hư không, tham hợp với các vật dụng; do hình trạng vật dụng khác nhau, mà gọi là hư không khác nhau, đến khi trừ bỏ vật dụng mà xem cái hư không, thì nói hư không là một; chứ cái hư không kia, làm sao lại vì ông mà thành đồng hay không đồng, huống nữa, lại gọi là một hay không phải một.

Sáu căn hay biết của ông thì cũng như vậy.

**Do hai thứ sáng và tối**, tỏ bày lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, làm dính che tánh yên lặng, **phát ra cái thấy**; cái thấy dọi ra thành sắc, kết cái sắc lại thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể con mắt như quả bồ đào; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo sắc.

**Do hai thứ động và tĩnh**, đối chọi lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, làm dính che tánh yên lặng, **phát ra cái nghe**; cái nghe ánh ra thành tiếng, cuốn cái tiếng lại thành căn, gốc căn, thì



gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái tai như lá mới cuốn; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo tiếng.

**Do hai thứ thông và bít**, phát hiện lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, làm dính che tánh yên lặng, **phát ra cái ngửi**; cái ngửi ánh ra thành hương, thu nạp cái hương thành căn, gốc căn, thì gọi đó là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái mũi như hai móng tay rủ xuống; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo hương.

**Do hai thứ nhạt và có vị**, tham chước lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, làm dính che tánh yên lặng, **phát ra cái nếm**; cái nếm ánh ra thành vị, thắt cái vị thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái lưỡi như mặt trăng mới khuyết; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo vị.

**Do hai thứ ly và hợp**, so sánh lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, làm dính che tánh yên lặng, **phát ra cái biết xúc**; cái biết xúc ánh ra thành xúc, ôm nắm cái xúc thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái thân như dáng trống com, bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo xúc.

**Do hai thứ sinh và diệt**, tiếp tục lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, làm dính che tánh yên lặng, **phát ra cái biết**; cái biết ánh ra thành các pháp, tóm thu các pháp thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi cái ý như cái thấy trong phòng tối; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo pháp.”

"Anan! Sáu căn như vậy do tánh Giác Minh kia chuyển thành Minh Giác, mắt tánh sáng suốt, dính với cái vọng mà phát ra hay biết. Vậy nên ông nay rời sáng rời tối, thì không có cái thấy, rời động rời tĩnh, thì không có cái nghe, không thông không bít, thì cái ngửi không sinh, không vị không nhạt, thì cái nếm không phát ra, không ly không hợp, thì cái

biết xúc vốn không, không diệt không sinh, thì cái rõ biết không gá vào đâu.

Ông chỉ không đi theo những động tĩnh, hợp ly, không vị có vị, thông bát, sáng tối, sinh diệt, cả mười hai tướng hữu vi đó, đi đến rút được một căn ra khỏi cái dính, phục vào bên trong, phục trở về tánh bản chân, phát ra tánh sáng suốt bản lai; tánh sáng suốt đó đã phát minh, thì năm chỗ dính khác cũng liền đó được giải thoát. Từ đó cái hay biết có mà chẳng do tiền trần, vốn sáng suốt mà không đi theo căn, chỉ gửi nơi căn mà phát ra; bởi thế sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau.

Anan! Há ông không biết ở trong Hội này, ông A na luật đà không có mắt mà thấy, rồng Bạt nan đà không có tai mà nghe, thần nữ Căng già không có mũi mà nghe hương, ông Kiều phạm bát đề lưỡi khác mà biết vị, thần Thuần nhã đa không có thân mà biết xúc, do hào quang Như Lai ánh ra, làm cho ông ấy tạm thời hiện ra có thân, chứ bản chất của ông là gió, thì thân thể vốn không có; các vị Thanh Văn được tịch diệt trong diệt tận định, như ông Ma ha ca diếp trong Hội này, đã diệt ý căn lâu rồi mà vẫn rõ biết cùng khắp, không do ở tâm niệm.

Anan! Nếu các căn của ông đều được giải thoát trọn đủ, thì cái sáng suốt trong tâm tánh phát ra; như thế, thì các phù trần và các tướng biến hoá trong thế gian sự vật đều tiêu mất, như giá gặp nước sôi, ngay đó, liền hóa thành Vô Thượng Tri Giác.

Anan! Như người thế gian kia, nhóm cái thấy nơi con mắt; nếu bảo nhắm kín, thì tướng tối hiện ra, cả sáu căn đều tối, đầu và chân giống nhau. Người kia lấy tay rờ quanh ngoài

thân thể, thì tuy không thấy, nhưng một phen nhận được đầu và chân ròi, thì cái hay biết vẫn đồng như trước kia.

Duyên vì cái thấy nhân nơi sáng, nên khi tối thành ra không thấy, chứ không có sáng mà tự phát ra cái thấy, thì các thứ tối hẳn không thể làm mờ được. Căn và trần đã tiêu ròi, làm sao tánh Giác Minh lại không thành nhiệm màu cùng khắp.”

### **Nghi căn tánh không có tự thể**

Ngài Anan bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy, chỗ phát tâm cầu được thường trụ thì phải từ Nhân Địa là Giác Tâm, và những danh mục tu chứng cốt yếu cần phải tương ứng với quả vị. Bạch Thế Tôn, như trong quả vị, nào là Bồ Đề, Niết Bàn, Chân như, Phật tánh, Am ma la thức, Không Như Lai Tạng, Đại viên kính trí; bảy thứ danh hiệu tuy có khác nhau, nhưng thể tánh đều thanh tịnh viên mãn, vững chắc như Kim cương vương, thường trụ, không hư nát.

Nếu cái thấy nghe, ngoài những tướng sáng tối, động tĩnh, thông bít, rốt ráo không có tự thể cũng như cái tâm niệm, ròi tiền trần ra, vốn không có gì, thì làm sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt ấy làm cái nhân tu hành, để được bảy quả thường trụ của Như Lai? Bạch Thế Tôn, nếu ròi sáng tối, thì cái thấy rốt ráo là không; nếu không có tiền trần, thì tự tánh của tâm niệm diệt mất, lui tới vắn xoay, suy xét chín chắn, vốn không có tâm con và tâm sở của con; vậy đem cái gì làm nhân, để cầu được vô thượng Giác. Xin Phật rủ lòng đại từ, mở chỗ mê chấp cho con.”

### **Thỉnh chuông để thể hiện tánh nghe là thường trụ**

Đức Phật bảo ngài La hâu la đánh một tiếng chuông, rồi hỏi ông Anan rằng: "Nay ông có nghe chăng?"

Ngài Anan và đại chúng đều nói: "Có nghe.”

Chuông hết kêu, không tiếng, Phật lại hỏi rằng: "Nay ông có nghe chăng?"

Ngài Anan và đại chúng đều đáp: "Không nghe."

Khi đó, ông La hầu la lại đánh một tiếng, Phật lại hỏi rằng: "Nay ông có nghe chăng?"

Ngài Anan và đại chúng đều đáp: "Có nghe."

Phật hỏi ông Anan: "Thế nào, thì ông có nghe, còn thế nào, thì ông không nghe?"

Ngài Anan và đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông nếu đánh lên, thì chúng con được nghe; để lâu tiếng hết, âm vang đều không còn, thì gọi là không nghe."

Như Lai lại bảo ngài La hầu la đánh chuông, rồi hỏi ông Anan rằng: "Theo ông, nay có tiếng không?"

Ngài Anan và đại chúng đều nói: "Có tiếng."

Ít lâu tiếng dứt, Phật lại hỏi rằng: "Theo ông, nay có tiếng không?"

Ngài Anan và đại chúng đều đáp: "Không tiếng."

Lát sau, ông La hầu la lại đánh chuông, Phật lại hỏi rằng: "Theo ông, nay có tiếng không?"

Ngài Anan và đại chúng đều nói: "Có tiếng."

Phật hỏi ông Anan: "Thế nào, ông gọi là có tiếng, còn thế nào, thì gọi là không tiếng?"

Ngài Anan và đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông, nếu đánh lên, thì gọi là có tiếng, để lâu tiếng hết, âm vang đều không còn, thì gọi là không tiếng."

Phật bảo ngài Anan và đại chúng rằng: "Hôm nay các ông sao nói trái ngược, lộn xộn như thế?"

Đại chúng và Ngài Anan đồng thời bạch Phật: "Làm sao Phật bảo chúng tôi trái ngược lộn xộn?"

Phật dạy: "Tôi hỏi ông về sự nghe, thì ông nói là nghe, tôi hỏi về cái tiếng, thì ông nói là tiếng, chỉ cái nghe và cái tiếng mà trả lời không nhất định như thế, sao lại không gọi là trái ngược lộn xộn? Anan! Tiếng tiêu mất, không âm vang, thì ông gọi là không nghe; nếu thật không nghe, thì tánh nghe đã diệt rồi đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên, làm sao ông còn biết được. Biết có, biết không là tự cái tiếng hoặc không, hoặc có, đâu phải tánh nghe kia vì đó mà có, mà không; nếu tánh nghe thật là không, thì còn cái gì biết là không nữa.

Vậy nên Anan! Cái tiếng ở trong cái nghe tự có sinh, có diệt, không phải vì ông nghe cái tiếng sinh diệt, mà làm cho tánh nghe của ông thành có, thành không. Ông còn lộn lạo, làm cái tiếng làm cái nghe, lạ gì chẳng mê mờ, lấy cái thường làm cái đoạn. Tóm lại, ông không nên nói rằng rời các thứ động tĩnh, đóng mở, thông bít, thì cái nghe không có tự tánh.

Như người ngủ mê, nằm trên giường gối; trong nhà có người, trong lúc người kia ngủ, giã một cối gạo; người ấy trong chiêm bao nghe tiếng giã gạo, lầm thành vật khác, hoặc cho là đánh trống, hoặc cho là đánh chuông. Tức trong chiêm bao người ấy cũng lấy làm lạ rằng sao tiếng chuông lại vang lên như cây, như đá. Khi chợt tỉnh dậy, liền nghe tiếng chày, thì người ấy tự bảo người nhà rằng chính trong lúc chiêm bao, tôi đã lầm tiếng chày này là tiếng trống. Anan! người đó, trong chiêm bao, đâu nhớ những chuyện động tĩnh, đóng mở, thông bít; thân thể người kia tuy ngủ nhưng tánh nghe

không mờ, dầu cho thân ông tiêu tan, thân mạng dời đổi diệt mất, làm sao tánh nghe ấy lại vì ông mà tiêu diệt được.

Do các chúng sanh, từ vô thủy đến nay, đi theo hình theo tiếng, theo niệm mà lưu chuyển, không hề khai ngộ bản tánh thanh tịnh diệu thường; không theo cái thường, chỉ theo các thứ sinh diệt, do đó, đời đời bị tạp nhiễm mà phải lưu chuyển.

Nếu bỏ cái sinh diệt, giữ tánh chân thường thì cái sáng suốt chân thường hiện ra, và các tâm niệm căn, trần, thức, ngay đó đều tiêu mất. Tướng vọng tưởng là trần, Thức tình (tánh phân biệt) là cấu, hai cái đó đã xa rời, thì pháp nhãn của ông liền được trong suốt, làm sao lại không thành bậc vô thượng tri Giác?"



## Quyển V

### Phần 12

#### Nương chỗ ngộ mà tu

#### Nêu ra cái căn để chỉ chỗ mê

Ngài Anan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, tuy Như Lai đã dạy nghĩa quyết định thứ hai, song con xem trong thế gian, những người cỡi nút, nếu không biết đầu nút ở đâu, thì chắc không thể cỡi được. Bạch Thế Tôn! Xin ngài khai thị cho nơi Thân Tâm thế nào là nút, do đâu mà mở.

Phật bảo: Ông Anan! Ông muốn biết cái **câu sinh vô minh**<sup>54</sup> là cái đầu nút, khiến ông phải luân hồi sinh tử, thì nó chính là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác; ông lại muốn biết **Tánh Vô Thượng Bồ Đề**, khiến ông chóng chứng đạo quả an vui, giải thoát, vắng lặng, diệu thường, thì cũng chính là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác."

Phật bảo ngài Anan: "Căn và trần, đồng một nguồn, cột và cỡi không phải hai, cái Thức phân biệt là hư vọng như hoa đốm giữa hư không. Anan! Nhân cái trần, mà phát ra cái biết của căn, nhân cái căn, mà có ra cái tướng của trần, tướng phần sở kiến và kiến phần năng kiến đều không có tự tánh, như những hình cây lau gác vào nhau.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này mà nói bài kệ rằng:

"Nơi chân tánh hữu vi là không,  
Vì duyên sinh, nên giống như huyễn;

---

<sup>54</sup> Câu sinh vô minh cũng còn được gọi là Căn bản vô minh, vô minh từ vô thủy.

Vô vi, thì không sinh, không diệt,  
Chẳng thật như hoa đóm hư không.  
Nói cái vọng để tỏ cái chân,  
Vọng, chân ấy, cả hai đều vọng;  
Còn không phải chân và phi chân,  
Làm sao có năng kiến, sở kiến,  
Thức ở giữa, không có thật tánh,  
Vậy nên, như hình lau gác nhau.  
Cột và cỏi đồng một sở nhân,  
Thánh và phàm không có hai đường.  
Hãy xét tánh hình lau gác nhau,  
Đâu phải là không hay là có.  
Mê mờ nghĩa đó, là vô minh,  
Phát minh nghĩa đó, thì giải thoát.  
Cỏi nút, tuy phải theo thứ lớp,  
Sáu đã cỏi, một cũng không còn.  
Nơi các căn, chọn tánh viên thông,  
Nhập lưu được, thì thành chánh Giác.  
Thức A đà na<sup>55</sup> rất nhỏ nhiệm,  
Tập khí lưu hành như nước dỏ;  
E lầm là chơn hay phi chơn,  
Nên Ta thường không diễn giảng đến,  
Tự tâm trở chấp lấy tự tâm,  
Không phải huyền, thành ra pháp huyền.  
Không chấp trước, không gì phi huyền  
Cả cái phi huyền còn không sinh,  
Pháp huyền, làm sao thành lập được.  
Ấy gọi như huyền Tam ma đề<sup>56</sup>,  
Bảo Giác chắc như Kim cương vương,

---

<sup>55</sup> Thức A đà na cũng còn gọi là Thức A lại da.

<sup>56</sup> Nếu để chỉ Chánh Định thì dùng chữ Ta ma địa (Samadhi) thay vì Ta ma đề.



Không nhiễm, tịnh như diêu liên hoa<sup>57</sup>;  
Gãy ngón tay, vượt hàng vô học;  
Pháp ấy, không gì so sánh được,  
Là một đường thẳng vào Niết Bàn,  
Của các đức Thế Tôn mười phương.”

### **Phần 13**

#### **Câu Phật khai thị cõi nút**

Ngài Anan chấp tay đánh lễ bạch Phật: "Nay con nghe Phật mở lòng đại từ dạy cho những câu pháp chân thật thanh tịnh diêu thường, nhưng tâm còn chưa rõ thứ lớp cõi nút, đi đến cõi cả sáu, thì một cũng không còn.

Liên khi ấy đức Như Lai, nơi sư tử tọa, sửa áo Niết Bàn tăng, vén áo tăng già lê, dựa ghế thất bảo, đưa tay nơi ghế, lấy cái khăn hoa của cõi trời Kiếp ba la đã cúng dường cho ngài, rồi ở trước đại chúng, cột thành một nút, đưa cho ông Anan xem và bảo rằng: "Cái này gọi là gì?" Ngài Anan và đại chúng đều bạch Phật rằng: "Cái này gọi là nút." Lúc ấy đức Như Lai lại cột khăn hoa thành một nút nữa và hỏi ông Anan: "Cái này gọi là gì?" Ngài Anan và đại chúng lại bạch Phật rằng: "Cái ấy cũng gọi là nút."

Phật tuần tự cột khăn hoa như vậy, tổng cộng thành sáu nút, mỗi khi cột xong một nút, đều lấy cái nút vừa cột xong trong tay, đưa hỏi ông Anan: "Cái này gọi là gì?" Ngài Anan và đại chúng cũng tuần tự đáp lại Phật: "Cái ấy gọi là nút." Phật bảo ngài Anan: "Khi tôi mới cột khăn thì ông gọi là nút, cái khăn hoa này, trước kia chỉ có một cái, có sao lần thứ hai, lần thứ ba, các ông cũng gọi là nút?"

---

<sup>57</sup> Hoa sen trong bùn nhưng không nhuốm mùi bùn.

Ngài Anan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! Cái khăn hoa thêu dệt quý báu này vốn chỉ một thể, song theo ý con suy nghĩ, Như Lai cột một lần, thì được gọi là một nút, nếu cột một trăm lần, thì rốt cuộc phải gọi là trăm nút, huống chi, khăn này chỉ có sáu nút, không lên đến bảy, cũng không đứng ở số năm, sao đức Như Lai chỉ cho cái đầu là nút, còn cái thứ hai, thứ ba, thì không gọi là nút?"

Phật bảo ngài Anan: "Cái khăn hoa báu này, ông biết nó vốn chỉ có một cái, đến khi Ta cột sáu lần, thì ông gọi là sáu nút; ông hãy xem xét bản thể cái khăn này là đồng, nhân vì các nút mà hóa ra khác. Ý ông nghĩ sao, khi mới cột nút ban đầu, thì gọi là nút thứ nhất, như thế, cho đến cột lần thứ sáu, thì gọi là nút thứ sáu. Nay, Ta muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất, có được không?"

Bạch Thế Tôn! Không; nếu còn sáu nút, thì cái gọi là thứ sáu, rốt cuộc không phải là cái thứ nhất; dầu cho con cố gắng biện bạch suốt đời, cũng không thể làm cho sáu nút đổi tên được."

Phật dạy: "Đúng thế, sáu nút không đồng nhau; tuy xét về bản thân [của sáu nút] vẫn do một cái khăn tạo ra, nhưng rốt cuộc không thể làm cho sáu nút xáo lộn lẫn nhau. Sáu căn của ông thì cũng như vậy; trong thể rất ráo đồng nhau<sup>58</sup>, sinh ra rất ráo khác nhau." Phật bảo ngài Anan: "Chắc hẳn ông không muốn thành ra sáu nút và trông mong chỉ thành một thể, thì ông phải làm thế nào?"

Ngài Anan bạch: "Nếu còn những nút đó, thì sự phải trái nổi lên, trong đó, tự sinh ra nút này không phải nút kia, nút kia

---

<sup>58</sup> **Tánh biết của sáu căn giống nhau**, nhưng cái biết của mắt là thấy, của tai là nghe, của mũi là ngửi, của lưỡi là nếm, của thân là cảm giác, của ý là suy nghĩ.

không phải nút này. Nếu ngày nay, đức Như Lai cởi bỏ tất cả, thì không còn nút nữa thì không có đây kia (bỉ thử,) không còn gọi là một, làm sao mà thành sáu được.”

Phật dạy: "Cái nghĩa cởi cả sáu, một cũng không còn, thì cũng như thế. Do từ vô thủy, tâm ông điên loạn, tri kiến (thấy biết) vọng phát ra, vọng phát mãi không thôi, làm cho tri kiến sinh bệnh, phát ra trần tướng; như khi con mắt mỗi mệt, thì có hoa đốm lăng xăng; tất cả những tướng thế gian, núi sông, đất liền, sông chết, Niết Bàn ..., đều là những tướng hoa đốm điên đảo do bệnh mê lầm phát ra.”

### **Phật dạy cách mở nút**

Ngài Anan bạch: "Cái bệnh mê lầm giống như cái nút kia, làm sao cởi bỏ cho được?"

Đức Như Lai, lấy tay cầm cái khăn có nút, kéo riêng mỗi bên trái, rồi hỏi ông Anan rằng: "Thế này có cởi được chăng?"

Thưa Thế Tôn không thể được.

Phật liền lấy tay kéo riêng mỗi bên phải, rồi lại hỏi ông Anan: "Thế này có cởi được chăng?"

Thưa Thế Tôn không thể được.

Phật bảo ngài Anan: "Nay Ta lấy tay kéo mỗi bên phải, bên trái mà rốt cuộc không cởi được, vậy ông dùng phương tiện thế nào mà cởi cho được.”

Ngài Anan thưa: Phải ở ngay nơi trung tâm của nút thì mở ra ngay.

Phật bảo ngài Anan: "Đúng thế, đúng thế, muốn trừ cái nút thì phải cởi nơi trung tâm.

Anan! Ta nói Phật pháp do nhân duyên sinh, không phải lấy những tướng hòa hợp thô phù của thế gian. Như Lai phát minh các pháp thế gian và xuất thế gian, đều biết rõ bản nhân của nó theo những duyên gì mà phát ra, cho đến một giọt mưa ở ngoài hằng sa thế giới cũng biết số mục, hiện tiền các thứ cây tùng thẳng, cây gai cong, chim học trắng, chim quạ đen, đều rõ nguyên do. Vậy nên Anan! Tùy tâm ông lựa chọn nơi sáu căn; nếu trừ được cái nút nơi căn ấy rồi, thì trần tướng tự tiêu diệt; các vọng đã tiêu mất, thì chẳng phải cái chân hiện ra hay sao?

"Anan! Nay Ta lại hỏi ông: "Cái khăn hoa này hiện có sáu nút, nếu đồng một thời cởi ra, thì có thể đồng một thời trừ hết được chăng?"

Thưa Thế Tôn không. Những cái nút này, khi cột lại, vốn có thứ lớp, thì ngày nay cũng theo thứ lớp mà cởi; sáu cái nút tuy đồng một thể, nhưng cột lại không đồng một thời, thì khi cởi nút, làm sao đồng một thời, mà trừ hết được?

Phật dạy: "Việc cởi trừ cái nút nơi sáu căn cũng giống như vậy. Căn ấy khi bắt đầu cởi ra, thì trước hết được **nhân không**, đến khi tánh không viên mãn sáng suốt, thì giải thoát **pháp chấp**. Pháp chấp được giải thoát rồi, cả cái nhân không và pháp không cũng không còn; thế thì gọi là Bồ Tát do Tam ma địa mà chứng được Vô Sinh Nhân."

## Phần 14

### Đức Phật hỏi đại chúng về pháp tu viên thông

*(Lưu ý: Cốt tủy của sự chứng đắc là quý vị đại đệ tử của đức Phật quán sâu vào tự tánh. Đọc đoạn này cho biết, chúng ta không áp dụng một trong những pháp tu viên thông này.)*

Ngài Anan xin Phật rủ lòng đại bi ban cho chúng con những pháp bí mật trang nghiêm; thành tựu lời chỉ dạy cuối cùng của Như Lai.

Khi bấy giờ, đức Thế Tôn bảo khắp các vị Đại Bồ Tát và các vị lậu tận Đại A la hán trong chúng rằng: "Các ông là những vị Bồ Tát và A la hán sinh trưởng trong Phật Pháp, đã chứng quả vô học, nay tôi hỏi các ông: Trong lúc ban đầu mới phát tâm, trong thập bát giới<sup>59</sup>, ngộ được viên thông ở giới nào và do phương tiện gì vào được Tam ma địa<sup>60</sup>?"

### **Viên thông về thanh trần**

Nhóm ông Kiều trần na, năm vị Tỷ kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Ở Lộc uyển và ở Kê viên, chúng con được xem thấy đức Như Lai khi mới thành đạo. Chúng con do tiếng nói của Phật, tỏ ngộ được Tứ đế. Phật hỏi trong hàng Tỷ kheo, thì trước tiên con thưa đã hiểu. Như Lai ấn chứng cho con cái tên là A nhã đa (hiểu.) Đi sâu vào bản tánh nhiệm mầu, thì âm thanh thật là viên dung; con do âm thanh mà được quả A la hán. Cho nên, khi Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì do âm thanh là hơn cả."

### **Viên thông về Sắc trần**

Ông Ưu ba ni sa đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con cũng được thấy Phật trong lúc mới thành đạo; con quán tưởng bất tịnh, sinh lòng nhàm chán rời bỏ tột bậc, ngộ cái tánh của các sắc, từ tướng bất tịnh đến tướng xương trắng, tướng vi trần, rồi tan về hư không; cả hai cái không và cái sắc đều không, thành đạo vô

---

<sup>59</sup> Thập bát giới (mười tám giới): gồm sáu căn, sáu trần và sáu thức.

<sup>60</sup> Tam ma địa dịch âm của tiếng Phạn là Samadhi (chánh Định.)

học. Đức Như Lai ấn chứng cho con cái tên là Ni sa đà (Trần Tánh Không;) sắc của trần cảnh đã hết, sắc của tánh diệu được mật viên. Con do sắc tướng mà chứng quả A la hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì do sắc trần là hơn cả.”

### **Viên thông về hương trần**

Ông Hương nghiêm đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con nghe đức Như Lai dạy con quan sát chín chắn các tướng hữu vi. Khi ấy con từ giả Phật, đầu hôm về tĩnh tọa trong nhà thanh trai, thấy các Tỷ kheo đốt hương trầm thủy, hơi hương vắng lặng bay vào trong mũi con. Con quán cái hơi ấy, không phải là cây, không phải là không, không phải là khói, không phải là lửa, đi ra không dính vào đâu, đến nơi cũng không do đâu; do đó, ý niệm phân biệt tiêu diệt, phát minh tánh vô lậu. Đức Như Lai ấn chứng cho con cái hiệu là Hương nghiêm. Tướng hương tiền trần bỗng diệt, thì diệu tánh của hương là mật viên. Con do hương nghiêm mà chứng quả A la hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì do hương trần là hơn cả.”

### **Viên thông về vị trần**

Hai vị Pháp vương tử Dược vương, Dược thượng, cùng với năm trăm Phạm thiên trong Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Từ kiếp vô thủy, chúng con làm lương y thế gian, trong miệng thường nếm những cỏ cây, kim thạch trong thế giới Ta bà này, số mục lên đến mười vạn tám nghìn, biết hết các vị đắng, chua, mặn, nhạt, ngọt, cay vân vân..., cùng với các vị biến đổi, do các vị kia hòa hợp cùng sinh ra; thứ nào là lạnh, thứ nào là nóng, thứ nào có độc, thứ nào không độc, con đều biết cả. Dược

thừa sự các đức Như Lai, rõ biết bản tánh của vị trần, không phải không, không phải có, không phải tức là thân tâm, không phải thoát ly thân tâm; do phân biệt đúng bản tánh vị trần mà được khai ngộ. Nhờ Phật ấn chứng cho anh em chúng con cái danh hiệu là Dược vương và Dược thượng Bồ Tát; nay ở trong Hội này làm vị Pháp vương tử. Chúng con nhân vi trần mà Giác ngộ, lên bậc Bồ Tát. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của chúng con, thì do vị trần là hơn cả.”

### **Viên thông về xúc trần**

Ông Bạt đà bà la, với mười sáu vị Khai sĩ đồng bạn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Chúng con, trước kia nơi đức Phật Uy âm vương, nghe Pháp xuất gia. Trong lúc chư tăng tắm, con theo thứ lớp vào phòng tắm; bỗng nhiên ngộ được chân tánh của nước, đã không rửa bụi, cũng không rửa mình, chặng giữa yên lặng, được chỗ không có gì [Đắc Vô Sở Hữu.] Chỗ học xưa không quên, nên đến ngày nay theo Phật xuất gia, được thành quả vô học. Đức Phật kia, gọi con tên là Bạt đà bà la. Do phát minh diệu tánh của xúc trần, thành được bậc Phật tử trụ. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì do xúc trần là hơn cả."

### **Viên thông về Pháp trần**

Ông Ma ha ca diếp và Tỳ kheo Ni Tử Kim Quang liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Kiếp xưa, trong cõi này, có đức Phật ra đời, tên là Nhựt nguyệt đăng diệt độ rồi, chúng con thấp đèn sáng mãi cúng dường xá lợi, lại lấy vàng thắm thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời nào đời nào, thân thể thường viên mãn, sáng ngời như vàng thắm. Nhóm Tỳ Kheo Ni Tử Kim Quang này,

tức là quyền thuộc của con lúc đó, cũng đồng một thời phát tâm như con. Con quán trong thế gian, sáu trần đều đời đời tan nát, chỉ dùng pháp không tịch, tu Định Diệt Tận, thì thân tâm mới có thể trải qua trăm nghìn kiếp như một thời gian gảy ngón tay. Con do quán được các pháp là rỗng không, mà thành quả A la hán. Đức Thế Tôn bảo con tu hạnh đầu đà bậc nhất. Diệu tánh của các pháp được khai ngộ, thì tiêu diệt các lậu. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì do pháp trần là hơn cả."

### **Viên thông về nhãn căn**

Ông A na luật đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Lúc con mới xuất gia, thường thích nằm ngủ, nên Như Lai quở con là loài súc sinh. Nghe lời Phật quở, con khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt. Đức Thế Tôn dạy con tu pháp "Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cang Tam Muội." Con không do con mắt mà xem thấy mười phương rỗng suốt tinh tường như xem trái cây trong bàn tay, Như Lai ấn chứng cho con thành quả A la hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì xoay cái thấy trở về bản tánh, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về tỷ căn**

Ông Châu ly bàn đặc ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con thiếu tu về phần tụng trì, không có tuệ đa văn. Khi mới gặp Phật, nghe Pháp và xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, song trong một trăm ngày, hễ nhớ trước thì quên sau, mà nhớ sau thì quên trước. Phật thương con ngu muội, dạy con phép an cư, điều hòa hơi thở ra vào. Con quán hơi thở, cùng tột các tướng sinh, trụ, dị, diệt nhỏ nhiệm, đến từng sát na; tâm con rỗng suốt, được đại vô ngại, cho đến hết các lậu, thành quả A la



hán, trước pháp tọa của Phật, được ấn chứng thành quả vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì xoay hơi thở về tánh rỗng không, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về thiệt căn**

Ông Kiều phạm bát đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con mắc khẩu nghiệp, khinh rẻ, chế giễu vị Sa môn trong kiếp quá khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai lại như trâu. Đức Như Lai chỉ dạy cho con pháp môn "Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa." Con nhờ vậy, mà diệt được phân biệt vào Tam ma địa; con quán tánh biết vị, không phải thân thể, không phải ngoại vật, liền đó vượt khỏi các lậu thế gian, bên trong giải thoát thân tâm, bên ngoài rời bỏ thế giới, xa rời ba cõi như chim sỏ lông, rời hết cấu nhiễm, tiêu diệt trần tướng, nên pháp nhãn được thanh tịnh, thành quả A la hán. Đức Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, trả các vị về phân biệt, xoay cái biết về tự tánh, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về thân căn**

Ông Tát lãng già bà ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con lúc mới phát tâm theo Phật nhập đạo, thường nghe đức Như Lai dạy về những việc không vui được trong thế gian. Lúc đi khát thực trong thành, tâm con đang suy nghĩ pháp môn Phật dạy, giữa đường, không ngờ bị gai độc đâm vào chân, cả mình đau đớn. Tâm niệm con có biết cái đau đớn ấy; tuy biết đau đớn nhưng đồng thời biết nơi tâm thanh tịnh, không có cái đau và cái biết đau. Con lại suy nghĩ: Một thân thể này, lẽ đâu có hai tánh biết; nhiếp niệm chưa bao lâu, thì thân tâm bỗng nhiên rỗng không; trong ba lần bảy ngày, các lậu đều tiêu hết, thành quả A la hán; được Phật ấn chứng lên bậc vô học. Phật

hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì thuận một Giác tánh, không còn thân thể, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về ý căn**

Ông Tu Bồ Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Từ nhiều kiếp đến nay, tâm con được vô ngại, tự nhớ thọ sinh nhiều đời như số cát sông Hằng; lúc còn trong thai mẹ, cũng liền biết tánh không tịch, như thể cho đến mười phương đều thành rỗng không và cũng khiến cho chúng sanh chứng được tánh không; nhờ đức Như lai phát minh tánh Giác là chân không, nên tánh không được viên mãn sáng suốt, chứng quả A la hán, liền nhập vào biển Không quý báu của Như Lai, tri kiến đồng như Phật, được ấn chứng thành quả vô học; tánh giải thoát rỗng không, con là hơn cả. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con: Các tướng đều xoay vào phi tướng, năng phi và sở phi đều hết, xoay các pháp về chỗ không, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về nhãn thức**

Ngài Xá lợi phát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Từ nhiều kiếp đến nay, chỗ nhận thấy của con được thanh tịnh; tuy con thọ sinh nhiều đời như số cát sông Hằng, như vậy, mà đối với các pháp biến hóa thế gian và xuất thế gian, hễ thấy được đều thông suốt, không có ngăn ngại. Con ở giữa đường, gặp anh em ông Ca diếp ba theo rồi, nói pháp nhân duyên, thì ngộ được tâm không có bờ bến. Con theo Phật xuất gia, chỗ nhận thấy sáng suốt viên mãn, được pháp đại vô úy, thành quả A la hán, làm trưởng tử của Phật, từ miệng Phật mà sinh ra, do Pháp Phật mà hóa sinh. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì tánh thấy của tâm thể phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến (thấy biết,) đó là thứ nhất."

## Viên thông về nhĩ thức

Ngài Phổ hiền Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con đã từng làm Pháp vương tử cho các đức Như Lai như số cát sông Hằng; thập phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ Tát, tu hạnh Phổ hiền, hạnh đó, do con mà đặt tên như vậy. Thừa đức Thế Tôn, con dùng Tánh nghe của tâm thể phân biệt tất cả tri kiến của chúng sanh. Nếu ở phương khác, cách ngoài hằng sa thế giới, có một chúng sanh, trong tâm phát được hạnh nguyện Phổ hiền, thì liền trong lúc ấy, con cười voi sáu ngà, phân thân thành trăm nghìn, đến chỗ người ấy. Dầu cho người ấy nghiệp chướng còn sâu, chưa thấy được con, con cũng thầm kín xoa đánh đầu người ấy, ủng hộ an ủi, khiến cho được thành tựu. Phật hỏi về viên thông, con nói chỗ bản nhân của con là phát minh tánh nghe của Tâm, tự tại mà phân biệt, đó là thứ nhất."

## Viên thông về tỷ thức

Ông Tôn đà la nan đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Lúc con mới xuất gia theo Phật nhập đạo, **tuy giữ đủ giới luật, nhưng trong lúc tu Tam ma địa, tâm thường tán loạn**<sup>61</sup>, chưa được quả vô lậu. Đức Thế Tôn dạy con và ông Câu si la quán đầu lỗ mũi trắng. Lúc con bắt đầu tu quán ấy, trải qua ba lần bảy ngày, thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói, thân tâm bên trong sáng soi thông suốt thế giới, khắp nơi thành trống không thanh tịnh, như ngọc lưu ly; tướng khói lần lần tiêu mất, hơi thở hóa thành trắng, đến khi tâm được khai ngộ, các lậu hết sạch, thì những hơi thở ra vào hóa thành hào quang, soi khắp

---

<sup>61</sup> Đây là một bằng chứng về **giữ giới không sinh ra định**. Giới là điều kiện cần để tu định, nhưng không thể là điều kiện đủ để sinh định.

mười phương thế giới, được quả A la hán. Đức Thế Tôn thọ ký cho con sẽ được quả Bồ Đề. Phật hỏi về viên thông, con dùng phép nhiếp thu ý niệm nơi hơi thở, yên lặng lâu ngày, phát ra sáng suốt, sáng suốt viên mãn, diệt hết các lậu, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về thiệt thức**

Ông Phú lâu na di đa la ni tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con từ nhiều kiếp đến nay, tài biện thuyết được vô ngại, tuyên dương các pháp Khổ, Không, thấu suốt tướng chân thật, như thế cho đến các pháp môn bí mật hằng sa Như Lai, con phương tiện chỉ bày trong chúng, được sức vô úy. Đức Thế Tôn biết con có tài biện thuyết lớn lao, nên dùng pháp luân âm thanh, dạy con tuyên dương Chính pháp. Con ở trước Phật, giúp Phật chuyển pháp luân, nhân nói Chính pháp, thành quả A la hán. Đức Thế Tôn ấn chứng cho con thuyết pháp hơn cả. Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp âm hàng phục tà ma ngoại đạo, tiêu diệt các lậu, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về thân thức**

Ông Ưu ba ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Chính con được theo Phật vượt thành xuất gia, xem thấy đức Như Lai sáu năm siêng tu khổ hạnh, thấy đức Như lai hàng phục bọn tà ma, đối trị các ngoại đạo, giải thoát các lậu tham dục thế gian; con được nhờ Phật dạy giữ giới, cho đến ba nghìn uy nghi, tám vạn hạnh vi tế, các Tánh nghiệp<sup>62</sup> và Giá nghiệp<sup>63</sup> thấy đều thanh tịnh; do đó, thân tâm được tịch diệt, thành quả A la hán, nay làm vị cương kỷ trong chúng của Như Lai; Phật ấn chứng

---

<sup>62</sup> Giữ các nghiệp về Thân cho đến tự tại gọi là Tánh nghiệp thanh tịnh.

<sup>63</sup> Giữ gìn Tâm được thanh tịnh gọi là Giá nghiệp thanh tịnh.

cho con giữ giới tu thân hơn cả trong chúng. Phật hỏi viên thông, con do chấp trì cái thân mà thân được tự tại, lần đến chấp trì cái tâm mà tâm được thông suốt, về sau cả thân và tâm tất cả đều viên thông, tự tại, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về ý thức**

Ngài Đại Mục kiên liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Lúc trước con còn khát thực giữa đường, gặp ba anh em họ Ca điếp ba là ông Ưu lâu tân loa, ông Già da và ông Na đề, giảng nói nghĩa lý nhân duyên sâu xa của Như Lai; con liền phát tâm, được rất thông suốt; Như Lai ban cho áo ca sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng. Con đi khắp mười phương không ngăn ngại, phát minh thần thông, được trong chúng suy tôn là vô thượng, thành quả A la hán. Không những riêng đức Thế Tôn, mà thập phương Như Lai đều khen sức thần thông của con thanh tịnh tròn sáng, tự tại không e sợ, Phật hỏi về viên thông, con do xoay ý niệm trở về bản tánh trong lặng nên tâm trí mở bày, như lắng nước đục lâu thành trong sáng, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về hỏa đại**

Ông Ô xô sắt ma, ở trước đức Như lai, chấp tay đánh lễ nơi hai chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con thường nhớ trước kia, trong kiếp xa xôi, Tánh có nhiều tham dục; lúc ấy, có đức Phật ra đời hiệu là Không vương, bảo người đa dâm như đồng lửa hồng và dạy con quán khắp những hơi nóng lạnh nơi trăm vóc tứ chi; con nhờ quán như vậy, mà được Giác tánh sáng suốt lặng đứng bên trong, hóa tâm đa dâm thành lửa trí tuệ. Từ ấy, các đức Phật đều gọi tên con là Hỏa đầu. Con dùng sức hỏa quang tam muội mà thành quả A la hán; trong tâm phát đại nguyện, khi các đức Phật thành đạo, thì làm lực sĩ, thân ở bên Phật, uốn dẹp bọn tà ma quấy phá.

Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán các hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại; các lậu đã tiêu, sinh ra ngọn lửa đại trí quý báu, lên bậc Vô thượng Giác, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về địa đại**

Ngài Trì địa Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con nhớ kiếp xưa, khi đức Phật Phổ quang ra đời, con làm Tỷ kheo, thường ở nơi các nẻo đường bên đò, đất đai hiểm trở eo hẹp, không đúng nguyên tắc, có thể làm tổn hại đến xe ngựa, thì con đều đắp bằng, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát; siêng năng khó nhọc như vậy trong suốt thời gian vô lượng Phật ra đời. Hoặc có chúng sanh, ở nơi chợ búa, cần người mang đồ vật, trước tiên con mang hộ đến nơi, đến chốn, để đồ vật xuống, liền đi ngay, không lấy tiền thuê.

Khi đức Phật Tỳ xá phù ra đời, thế gian phân nhiều đời kém; con cũng giúp người, không kể gần xa, chỉ lấy một đồng tiền; hoặc có xe trâu sa xuống bùn lầy, con dùng sức mạnh đẩy bánh xe lên cho khỏi khổ não. Ông vua trong nước thuở đó thết trai mời Phật; lúc ấy, con liền sửa sang đường đất bằng phẳng, đợi Phật đi qua. Đức Tỳ Xá Như Lai xoa đỉnh đầu con mà bảo rằng: "Nên bình cái tâm địa, thì tất cả đất đai trên thế giới đều bình." Con liền khai ngộ, thấy vi trần nơi thân thể cùng với tất cả vi trần tạo thành thế giới đều bình đẳng không sai khác, tự tánh của vi trần không chạm xát nhau, cho đến các thứ đao binh cũng không đụng chạm gì; con do nơi pháp tánh ngộ được Vô Sinh Nhẫn, thành quả A la hán, xoay tâm về đại thừa, nên hiện nay, ở trong hàng Bồ Tát; khi nghe các đức Như Lai dạy về chỗ tri kiến của Phật như Diệu liên hoa, thì con chứng tỏ đầu tiên, làm vị thượng thủ. Phật hỏi về viên thông, do con quán kỹ hai thứ

trần nơi căn thân và thể giới đều bình đẳng không sai khác, vốn là Như Lai Tạng giả dối phát ra trần tướng; trần tướng đã tiêu diệt, thì trí tuệ được viên mãn, thành đạo vô thượng, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về thủy đại**

Ngài Nguyệt quang đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con nhớ hằng sa kiếp về trước, có đức Phật ra đời, hiệu là Thủy thiên, dạy hàng Bồ Tát tu tập phép quán thủy để vào Tam ma địa; nghĩa là quán ở trong thân, Tánh nước không gì ngăn ngại, quán từ nước mũi, nước bọt cho đến tất cả các thứ tân, dịch tinh, huyết, đại tiện, tiểu tiện; xoay vần trong thân đều đồng một Tánh nước, quán thấy nước trong thân cùng nước các bể hương thủy của Phù tràng vương sát ở ngoài thể giới, đều bình đẳng không sai khác.

Con trong lúc ấy, mới thành tựu phép quán này, chỉ thấy được nước, chưa được không có thân; lúc đang làm Tỷ kheo, tọa thiền trong phòng, con có người đệ tử dòm cửa sổ trông vào phòng chỉ thấy nước trong, đầy khắp trong phòng, chứ không có gì; nó nhỏ dại không biết, liền lấy một miếng ngói ném vào trong nước, đập vào nước phát ra tiếng, ngó quanh rồi bỏ đi; về sau, con xuất định, liền thấy đau tim như ông Xá lợi phát bị con quỷ Vi hại đập. Con tự suy nghĩ: Nay con đã được đạo A la hán, đã lâu không còn nhân duyên mắc bệnh được nữa, làm sao ngày nay lại sinh ra đau tim, không lẽ đã bị thoát thất rồi chăng? Khi bấy giờ, đệ tử của con đi đến, kể lại cho con những việc như trước, con mới bảo nó, sau này, nếu lại thấy nước, thì nên mở cửa, vào lấy viên ngói trong nước ấy đi. Đệ tử vâng lời con bảo; về sau, khi con nhập định, nó lại thấy nước với viên ngói rõ ràng, nó liền mở cửa,

lấy viên ngói ra. Sau đó, con xuất định, thì thân thể lại được như cũ.

Con đã gặp được vô lượng Phật, đến đức Sơn hải tự tại thông vương Như Lai, thì con mới được không còn thân riêng và cùng với nước bể hương thủy mùi phương thế giới, đồng một tánh chân không, không hai không khác; hiện nay, ở nơi đức Như Lai, được danh hiệu là Đồng chân, dự Hội Bồ Tát. Phật hỏi về viên thông, con do quán Tánh nước một mực lưu thông, được phép Vô Sinh Nhẫn, viên mãn đạo Bồ Đề, đó là thứ nhất."

### **Viên thông về phong đại**

Ngài Lưu ly quang Pháp vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con nhớ hằng sa kiếp về trước, có đức Phật ra đời, hiệu là Vô lượng thanh; ngài khai thị tánh Bản Giác Diệu Minh cho các hàng Bồ Tát và dạy quán thế giới và thân chúng sanh này đều do sức lay động của vọng duyên chuyển biến ra. Con lúc bấy giờ, quán cái không gian an lập, quán sự trôi chuyển của thời gian, quán cái thân thể khi động, khi yên, quán cái thức tâm niệm niệm sinh diệt, tất cả đều lay động như nhau, bình đẳng không sai khác. Lúc bấy giờ, con Giác ngộ cái tánh của các thứ động ấy, đến không do đâu, đi không tới đâu; tất cả chúng sanh điên đảo, số như vi trần trong mười phương đều đồng một hư vọng; như vậy, cho đến tất cả chúng sanh trong một tam thiên đại thiên thế giới, cũng như hàng trăm loài muỗi mòng đưng trong một đồ đưng, vo vo kêu ầm, ở trong gang tấc, ồn ào rối rít. Con gặp Phật chưa bao lâu, thì được pháp Vô Sinh Nhẫn; lúc bấy giờ, tâm đã khai ngộ, mới thấy cõi Phật Bất Động phương Đông, làm vị Pháp vương tử. Con thừa sự mười phương Phật, thân tâm phát ra sáng suốt, rỗng thâu không ngăn ngại. Phật hỏi về viên thông, con do quan



sát sức lay động không nương vào đâu, ngộ được tâm Bồ Đề, vào được Tam ma địa, hợp với Nhất Diệu Tâm mà mười phương Phật truyền dạy, đó là thứ nhất.”

### **Viên thông về không đại**

Ngài Hư Không Tạng Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con cùng đức Như Lai chứng được thân vô biên nơi đức Phật Định Quang; lúc ấy, tay con cầm bốn hạt châu báu lớn, soi tỏ cõi Phật mười phương số như vi trần, đều hóa thành hư không; lại ở nơi tự tâm hiện ra gương tròn lớn, trong ấy phóng ra mười thứ hào quang, vi diệu quý báu, soi khắp mười phương, cùng tốt hư không, các cõi Phật đều vào trong gương “Đại Viên Cảnh” ấy, nhập với thân con và thân con đồng như hư không, không có ngăn ngại lẫn nhau, thân con lại khéo vào vi trần quốc độ, rộng làm việc Phật, được đại tùy thuận. Thần lực lớn đó là do con quán kỹ tứ đại không nương vào đâu, do vọng tưởng mà có sinh diệt, hư không không có hai và cõi Phật vốn là đồng, do phát minh được tánh đồng mà chứng Vô Sinh Nhẫn. Phật hỏi về viên thông, con quán hư không không bờ bến; vào Tam ma địa, diệu lực viên mãn sáng suốt, đó là thứ nhất.”

### **Viên thông về thức đại**

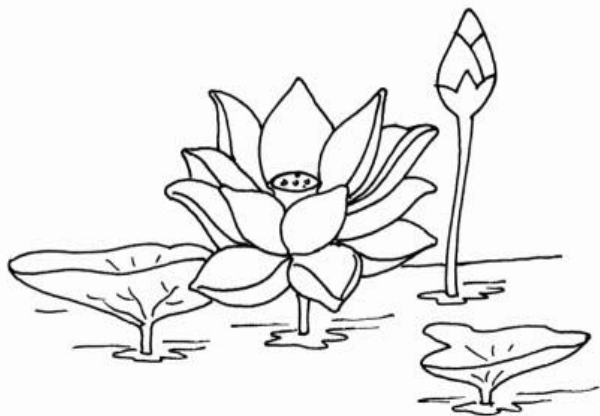
Ngài Di Lặc Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con nhớ vi trần kiếp về trước, có đức Phật ra đời tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh; con được xuất gia theo đức Phật kia, nhưng tâm còn trọng hư danh thế gian, ưa giao du với các vọng tộc. Lúc ấy đức Thế Tôn dạy con tu tập định duy tâm thức, con được vào Tam ma địa; trải qua nhiều kiếp đến nay, dùng pháp Tam muội ấy phụng sự hằng sa Phật, tâm cầu hư danh thế gian diệt hết không còn.

Đến khi đức Phật Nhiên Đăng ra đời, con mới được thành tựu Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội. Tất cả cõi nước Như Lai tốt bờ bến hư không, cho đến những điều tịnh, uế, có, không, đều do tâm con biến hóa hiện ra. Bạch Thế Tôn, do con rõ được duy tâm thức như vậy, nên nơi thức tánh, xuất hiện vô lượng Như Lai và hiện nay, con được thọ ký, liền sau đây, bổ xứ thành Phật nơi cõi này. Phật hỏi về viên thông, con dùng phép quán mười phương đều duy thức, thức tâm được tròn sáng, chứng nhập tánh Viên Thành Thật, xa rời tánh Y Tha Khởi và Tánh Biến Kế Chấp, được pháp Vô Sinh Nhẫn, đó là thứ nhất.”

### **Viên thông về kiến đại**

Ngài Đại Thế Chí Pháp vương tử cùng với năm mươi hai vị Bồ Tát đồng tu một pháp môn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con nhớ hằng sa kiếp trước, có đức Phật ra đời, tên là Vô Lượng Quang; lúc ấy mười hai đức Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp đức Phật sau hết, hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, dạy cho con phép Niệm Phật Tam Muội. Ví như có người, một đấng chuyên nhớ, một đấng chuyên quên, thì hai người ấy, dầu gặp cũng không là gặp, dầu thấy cũng là không thấy; nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ mãi, khắc sâu vào tâm niệm, thì đồng như hình với bóng, cho đến từ đời này sang đời khác, không bao giờ cách xa nhau. Mười phương Như Lai thương tưởng chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh, thì tuy nhớ, nào có ích gì; nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con không cách xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, tưởng Phật, thì hiện nay hay về sau, nhất định thấy Phật; cách Phật không xa thì không cần phương tiện, tâm tự được khai ngộ như người ướp hương thì thân thể có mùi thơm, ấy gọi là hương quang trang nghiêm. Nhân địa

căn bản của con là dùng tâm niệm Phật mà vào pháp Vô Sinh Nhân, nay ở cõi này tiếp dẫn những người niệm Phật về cõi Tịnh độ. Phật hỏi về viên thông, con thu nhiếp tất cả sáu căn, không có lựa chọn, tịnh niệm kế tiếp, được vào Tam ma địa, đó là thứ nhất."



**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢN THỦ LĂNG NGHIÊM**  
(TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)



## Quyển VI

### Viên thông về nhĩ căn

Lúc bảy giờ, ngài Quán Thế Âm Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, con nhớ vô số hằng sa kiếp về trước, có đức Phật ra đời, hiệu là Quán Thế Âm; từ đức Phật kia, con phát tâm Bồ Đề. Đức Phật kia dạy con, do nghe, nghĩ và tu, mà vào Tam ma địa.

Ban đầu, ở trong Tánh nghe, vào được dòng viên thông, không còn tướng sở văn nữa. Trần tướng đã vắng lặng, hai tướng động, tĩnh rõ thật không sinh. Như vậy thêm lần, các tướng năng nghe, sở nghe đều hết. Không dừng lại nơi chỗ dứt hết năng nghe, sở nghe mà tiến lên nữa, thì năng Giác, sở Giác, đều không. Không Giác tội bậc viên mãn, các tướng năng không, sở không đều diệt. Sinh diệt đã diệt, thì bản tánh tịch diệt hiện tiền. Bỗng nhiên, vượt ngoài thế gian và xuất thế gian, sáng suốt cùng khắp mười phương, được hai cái thù thắng: Một là, trên hợp với Bản Giác Diệu Tâm mười phương chư Phật, cùng với chư Phật Như Lai đồng một sức Từ; hai là, dưới hợp với tất cả chúng sanh trong sáu đường trong mười phương, cùng với các chúng sanh đồng một bi ngưỡng.

### Phần 15

Bạch Thế Tôn! Do con cúng dường đức Quán Âm Như Lai, nhờ Ngài truyền thọ cho con Như Huyền Văn Huân, Văn Tu Kim Cương Tam Muội, được cùng chư Phật đồng một sức Từ, nên làm cho thân con thành tựu ba mươi hai ứng thân vào các cõi nước.

1. Bạch Thế Tôn! Nếu các vị Bồ Tát vào Tam ma địa, tiến tu pháp vô lậu, thắng giải hiện đã viên mãn, con hiện ra thân Phật, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được giải thoát.
2. Nếu các hàng hữu học tu phép Diệu Minh vắng lặng, chỗ thắng diệu đã viên mãn, con ở trước người kia, hiện ra thân Độc Giác, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được giải thoát.
3. Nếu các hàng hữu học đoạn Mười Hai Nhân Duyên; do các nhân duyên đã đoạn mà phát ra thắng tánh viên mãn, con ở trước người kia, hiện ra thân Duyên Giác, vì họ mà thuyết pháp khiến cho được giải thoát.
4. Nếu các hàng hữu học được phép Không của Tứ Đế, tu Đạo Đế vào Diệt Đế, thắng tánh hiện ra viên mãn, con ở trước người kia, hiện ra thân Thanh Văn, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được giải thoát.
5. Nếu chúng sanh muốn tâm được tỏ ngộ, không phạm vào cảnh ngũ dục và muốn cho thân được thanh tịnh, con ở trước người kia, hiện ra thân Phạm Vương, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được giải thoát.
6. Nếu các chúng sanh muốn làm Vua cõi trời, thống lĩnh chư thiên, con ở trước người kia, hiện ra thân Đế Thích, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.
7. Nếu các chúng sanh muốn thân được tự tại, đi khắp mười phương, con ở trước người kia, hiện ra thân Tự Tại Thiên, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.
8. Nếu các chúng sanh muốn thân được đại tự tại, bay đi trên hư không, con ở trước người kia, hiện ra thân Đại Tự Tại Thiên, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

9. Nếu các chúng sanh muốn thống lĩnh quỷ thần, cứu giúp cõi nước, con ở trước người kia, hiện ra thân Thiên Đại Tướng Quân, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

10. Nếu các chúng sanh muốn sống nơi thiên cung, sai khiến quỷ thần, con ở trước người kia, hiện ra thân Thái Tử, con của Tứ Thiên Vương, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

11. Nếu các chúng sanh muốn làm vua cõi người, con ở trước người kia, hiện ra thân Vua, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

12. Nếu các chúng sanh muốn làm chủ gia đình danh tiếng, thế gian kính nhường, con ở trước người kia, hiện ra thân Trưởng giả vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

13. Nếu các chúng sanh thích đàm luận những lời hay, giữ mình trong sạch, con ở trước người kia, hiện ra thân Cư sĩ, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

14. Nếu các chúng sanh muốn trị cõi nước, chia rõ các bang, các ấp, con ở trước người kia, hiện ra thân Tể quan, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

15. Nếu các chúng sanh thích các số thuật, tự mình nhiếp tâm giữ thân, con ở trước người kia, hiện ra thân Bà la môn, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

16. Nếu có người con trai muốn học phép xuất gia, giữ các giới luật, con ở trước người kia, hiện ra thân Tỷ kheo, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

17. Nếu có người con gái muốn học phép xuất gia, giữ các cấm giới, con ở trước người kia, hiện ra thân Tỷ kheo ni, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

18. Nếu có người con trai thích giữ ngũ giới, con ở trước người kia, hiện ra thân Ưu bà tắc, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

19. Nếu có người con gái tự giữ ngũ giới, con ở trước người kia, hiện ra thân Ưu bà di, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

20. Nếu có người con gái lập thân trong nội chính, để tu sửa nhà nước, con ở trước người kia, hiện ra thân Nữ chúa hay thân Quốc phu nhân, mệnh phụ, đại gia, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

21. Nếu có chúng sanh không phá nam căn, con ở trước người kia, hiện ra thân đồng nam, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

22. Nếu có người xử nữ, thích thân xử nữ, không cầu sự xâm bạo, con ở trước người kia, hiện ra thân đồng nữ, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

23. Nếu có chư thiên muốn ra khỏi loài trời, con hiện ra thân chư thiên, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

24. Nếu có các con rồng muốn ra khỏi loài rồng, con hiện ra thân rồng, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

25. Nếu có Dược xoa muốn thoát khỏi loài mình, con ở trước họ, hiện ra thân Dược xoa, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.



26. Nếu có Càn thất bà muốn thoát khỏi loài mình, con ở trước họ, hiện ra thân Càn thất bà, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

27. Nếu có A tu la, muốn thoát khỏi loài mình, con ở trước họ, hiện ra thân A tu la, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

28. Nếu có Ca lâu la muốn thoát khỏi loài mình, con ở trước họ, hiện ra thân Ca lâu la, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

29. Nếu có Khẩn na la muốn thoát khỏi loài mình, con ở trước họ, hiện ra thân Khẩn na la, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

30. Nếu có Ma hô la già muốn thoát khỏi loài mình; con ở trước họ, hiện ra thân Ma hô la già, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

31. Nếu có chúng sanh thích làm người, tu cho được thân người, con hiện ra thân người, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

32. Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc không hình, hoặc có tướng, hoặc không tướng, muốn thoát khỏi loài mình, con ở trước họ, hiện ra thân như họ, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.

Ấy gọi là ba mươi hai ứng thân diệu tịnh, vào các cõi nước. Những thân ấy đều do vô tác diệu lực của Văn Huân Văn Tu Tam Muội, mà tự tại thành tựu.

### **Mười bốn công đức vô úy**

"Bạch Thế Tôn! Do con lại dùng Vô Tác Diệu Lực của Văn Huân Văn Tu Kim Cương Tam Muội ấy, cùng với tất cả sáu

đường chúng sanh trong mười phương ba đời, đồng một lòng bị ngưỡng, nên khiến các chúng sanh, nơi thân tâm con, được mười bốn thứ công đức vô úy:

**Một**, là do con không tự quán cái âm thanh, mà quán cái tâm năng quán, nên khiến cho chúng sanh khổ não mười phương kia, quán cái âm thanh, thì liền được giải thoát.

**Hai**, là tri kiến (thấy biết) đã xoay trở lại, khiến cho các chúng sanh, dầu vào đồng lửa, lửa không thể đốt được.

**Ba**, là quán cái nghe đã xoay trở lại, khiến cho các chúng sanh bị nước lớn cuốn đi, mà không chết đuối.

**Bốn**, là diệt hết vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến các chúng sanh vào những nước quý, quý không thể hại được.

**Năm**, là huân tập và thành tựu được Tánh nghe, cả sáu căn đều tiêu về Bản Tánh, đồng như cái nghe, cái tiếng, có thể khiến cho chúng sanh, lúc đương bị hại, dao gậy từng đoạn, khiến cho các binh khí chạm vào thân người như cắt dòng nước, như thổi ánh sáng, Bản Tánh không hề lay động.

**Sáu**, là huân tập Tánh nghe sáng suốt thấu khắp pháp giới, thì các Tánh tối tăm không thể toàn được, có thể khiến cho chúng sanh, tuy các loài Dược xoa, La sát, Cưu bàn trà, Tỳ xá già, Phú đàn na! vân vân ... ở gần một bên, con mắt chúng vẫn không thể thấy được.

**Bảy**, là các tiếng đều tiêu trọn, thấy nghe đã xoay vào tự tánh, rời các trần cảnh hư vọng, có thể khiến cho các chúng sanh, những thứ cùm, dây, gông, xiềng không thể dính vào mình được.

**Tám**, là diệt tướng âm thanh, viên thông Tánh Nghe, phát sinh sức Từ cùng khắp, có thể khiến cho chúng sanh đi qua đường hiểm, giặc không cướp được.

**Chín**, là huân tu theo Tánh Nghe, rời các trần tướng, sắc dục không lôi kéo được, có thể khiến cho tất cả chúng sanh đa dâm, xa rời lòng dục.

**Mười**, là thuần một thật tướng của âm thanh, không còn gì là tiền trần, căn và cảnh đều viên dung, không có năng, sở đối đãi, có thể khiến cho tất cả chúng sanh nóng giận, rời bỏ lòng thù ghét.

**Mười một**, là tiêu diệt trần tướng, xoay về Tánh Bản Minh, thì pháp giới, thân, tâm đều như ngọc lưu ly, sáng suốt không ngăn ngại, có thể khiến cho những kẻ ngu ngốc u mê, xa rời hẳn sự si mê tối tăm.

**Mười hai**, là viên dung các hình tướng, xoay Tánh Nghe trở về đạo tràng bất động, hòa vào thế gian mà không hủy hoại thế giới, cúng dường được chư Phật Như Lai như số vi trần, cùng khắp mười phương, ở bên mỗi mỗi đức Phật, làm vị Pháp vương tử, có thể khiến cho trong pháp giới, những chúng sanh không con, cầu có con trai, sinh ra đứa con trai có phúc đức trí tuệ.

**Mười ba**, là sáu căn viên thông, soi sáng không hai, trùm khắp mười phương thế giới, thành lập Đại Viên Cảnh Không Như Lai Tạng, vâng lĩnh pháp môn bí mật của mười phương vi trần Như Lai, không có thiếu sót, có thể khiến cho trong pháp giới, những chúng sanh không con, cầu có con gái, sinh ra người con gái có tướng tốt, đoan chính, phúc đức, dịu dàng, được mọi người yêu kính.

**Mười bốn**, là trong tam thiên đại thiên thế giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, các Pháp vương tử hiện ở trong thế gian, số lượng có đến sáu mươi hai số cát sông Hằng, đều tu Phật pháp, nêu gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sanh, phương tiện trí tuệ của mỗi mỗi vị không đồng nhau. Do con được Tánh viên thông, phát ra diệu tánh của nhĩ căn, cho đến thân tâm nhiệm màu bao trùm khắp pháp giới, nên có thể khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con, so với những người chấp trì danh hiệu của tất cả các vị Pháp vương tử số lượng bằng sáu mươi hai số cát sông Hằng kia, phúc đức hai bên thật bằng bậc, không sai khác.

**Bạch Thế Tôn!** Một danh hiệu của con cùng với rất nhiều danh hiệu kia không khác, là do con tu tập được tánh viên thông chân thật. Ấy gọi là mười bốn sức thí vô úy, đem phúc khắp cho chúng sanh.

**"Bạch Thế Tôn!** Do con đã được Đạo tu chứng viên thông vô thượng đó, nên lại khéo được bốn Vô Tác Diệu Đức không nghĩ bàn:

**Một**, là do con chứng được tánh nghe chí diệu, nơi tâm tánh không còn có tướng năng văn, các sự thấy, nghe, hay, biết không còn cách biệt và đều thành một Bảo Giác Viên Dung Thanh Tịnh, nên con có thể hiện ra rất nhiều hình dung nhiệm màu, nói ra vô số thần chú bí mật. Trong đó, hoặc hiện ra một đầu, ba đầu, năm đầu, bảy đầu, chín đầu, mười một đầu, như thế cho đến một trăm lẻ tám đầu, một ngàn đầu, một vạn đầu, tám vạn bốn ngàn cái đầu, đầy đủ các tướng; hoặc hiện ra hai tay, bốn tay, sáu tay, mười hai tay, mười bốn, mười sáu, mười tám, hai mươi, hai mươi bốn, như thế cho đến một trăm lẻ tám tay, một ngàn tay, một vạn tay, tám vạn bốn ngàn cái tay bất ẩn; hoặc hiện ra hai mắt, ba mắt, bốn mắt, chín mắt, như thế cho đến một trăm lẻ tám

mắt, một ngàn mắt, một vạn mắt, tám vạn bốn ngàn con mắt báu thanh tịnh; hoặc khi thì từ, hoặc khi thì oai, hoặc khi thì định, hoặc khi thì tuệ, cứu giúp chúng sanh được rất tự tại.

**Hai**, là do cái nghe, cái nghĩ của con, thoát ra ngoài sáu trần như cái tiếng qua bức tường, không thể bị ngăn ngại, cho nên diệu dụng của con có thể hiện mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú, hình đó, chú đó đều có thể đem sức vô úy mà bố thí cho các chúng sanh; vì thế, cõi nước mười phương như vi trần đều gọi con là vị Thí Vô Úy.

**Ba**, là con tu tập, phát ra căn tánh Bản Diệu Viên Thông Thanh Tịnh, nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sanh xả thân, xả đồ trần bảo, cầu con thương xót.

**Bốn**, là do con được tâm Phật, chứng đến chỗ rốt ráo, nên có thể đem các thứ quý báu cúng dường mười phương Như Lai, cả đến chúng sanh sáu đường trong pháp giới, ai cầu vợ thì được vợ, cầu con thì được con, cầu Tam Muội thì được Tam Muội, cầu sống lâu thì được sống lâu, như thế, cho đến cầu Đại Niết Bàn thì được Đại Niết Bàn. "Phật hỏi về viên thông, con do văn chiếu Tam Muội nơi nhĩ căn mà duyên tâm được tự tại; nhân tướng nhập lưu, được Tam ma địa, thành tựu quả Bồ Đề, đó là thứ nhất.

**Bạch Thế Tôn!** Đức Phật Như Lai kia, khen con khéo được pháp môn viên thông, ở trong Đại hội, thọ ký cho con cái hiệu là Quán Thế Âm; do con thấy nghe thấu suốt mười phương, nên danh tiếng Quán Âm cùng khắp thập phương thế giới."

## **Phần 16**

### **Chỉ dạy Pháp Viên tu**

### **Đức Phật phóng hào quang hiện điềm lành**

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nơi sư tử tọa, năm vóc đồng phóng ra hào quang báu, rọi xa trên đánh tướng mười phương Như Lai số như vi trần và trên đánh các vị Pháp vương tử, các vị Bồ Tát. Các đức Như Lai kia, năm vóc cũng đồng phóng ra hào quang báu, từ các thế giới số như vi trần đến rọi trên đánh Phật và trên đánh các vị Đại Bồ Tát và A la hán trong Hội; rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm; hào quang giao xen cùng nhau như lưới tơ báu. Cả trong đại chúng được cái chưa từng có; tất cả đều được Kim cương tam muội. Liên khi ấy, trời mưa hoa sen trăm màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng xen lộn lẫn nhau, mười phương hư không hóa thành sắc bảy báu. Đất liền, núi sông của cõi Ta bà này cùng một lúc không hiện ra, chỉ thấy vi trần quốc độ mười phương hợp thành một cõi, Phạm Âm ca ngợi tự nhiên nổi lên.

### **Đức Phật bảo ngài Văn Thù chọn căn viên thông**

Lúc bảy giờ, đức Như Lai bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử rằng: "Ông hãy xét trong hai mươi lăm vị vô học Đại Bồ Tát và A la hán, mỗi mỗi đều trình bày phương tiện hành đạo lúc đầu, đều nói tu tập tánh viên thông chân thật; chỗ tu hành của các vị kia, thật không có hơn, kém, trước, sau gì khác nhau. Nay Ta muốn khiến cho ông Anan khai ngộ, thì trong hai mươi lăm phép tu, phép nào hợp với căn cơ của ông ấy; lại nữa, sau khi Ta diệt độ rồi, chúng sanh trong cõi này vào thừa Bồ Tát, cầu đạo vô thượng, thì do pháp môn phương tiện gì, được dễ thành tựu hơn?"

### **Lựa ra những căn viên thông**

*(Lưu ý: Đọc qua không cần phải nhớ, ngay cả căn viên thông đã được chọn vì chúng ta dùng Lăng Nghiêm Đại Định để vào Ta Ma Địa – Chánh Định)*

Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử, vâng ý chỉ của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, dựa vào uy thần của Phật, nói bài kệ đáp lại:

"Bản tánh biển Giác khắp đứng lặng,  
Tánh khắp đứng lặng vốn nhiệm màu,  
Bản Minh chiếu ra hình như sớ,  
Lập tướng sớ, bỏ mất Bản Minh.  
Do mê vọng, mà có hư không,  
Nương hư không, lập thành thế giới;  
Tu tưởng chăm chú thành cõi nước,  
Hay biết mọi việc, là chúng sinh.  
Hư không sinh ra trong Đại Giác,  
Như một bọt nước sinh trong bể;  
Các nước hữu lậu, như vi trần  
Đều nương hư không, mà phát sinh;  
Bọt nước diệt, vốn không hư không,  
Huống nữa là, hình tướng ba cõi.

"Bản tánh xoay về, vốn không hai,  
Phương tiện tu chứng có nhiều cách,  
**Cách nào cũng thông vào bản tánh,**  
Nói thuận, nghịch, chỉ là phương tiện;  
Do hàng sơ tâm vào Tam muội,  
Bên mau, bên chậm không đồng nhau.

"Vọng tưởng kết lại thành sắc trần,  
Hay biết không thể thông suốt được;  
Làm sao, chính chỗ không thông suốt,  
Tu hành, lại được Tánh viên thông?  
Âm thanh xen lộn với lời nói,  
Chỉ nương theo ý vị danh từ;  
Nếu một, không trùm được tất cả,  
Thì làm sao, được Tánh viên thông?

Hương, chỉ lúc hợp, mới rõ biết,  
Lúc rời cách, thì vốn không có;  
Nếu sờ Giác, không được thường xuyên,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Vị, không phải bản nhiên tự có,  
Cần phải nếm, mới biết có vị;  
Nếu Giác quan, không thường duy nhất,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Xúc, do các vật chạm mà biết,  
Không vật chạm, thì không thành xúc;  
Khi hợp, khi ly, không nhất định,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
**Pháp, cũng có tên là nội trần**<sup>64</sup>,  
Nương theo trần, tất phải có sở;  
Năng sở, không viên dung nhập một,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?

"Cái thấy, tuy rộng suốt rất xa,  
Nhưng thấy trước, mà không thấy sau;  
Bốn bề, còn thiếu mất một nửa,  
Thì làm sao, được tánh viên thông!  
Mũi, có thở ra và thở vào,  
Chặng giữa, hiện không có hơi thở,  
Nếu không viên dung sự cách bức,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Ngoài sờ nhập, tánh nếm không thành,  
Nhân các vị, mới có hay biết;  
Không có vị, rốt ráo không có,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Thân biết xúc với cảnh sở xúc,  
Đều có hạn, không phải cùng khắp;

---

<sup>64</sup> **Pháp** này là trần đối với căn Ý



Nếu không nhận tánh không bờ bến,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Ý căn xen với các loạn tưởng,  
Đứng lặng, rốt cuộc không thấy gì;  
Nếu không thoát được các tưởng niệm,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?"

"Nhãn thức, phát khởi nhờ căn trần,  
Gạn cùng, vốn không có tự tướng;  
Cả tự thể, còn không nhất định,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Tâm nghe rộng thấu cả mười phương,  
Là do sức hoằng thệ rộng lớn;  
Sơ tâm, không thể đến chỗ ấy  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Quán đầu mũi, vốn là duyên cơ,  
Chỉ để nhiếp tâm được an trụ;  
Nếu cảnh quán, lại thành sở trụ,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Thuyết pháp, diệu dụng các danh từ;  
Cốt phải đã được khai ngộ trước;  
Nếu lời nói, không phải vô lậu,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
**Giữ giới, chỉ câu thúc cái thân,**  
Ngoài cái thân, lấy gì câu thúc;  
Vốn không phải cùng khắp tất cả,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Thần thông, do túc tập từ trước,  
Nào dính gì ý thức phân biệt;  
Tưởng niệm, không thoát ly sự vật,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?"

"Nếu quán cái tánh của địa đại,  
Thì nó ngăn ngại, không thông suốt;  
Pháp hữu vi, không phải chân tánh,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Nếu quán cái tánh của thủy đại,  
Quán tướng, đâu phải là chân thật,  
Nếu không đi đến Diệu Chân Như,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Nếu quán hỏa đại, trừ dâm dục,  
Chán cái có, không phải thật ly;  
Phương tiện, không hợp với sơ tâm,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Nếu quán cái tánh của phong đại,  
Động, tĩnh, đâu phải không đối đãi;  
Đối đãi, trái với vô thượng Giác,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Nếu quán cái tánh của không đại,  
Hư không vô tri, không hay biết;  
Không biết, khác hẳn với Bồ Đề,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Nếu quán cái tánh của thức đại,  
Thức sinh diệt, đâu phải thường trụ,  
Đề tâm trong phân biệt hư vọng,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?  
Tất cả các hành đều vô thường,  
Tưởng niệm, vốn trong vòng sinh diệt,  
Nhân và quả, khác nhau như thế,  
Thì làm sao, được tánh viên thông?"

### **Nhĩ căn viên thông hơn hết**

"Con nay xin bạch đức Thế Tôn,  
Phật ra đời trong cõi Ta bà,

Trong cõi này, lối dạy chân thật,  
Thanh tịnh, do chỗ nói và nghe;  
Nay muốn tu chứng Tam ma địa,  
Thật nên do cái nghe mà vào."

"Rời cái khổ và được giải thoát,  
Hay thay cho ngài Quán Thế Âm;  
Trong kiếp số như cát sông Hằng,  
Vào cõi Phật như số vi trần,  
Được sức tự tại rất to lớn,  
Bồ thí vô úy cho chúng sinh.  
Ngài Quán Thế Âm, tiếng nhiệm mầu,  
Tiếng trong sạch và tiếng hải triều,  
Cứu đời, mọi việc được yên lành,  
Xuất thế gian, được quả thường trụ."

"Con nay kính bạch đức Như Lai,  
Như lời ngài Quán Âm vừa nói:  
Ví như, có người trong yên lặng,  
Chung quanh mười phương đều đánh trống,  
Thì đồng thời nghe khắp mười nơi,  
Như thế, mới là viên chân thật.  
Mắt bị ngăn che, không thấy được,  
Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy,  
Thân căn, lúc hợp mới biết xúc,  
Ý căn, phân vân không manh mối;  
Cách tường, nhĩ căn vẫn nghe tiếng,  
Dầu xa, dầu gần, đều nghe được;  
Năm căn so sánh thật không bằng,  
Như thế, mới là thông chân thật.  
Tánh thanh trần, có động, có tĩnh,  
Trong tánh nghe thành có, thành không;  
Khi không tiếng, gọi là không nghe,

Đâu phải thật không còn tánh nghe;  
Không tiếng, tánh nghe đã không diệt,  
Có tiếng, tánh nghe đâu phải sinh;  
Trọn rời cả hai thứ sinh diệt,  
Nhu thế, mới là thường chân thật.  
Dầu cho, trong lúc đương ngủ mê,  
Không vì không nghĩ, mà không nghe;  
Tánh nghe ra ngoài sự suy nghĩ,  
Thân, ý không thể so bằng được.

“Hiện nay, trong cõi Ta bà này,  
Các thứ thanh luận được truyền bá,  
Do chúng sinh bỏ mất tánh nghe,  
Theo thanh trần, nên bị lưu chuyển;  
Anan tuy có Tánh nhớ dai,  
Vẫn không khỏi mắc các tà niệm;  
Há không phải tùy chỗ chìm đắm,  
Xoay ngược dòng, thoát khỏi hư vọng.  
Anan! ông hãy nghe cho chín,  
Nay tôi nương uy lực của Phật,  
Tuyên nói phép Tam Muội chân thật,  
Chắc như Kim cương vương, như huyễn,  
Không nghĩ bàn, xuất sinh chư Phật.  
Ông nghe tất cả pháp bí mật  
Của chư Phật, số như vi trần,  
Nếu trước hết, không trừ dục lậu,  
Nghe nhiều, chứa chấp thành lầm lỗi;  
Dùng cái nghe thọ trì Phật pháp,  
Sao lại không **tự nghe cái nghe?**  
Tánh nghe không phải tự nhiên sinh,  
Nhân thanh trần mà có danh hiệu,  
**Xoay cái nghe, thoát ly thanh trần,**  
Cái thoát ly ấy, gọi là gì?

Một căn, đã trở về Bản Tánh,  
Thì cả sáu căn, được giải thoát,  
Thấy, nghe như bệnh lừa huyền hóa,  
Ba cõi như hoa đóm hư không;  
Xoay Tánh Nghe, gốc lừa tiêu trừ,  
Trần tướng tiêu, Giác Tánh viên tịnh.  
Tột thanh tịnh, trí quang thông suốt,  
Thể tịch chiếu trùm khắp hư không,  
Trở lại xem các việc thế gian  
Thật giống như chiêm bao không khác.  
Nàng Ma đấng già là chiêm bao  
Thì còn ai bắt ông được nữa?  
Như các huyền sư khéo trong đời,  
Làm trò, thành ra các trai, gái;  
Tuy thấy các căn đều cử động,  
Cốt yếu, do cái máy dật dây;  
Nghỉ máy, tất cả đều yên lặng,  
Các trò, trở thành không có tánh.  
Cả sáu căn cũng giống như thế,  
Vốn đều nương một tánh tinh minh  
Chia ra thành sáu thứ hòa hợp;  
Một nơi, đã rời bỏ quay về,  
Thì cả sáu, đều không thành lập;  
Trong một niệm, trần cấu đều tiêu,  
Chuyển thành Tánh Viên Minh Tịnh Diệu,  
Còn sót trần cấu là học vị,  
Sáng suốt cùng tột, tức Như Lai.  
Hỡi đại chúng và ông Anan!  
Hãy xoay lại cái nghe điên đảo,  
**Xoay cái nghe về, nghe tự tánh,**  
**Nhận tự tánh, thành đạo vô thượng;**  
**Thật tánh viên thông là như thế."**

"Đây thật là một đường thẳng tiến  
Vào Niết Bàn của vi trần Phật;  
Các đức Như Lai trong quá khứ  
Đều đã thành tựu pháp môn này;  
Các vị Bồ Tát trong hiện tại  
Điều viên minh vào pháp môn ấy;  
Những người tu học đời vị lai  
Đều nên nương theo pháp môn đó;  
Tôi cũng do pháp ấy mà chứng,  
Không phải chỉ ngài Quán Thế Âm.  
Thật như lời đức Phật Thế Tôn  
Đã hỏi tôi về các phương tiện  
Để cứu giúp, trong đời Mạt Pháp,  
Những người cầu pháp xuất thế gian  
Thành tựu được tâm tánh Niết Bàn  
Thì ngài Quán Âm là hơn cả.  
Còn tất cả các phương tiện khác  
Đều là nhờ uy thần của Phật,  
Tức nơi sự, rời bỏ trần lao,  
Không phải phép tu học thường xuyên,  
Cạn hay sâu cũng đồng nghe được.

"Xin đánh lễ Tánh Như Lai Tạng,  
Vô lậu, không còn sự nghĩ bàn,  
Nguyện gia bị cho đời vị lai,  
Nơi pháp môn này, không làm lẫn.  
Đây là phương tiện dễ thành tựu,  
Nên đem dạy cho ông Anan  
Cùng những kẻ trầm luân mạt kiếp,  
Chỉ dùng nhĩ căn mà tu tập,  
Thì viên thông chóng hơn pháp khác;  
Tâm tánh chân thật là như thế."

Lúc ấy, ông Anan cùng cả đại chúng, thân tâm tỏ rõ, nhận được sự khai thị to lớn, xem quả Bồ Đề và Đại Niết Bàn của Phật, cũng như có người thân có việc phải đi xa, chưa trở về được, song đã biết rõ con đường về nhà. Trong Pháp hội, cả đại chúng, thiên long bát bộ, hàng Nhị thừa hữu học và tất cả các Bồ Tát mới phát tâm, số lượng bằng mười số cát sông Hằng, đều được bản tâm xa trần tướng, rời cấu nhiễm, được pháp nhãn thanh tịnh. Bà Tánh Tử kheo ni nghe nói bài kệ xong, thành quả A la hán; vô lượng chúng sinh đều phát tâm Vô Đẳng Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Lúc bấy giờ ngài Anan sửa áo chỉnh tề, ở trong đại chúng, chấp tay đỉnh lễ; tâm tánh trọn sáng, vừa mừng vừa tủi; vì muốn lợi ích cho các chúng sinh vị lai, cúi đầu bạch Phật: "Thưa đức Thế Tôn đại bi, con nay đã ngộ được pháp môn thành Phật, tu hành trong đó, được không nghi hoặc. Con thường nghe đức Như lai dạy như thế này: Tự mình chưa được độ, trước đã độ người, đó là chỗ phát tâm của các vị Bồ Tát; tự mình Giác ngộ viên mãn, có thể Giác ngộ kẻ khác, đó là sự ứng thể của các đức Như Lai. Con tuy chưa được độ, song nguyện độ tất cả chúng sinh trong đời Mạt Pháp. Bạch Thế Tôn, các chúng sinh đó cách Phật ngày càng xa, những tà sư thuyết pháp; số như cát sông Hằng; nếu muốn họ nhiếp tâm vào Tam ma địa, thì nên khiến họ dựng lập đàn tràng thế nào để rời các ma sự, được không thoái khuất nơi tâm Bồ Đề."

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, ở trong đại chúng, khen ngợi ông Anan: "Hay lắm, hay lắm, như chỗ ông hỏi về dựng lập đàn tràng, cứu giúp chúng sinh chìm đắm trong đời Mạt Pháp, ông hãy nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói." Ngài Anan và cả đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Phật bảo ngài Anan: "Ông thường nghe Ta, trong Tỳ Nại Gia<sup>65</sup>, tuyên nói ba nghĩa quyết định của sự tu hành, đó là tu nhiếp cái tâm là giới, nhân giới mà sinh định, nhân định mà phát tuệ<sup>66</sup>, thế gọi là ba pháp Vô lậu học."

"Anan! Thế nào tu nhiếp cái tâm thì gọi là giới?"

Nếu chúng sinh sáu đường trong các thế giới, cái tâm không dâm, thì không đi theo dòng sinh tử tiếp tục. Ông tu phép Tam Muội cốt để ra khỏi trần lao, nếu không trừ lòng dâm, thì không thể ra khỏi trần lao được. Dầu có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu không đoạn lòng dâm, cũng chắc lạc vào ma đạo, hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ; các bọn ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành đạo vô thượng. Sau khi Ta diệt độ rồi, trong đời Mạt Pháp, có nhiều bọn ma này sôi nổi trong thế gian, gây nhiều việc tham dâm, lại giả làm người thiện tri thức, khiến cho các chúng sanh sa vào hầm ái kiến; bỏ mất con đường Bồ Đề. Ông dạy người đời tu pháp Tam ma đề (quán), trước hết phải đoạn cái dâm trong tự tâm. Ấy gọi là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các đức Như Lai Tiên-Phật Thế Tôn. Vậy nên ông Anan! Nếu không đoạn lòng dâm mà tu thiên định, thì cũng như nấu cát, nấu đá muốn cho thành cơm, dầu trải qua trăm nghìn kiếp cũng chỉ gọi là cát nóng, đá nóng, vì có sao? Vì đó là giống cát, giống đá, không phải là bản nhân của cơm vậy. Ông đem thân dâm cầu diệu quả của Phật, dầu được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm, cỗi gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi, còn đường nào tu chứng Niết Bàn

---

<sup>65</sup> Tỳ Nại Gia nói về giới luật.

<sup>66</sup> Phải hiểu như thế nào về chữ "sinh" trong Giới sinh Định, Định sinh Tuệ? Cũng trong Kinh này, Ông Tôn Đà La Nan Đà (vị thứ mười bốn) trình bày sự chứng ngộ của mình đã nói: **Con đã giữ giới luật đầy đủ nhưng không thể vào Tam ma địa (Samadhi: Chánh Định.)**



Như Lai. Chắc phải khiến cho thân tâm đều đoạn hết giống dâm, cho đến tánh đoạn cũng không còn nữa, thì mới trông mong chứng quả Bồ Đề của Phật. Như lời Ta nói đây, gọi là lời nói của Phật; không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba tuần."

"Anan! Ai trong các chúng sanh sáu đường trong các thế giới, nếu cái tâm không sát, thì không theo dòng sinh tử tiếp tục. Ông tu phép Tam Muội, cốt ra khỏi trần lao, nếu không trừ lòng sát, thì không thể ra khỏi trần lao được. Dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu không đoạn lòng sát, thì chắc phải lạc vào thần đạo; người bậc trên thì thành đại lực quý, người bậc giữa thì thành phi hành dạ xoa và các loài quý soái, người bậc dưới thì thành địa hành la sát, các loài quý thần kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành đạo vô thượng.

Sau khi Ta diệt độ rồi, trong đời Mạt Pháp, có nhiều quý thần này sôi nổi trong thế gian, tự nói rằng ăn thịt, được đạo Bồ Đề. Anan! Ta khiến hàng Tỷ kheo ăn năm thứ tịnh nhục, thịt kia đều do thần lực Ta hóa sinh ra, vốn không có mạng căn. Xứ Bà la môn các ông, đất đai phần nhiều nóng ướt, lại thêm cát đá, rau cỏ không sinh được; Ta dùng sức đại bi gia bị, nhân sức đại từ bi, giả gọi là thịt và các ông cũng nhận được cái vị như thịt; làm sao, sau khi Như Lai diệt độ, người ăn thịt chúng sinh, lại gọi là Phật tử! Các ông nên biết những người ăn thịt đó, dầu cho tâm được khai ngộ, giống như Tam ma địa, đều là loài La sát, quả báo hết rồi, phải chìm đắm trong bể khổ, không phải đệ tử Phật. Những người như vậy, giết nhau, nuốt nhau, ăn nhau chưa thôi, làm sao, lại được ra khỏi ba cõi. Ông dạy người đời tu phép Tam ma đề, thứ nữa, phải đoạn lòng sát. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ hai của các đức Như Lai Tiên-Phật Thế Tôn.

Vậy nên Anan! Nếu không đoạn lòng sát mà tu thiền định, thì cũng ví như có người tự bịt lỗ tai, cất tiếng kêu to mà trông mong người khác không nghe; bọn này gọi là muốn giấu thì càng lộ. Hàng Tỷ kheo thanh tịnh và các vị Bồ Tát đi trong đường rẽ, không dẫm cỏ non, huống nữa là lấy tay nhổ cỏ; làm sao đức Đại bi, lại lấy máu thịt của các chúng sinh, mà làm đồ ăn?

Nếu các hàng Tỷ kheo không mặc những **đồ tơ lụa, là lượt phương Đông và không dùng những giày dép, áo cừu, áo len hay các thứ sữa, phó mát, đề hồ**, thì những Tỷ kheo như thế, đối với thế gian, thật là giải thoát, trả hết nợ cũ xong, thì không vào trong ba cõi nữa, vì có sao? Dùng những bộ phận thân thể chúng sinh, thì đều bị ảnh hưởng chúng sinh, cũng như con người ăn giống bách cốc trong đất, thì chân không rời khỏi đất. Quyết phải khiến cho thân tâm, đối với thân thể hay bộ phận thân thể của chúng sinh, đều không mặc, không ăn, thì những người như thế, Ta mới gọi thật là giải thoát. Như lời Ta nói đây, gọi là lời nói của Phật; không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba tuần."

"Anan! Lại như chúng sanh sáu đường trong thế giới, tâm không trộm cắp, thì không theo dòng sinh tử tiếp tục. Ông tu phép Tam Muội, cốt ra khỏi trần lao, nếu lòng trộm cắp không trừ, thì không thể ra khỏi trần lao được; dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu không đoạn được lòng trộm cắp, thì chắc phải lạc vào tà đạo, hạng trên thì thành tinh linh, hạng giữa thì thành yêu mị, hạng dưới thì thành người tà đạo bị các loài quỷ mị nhập vào; các bọn tà đạo kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành đạo vô thượng. Sau khi Ta diệt độ rồi, trong đời Mạt Pháp, có nhiều những hạng yêu mị tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian, chúng lên núp gian dối, tự xưng là thiện tri thức, mỗi người tự xưng đã được đạo pháp

vô thượng, lừa gạt kẻ không biết, dọa dẫm khiến cho mất lòng chánh tín; chúng đi qua đến đâu, cửa nhà người ta đều bị hao tổn tan nát. Ta dạy hàng Tỷ kheo theo thứ lớp nhất thực để bỏ lòng tham, thành đạo Bồ Đề. Các hàng Tỷ kheo không tự nấu ăn, gửi cái sống thừa tạm bợ trong ba cõi, thị hiện chỉ đi về một phen, đi rồi không trở lại nữa. Làm sao, bọn giặc mượn y phục đạo Phật, buôn bán Như Lai, gây các thứ nghiệp mà đều gọi là Phật pháp, lại còn chê bai các vị Tỷ kheo đầy đủ giới luật xuất gia là đạo Tiểu Thừa; do chúng làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị dọa vào ngục vô gián.

Sau khi Ta diệt độ rồi, nếu có Tỷ kheo phát tâm quyết định tu phép Tam ma đề, biết ở trước hình tượng Như Lai, chính mình thắp một cây đèn, đốt một đốt ngón tay hay ở trên thân, **đốt một điễm hương**, Ta nói người ấy, nợ cũ từ vô thủy, trong một thời trả hết, cáo từ thế gian, thoát hẳn các lậu. Người ấy, tuy chưa hiểu rõ đạo Vô Thượng Giác, nhưng đối với Phật pháp, tâm đã quyết định; nếu không làm được cái nhân nhỏ mọn xả thân ấy, thì dầu thành đạo vô vi, cũng phải lại sinh làm người, trả các nợ cũ, như quả báo ăn lúa ngựa của Ta, thật không sai khác. Ông dạy người đời tu phép Tam ma đề, sau nữa, phải đoạn lòng trộm cắp. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ ba của các đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Vậy nên ông Anan! Nếu không đoạn lòng trộm cắp mà tu thiên định, thì cũng như người lấy nước rót vào chén thủng, mong cho đầy chén, dầu trải qua kiếp số như vi trần, rốt cuộc không thể đầy được. Nếu các hàng Tỷ kheo, ngoài y bát ra, mảy may không tích trữ, xin ăn có dư, thì bố thí cho chúng sanh đói, nơi nhóm Hội lớn, chấp tay vái chào đại chúng, có người đánh mắng cũng đồng như khen ngợi, quyết định rồi

bỏ cả thân và tâm, thân thịt xương máu thành sở hữu chúng của chúng sanh, không đem những lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu của mình, khiến cho kẻ sơ học phải lầm lạc, thì Phật án chứng người ấy, thật được Tam muội. Như lời Ta nói đây, gọi là lời nói của Phật; không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba tuần."

"Anan! Chúng sinh sáu đường trong thế giới như thế, tuy nơi thân tâm không còn sát, đạo, dâm, cả ba hạnh đã được viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì Tam ma địa không được thanh tịnh, thành giống ma ái kiến và mất giống Như Lai; tức như chưa được gọi rằng được, chưa chứng gọi rằng chứng, hoặc đề cầu thế gian tôn trọng tột bậc, bảo người khác rằng: Nay tôi đã được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, đạo A la hán, thừa Bích chi Phật hay các quả vị Bồ Tát trong thập địa hay trước thập địa, trông mong người kia lễ sám, tham sự cúng dường. Những tên nhất điền ca ấy, tự tiêu diệt giống Phật, như người lấy dao chặt cây đa la; Phật án ký người ấy, mất hẳn thiện căn, không còn chánh tri kiến, chìm đắm trong ba bể khổ, không thành tựu pháp Tam Muội. Ta bảo các hàng Bồ Tát và A la hán, sau khi Ta diệt độ rồi, hiện ra ứng thân, sinh trong đời Mạt Pháp kia, hiện ra nhiều hình tướng khác nhau, để độ những người còn trong vòng luân hồi, hoặc làm sa môn, bạch y cư sĩ, vua chúa, quan lại, đồng nam, đồng nữ, như thế cho đến người dâm nữ, người quả phụ, người gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, buôn bán, để khen ngợi Phật thừa với những người đồng sự, khiến cho thân tâm của họ vào được Tam ma địa; nhưng rốt ráo không tự bảo rằng tôi thật là Bồ Tát, thật là A la hán, khinh xuất nói với những người chưa học, làm tiết lộ mật nhân của Phật, chỉ trừ đến lâm chung, hoặc chẳng, thàm có những lời di chúc; làm sao, lại còn có lừa gạt chúng sanh, thành tội đại vọng ngữ. Ông dạy người đời tu pháp Tam ma

đề, sau rốt phải đoạn trừ các đại vọng ngữ. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ tư của các đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Vậy nên ông Anan! Nếu không đoạn trừ lòng đại vọng ngữ, thì cũng như khắc phân người làm thành hình cây chiên đàn, mà muốn được hương thơm, thật không có lẽ nào như vậy. Ta dạy hàng Tỷ kheo lấy trực tâm làm đạo tràng, trong hết thảy hành động, nơi bốn uy nghi, còn không có giả dối, làm sao, lại có kẻ tự xưng đã được đạo pháp thượng nhân! Ví như người dân cùng xưng càn là đế vương để tự chuốc lấy sự tru diệt, hưởng nữa, là vị Pháp vương, làm sao, lại dám xưng càn! Nhân đã không thật, quả ắt quanh co, như thế, mà cầu đạo Bồ Đề của Phật, thì cũng như người muốn cắn rốn, làm sao, mà thành tựu được. Nếu như các hàng Tỷ kheo, tâm như dây đàn thẳng, tất cả đều chân thật mà vào Tam ma địa, thì hẳn không có các ma sự, Ta ấn chứng người đó, thành tựu được Vô Thượng Tri Giác của các hàng Bồ Tát. Như lời Ta nói đây, gọi là lời nói của Phật; không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba tuần."



**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢN THỦ LĂNG NGHIÊM**  
(TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)



## Quyển VII

### Phần 17

#### Đức Phật khai thị về Mật Giáo

*(Lưu ý: Phần này chúng ta đọc kỹ để tăng niềm tin xây dựng Đàn Trìang Lăng Nghiêm mà tu tập.)*

“Anan ! Ông hỏi về nhiếp tâm, Ta nay đã nói: “ĐỀ vào Tam Ma Địa tu học pháp môn nhiệm mầu, cầu Đạo Bồ Đề, trước hết phải giữ bốn thứ Luật Nghi<sup>67</sup> này trong trắng như sương tuyết, tự không còn sanh mảy mún cành lá. Ba cái của Tâm<sup>68</sup>, bốn cái của Miệng<sup>69</sup> không có nhân để sanh ra. “Anan! Nếu chẳng sai mất bốn Luật Nghi đó thì tâm còn chẳng duyên theo Sắc, Hương, Vị, Xúc, cả thấy ma sự làm sao phát sanh? **Nếu có tập khí cũ không thể diệt trừ, ông dạy người đó nhất tâm trì tụng Thần Chú Vô Thượng Phật Đảnh Quang Minh “Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra” của Ta.** Đây là Tâm Chú Như Lai Vô Kiến Đảnh Tướng, Phật Tâm Vô Vi, từ đảnh phát huy, ngòi đài sen báu mà tuyên thuyết ra.

“Nhu ông đời trước cùng Cô Ma Đẳng Già nhân duyên nhiều kiếp, tập khí ân ái chẳng phải một đời hay một kiếp, song Ta một phen tuyên dương Thần Chú thì vĩnh viễn thoát khỏi lòng yêu, thành A La Hán. Nàng kia là dâm nữ, không tâm tu hành, chỉ nhờ thần lực của Chú ngầm giúp mà thành liền quả Vô Học, hưởng gì các ông, những hàng Thanh Văn trong hội, cầu Tối Thượng Thừa, quyết định thành Phật, ví như tung bụi vào gió thuận, nào khó khăn gì.

---

<sup>67</sup> Bốn luật nghi căn bản: Sát (giết hại,) Đạo (trộm cắp,) Dâm (tà dâm,) Vọng (nói dối.)

<sup>68</sup> Ba cái tâm: Tham, Sân, Si.

<sup>69</sup> Bốn cái của miệng: nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói hung ác.

“Nếu ở đời mặt thế, có người muốn ngồi đàn tràng tu hành, trước hãy giữ Cẩm Giới Tỳ kheo trong sạch. Cần phải chọn lựa vị Sa Môn Giới Hạnh trong sạch bậc nhất làm thầy. Nếu chẳng gặp được vị tăng chân thật thanh tịnh thì Giới Luật Nghi của người tu tất không thành tựu.

“Sau khi Giới được thành tựu, mặc áo mới, sạch, đốt hương, ở chỗ vắng mà trì tụng Thần Chú nói ra từ Tâm Phật này, một trăm lẻ tám biến<sup>70</sup>. Sau đó kiết giới, dựng lập đàn tràng, cầu xin Chư Vô Thượng Như Lai mười phương hiện trụ các quốc độ phóng quang Đại Bi đến rọi đỉnh đầu. “Anan! Những hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni hay hàng Cư sĩ, thí chủ trong sạch như thế, vào đời mặt thế, tâm dứt tham dâm, giữ tịnh giới Phật, ở trong đàn tràng, phát nguyện Bồ Đề, ra vào tắm rửa, **sáu thời hành đạo, không lo ngủ nghỉ, như thế trải qua ba lần bảy ngày, Ta tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đỉnh an ủi, khiến nên Giác Ngộ.**”

### **Khai thị đàn tràng tu chứng**

Ngài Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, con nhớ lời dạy bảo Từ Bi Vô Thượng của Như Lai, tâm tự khai ngộ, tự biết tu chứng, thành Đạo Vô Học. Còn người tu hành đời Mặt Pháp muốn lập đàn tràng, thế nào mà kiết giới cho hợp với pháp tắc trong sạch của Chư Phật Thế Tôn?”

Phật dạy ngài Anan: “Người đời Mặt Pháp, nguyện lập đàn tràng, trước hết kiếm con trâu trắng sức mạnh ở núi Tuyết Sơn, sống bằng cỏ thơm non mượt, loài trâu trắng này chỉ uống nước trong của núi Tuyết Sơn, phân rất nhuyễn mịn. Nên lấy phân đó hòa trộn với bột hương Chiên Đàn để tráng nền đất. Nếu không phải là loài trâu trắng ở Tuyết Sơn thì

---

<sup>70</sup> Phải tụng toàn bộ Tâm Chú gồm ngũ đế (năm phần) một trăm lẻ tám (108) lần trước khi xây dựng đàn tràng.



**phân hôi bản**<sup>71</sup>, không thể tráng nền. Riêng ở đồng bằng, có thể đào bỏ lớp đất trên mặt, lấy đất sét vàng từ năm thước trở xuống rồi hòa trộn với hương Chiên Đàn, trầm thủy, tô hợp, hồng lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, can tùng và kê thiết. Mười thứ ấy rây nghiền thành bột, trộn với đất sét để làm nền đàn tràng, **mỗi bề một tượng sáu, thành cái đàn bát Giác.**

“Trung tâm đàn đặt một cái bát, trong bát đựng nước sương móc tháng Tám. Trong nước tùy ý để các hoa lá hiện có. Lấy tám cái gương tròn, mỗi cái để theo mỗi hướng, chung quanh cái bát hoa. Bên ngoài gương, dựng lập mười sáu hoa sen, mười sáu lư hương, giữa chung bày hoa. Các lư hương đều trang nghiêm, đốt thuần bằng trầm thủy, không cho thấy lửa.

Lấy sữa trâu trắng để trong mười sáu đồ chứa. Lấy sữa làm bánh với đường cát, bánh rán, váng sữa, tô hợp, mật gừng, thuần kem, thuần mật, mỗi thứ mười sáu cái đặt quanh ngoài hoa sen để cùng dâng Chư Phật và các Đại Bồ Tát. Mỗi giờ ăn cơm và lúc nửa đêm dùng nửa thặng mật hòa với thặng rươi váng sữa (bơ). Trước đàn để riêng một lò lửa nhỏ, lấy hương Đâu Lô Bà nấu lấy nước thơm mà rửa than, đốt cho cháy hùng, rót mật bỏ vào, đốt cho hết khói, cúng dường Phật và Bồ Tát.

Ở bốn phía ngoài, treo khắp phan, hoa; ở trong nhà đàn, bốn vách chung bày các hình tượng của mười phương Như Lai và các vị Bồ Tát. Chính giữa để tượng Phật Lô Xá Na! Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật A Di Đà; hai bên

---

<sup>71</sup> Ngày xưa làm nền bằng đất. Ý chính đức Phật dạy là làm đàn tràng phải dùng vật liệu tinh khiết. Áp dụng ý chính này, các Chùa thuộc hệ thống Thanh Tịnh Tâm đã xây dựng được cho đến nay (năm 2015) **năm đàn tràng** để tu tập và được thành tựu, có nghĩa là “thực chứng” được những gì đức Phật dạy trong Kinh là có.

đặt tượng Đức Quan Âm Đại Biến Hóa và Kim Cang Tạng Bồ Tát. Hai bên cửa để hình tượng Đế Thích, Phạm Vương, Ô Sô Sất Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi, bốn vị Thiên Vương, Tần Na Dạ Ca... Lại dùng tám cái gương treo úp giữa hư không, đối chiếu với tám gương trước trong đàn tràng, khiến cho hình ảnh lồng nhập vào nhau nhiều lớp.

Trong bảy ngày đầu, chí thành đánh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, Chư Đại Bồ Tát, Chư A La Hán. Thường trong **sáu thời** đi quanh đàn tụng Chú, hết lòng hành Đạo, **mỗi thời trì một trăm lễ tám biến**. Trong bảy ngày thứ hai, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát, tâm không gián đoạn. Trong Luật Tạng của Ta đã có chỉ dạy về nguyện. Trong bảy ngày thứ ba, trong cả **mười hai thời (?)**, một bề trì Chú Bát Đát Ra của Phật. **Cho đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện chỗ ánh sáng của gương giao nhau, được Phật xoa đánh; bèn ở nơi đạo tràng tu Tam Ma Địa, có thể khiến cho hạng tu học đời mạt thế thân tâm sáng sạch như ngọc lưu ly.**

“Anan! Nếu vị Giới Sư mà vị Tỳ Kheo thọ giới hay một trong mười vị Giới Sư chứng minh không được thanh tịnh thì những đạo tràng đó phần nhiều chẳng được thành tựu. **Sau hai mươi một ngày, ngồi nghiêm chỉnh an cư. Trải qua một trăm ngày, những người có lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi mà đắc quả Tu Đà Hoàn. Dầu cho thân tâm thánh quả chưa thành, vẫn quyết định tự biết thành Phật không sai lầm.** “Ông hỏi về Đàn Tràng, kiến lập như thế.”

### **Tuyên thuyết Thần Chú**

Ngài Anan đánh lễ chân Phật, bạch rằng: “Từ khi xuất gia, con ý lại sự thương yêu của Phật, vì cầu sự đa văn nên chưa chứng vô vi. Gặp sự trói buộc của tà thuật Phạm Thiên, tâm

tuy sáng suốt mà sức chẳng tự do. Nhờ gặp Ngài Văn Thù khiến con được giải thoát. Tuy nhờ Phật Đảnh Thần Chú Như Lai âm thầm giúp sức, nhưng chính mình chưa được nghe. Mong Bạc Đại Từ tuyên thuyết trở lại, thương xót cứu giúp cho những người tu hành trong hội này cho đến những người còn trong luân hồi ở đời sau nhờ mật âm Phật mà thân ý giải thoát.” Khi ấy, hết thầy đại chúng trong hội đều làm lễ, chờ nghe chương cú bí mật của Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn từ đánh phóng ra hào quang trăm báu, trong hào quang phóng ra hoa sen báu ngàn cánh, có **Hóa Thân Như Lai ngồi trong hoa sen, trên đánh phóng mười đạo hào quang trăm báu**, mỗi mỗi hào quang đều thị hiện khắp mười hằng hà sa Kim Cang Mật Tích đờ núi, cầm chữ khắp cõi hư không. Đại chúng ngược trông, sợ mừng hòa lẫn, xin Phật thương che, nhất tâm lắng nghe Như Lai Vô Kiến Đảnh Tướng phóng quang Phật tuyên thuyết Thần Chú:

### **Đệ Nhất**

- 1.- Nam mô tát đất tha, tô già đa da, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà tỏa.
- 2.- Nam mô tát đất tha, Phật đà câu tri sắc ni sam.
- 3.- Nam mô tát bà, bột đà bột địa, tát đa bộ tộ.
- 4.- Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam bồ đà cu tri nẫm.
- 5.- Ta xá ra bà ca, tăng già nẫm.
- 6.- Nam mô lô kê A la hán đa nẫm.
- 7.- Nam mô tô lô đa ba na nẫm.
- 8.- Nam mô ta yết rị đà già di nẫm.
- 9.- Nam mô lô kê tam miệu già đa nẫm.
- 10.- Tam miệu già ba ra, đế ba đa na nẫm.
- 11.- Nam mô đề bà ly sắc nỏa.
- 12.- Nam mô tát đà da, tỳ địa da, đà ra ly sắc nỏa.
- 13.- Xá ba noa, yết ra ha, ta ha ta ra ma tha nẫm.

- 14.- Nam mô bạt ra ha ma ni.
- 15.- Nam mô nhờn đà ra da.
- 16.- Nam mô bà già bà đế.
- 17.- Lô đà ra da.
- 18.- Ô ma bát đế.
- 19.- Ta hê dạ da.
- 20.- Nam mô bà già bà đế.
- 21.- Na ra dã noa da.
- 22.- Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.
- 23.- Nam mô tất yết rị đa da.
- 24.- Nam mô bà già bà đế.
- 25.- Ma ha ca ra da.
- 26.- Địa rị bát lặc na già ra.
- 27.- Tỳ đà ra ba noa ca ra da.
- 28.- A địa mục đế.
- 29.- Thi ma xá na nê bà tất nê.
- 30.- Ma đất rị già noa.
- 31.- Nam mô tất yết rị đa da.
- 32.- Nam mô bà già bà đế.
- 33.- Đa tha già đa cu ra da.
- 34.- Nam mô bát đầu ma cu ra da.
- 35.- Nam mô bạc xà la cu ra da.
- 36.- Nam mô ma ni cu ra da.
- 37.- Nam mô già xà cu ra da.
- 38.- Nam mô bà già bà đế.
- 39.- Đế rị trà du ra tây na.
- 40.- Ba ra ha ra noa ra xà da.
- 41.- Đa tha già đa da.
- 42.- Nam mô bà già bà đế.
- 43.- Nam mô a di đa bà da.
- 44.- Đa tha dà đa da.
- 45.- A ra ha đế.

- 46.- Tam miệu tam bồ đà da.  
47.- Nam mô bà già bà đế.  
48.- A sô bệ da.  
49.- Đá tha già đa da.  
50.- A ra ha đế.  
51.- Tam miệu tam bồ đà da.  
52.- Nam mô bà già bà đế.  
53.- Bệ sa xà da, cu lô phệ trụ rị da.  
54.- Bát ra bà ra xà da.  
55.- Đá tha già đa da.  
56.- Nam mô bà già bà đế.  
57.- Tam bồ sư bí đa.  
58.- Bát lân nại ra lặc xà da.  
59.- Đá tha già đa da.  
60.- A ra ha đế.  
61.- Tam miệu tam bồ đà da.  
62.- Nam mô bà già bà đế.  
63.- Xá kê dã mẫu na duệ.  
64.- Đá tha già đa da.  
65.- A ra ha đế.  
66.- Tam miệu tam bồ đà da.  
67.- Nam mô bà già bà đế.  
68.- Lặc đác na kê đô ra xà da.  
69.- Đá tha già đa da.  
70.- A ra ha đế.  
71.- Tam miệu tam bồ đà da.  
72.- Đế biều, Nam mô tát yết rị đa.  
73.- Ế đàm bà già bà đa.  
74.- Tát đát tha già đô sắt ni sam.  
75.- Tát đát đa bác đát lam.  
76.- Nam mô a bà ra thị đàm.  
77.- Bát ra đế, dương kỳ ra.

- 78.- Tát ra bà bộ đa yết ra ha.  
79.- Ni yết ra ha, yết ca ra ha ni.  
80.- Bạc ra bí địa da, sách đà nễ.  
81.- A ca ra, mật rị trụ.  
82.- Bát rị đất ra da, nảnh yết rị.  
83.- Tát ra bà, bàn đà na, mục xoa ni.  
84.- Tát ra bà, đột sắt tra.  
85.- Đột tất phạt, bát na nễ, phạt ra ni.  
86.- Giả đô ra, thất đế nẫm.  
87.- Yết ra ha, ta ha tát ra nhã xà.  
88.- Tỳ đa băng ta na yết rị.  
89.- A sắc tra băng xá đế nẫm.  
90.- Na xoa sát đất ra nhã xà.  
91.- Ba ra tát đà na yết rị.  
92.- A sắt tra nẫm.  
93.- Ma ha yết ra ha nhã xà.  
94.- Tỳ đa băng tát na yết rị.  
95.- Tát bà xá đô lô, nễ bà ra nhã xà.  
96.- Hô lam đột tất phạt, nan giá na xá ni.  
97.- Bí Ta xá, tát đác ra.  
98.- A kiết ni, ô đà ca ra nhã xà.  
99.- A bát ra thị đa cu ra.  
100.- Ma ha bát ra chiến trì.  
101.- Ma ha điệp đa.  
102.- Ma ha đế xà.  
103.- Ma ha thuế đa xà bà ra.  
104.- Ma ha bạt ra bàn đà ra, bà tất nễ.  
105.- A rị da đa ra.  
106.- Tỳ rị cu tri.  
107.- Thệ bà tỳ xà da.  
108.- Bạt xà ra ma lễ đế.  
109.- Tỳ xá lô đa.

- 110.- Bột đặng vông ca.  
111.- Bạt xà ra chế hất na a giá.  
112.- Ma ra chế bà, bát ra chắt đa.  
113.- Bạt xà ra thiện trì.  
114.- Tỳ xá ra giá.  
115.- Phiền đa xá, bệ đề bà, bỏ thị đa.  
116.- Tô ma lô ba.  
117.- Ma ha thuế đa.  
118.- A rị da đa ra.  
119.- Ma ha bà ra a bác ra.  
120.- Bạt xà ra thương yết ra chế bà.  
121.- Bạt xà ra cu ma rị.  
122.- Cu lam đà rị.  
123.- Bạt xà ra hắc tất đa giá.  
124.- Tỳ địa da, kiền giá na, ma rị ca.  
125.- Khuất tô mẫu, bà yết ra đá na.  
126.- Bệ lô giá na, cu rị da.  
127.- Dạ ra thố, sắc ni sam.  
128.- Tỳ chiết lam bà ma ni giá.  
129.- Bạt xà ra, ca na, ca ba ra bà.  
130.- Lô xà na, bạt xà ra, đôn trĩ giá.  
131.- Thuế đa giá, ca ma ra.  
132.- Sát xa thi, ba ra bà.  
133.- Ế đế di đế.  
134.- Mẫu đà ra, yết noa.  
135.- Ta bệ ra sám.  
136.- Quật phạm đô.  
137.- Ẩn thố na mạ mạ tả.

## **Đệ Nhị**

- 138.- Ô hồng.  
139.- Rị sắt yết noa.

- 140.- Bát lặc xá tất đa.  
141.- Tát đất tha, già đô sắt ni sam.  
142.- Hổ hồng.  
143.- Đô lô ung.  
144.- Chiêm bà na.  
145.- Hổ hồng.  
146.- Đô lô ung.  
147.- Tát đăm bà na.  
148.- Hổ hồng.  
149.- Đô lô ung.  
150.- Ba ra sắc địa da, tam bác xá, noa yết ra.  
151.- Hổ hồng.  
152.- Đô lô ung.  
153.- Tát bà dược xoa, hắc ra sát ta.  
154.- Yết ra ha nhã xà  
155.- Tỳ đăng băng tát na yết ra.  
156.- Hổ hồng.  
157.- Đô lô ung.  
158.- Giả đô ra, thi đề nẳm.  
159.- Yết ra ha, ta ha tát ra nẳm.  
160.- Tỳ đăng băng tát na ra.  
161.- Hổ hồng.  
162.- Đô lô ung.  
163.- Ra xoa.  
164.- Bà già phạm.  
165.- Tát đất tha, già đô sắt ni sam.  
166.- Ba ra điếm, xà kiết rị.  
167.- Ma ha ta ha tát ra  
168.- Bột thọ ta ha tát ra, thất rị sa.  
169.- Cu tri ta ha tát nê đế lệ.  
170.- A tề đề thị, ba rị đa.  
171.- Tra tra anh ca.



- 172.- Ma ha bạt xà lô đà ra.  
173.- Đế rị, bồ bà na.  
174.- Mạn trà ra.  
175.- Ô hồng.  
176.- Ta tất đế, bạc bà đô.  
177.- Mạ mạ.  
178.- Ân thổ na mạ mạ tỏa.

### **Đệ Tam**

- 179.- Ra xà bà dạ.  
180.- Chủ ra bạt dạ.  
181.- A kỳ ni bà dạ.  
182.- Ô đà ca bà dạ.  
183.- Tỳ xa bà dạ.  
184.- Xá tất đa ra bà dạ.  
185.- Bà ra chước yết ra bà dạ.  
186.- Đột sắt xoa bà dạ.  
187.- A xá nễ bà dạ.  
188.- A ca ra, mật rị trụ bà dạ.  
189.- Đà ra ni, bộ di kiếm, ba già ba đà bà dạ  
190.- Ô ca ra, bà đa bà dạ.  
191.- Lặc xà đàn trà bà dạ.  
192.- Na già bà dạ.  
193.- Tỳ điều đất bà dạ.  
194.- Tô ba ra noa bà dạ.  
195.- Dược xoa yết ra ha.  
196.- Ra xoa tư yết ra ha.  
197.- Tất rị đa yết ra ha  
198.- Tỳ xá giá yết ra ha.  
199.- Bộ đa yết ra ha.  
200.- Cưu bàn trà yết ra ha.  
201.- Bồ đon na yết ra ha.

- 202.- Ca tra bỏ đơn na yết ra ha.  
203.- Tất kiên độ yết ra ha.  
204.- A bá tất ma ra yết ra ha.  
205.- Ô đàn ma đà yết ra ha.  
206.- Xa dạ yết ra ha.  
207.- Hê rị bà đế yết ra ha.  
208.- Xả đa ha rị nẳm.  
209.- Yết bà ha rị nẳm.  
210.- Lô địa ra ha rị nẳm.  
211.- Mang ta ha rị nẳm.  
212.- Mê đà ha rị nẳm.  
213.- Ma xà ha rị nẳm.  
214.- Xả đa ha rị nữ.  
215.- Thị tử đa ha rị nẳm.  
216.- Tỳ đa ha rị nẳm.  
217.- Bà đa ha rị nẳm.  
218.- A du giá ha rị nữ.  
219.- Chắt đa ha rị nữ.  
220.- Đế sam tát bệ sam.  
221.- Tát bà yết ra ha nẳm.  
222.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
223.- Kê ra dạ di.  
224.- Ba rị bạt ra giả ca, hắt rị đờm.  
225.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
226.- Kê ra dạ di.  
227.- Trà diển ni, hắt rị đờm.  
228.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
229.- Kê ra dạ di.  
230.- Ma ha bát du bát đát dạ.  
231.- Lô đà ra, hắt rị đờm.  
232.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
233.- Kê ra dạ di.

- 234.- Na ra dạ noa, hát rị đờm.  
235.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
236.- Kê ra dạ di.  
237.- Đát đòa già lô trà tây, hát rị đờm.  
238.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
239.- Kê ra dạ di.  
240.- Ma ha ca ra, ma đát rị già noa, hát rị đờm.  
241.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
242.- Kê ra dạ di.  
243.- Ca ba rị ca, hát rị đằm.  
244.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
245.- Kê ra dạ di.  
246.- Xà dạ yết ra, ma độ yết ra.  
247.- Tát bà ra tha ta đạt na, hát rị đờm.  
248.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
249.- Kê ra dạ di.  
250.- Giã đót ra bà kỳ nể, hát rị đờm.  
251.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
252.- Kê ra dạ di.  
253.- Tỳ rị dương hát rị tri.  
254.- Nan đà kê sa ra, dà noa bác để.  
255.- Sách hê dạ, hát rị đờm.  
256.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
257.- Kê ra dạ di.  
258.- Na yết na xá ra bà noa, hát rị đờm.  
259.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
260.- Kê ra dạ di.  
261.- A la hán, hát rị đờm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
262.- Kê ra dạ di.  
263.- Tỳ đả ra già, hát rị đờm.  
264.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
265.- Kê ra dạ di, bạt xà ra ba nể.

- 266.- Cự hê dạ, cụ hê dạ.  
267.- Ca địa bát đế, hất rị đờm.  
268.- Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di.  
269.- Kê ra dạ di.  
270.- Ra xoa võng.  
271.- Bà già phạm.  
272.- Ẩn thổ na mạ mạ tỏa.

### **Đệ Tứ**

- 273.- Bà già phạm.  
274.- Tát đất đa bát đất ra.  
275.- Nam mô tỳ đô đế.  
276.- A tát đa na ra lạc ca.  
277.- Ba ra bà, tát phổ tra.  
278.- Tỳ ca tát đất đa bát đế rị.  
279.- Thập Phật ra, thập Phật ra.  
280.- Đà ra đà ra.  
281.- Tần đà ra tần đà ra, sân đà sân đà.  
282.- Hổ hồng.  
283.- Hổ hồng.  
284.- Phần tra.  
285.- Phần tra, phần tra, phần tra, phần tra.  
286.- Ta ha.  
287.- Hê hê phần.  
288.- A mâu ca da phần.  
289.- A ba ra đề ha đa phần.  
290.- Bà ra bà ra đà phần.  
291.- A tổ ra, tỳ đà ra, ba ca phần.  
292.- Tát bà đề bệ tộ phần.  
293.- Tát bà na già tộ phần.  
294.- Tát bà dược xoa tộ phần.  
295.- Tát bà kiên thất bà tộ phần.

- 296.- Tát bà bỏ đan na tộ phần.  
297.- Ca tra bỏ đan na tộ phần.  
298.- Tát bà đột lang chỉ đế tộ phần.  
299.- Tát bà đột sáp tỷ lê, hất sắc đế tộ phần.  
300.- Tát bà thập bà lê tộ phần.  
301.- Tát bà a bá tát ma lê tộ phần.  
302.- Tát bà xá ra bà noa tộ phần.  
303.- Tát bà địa đế kê tộ phần.  
304.- Tát bà đất ma đà kê tộ phần.  
305.- Tát bà tỷ đà da, ra thệ giá lê tộ phần.  
306.- Xà dạ yết ra, ma độ yết ra.  
307.- Tát bà ra tha ta đà kê tộ phần.  
308.- Tỷ địa dạ, giá lê tộ phần.  
309.- Giả đồ ra, phược kỳ nề tộ phần.  
310.- Bạt xà ra, cu ma rị.  
311.- Tỷ đà dạ, ra thệ tộ phần.  
312.- Ma ha ba ra đĩnh dương, xoa kỳ rị tộ phần.  
313.- Bạt xà ra thương yết ra dạ.  
314.- Ba ra trượng kỳ ra xà da phần.  
315.- Ma ha ca ra dạ.  
316.- Ma ha mặt đất rị ca noa.  
317.- Nam mô ta yết rị đa dạ phần.  
318.- Tỷ sắc noa tỷ duệ phần.  
319.- Bột ra ha mâu ni duệ phần.  
320.- A kỳ ni duệ phần.  
321.- Ma ha yết rị duệ phần.  
322.- Yết ra đàn trì duệ phần.  
323.- Miệc đất rị duệ phần.  
324.- Lao đất rị duệ phần.  
325.- Giá văn trà duệ phần.  
326.- Yết la ra đất rị duệ phần.  
327.- Ca bát rị duệ phần.

- 328.- A địa mục chất đa, ca thi ma xá na.  
329.- Bà tư nễ duệ phần.  
330.- Diễn kiết chất.  
331.- Tát đỏa bà tỏa.  
332.- Mạ mạ, ần thổ na mạ mạ tỏa.

### **Đệ Ngũ**

- 333.- Đột sắc tra chất đa.  
334.- A mặt đất rị chất đa.  
335.- Ô xà ha ra.  
336.- Già bà ha ra.  
337.- Lô địa ra ha ra.  
338.- Ta bà ha ra.  
339.- Ma xà ha ra.  
340.- Xà đa ha ra.  
341.- Thị tỷ đa ha ra.  
342.- Bạt lược dạ ha ra.  
343.- Kiền đà ha ra.  
344.- Bồ sử ba ha ra.  
345.- Phả ra ha ra.  
346.- Bà tỏa ha ra.  
347.- Bát ba chất đa.  
348.- Đột sắc tra chất đa.  
349.- Lao đà ra chất đa.  
350.- Dục xoa yết ra ha.  
351.- Ra sát ta yết ra ha.  
352.- Bế lệ đa yết ra ha.  
353.- Tỳ xá giá yết ra ha.  
354.- Bộ đa yết ra ha.  
355.- Cưu bàn trà yết ra ha.  
356.- Tát kiền đà yết ra ha.  
357.- Ô đát ma đà yết ra ha.

- 358.- Xà dạ yết ra ha.  
359.- A bá tất ma ra yết ra ha.  
360.- Trạch khô cách, trà kỳ ni yết ra ha.  
361.- Rị Phật đế yết ra ha.  
362.- Xà di ca yết ra ha.  
363.- Xá cu ni yết ra ha.  
364.- Lao đà ra, nan địa ca yết ra ha.  
365.- A lam bà yết ra ha.  
366.- Kiên độ ba ni yết ra ha.  
367.- Thập phạt ra, yên ca hê ca.  
368.- Trị đế dục ca.  
369.- Đát lệ đế dục ca.  
370.- Giả đột thác ca.  
371.- Ni đề thập phạt ra, tử sam ma thập phạt ra.  
372.- Bạc đề ca.  
373.- Tỷ đề ca.  
374.- Thất lệ sát mật ca.  
375.- Ta nê bát đề ca.  
376.- Tát bà thập phạt ra.  
377.- Thất lô kết đế.  
378.- Mạt đề bệ đạt lô chế kiếm.  
379.- A ý lô kiếm.  
380.- Mục khô lô kiếm.  
381.- Yết rị đột lô kiếm.  
382.- Yết ra ha yết lam.  
383.- Yết noa du lam.  
384.- Đàn đa du lam.  
385.- Hát rị dạ du lam.  
386.- Mạt mạ du lam.  
387.- Bạt rị thất bà du lam.  
388.- Tỷ lật sắc tra du lam.  
389.- Ô đà ra du lam.

- 390.- Yết tri du lam.  
391.- Bạt tất đế du lam.  
392.- Ô lô du lam.  
393.- Thường già du lam.  
394.- Hắc tất đa du lam.  
395.- Bạt đà du lam.  
396.- Ta phòng án già, bát ra trượng già du lam.  
397.- Bộ đa tỷ đa trà.  
398.- Trà kỳ ni thập bà ra.  
399.- Đà đột lô ca, kiến đốt lô kiết tri, bà lộ đa tỷ.  
400.- Tát bát lô, ha lãng già.  
401.- Du sa đát ra, ta na yết ra.  
402.- Tỳ sa dụ ca.  
403.- A kỳ ni, ô đà ca.  
404.- Mạt ra bệ ra, kiến đá ra.  
405.- A ca ra, mạt rị đốt, đát liêm bộ ca.  
406.- Địa lật lặc tra.  
407.- Tỷ rị sắt chất ca.  
408.- Tát bà na cu ra.  
409.- Tứ dẫn già bệ, yết ra rị dược xoa, đác ra xô.  
410.- Mạt ra thị, phệ đế sam, ta bệ sam.  
411.- Tát đát đa bác đát ra.  
412.- Ma ha bạt xà lô, sắc ni sam.  
413.- Ma ha bác lặc trượng kỳ lam.  
414.- Dạ ba đột đà, xá dụ xà na.  
415.- Biện đát lệ noa.  
416.- Tỳ đà da, bàn đàm ca lô di.  
417.- Đế thù, bàn đàm ca lô di.  
418.- Bát ra tỳ đà, bàn đàm ca lô di.  
419.- Đát diệt tha.  
420.- **Úm.**  
421.- **A na lệ.**



422.- Tỳ xá đề.

423.- Bệ ra, bặt xà ra, đà rị.

424.- Bàn đà bàn đà nể.

425.- Bà xà ra, bàn ni phẩn.

426.- Hồ hồng, đô lô ung phẩn.

427.- Ta bà ha.

“Anan! đây là **Phật Đảnh Quang Tụ Tất Đát Đa Bát Đát Ra (SITATAPATRA)**, bí mật Già Đà, vi diệu chương cú, xuất sanh tất cả mười phương Chư Phật. Mười phương Như Lai nhân Tâm Chú này đắc thành Vô thượng Chánh Biến Tri Giác. Mười phương Như Lai nắm Tâm Chú này hàng phục các ma, chế dẹp ngoại đạo. Mười phương Như Lai cỡi Tâm Chú này ngồi hoa sen báu mà ứng hiện vi trần quốc độ. Mười phương Như Lai ngâm Tâm Chú này chuyển Đại Pháp Luân trong vi trần quốc độ. Mười phương Như Lai trì Tâm Chú này, ở khắp mười phương xoa đánh thọ ký, tự quả của mình chưa thành cũng ở nơi mười phương nhờ Phật thọ ký. Mười phương Như Lai y Tâm Chú này, thường khắp mười phương nhỗ cứu các khổ như là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đui điếc, câm ngọng, oán ghét ở chúng khổ, thương phải xa cách khổ, cầu chẳng được khổ, khổ vì năm ấm lầy lừng, trái ngang lớn nhỏ đồng thời giải thoát. Nạn cướp, nạn binh, nạn vua, nạn ngục, nạn nước, gió, lửa, đói khát bần cùng ứng niệm tiêu tan. Mười phương Như Lai tùy Tâm Chú này ở khắp mười phương phụng sự thiện tri thức, trong bốn oai nghi, cúng dường như ý, trong pháp hội hằng sa Như Lai được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử. Mười phương Như Lai được Tâm Chú này ở khắp mười phương nhiếp thọ thân nhân, khiến cho hàng Tiểu Thừa nghe tạng bí mật chẳng sanh kinh sợ. Mười phương Như Lai tụng Tâm Chú này thành Vô Thượng Giác, ngồi cỡi Bồ Đề, nhập Đại Niết Bàn. Mười phương Như Lai truyền Tâm Chú này, sau khi diệt độ,

phó chúc Phật pháp sự, trụ trì rất ráo, nghiêm tịnh Giới Luật, tất hẳn đắc thanh tịnh.

“Nếu Ta nói về **Chú Phật Đảnh Quang Tụ Bát Đát Ra** này thì dù âm thanh liên tục, câu chữ không lập lại, từ sáng đến tối, trải qua hằng sa kiếp cũng không thể cùng tận. Chú này cũng gọi tên là **Như Lai Đảnh**. Hàng Hữu Học các ông chưa hết luân hồi, phát tâm chí thành cầu quả A La Hán mà không trì Chú này thì không thể nào ngồi đạo tràng khiến cho thân tâm xa lìa các ma sự được.

“Này Anan! Như các thể giới, theo chỗ cõi nước có chúng sanh tùy theo sản vật nước mình có: vỏ cây hoa, lá bối, giấy trắng, lụa bạch mà viết chép Chú này, đựng trong túi hương. Người này tâm u tối chưa thể tụng nhớ thì mang trong người hoặc viết trong nhà, phải biết rằng người đó suốt đời không bị tất cả các thứ độc làm hại. “Anan! Nay Ta vì ông nói lại Chú này để cứu hộ thế gian được Đại Vô Úy và thành tựu Trí Xuất Thế Gian của chúng sanh.

“Như sau khi Ta diệt độ, chúng sanh đời mạt thế có người tụng hay dạy người khác tụng, phải biết những chúng sanh trì tụng như thế: lửa không thể thiêu; nước chẳng thể chìm; độc yếu, độc mạnh không thể hại được. Cho đến các Chú ác dữ của Thiên, Long, Quỷ, Thần, Tinh kỳ, Ma mị đều không làm gì nổi, tâm được Chánh Thọ. Tất cả bùa chú, trùng độc, thuốc độc, kim khí độc địa, cỏ cây, trùng rắn, khí độc muôn thứ vào trong miệng người ấy đều thành vị cam lồ. Hết thầy ác tinh cùng các quỷ thần lòng dữ hại người, đối với người ấy không thể khởi ra niệm ác. Tần Na Dạ Ca, các quỷ vương ác độc cùng với quyến thuộc đều chịu ơn sâu, thường ủng hộ che chở.

“Anan! Phải biết Chú này thường có tám vạn bốn ngàn na do tha<sup>72</sup> hằng hà sa câu chi<sup>73</sup> chủng tộc Kim Cang Tạng Bồ Tát mỗi mỗi đều có các chúng Kim Cang làm quyền thuộc, ngày đêm theo hầu. Giả sử có chúng sanh tâm còn tán loạn, chưa vào Tam Ma Địa mà lòng nhớ, miệng trì Chú này thì các Kim Cang Vương thường theo bên mình. Huống là người phát tâm Bồ Đề quyết định thì các vị Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát ấy sẽ tinh thành âm thầm phù trợ mà phát khởi thần thức người đó, khiến cho người ấy đúng lúc nhớ lại được tám mươi bốn ngàn hằng hà sa<sup>74</sup> kiếp, rõ biết khắp cả, không còn nghi hoặc. Từ kiếp thứ nhất cho đến thân sau cùng, đời đời không sanh vào các loài Dục xoa, La sát, Phú đơn na, Ca tra phú đơn na, Cưu bàn trà, Tỳ xá giá... và các ngạ quỷ hữu hình hay vô hình, có tướng hay không tướng, và những chốn dữ như thế. Người thiện nam này, hoặc đọc hoặc tụng, hoặc viết hoặc chép, hoặc đeo hoặc cất, hoặc cúng dường nhiều cách Thần Chú này thì kiếp kiếp chẳng sanh vào chỗ không vui, bản cùng hạ tiện.

“Các chúng sanh ấy, dù tự mình chẳng làm nghiệp phước mà công đức của mười phương Như Lai hể thông cho người này. Do vậy mà trải qua a tăng kỳ<sup>75</sup> bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp thường được cùng Chư Phật sanh ở một nơi, vô lượng công đức nhóm lại như chùm cây ác-xoa thành đồng một chỗ hồng tu, vĩnh viễn không phân tán. Thế nên có thể khiến người đã phá Giới được Giới Căn thanh tịnh; người chưa đắc Giới khiến người cho đắc Giới; người chưa Tinh Tấn khiến đắc Tinh Tấn; người không Trí Huệ khiến đắc Trí

---

<sup>72</sup> Na do tha bằng 10 vạn.

<sup>73</sup> Câu chi bằng 10.000.000.

<sup>74</sup> Hằng hà sa là cát sông Hằng.

<sup>75</sup> A tăng kỳ dùng để chỉ con số rất lớn: 10 lũy thừa 140.

Huệ; người không Thanh Tịnh chóng đắc Thanh Tịnh; người chẳng giữ Trai Giới tự thành Trai Giới.

**Anan! Người thiện nam đó khi trì Chú này, giả sử có phạm Cấm Giới khi chưa thọ trì thì sau khi trì Chú hết thấy tội Phá Giới, không kể nặng nhẹ, nhất thời tiêu diệt.**

Dù đã từng uống rượu, ăn năm thứ rau cay, các thứ bất tịnh thì tất cả Chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, Tiên Thiên, Quỷ Thần không cho là lỗi. Giả sử mặc y phục không sạch rách nát thì mỗi cử chỉ đi đứng thấy đồng thanh tịnh. Dù không lập đàn, chẳng vào Đạo Tràng cũng không hành đạo mà trì tụng Chú này thì **công đức**<sup>76</sup> so vào Đàn, hành đạo giống nhau không khác. Nếu tạo trọng tội Ngũ Nghịch, Vô Gián và tội Tứ Khí, Bát Khí của Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni mà tụng Chú này rồi thì các nghiệp nặng như vậy hẵn đều diệt hết như gió mạnh thổi tan đồng cát không còn chút gì.

Anan! Nếu có chúng sanh chưa hề sám hối hết thấy tội chướng nặng nhẹ từ vô lượng vô số kiếp đến giờ mà nay có thể đọc tụng Chú này, đeo giữ trên người hay để nơi chỗ ở như trại, nhà vườn, quán... thì những nghiệp chướng nhóm trước kia đều tiêu tan như nước sôi trên tuyết, chẳng bao lâu đều được ngộ Vô Sanh Nhẫn.

“Lại nữa, Anan! Nếu có người nữ chưa có con mong cầu có thai mà có thể chí tâm nhớ niệm Chú này, hoặc đeo trên người Chú Tát Đát Đa Bát Đát Ra này, bèn sanh con trai con gái trí huệ phước đức. Người cầu sống lâu tức được sống lâu. Muốn cầu quả báo mau được viên mãn thì mau được viên mãn. Về thân mạng, dung mạo, sức khoẻ cũng lại như vậy. Sau khi mạng chung, tùy nguyện mà sanh qua mười phương

---

<sup>76</sup> Đức Phật so sánh “công đức” có được chứ không phải “thành tựu tu chứng.”

quốc độ, nhất định không sanh nơi biên địa hạ tiện hưởng là các loài dị hình.

“Anan! Nếu các cõi nước, châu huyện, làng xóm bị đói kém, dịch lệ hay giặc nạn mà viết Thần Chú này treo ở bốn cửa thành, các chỗ thờ tự hoặc trên các lá phướn, rồi khiến chúng sanh nơi ấy vâng đón, cung kính lễ bái, hết lòng cúng dường Chú này, khiến nhân dân mỗi người đeo trong mình hay cất trong mỗi nhà thì tất cả tai ách thảm đều tiêu diệt.

“Này, Anan! Bất kỳ chỗ nào mà có Chú này thì Thiên Long hoan hỷ, mưa thuận gió hòa, mùa màng sung túc, dân chúng an vui. Chú này lại có thể trấn phục tất cả ác tinh, tà phương hiện các điềm quái, đều khiến cho tai chướng không khởi, con người không bị chết dữ, chết yểu, thân thể không vướng xiềng xích gông cùm, ngày đêm ngủ ngon, thường không ác mộng.

“Này, Anan! Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh, hai mươi tám đại ác tinh đứng làm đầu, lại có tám đại ác tinh làm chủ biến hiện nhiều thứ trên đời, gây ra nhiều loại tai họa dị thường cho chúng sanh. Chỗ nào có Chú này thì các thứ đó đều tiêu diệt hết, trong mười hai do-tuần làm vòng kết giới thì các điềm tai biến hung dữ vĩnh viễn không vào được.

“Thế nên, **Như Lai tuyên dạy Chú này để bảo hộ các người tu hành sơ học trong đời vị lai vào được Tam Ma Địa**, thân tâm rộng không, được đại an ổn, không bị hết thảy ma quỷ thần và những oan khiên, nợ nghiệp từ vô thủy tới nay đến khuấy hại. Ông với những người Hữu Học trong chúng này cùng những người tu hành đời vị lai y theo đàn tràng Ta dạy, như pháp mà trì Giới, gặp được bậc Giới Chủ là vị Tăng thanh tịnh, đối với Tâm Chú này chẳng sanh nghi

hối; người thiện nam tử như thế ngay nơi thân cha mẹ sanh ra này mà không được Tâm Thông thì mười phương Như Lai hóa ra là vọng ngữ!”

Phật dạy lời ấy rồi, vô lượng trăm ngàn Kim Cang trong hội đều đồng thời ở trước Phật chấp tay đánh lễ, thưa rằng: “Nhu lời Phật dạy, chúng con sẽ thành tâm bảo hộ những người tu Bồ Đề như vậy.” Khi ấy, Phạm Vương cùng trời Đế Thích, bốn Đại Thiên Vương cùng ở trước Phật đồng thời đánh lễ, thưa rằng: “Quả có người lành tu học như vậy chúng tôi sẽ tận tâm chí thành bảo hộ, khiến cho họ suốt đời tu hành được như nguyện.”

Lại có vô lượng Đại Tướng Dược Xoa, các vua La Sát, vua Phú Đôn Na! vua Cưu Bàn Trà, vua Tỳ Xá Giá, các Đại Quỷ Vương Tần Na Dạ Ca cùng các Quỷ Soái cũng ở trước Phật chấp tay đánh lễ, thưa rằng: “Chúng tôi cũng thệ nguyện hộ trì người này khiến tâm Bồ Đề sớm được viên mãn.”

Lại có vô lượng Thiên Tử Nhật Nguyệt, Thần Gió, Thần Mưa, Thần Mây, Thần Sấm và các hàng Thần Điện, các quan tuần trong năm, quyền thuộc chủ tinh... cũng ở trong hội đánh lễ chân Phật, thưa rằng: “Chúng tôi cũng bảo hộ người tu hành này để an lập Đàn Tràng, được Vô Sở Úy.”

Lại có vô lượng Thần Núi, Thần Biển, hết thảy các loài tinh kỳ muôn vật ở đất đai, trên không, dưới nước và Vua Thần Gió, Trời Vô Sắc Giới ở trước Như Lai đồng thời cúi đầu, thưa rằng: “Chúng tôi cũng bảo hộ người tu hành ấy đắc thành Bồ Đề, vĩnh viễn không có ma sự.”

Lúc bấy giờ, tám vạn bốn ngàn na do tha hằng hà sa câu chi Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát ở trong Đại Hội liền từ chỗ ngai đứng dậy, đánh lễ chân Phật, thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, như bọn chúng con, công nghiệp tu hành đã thành Bồ Đề từ

lâu mà chẳng giữ Niết Bàn, thường theo Chú này để cứu người chánh tu hành tu Tam Ma Địa trong đời mạt thế. Thừa Thế Tôn, người tu tâm cầu chánh định như vậy, dầu ở đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến tán tâm dạo chơi xóm làng thì đồ chúng của chúng tôi vẫn thường đi theo hầu hạ bảo vệ người ấy. Giả sử Ma Vương, Đại Tự Tại Thiên muốn có cơ hội để khuấy phá, rớt cuộc cũng không thể được. Các quỷ thần nhỏ cách xa người này ngoài mười do-tuần<sup>77</sup>, trừ phi hạng đó phát tâm muốn tu thiền. Bạch Thế Tôn, những ác ma hay quyến thuộc của ma như vậy muốn đến quấy phá người lành này, chúng tôi sẽ dùng bảo chử đánh nát đầu như tro bụi, thường khiến cho người này tu hành được như nguyện.

## Phần 18

### Khai thị hai cái nhân điên đảo

*(Lưu ý: Đọc đoạn này chậm rãi để hiểu rõ, làm căn bản để tu Mật Giáo. Luôn luôn ghi nhớ: Vì Vô Minh mà sanh ra núi sông, đất đai và chúng sanh.)*

Đức Phật nói: “Anan! Hãy biết, cái Diệu Tánh tròn sáng là mọi danh tướng, bỗng lai không có thế giới, chúng sanh. Nhân vọng mà có sanh, nhân sanh mà có diệt. Sanh diệt thì gọi là vọng, diệt vọng thì gọi là Chân. Đó gọi là hai danh hiệu chuyển y Bồ Đề Vô Thượng và Đại Niết Bàn của Như Lai vậy.

“Anan! Nay ông muốn tu pháp Chân Tam Ma Địa, thẳng đến Đại Niết Bàn của Như Lai thì trước hết phải biết hai cái nhân điên đảo này của chúng sanh cùng thế giới. **Điên đảo chẳng sanh, đó là Chân Tam Ma Địa của Như Lai.**

---

<sup>77</sup> Do tuần bằng 7,3 km, có chỗ nói là 14,6 km...

“Anan! **Thế nào gọi là Điên Đảo tạo thành Chúng sanh?** “Anan! Do Tâm Tánh vốn Minh, tánh Minh ấy tròn đầy toàn khắp, nên **nhân cái Minh vọng phát hình như có Tánh**, cái Tánh ấy do vọng kiến mà sanh. Vậy là từ chỗ “rốt ráo Không” lại hóa thành “rốt ráo Có.” **Cái Có này có được là do cái vốn chẳng có nhân làm nhân.** Tướng Năng Trụ và Sở Trụ từ căn bản không có cội gốc. **Rồi nương nơi cái cội gốc không có chỗ trụ này mà kiến lập ra thế giới cùng chúng sanh.**

*[Đọc sơ qua các đoạn sau nói về sự tạo thành chúng sanh, không cần thiết phải nhớ.]*

“Vi mê [mờ] Bỏ Tánh Viên Minh mà sanh hư vọng, nhưng **tánh của vọng không có tự thể, chẳng có chỗ nương trụ.** Vừa muốn trở lại Chân Tánh thì cái muốn Chân đó đã **chẳng phải là Tánh Chân Như chân thật.** Trong cái chẳng phải Chân mà cầu trở lại Chân thì rõ ràng là hiện thành những Phi Tướng: Phi Sanh, Phi Trụ, Phi Tâm, Phi Pháp. Xoay vần phát sanh. Sanh lực phát minh, huân tập thành Nghiệp. Đồng nghiệp thì cảm nhau, nhân có cảm nghiệp bèn có sự sanh nhau, diệt nhau. Do vậy mà có cái Điên Đảo tạo thành Chúng Sanh.

“Anan! **Thế nào là Điên Đảo tạo thành Thế Giới?** “Cái Có đó có được là do từng phần từng đoạn vọng sanh. Do đó mà Giới (Không Gian) kiến lập, chẳng phải nhân mà làm nhân, không có trụ mà làm trụ. Trôi dờn chẳng trụ, do đó mà Thế (Thời Gian) thành. **Bốn phương ba đời hòa hợp giao thiệp lẫn nhau biến hóa thành chúng sanh mười hai loài.** Thế nên, thế giới thì nhân động có Tiếng, nhân Tiếng có Sắc, nhân Sắc có Hương, nhân Hương có Xúc, nhân Xúc có Vị, nhân Vị biết Pháp. Sáu vọng tưởng lộn loạn thành nghiệp Tánh, bởi thế mà có mười hai Phần Hạng (Loài) xoay chuyển.



Vậy nên trong thế gian, các thứ Thanh, Hương, Vị, Xúc... biến đổi cùng tột đến mười hai lần là quay trở lại.

“Dựa theo Tướng Điên Đảo luân chuyển đó mà có ra Thế Giới, thành những loài: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, phi hữu sắc, phi vô sắc, phi hữu tướng, phi vô tướng.

“Anan! Do nhân thế giới hư vọng luân hồi, điên đảo về Động, nên hòa hợp với Khí thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng bay lặn. Do đó mà có mầm trứng trôi lặn trong cõi nước: cá, chim, rùa, rắn... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về Dục nên hòa hợp với Tu (Phong Nhuận, Bỏ Báo) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng ngang dọc. Do đó mà có bọc thai trôi lặn trong cõi nước: người, súc vật, rồng, tiên... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới chấp trước luân hồi, điên đảo về Thú (Thú Hướng) nên hòa hợp với Noãn (Hơi Nóng) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng nghiêng ngửa. Do đó mà có Thịt Mềm thấp sanh trôi lặn trong cõi nước: nhung nhúc, ngọc ngậy... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới biến dịch luân hồi về Giả nên hòa hợp với Xúc thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng mới, cũ. Do đó có Thịt Cứng hóa sanh trong cõi nước: lột vỏ, bay đi... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới lưu ngại luân hồi, điên đảo về Chương nên hòa hợp với Trước (Bám Níu) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng tinh diệu. Do đó mà có yết nam sắc tướng, trôi lặn trong cõi nước: lưu cữu, tinh minh... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới tiêu tán luân hồi, điên đảo về Cầm, nên hòa hợp với Âm thành ra tám mươi bốn loạn tướng âm ỉn. Do đó mà có yết nam vô sắc, trôi lăn trong cõi nước: không, tán, tiêu, trầm... các loài đầy đầy.

“Do nhân thế giới ảo tưởng luân hồi, điên đảo về Ảnh, nên hòa hợp với Ưc (Nhớ) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng tìm kết. Do đó mà có yết nam hữu tướng, trôi lăn trong cõi nước: thần quý, tinh linh... các loài đầy đầy.

“Do nhân thế giới ngu độn luân hồi, điên đảo về Si nên hòa hợp với Ngoan (Ngu Độn, Ngoan Cố) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng khô cằn. Do đó mà có yết nam vô tướng, trôi lăn trong cõi nước: tinh thần hóa làm đất, cây, sắt, đá... các loài đầy đầy.

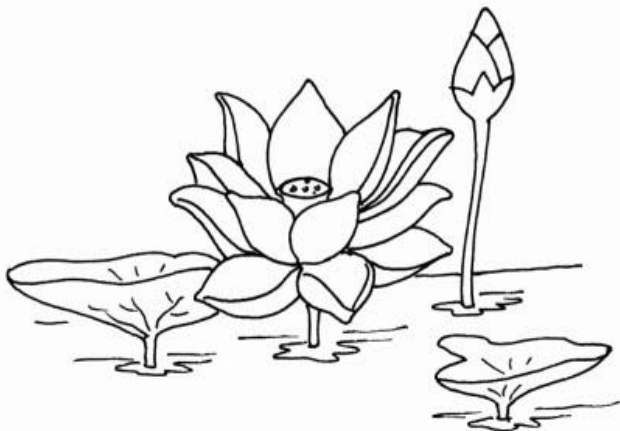
“Do nhân thế giới tương đãi luân hồi, điên đảo về Ngụy nên hòa hợp với Nhiễm thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng nhân y. Do đó mà có yết nam “Không phải có Sắc mà có Sắc” trôi lăn trong cõi nước: những loài sứa lấy tôm làm mắt... các loài đầy đầy.

“Do nhân thế giới tương đãi luân hồi, điên đảo về Tánh nên hòa hợp với Chú thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng hô triệu. Do đó mà có yết nam “Chẳng phải Vô Sắc mà Vô Sắc” trôi lăn trong cõi nước: Chú trở, yếm sanh... các loài đầy đầy.

“Do nhân thế giới hợp vọng luân hồi, điên đảo về Võng nên hòa hợp với Dị thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng hồi hổ. Do đó mà có yết nam “Không phải Có Tướng mà Có Tướng” trôi lăn trong cõi nước: các loài tò vò, lấy chất khác thành thân mình... các loài đầy đầy.

“Do nhân thế giới oán hại luân hồi, điên đảo về Sát nên hòa hợp với Quái thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng ăn thịt

cha mẹ. Do đó có yết nam “Không phải Vô Tướng mà Vô Tướng” trôi lặn trong cõi nước: như con thỏ kiêu áp đất cục làm con, hay chim phá kính áp quả cây độc làm con, con lớn lên thì trở lại ăn thịt cha mẹ... các loài đầy dẫy. “Đó là mười hai chủng loại chúng sanh.



**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢN THỦ LĂNG NGHIÊM**  
(TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)



## Quyển VIII

### Phần 19

#### Khai thị ba tiệm thứ tu tập

*(Lưu ý: Người tu Thiền Định bị trở ngại vì loạn động. Đọc phần sau đây xem có thể áp dụng gì cho cá nhân mình hay không)*

“Anan! Như thế chúng sanh trong mỗi mỗi loài cũng đều đầy đủ hết mười hai thứ Điên Đảo. Cũng như dụi mắt thì hoa đốm cuồng loạn phát sanh, Chơn Tâm tròn sáng trong sạch nhiệm màu mà Điên Đảo thì đầy đủ loạn tưởng hư vọng như thế. Nay ông tu chứng Tam Ma Địa của Phật thì đối với các loạn tưởng làm nguyên nhân cội gốc của các Điên Đảo, phải lập ra ba tiệm thứ mới trừ diệt được. Cũng như trong đồ đựng sạch sẽ trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và chất tro, chất thơm rửa sạch đồ đựng, rồi sau mới chứa nước cam lồ.

“Thế nào là ba món tiệm thứ? Một là, tu tập trừ các Trợ Nhân. Hai là, chân tu, nạo sạch Chính Tánh. Ba là, tăng tiến trái lại Hiện Nghiệp.

“**Thế nào là Trợ Nhân?** “Anan! mười hai loài chúng sanh đó trong thế giới không thể tự toàn, phải nương theo bốn cách ăn mà sống, đó là Đoạn Thực, Xúc Thực, Tư Thực, Thức Thực. Vậy nên Phật bảo tất cả chúng sanh đều nương cái ăn mà sống còn.

“Anan! Tất cả chúng sanh ăn thức lành thì sống, ăn thức độc thì chết. Vậy những chúng sanh cầu Tam Ma Địa phải dứt bỏ năm thứ rau cay trong thế gian. Năm thứ rau cay này, ăn chín phát lòng dâm, ăn sống thêm lòng giận. Trong thế gian, những người ăn rau cay đó dầu có thể tuyên thuyết mười hai bộ kinh, thì Tiên Thiên mười phương không thích hôi nhớp

đều lánh xa cả. Các loài quỷ đói v.v... nhân lúc người ấy đang ăn bèn liếm môi mép. Thường ở với quỷ, nên phước đức ngày càng tiêu mòn, lâu dài không được lợi ích. Người ăn rau cay ấy, tu Tam Ma Địa, Bồ Tát, Thiên Tiên, Thiện Thần mười phương không đến thủ hộ. Đại Lục Quỷ Vương thừa cơ hội đó hiện làm thân Phật đến thuyết pháp cho, chê phá Cấm Giới, khen Dâm, Nộ, Si. Khi chết tự làm quyền thuộc Ma Vương, hưởng phước Ma hết, đọa vào ngục Vô Gián. Anan! **Người tu Đạo Bồ Đề vĩnh viễn dứt bỏ năm thứ rau cay.** “Đó là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

“**Thế nào là Chánh Tánh?** “Anan! Chúng sanh như thế vào Tam Ma Địa trước hết cốt phải nghiêm trì Giới Luật thanh tịnh, vĩnh viễn đoạn trừ lòng Dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống. Anan! Người tu hành đó, nếu chẳng đoạn Dâm Dục và Sát Sanh mà ra khỏi ba cõi, thì không thể có. Phải quan sát sự Dâm Dục như rắn độc, như thấy giặc thù. “Trước hết, hãy giữ gìn Tứ Khí, Bát Khí của Giới Luật Thanh Văn, nắm giữ thân chẳng động. Sau đó, hành trì Luật Nghi thanh tịnh của hàng Bồ Tát, nắm giữ tâm chẳng khởi. Giới Cấm thành tựu thì trong thế gian đời đời không còn nghiệp sanh sát nhau. Trộm cướp chẳng làm, thì không còn mắc nợ nhau, và khỏi trả nợ đời trước trong thế gian. Người trong sạch đó tu Tam Ma Địa, ngay nơi thân xác thịt cha mẹ sanh, không cần thiên nhân tự nhiên xem thấy mười phương thế giới, thấy Phật nghe Pháp, chính mình vâng lĩnh Thánh Chỉ của Phật, đắc đại thân thông, đạo khắp mười phương thế giới, tức mạng được thanh tịnh, được không khó khăn nguy hiểm. “Đó gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai.

“**Thế nào là Hiệm Nghiệp?** “Anan! Người giữ gìn Cấm Giới thanh tịnh như vậy, Tâm không tham dâm, đối với sáu Trần

ở ngoài không hay giống ruồi theo. Do không giống ruồi nên tự quay về Tánh gốc. Trần đã chẳng duyên, Căn không chỗ hợp, ngược dòng toàn nhất, sáu Dụng<sup>78</sup> chẳng hành. Mười phương cõi nước sáng suốt thanh tịnh, như ngọc lưu ly bên trong treo mặt trăng sáng. Thân Tâm rộng khoáng, bình đẳng diệu viên, được đại an ổn. Mật Viên Tịnh Diệu của tất cả Như Lai đều hiện trong đó. Người ấy liền được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Từ đó lần lượt tu hành, tùy chỗ phát Hạnh mà an lập các Thánh vị. “Đó gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

### **An lập các thánh vị**

*(Lưu ý: Phần này đọc qua không cần nhớ. Có thể căn cứ vào đoạn kinh này để tự biết chúng ta tu tập tiến bộ đến đâu.)*

### **Càn Huệ Địa**

“Anan! người thiện nam ấy, Dục Ái cạn khô, Căn Cảnh chẳng phối hợp, cái Thân Tâm hiện tại không còn sanh tiếp nữa. Nắm lấy Tâm rộng sáng, thuần là Trí Huệ. Tánh Huệ toàn sáng tỏ sáng mười phương thế giới. Mới có cái Huệ không hạn, gọi là **Càn Huệ Địa**.”

### **Thập Tín**

1. “Cái tập khí của ngũ dục mới khô cạn chưa tiếp thông được với dòng nước pháp của Như Lai. Tức nhân tâm này, ngay giữa lần vào Viên Diệu mở bày, theo Diệu Giác Viên chân thật, càng phát ra chân diệu. Diệu Tín thường trụ, tất cả vọng tưởng hết sạch chẳng còn. Trung Đạo thuần Chân, gọi là **Tín Tâm Trụ**.”

---

<sup>78</sup> Sáu dụng là muốn nói đến sáu thức qua sáu căn.

2. “Chân Tín sáng rõ, hết thấy viên thông. Ba thứ Âm, Xứ, Giới không thể ngăn ngại. Như vậy cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai tất cả tập khí bỏ thân, thọ thân đều hiện ra trước mắt, người thiện nam này đều có thể nhớ tưởng không quên mất, gọi là **Niệm Tâm Trụ.**”

3. “Diệu Viên thuần Chân, Chân Tinh phát hóa ra, các tập khí vô thủy thông thành một Tinh Minh. Chỉ nhân Tinh Minh ấy tiến đến chỗ Chân Tịnh, gọi là **Tinh Tiến Tâm.**”

4. “Tâm Tinh hiện tiền, thuần dùng Trí Huệ, gọi là **Huệ Tâm Trụ.**”

5. “Nắm giữ Trí sáng, lặng trong cùng khắp, lặng lẽ nhiệm màu thường lắng đọng, gọi là **Định Tâm Trụ.**”

6. “Ánh sáng của Định phát ra vào sâu tánh sáng, chỉ có tiền chớ không lui, gọi là **Bất Thối Tâm.**”

7. “Tâm an nhiên tiến tới, giữ gìn chẳng mất, giao tiếp với khí phần của mười phương Như Lai, gọi là **Hộ Pháp Tâm.**”

8. “Giữ gìn tâm Giác sáng có thể dùng diệu lực xoay Từ Quang của Phật lại nơi mình và hướng về Phật mà an trụ, như hai tấm gương ánh sáng đối nhau, trong ấy các bóng nhiệm màu trùng trùng tương nhập, gọi là **Hồi Hướng Tâm.**”

9. “Tâm quang thầm xoay lại, được chỗ thường lắng đọng Vô Thượng Diệu Tịnh của Chư Phật, an trụ vô vi, được không bỏ mất gọi là **Giới Tâm Trụ.**”

10. “Trụ giới tự tại có thể đạo khắp mười phương, đến đâu tùy nguyện, gọi là **Nguyện Tâm Trụ.**”



## Thập trụ

1. "Anan! Người thiện nam đó dùng phương tiện chân thật phát được mười cái tâm ấy. Tâm tinh phát huy mười cái Dụng xen lẫn vào nhau, viên thành một tâm, gọi là **Phát Tâm Trụ**."

2. "Trong tâm phát sáng, như ngọc lưu ly trong sạch, ở trong hiện chói sắc vàng ròng. Dùng cái diệu tâm trước kia bước đi thành địa vị, gọi là **Trị Địa Trụ**."

3. "Tâm địa biết khắp, đều được tỏ rõ, dạo đi mười phương, được không ngăn ngại, gọi là **Tu Hành Trụ**."

4. "Hạnh đồng với Phật, lãnh nhận khí phần của Phật, như thân trung ấm tự tìm cha mẹ. Cái âm tín thâm thông vào dòng giống Như Lai, gọi là **Sanh Quý Trụ**."

5. "Đã vào Đạo Thai, chính mình nhờ được sự nuôi sống của Tánh Giác, như Thai đã thành, tướng người không thiếu gọi là **Phương Tiện Cụ Túc Trụ**."

6. "Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng, gọi là **Chánh Tâm Trụ**."

7. "Thân tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng, gọi là **Bất Thối Trụ**."

8. "Linh tướng của mười thân, cùng lúc đầy đủ, gọi là **Đồng Chân Trụ**."

9. "Thành đủ hình hài, ra khỏi thai, chính mình là Phật Tử, gọi là **Pháp Vương Tử Trụ**."

10. "Cốt cách đã thành người lớn, như vị Quốc Vương phân công ủy nhiệm các việc nước cho vị Thái Tử, khi vị Thế Tử

trưởng thành, Sát Lợi Vương kia bày ra lễ Quán Đảnh, gọi là **Quán Đảnh Trụ.**”

### **Thập Hạnh**

1.”Anan! Người thiện nam đó đã thành Phật Tử, đầy đủ Diệu Đức của vô lượng Như Lai, tùy thuận mười phương, gọi là **Hoan Hỷ Hạnh.**”

2. “Khéo hay lợi ích cho hết thấy chúng sanh, gọi là **Nhiều Ích Hạnh.**”

3. “Tự Giác, Giác tha, được không chống-trái, gọi là **Vô Sân Hận Hạnh.**”

4. “Theo loài mà sanh ra, cùng tốt vị lai, ba đời đều bình đẳng, mười phương đều thông suốt gọi là **Vô Tận Hạnh.**”

5. “Tất cả hợp thành đồng nhất, thấy thấy pháp môn đều không sai lầm, gọi là **Ly Si Loạn Hạnh.**”

6. “Ở ngay trong cái Đồng mà hiện ra các cái Khác. Mỗi mỗi Tướng Khác đều mỗi mỗi thấy Đồng, gọi là **Thiện Hiện Hạnh.**”

7. “Như thế cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần, trong mỗi mỗi vi trần hiện mười phương thế giới. Hiện vi trần, hiện thế giới, không ngăn ngại nhau, gọi là **Vô Trước Hạnh.**”

8. “Mọi thứ trước mắt đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa, gọi là **Tôn Trọng Hạnh.**”

9. “Như thế viên dung, thành tựu Quy Tắc của mười phương Chư Phật, gọi là **Thiện Pháp Hạnh.**”

10. “Mỗi mỗi đều là Nhất Chân vô vi thanh tịnh vô lậu, vi Tánh Bản Nhiên là như thế, gọi là **Chân Thật Hạnh.**”

## Thập Hồi Hương

1. "Anan! người thiện nam ấy đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự rồi, thuần khiết tinh chân, xa các lỗi nạn. Hiện độ chúng sanh mà diệt dứt các tướng hóa độ. Quày tâm vô vi hướng lối Niết Bàn, gọi là **Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng sanh, Ly Chúng sanh Tướng Hồi Hương.**"
2. "Hoại diệt cái có thể hoại diệt, xa lìa các sự lìa, gọi là **Bất Hoại Hồi Hương.**"
3. "Bản Giác lặng trong như nhiên, Giác ấy bằng cái Giác của Phật, gọi là **Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hương.**"
4. "Tinh Chân phát sáng, địa như Phật Địa, gọi là **Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hương.**"
5. "Thế giới, Như Lai hỗ tương, dung nhập, được không chướng ngại, gọi là **Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hương.**"
6. "Ở nơi đồng với Phật Địa, trong ấy mỗi mỗi sanh nhân thanh tịnh. Nương nhân ấy mà phát huy, giữ lấy đạo Niết Bàn, gọi là **Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hương.**"
7. "Chân Căn đã thành, mười phương chúng sanh đều là Bản Tánh của mình. Tánh tròn vẹn tựu thành, không bỏ sót một chúng sanh, gọi là **Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng sanh Hồi Hương.**"
8. "Tức cả thầy pháp, lìa cả thầy tướng. Cả Tức và Lìa đều không chỗ dính mắc, gọi là **Chân Như Tướng Hồi Hương.**"
9. "Thật đặc Như Như, mười phương không ngại, gọi là **Vô Phược Giải Thoát Hồi Hương.**"

10. “Tánh Đức viên thành, hạn lượng về Pháp Giới diệt mất, gọi là **Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hương**.”

### **Tứ Gia Hạnh**

1.”Anan! Người thiện nam đó tu hết bốn mươi một tâm thanh tịnh ấy rồi, tiếp đến thành tựu bốn thứ Da Hạnh Diệu Viên: tức lấy Phật Giác dùng làm tâm mình, như ra mà chưa ra, cũng như dùi cây cho ra lửa để đốt cái cây, gọi là **Noãn Địa**.”

2. “Lại lấy tâm mình thành chỗ hành vi của Phật. Hình như nương mà chẳng phải nương, như lên núi cao, thân đã vào hư không mà bên dưới còn chút ngăn ngại, gọi là **Đảnh Địa**.”

3. “Tâm, Phật cả hai đồng, khéo được Trung Đạo, giống như người biết nhẫn nhịn, chẳng phải ôm ấp, chẳng phải phát ra, gọi là **Nhẫn Địa**.”

4. “Số lượng tiêu diệt, sự Mê, Giác và Trung Đạo cả hai đều không danh mục, ấy là **Thế Đệ Nhất Địa**.”

### **Thập Địa**

1.”Anan! người thiện nam đó trong Đại Bồ Đề, khéo được thấu suốt. Giác thông với Như Lai, suốt hết cảnh giới Phật, gọi là **Hoan Hỷ Địa**.”

2. “Tánh Khác nhập vào Đồng, tánh Đồng cũng diệt, gọi là **Ly Cấu Địa**.”

3. “Thanh tịnh cùng tột, sáng suốt sanh ra, gọi là **Phát Quang Địa**.”

4. “Sáng suốt cùng tột, Giác đầy khắp, gọi là **Diệm Huệ Địa**.”

5. “Hết thầy có Đồng, có Khác không thể đến được, gọi là **Nan Thắng Địa.**”
6. “Tánh Chân Như vô vi thanh tịnh bày lộ rõ ràng, gọi là **Hiện Tiền Địa.**”
7. “Cùng tột bờ cõi Chân Như, gọi là **Viễn Hành Địa.**”
8. “Một Tâm Chân Như gọi là **Bất Động Địa.**”
9. “Phát cái Dụng Chân Như, gọi là **Thiện Tuệ Địa.**”
10. “Bóng Từ mây Diệu trùm biển Niết Bàn, gọi là **Pháp Vân Địa.**”

### **Đẳng Giác và Diệu Giác**

“Nhu Lai ngược dòng, còn vị Bồ Tát như thể thuận dòng mà đến. Ranh giới của Giác thể nhập vào nhau, gọi là Đẳng Giác. Anan! Từ Tâm Càn Huệ đến Đẳng Giác rồi, cái Giác này mới được Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương. Lốp lốp như vậy, đơn hay kép mười hai địa vị, mới cùng tột Diệu Giác, thành Vô Thượng Đạo.”

“Các thứ Địa này đều dùng Trí Kim Cương quán sát Như Huyền mười thứ ví dụ sâu xa. Trong Xa Ma tha (Chi) dùng Tỳ Bà Xá Na (Quán) của Chư Phật mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt tu nhập. “Anan! Như thế đều dùng ba tiệm thứ tăng tiến, khéo có thể thành tựu năm mươi lăm Vị của con đường Bồ Đề Chân Thật.

“Làm cái Quán như vậy, gọi là Chánh Quán. Nếu Quán khác đi gọi là Tà Quán.”

## Chỉ Dạy Tên Kinh

Bấy giờ Ngài Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật mà bạch Phật rằng: “Phải gọi tên kinh này là gì? Con cùng chúng sanh phụng trì như thế nào?”

Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: “Kinh này tên là **Đại Phật Đảnh Tát Đát Đa Bát Đát Ra, Vô Thượng Bảo Ấn, Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhân.**”

“Cũng gọi tên là **Cứu Hộ Thân Nhân, độ thoát Anan cùng Tánh Tỳ Kheo Ni trong hội này, đắc Bồ Đề Tâm, nhập Biến Tri Hải.**”

“Cũng tên là **Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liễu Nghĩa.**

“Cũng gọi là **“Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú.”**

“Cũng tên là **“Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm.”** Ông hãy phụng trì.”

### Phần 20

#### Phân biệt các nghiệp quả tạo thành tam giới

*(Lưu ý: Phần này chỉ đọc qua cho có một khái niệm, không cần nhớ)*

#### 1. Hỏi về sự sanh khởi và nhân quả của sáu đường

Phật nói lời ấy xong, liền khi đó, Ông Anan và cả đại chúng nhờ được Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn Bát Đát Ra, lại nghe được những tên gọi Liễu Nghĩa của kinh này, đốn ngộ được diệu lý tăng thượng để tu, tiến vào các Thánh Vị trong Thiên Na. Tâm tư rỗng lặng, đoạn trừ sáu phẩm phiền não vi tế tư-hoặc về tam giới.

Ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay cung kính, bạch Phật rằng: “Đại oai đức Thế Tôn, Từ Âm không che ngại, khéo khai ngộ những lỗi lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sanh, khiến chúng con ngày nay thân tâm khoan khoái rộng rãi, được lợi ích lớn.

“Thưa Thế Tôn, cái Chơn Tâm Diệu Minh trong sạch nhiệm màu này bỗng lai toàn khắp viên mãn, như thế cho đến đất đai, cỏ cây, các loài máy động vốn nguyên là Chân Như, đó là Chân Thể thành Phật của Như Lai. Nếu Phật Thể vốn chân thật như thế thì có sao lại có các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, người, Trời. Bạch Thế Tôn, những nẻo ấy là bỗng lai tự có hay do tập khí hư vọng của chúng sanh khởi ra?

Bạch Thế Tôn, như Tỳ Kheo Ni Bảo Liên Hương giữ Bồ Tát Giới, lén làm việc dâm dục, rồi nói càn rằng hành dâm chẳng phải sát sanh, chẳng phải trộm cắp, không có nghiệp báo! Phát lời ấy rồi, trước hết nơi nữ căn sanh ra ngọn lửa hừng lớn, sau nơi mỗi mỗi đốt xương lửa cháy phừng phừng, đọa địa ngục Vô Gián. Như Đại Vương Lưu Ly và Tỳ Kheo Thiện Tinh: Lưu Ly vì giết hại họ hàng Cù Đàm; Thiện Tinh vì thuyết bậy rằng tất cả pháp đều rỗng không mà thân đang sống đọa vào địa ngục A Tỳ. **Các địa ngục này là có chỗ nhất định, hay là tự nhiên mà khi mỗi người kia phát nghiệp thì mỗi mỗi riêng chịu?** “Xin Phật rủ lòng Đại Từ, khai thị cho kẻ non dại mê muội, khiến cho tất cả các chúng sanh trì giới nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ đội đầu, cẩn thận giữ gìn không phạm.”

## **2. Khai thị về phận trong, phận ngoài của chúng sanh**

Phật bảo ngài Anan: “Hay thay lời hỏi đó, khiến cho chúng sanh chẳng rơi vào tà kiến. Nay ông hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ông mà nói.

“Anan! Tất cả chúng sanh thật ra vốn Chân Tịnh, nhân tự có vọng kiến mà có các tập khí hư vọng sanh ra. Do đó mà có phân ra phận trong và phận ngoài.

“Anan! **Phận Trong** tức là trong phần của chúng sanh. Do các ái nhiễm phát khởi vọng tình, tình tích chứa mãi không ngừng thì hay sanh ái thù. Bởi thế chúng sanh hễ tâm nhớ món ăn ngon thì trong miệng nước chảy ra; hễ tâm nhớ người trước, hoặc thương hay ghét thì trong mắt lệ tràn. Tham cầu của báu thì tâm phát ái diên (nước dãi), cả mình đều trơn nóng. Tâm dính vào chuyện hành dâm thì hai căn nam, nữ tự nhiên chảy nước dịch. “Anan! Các ái tuy có khác nhau, nhưng kết quả chảy nước là đồng, **thắm ướt không lên được, tự nhiên theo đó mà sa xuống, ấy gọi là phận trong.**

“Anan! **Phận Ngoài** tức là ngoài phần của chúng sanh. Nhân các lòng khao khát, trông mong, phát sanh ra các hư tưởng. Cái Tưởng chứa chất mãi không thôi thì hay sanh ra sự trội hơn về khí. Bởi thế chúng sanh tâm giữ Giới Cấm thì cả thân mình nhẹ nhàng trong suốt. Tâm giữ Chú Ấn thì mắt nhìn hùng dũng, nghiêm nghị. Tâm muốn sanh cõi Trời thì chiêm bao thấy bay lên. Tâm để nơi cõi Phật thì Thánh cảnh thàm hiện. Phụng sự bậc thiện trí thức thì tự coi nhẹ thân mệnh mình. “Anan! Các Tưởng tuy khác nhau, nhưng sự nhẹ nhàng cất lên thì đồng. **Cất bay lên không chìm xuống, tự nhiên vượt lên, ấy gọi là Phận Ngoài.**

“Anan! Hết thấy thế gian sống chết nối nhau: Sanh thì theo tập khí quen thuộc; tử thì theo sự đổi dòng. Lúc mệnh chung, chưa hết hơi ấm thì thiện ác một đời cùng lúc liền hiện ra. Sống thuận, chết nghịch, hai tập khí giao nhau.



“Thuần là Tướng thì bay lên, hản là sanh trên cõi Trời. Nếu trong tâm bay lên đó gồm cả Phước Đức và Trí Huệ cùng với tịnh nguyện thì tự nhiên tâm mở tỏ, thấy tất cả Tịnh Độ của mười phương Chư Phật, rồi tùy nguyện mà vãng sanh.

“Tinh ít, Tướng nhiều thì cất lên chẳng xa mà làm các loài Phi Tiên, Đại Lực Quỷ Vương, Phi Hành Dạ Xoa, Địa Hành La Sát đạo trong bốn cõi trời không bị ngăn ngại. Nếu có thiện nguyện, thiện tâm hộ trì Phật Pháp hoặc hộ trì Cẩm Giới thì theo người trì Giới, hoặc hộ trì Thần Chú thì theo người trì Chú, hoặc hộ trì Thiền Định thì giữ an pháp nhãn, hết thấy đều được gần gũi dưới pháp tòa của Như Lai.

“Tinh và Tướng ngang nhau thì không bay lên, không đọa xuống, sanh nơi cõi người. Tướng sáng thì thông minh, Tinh tối thì ngu độn.

“Tinh nhiều Tướng ít thì trôi dạt vào cầm thú: Nặng thì làm giống mang lông, nhẹ thì làm loài có cánh.

“Bảy phần Tinh, ba phần Tướng thì chìm xuống Thủy Luân, sanh nơi mé Hỏa Luân, chịu ngọn lửa mạnh, thân làm nga quỷ, thường bị thiêu đốt. Vì nước có thể hại mình nên trải trăm ngàn kiếp không ăn không uống.

“Chín phần Tinh, một phần Tướng thì xuống thâu Hỏa Luân, thân đi vào ranh giới giao nhau của Phong Luân và Hỏa Luân, nhẹ thì sanh vào Hữu Giác, nặng thì sanh vào Vô Giác, hai thứ địa ngục.

“Thuần là Tinh thì chìm sâu vào ngục A Tỳ. Nếu trong tâm chìm đắm đó mà có sự hủy báng Đại Thừa, phá Cẩm Giới của Phật, nói pháp láo dối, tham bậy của tín chủ, lạm nhận sự cung kính hoặc Ngũ Nghịch, Thập Trọng thì lại sanh vào địa ngục A Tỳ mười phương.

“Theo sự tạo ác nghiệp, tuy tự chuốc lấy nhưng trong nghiệp đồng phận chúng đó vẫn có chỗ sẵn.

### 3. Mười tập nhân và sáu giao báo

“Anan! Những điều như thế đều do nghiệp báo của các chúng sanh tự chiêu cảm lấy: Tạo mười Tập Nhân thì chịu sáu Giao Báo.

“Anan! thế nào là **mười Tập Nhân** ?

**Một** là thói quen dâm dục giao tiếp, phát sanh nơi sự cọ xát lẫn nhau. Cọ xát không thôi, như vậy cho nên trong ấy có ngọn lửa lớn phát động ra, như người lấy hai tay xoa xát lẫn nhau thì cảm Giác nóng hiện ra. Hai cái tập khí thiêu đốt nhau, nên mới có các thứ giường sắt, cột đồng. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem việc Hành Dâm đồng gọi là lửa dục. Bồ Tát xem thấy Dâm Dục như tránh hầm lửa.

“**Hai** là, thói quen tham lam, so đo tính toán, phát sanh nơi sự thu hút lẫn nhau. Hấp thu ôm ấp chẳng ngừng, như vậy cho nên trong ấy có chứa hơi lạnh thành giá cứng đông đặc, như người hút hơi gió vào thì cảm Giác lạnh sanh ra. Hai cái tập khí lẫn nhau, nên có những sự tra tra, ba ba, la la, sen sanh, đỏ, trắng, giá lạnh v.v... Bởi thế tất cả mười phương Như Lai xem việc Tham nhiều đồng gọi là nước tham. Bồ Tát xem thấy Tham như tránh biển độc.

“**Ba** là, thói quen kiêu mạn lấn lướt lẫn nhau phát sanh nơi chỗ ý thế với nhau, giọng ruồi không thổi, như vậy cho nên có sự phóng túng, bồn ba, chứa sóng thành nước, như người miệng lưỡi tự chép làm cho nước bọt sanh ra. Hai cái tập khí chọi nhau nên có các việc sông máu, sông tro, cát nóng, biển độc, nước đồng bắt uống... Thế nên, tất cả mười phương Như

Lai xem lòng Ngã Mạn, đồng gọi là uống nước si mê. Bồ Tát xem thấy Kiêu Mạn như tránh vực thăm lớn.

“**Bốn** là, thói quen nóng giận xung đột lẫn nhau, phát sanh nơi sự chống đối lẫn nhau. Chống đối hoài không thôi, tâm nổi nóng phát ra lửa, nấu cái khí thành kim loại, như vậy cho nên có núi dao, đòn sắt, cội cây gươm, bánh xe gươm, búa rìu, thương, cưa, như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đánh nhau, nên có các sự thiên, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đập, đánh. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự Nóng Giận đồng gọi là kiếm, dao bén. Bồ Tát xem thấy Nóng Giận như tránh chém, giết.

“**Năm** là, thói quen giả dối, dụ gạt lẫn nhau, phát sanh nơi sự lôi kéo lẫn nhau. Dẫn dụ chẳng ngừng, như vậy cho nên có dây, cây thông lọng, căng nọc, như nước thấm xuống ruộng thì cỏ cây sanh trưởng. Hai tập khí kéo nhau nên có các sự gông, cùm, xiềng xích, roi, gậy, qua, bổng. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự Giả Dối đồng gọi là Sàm Tặc. Bồ Tát xem thấy Gian Dối như sợ sói, beo.

“**Sáu** là, thói quen lừa gạt, phỉnh dối lẫn nhau, phát sanh nơi sự phỉnh gạt lẫn nhau. Phỉnh gạt chẳng thôi, phát tâm gây điều gian dối, như vậy cho nên có bụi, đất, đại tiện, tiểu tiện, dơ nhớp chẳng sạch; như bụi theo gió không thấy lẫn nhau. Hai cái tập khí dim nhau nên có các sự chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự Lừa Gạt đồng gọi là cướp giết. Bồ Tát xem thấy việc Lường Gạt như dẫm rấn độc.

“**Bảy** là, thói quen thù oán, hiềm khích lẫn nhau, phát sanh nơi chỗ ôm ấp lòng giận. Như vậy cho nên có quăng đá, ném gạch, cũi nhốt, xe tù, bình đựng, đầy bọc, như người hiềm độc ôm ấp điều dữ. Hai cái tập khí nuốt nhau, nên có các

việc ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, vát, ôm. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự Thù Oán đồng gọi là quỷ Vi Hại. Bồ Tát xem thấy Thù Oán như uống rượu độc.

“**Tám** là, thói quen tà kiến, tranh cãi với nhau. Như thân kiến, giới cấm thủ và các nghiệp hiểu biết sai lầm, phát sanh nơi chỗ chống trái lẫn nhau. Như vậy cho nên có quan lại chứng thực, nắm giữ giấy tờ, nhiều như người đi đường qua lại gặp nhau. Hai cái tập khí giao nhau nên có các sự khám hỏi, mưu chước, vặn hỏi, đòi hỏi, gạn xét, cứu tra cho rõ ràng và những đồng tử thiện ác tay cầm sổ sách, biện bạch, hạch sách. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem Ác Kiến đồng gọi là hổ kiến chấp. Bồ Tát xem thấy các Thiên Chấp hư vọng như nhìn xuống hố độc.

“**Chín** là, thói quen vu vạ làm hại cho nhau, phát sanh nơi chỗ phao vu, bài báng. Như vậy cho nên có núi khép, đá khép, cối nghiền, cối xay, như kẻ sàm tặc, áp bức vu oan người lương thiện. Hai cái tập khí bài xích lẫn nhau, nên có các việc áp giải, đê đập, ép máu, tuốt mình. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự Vu Vạ đồng gọi là cọp sàm báng. Bồ Tát xem thấy sự Vu Vạ như bị sấm sét.

“**Mười** là, thói quen thừa kiện, cãi vã lẫn nhau, phát sanh ở chỗ che đậy. Như vậy cho nên có gương soi, đuốc chiếu, như giữa ban ngày chẳng thể giấu bóng. Hai cái tập khí phơi bày lẫn nhau, nên có các việc bặt ác, kiếng soi nghiệp, hỏa châu phơi bày nghiệp xưa mà đối nghiệp. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự Che Đậy đồng gọi là giặc ngầm. Bồ Tát xem thấy sự Che Đậy như đội núi cao lợi trong biển lớn.

“Thế nào là **sáu Giao Báo**<sup>79</sup>? “Anan! Hết thấy chúng sanh sáu Thức tạo nghiệp nên chiêu lấy **ác báo từ sáu căn ra**. “Thế nào là **Ác Báo từ sáu Căn ra**?

“**Một** là, **Ác Báo về Thấy** chiêu dẫn ác quả. Nghiệp Giao Báo về thấy này là khi lâm chung, trước hết thấy lửa hừng đầy cả mười phương, thần thức người chết bay đọa theo khói vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, thấy sáng thì thấy khắp các thứ vật dữ, sanh sợ hãi ghê gớm. Hai là, thấy tối thì lạng soi chẳng thấy gì sanh hoảng sợ vô cùng. Lửa-thấy như vậy đốt cái nghe thì có thể làm thành vạc sôi, đồng cháy; đốt hơi thở thì có thể làm thành lửa đỏ, khói đen; đốt cái nếm thì có thể làm thành hòn lửa, cơm sứt; đốt cảm xúc thì có thể làm tro nóng, lò than; đốt tâm thức thì có thể sanh sao lửa rưới khắp, làm rung động cõi hư không.

“**Hai** là, **Ác Báo về Nghe** chiêu dẫn ác quả. Nghiệp Giao Báo về Nghe này là khi lâm chung, trước hết thấy sóng cuộn ngập chìm trời đất, thần thức người chết sa xuống theo dòng nước vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, nghe rõ thì nghe đủ thứ ồn ào, tinh thần bán loạn. Hai là, điếc hẳn, lạng ngất không nghe thấy gì, thần phách chìm đắm. Sóng nghe như vậy rót vào cái nghe thì có thể làm thành trách móc, cật vấn; rót vào cái Thấy thì có thể làm thành sấm, thành tiếng rống, làm hơi độc dữ; rót vào hơi thở thì có thể làm thành mưa thành mù, rưới các sâu độc đầy khắp thân thể; rót vào cái nếm thì có thể làm thành mủ, máu, các thứ dơ bẩn; rót vào cảm xúc thì có thể làm súc vật, làm quỷ, làm phân, làm nước tiểu; rót vào tâm ý có thể làm thành chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

---

<sup>79</sup> Giao Báo cũng có thể gọi là Quả Báo

“**Ba** là, Ác Báo về Ngủ chiêu dẫn ác quả. Nghiệp Giao báo về ngủ này là khi lâm chung, trước hết thấy hơi độc đầy đầy xa gần, thần thức người chết từ đất trỗi lên vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, ngủ thông thì bị các hơi độc xông tốt bực làm cho tâm rối loạn. Hai là, nghẹt mũi, hơi ngạt không thông, nằm chết giắc trên đất. Hơi ngủ như vậy xông vào hơi thở thì có thể làm thông, làm ngạt; xông vào cái thấy thì có thể làm thành lửa, thành đũa; xông vào cái nghe thì có thể làm chìm ngạt, làm chết đuối, làm nước lớn, làm nước sôi; xông vào cái nếm thì có thể làm sinh, làm thối; xông vào cái cảm xúc thì có thể làm xấu, làm nát, làm ra núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý nghĩ thì có thể làm ra tro, ra khí độc, làm gạch đá bay lên đánh nát cơ thể.

“**Bốn** là, Ác Báo về Ném chiêu dẫn ác quả. Nghiệp Giao Báo về ném này là khi lâm chung, trước hết thấy lưới sắt nung đỏ che khắp thế giới, thần thức người chết từ dưới tung lên, mắc lưới treo ngược đầu xuống vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, nuốt vào thì kết thành giá lạnh làm nứt nẻ thân thể. Hai là, mưa ra thì bay lên thành lửa hừng, thiêu rụi xương tủy. Ném biết như vậy, qua cái ném thì có thể làm ra nhận ra chịu; qua cái Thấy thì có thể làm ra các thứ kim thạch đốt cháy; qua cái Nghe thì có thể làm binh khí sắc bén; qua hơi thở thì có thể làm lồng sắt rộng che hết cõi nước; qua cảm xúc thì có thể làm thành cung, thành tên, làm nổ, làm bắn; qua ý nghĩ thì có thể làm sắt nóng bay, từ trên không rưới xuống.

“**Năm** là, Ác Báo về Xúc chiêu dẫn ác quả. Nghiệp Giao Báo về Xúc này là khi lâm chung, trước hết thấy núi lớn bốn mặt áp lại không còn lối ra, thần thức người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp sói, sư tử, lính ngục đầu trâu, la sát

đầu ngựa tay cầm giáo chĩa lửa vào cửa thành hướng về ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, hợp xúc thì núi ép kẹp mình, xương thịt nát ra máu. Hai là, lia xúc thì đao kiếm chạm đụng mình, tim gan cắt xẻ. Xúc hợp như vậy qua cái xúc thì có thể làm ra đường, ra quán, làm nha sảnh, làm tòa án; qua cái thấy thì có thể làm đốt, làm nung; qua cái nghe thì có thể làm thành đập, đánh, đâm, bắn; qua hơi thở thì có thể làm thành trùn, đẩy, tra, trói; qua cái nếm thì có thể làm cày, làm kèm, chém, chặt; qua ý nghĩ thì có thể làm rớt, làm bay, làm nấu, làm nướng.

“Sáu là, ác báo về Ý chiêu dẫn ác quả. Nghiệp Giao Báo về Ý này là khi lâm chung, trước hết thấy gió dữ thổi nát cõi nước, thần thức người chết bị thổi lên trên không, xoay rơi theo gió, sa vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, không biết, tột mê thì hoang mang, rông chạy không ngừng. Hai là, chẳng mê, hay biết thì khổ, bị nung đốt không cùng, đau buốt không chịu nổi. Ý làm lạc như vậy kết vào ý nghĩ thì có thể làm thành nơi, làm chốn; kết vào cái thấy thì có thể làm gương soi, làm chứng cứ; kết vào cái nghe thì có thể làm ra núi lớn xấp vào nhau, làm ra giá, ra sương, ra đất, ra mù; kết vào hơi thở thì có thể làm ra xe lửa lớn, làm thuyền lửa, làm rọ lửa; kết vào cái nếm thì có thể làm kêu la to, làm ăn năn, làm khóc lóc; kết vào cái xúc thì có thể làm ra lớn, làm ra nhỏ, làm cho trong một ngày vạn lần sống, vạn lần chết, làm té sấp, té ngựa.

“Anan! Đó là mười Tập Nhân và sáu Quả Báo của địa ngục. Nhân quả ấy đều do cái mê vọng của chúng sanh tạo ra. Nếu các chúng sanh tạo hết các nghiệp dữ thì vào địa ngục A Tỳ, chịu ô lượng khổ, trải qua vô lượng kiếp. Các căn trong sáu căn tạo riêng và nghiệp tạo ra gồm cả căn lẫn cảnh thì người ấy vào tám địa ngục Vô Gián. Ba thứ thân, khẩu, ý làm ra

Sát, Đạo, Dâm thì người đó vào Thập Bát Địa Ngục. Không đủ cả ba nghiệp, trong đó chỉ có một cái hoặc Sát hay Đạo thì người ấy vào trong Tam Thập Lục Địa Ngục. Chỉ có một Căn riêng phạm một nghiệp, người ấy vào Nhất Bách Bát Địa Ngục. “Đó là do chúng sanh riêng làm, riêng tạo, nên ở trong thế giới vào chỗ đồng phận, duyên từ Vọng Tưởng phát sanh, chẳng phải vốn là tự có.

“Lại nữa, Anan! nếu các chúng sanh đó chẳng phá Luật Nghi, phạm Bồ Tát Giới, hủy báng Niết Bàn của Phật mà chỉ phạm những tạp nghiệp khác thì sau nhiều kiếp bị thiêu đốt, đền hết tội rồi thì chịu những hình qui.

“Nếu nơi bản nhân do tham vật mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp vật thành hình gọi là Quái Qui. Do tham sắc mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp gió thành hình gọi là Bạt Qui. Do tham dối trá mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp súc vật thành hình gọi là Mỵ Qui. Do tham hận mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp sân thành hình, gọi là Cổ Độc Qui. Do tham ghi nhớ mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp sự suy tàn thành hình, gọi là Lệ Qui. Do tham ngạo mạn mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Nga Qui. Do tham lừa gạt mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp u uẩn thành hình gọi là Áp Qui. Do tham vạch bày mà làm nên tội thì khi đền tội xong, gặp tinh hoa thành hình, gọi là Vọng Lượng Qui. Do tham thành tựu mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp bóng sáng thành hình, gọi là Dịch Sử Qui. Do tham bè đảng mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tổng Qui.

“Anan! Những người ấy đều do thuận Tình mà đọa lạc, khi lừa nghiệp đốt khô rồi thì lên làm Qui. Các thứ ấy đều do cái



nghiệp tự vọng tưởng chiêu dẫn tới; nếu ngộ được Bồ Đề thì trong tánh Diệu Viên Minh, vốn nào đâu có.

“Lại nữa, Anan! Nghiệp Quả đã hết thì hai thứ Tình và Tưởng đều không, mới ở thế gian cùng người nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sanh, để trả nợ xưa.

“Loài Quái Quỷ thì khi vật tiêu tan, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm chim Cưu. Loài Bạt Quỷ thì khi gió tiêu tan, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài báo điềm kỳ dị. Loài My Quỷ thì khi súc chết, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn, cáo. Loài Cổ Quỷ thì khi sâu bọ diệt, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài có độc. Loài Lệ Quỷ thì khi sự suy dứt, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun. Loài Nga Quỷ thì khi khí tiêu, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài bị ăn thịt. Loài Áp Quỷ thì khi u uẩn tiêu, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cung cấp đồ mặc. Loài Vọng Lượng Quỷ thì khi tinh hoa tiêu, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm chim mùa. Loài Dịch Sử Quỷ thì khi bóng sáng diệt, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài báo điềm lạnh. Loài Truyền Tống Quỷ thì khi người chết, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài thuần hóa.

“Anan! Các loài ấy đều do lửa nghiệp đốt xong, sanh làm súc vật để trả nợ cũ. Hết thầy cũng đều tự hư vọng chiêu dẫn lấy nghiệp mà ra. Nhưng **ngộ Bồ Đề thì các vọng duyên ấy vốn không chỗ có!**

“Nhu lời ông nói, nhóm Bảo Liên Hương, Lưu Ly Vương và Tỳ Kheo Thiện Tinh đều vốn tự mình bày đặt ra nghiệp dữ. Nghiệp ấy chẳng từ trời rơi xuống, cũng chẳng từ đất chui lên, mà cũng chẳng phải do ai trao tặng. Chính là tự hư vọng

rước lấy rồi tự lãnh nhận. Trong Tâm Bồ Đề chúng đều là hư huyễn vọng tưởng ngưng kết.

“Lại nữa, Anan! Các súc sanh ấy đều trả nợ trước mà nếu trong lúc trả nợ, trả quá nợ cũ thì những chúng sanh ấy trở lại làm người đòi lại chỗ dư. Nếu bên kia có sức lại có cả phúc đức thì ở trong loài người không rời bỏ thân người mà hoàn lại chỗ thừa đó, còn nếu không có phúc đức thì phải làm súc sanh để đền lại chỗ thừa.

“Anan! Ông nên biết, nếu dùng tiền của hoặc sức người ta thì đền đủ là xong, còn như trong ấy có giết thân mạng, hoặc ăn thịt, như vậy trải qua nhiều kiếp ăn nhau, giết nhau, giống như bánh xe quay hoài, chỗ cao thấp thay đổi nhau liên hồi không nghỉ. Trừ pháp Xa Ma Tha hoặc gặp Phật ra đời chứ chẳng thể nào thôi nghỉ được.

“Nay ông nên biết, loài chim Cừu kia, trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngoan cố. Giống Cừu Trung kia, trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng quái dị. Loài chồn kia trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngu dại. Những loài có độc kia, trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng nham hiểm. Những loài giun kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng hèn nhát. Những loại bị ăn thịt kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng nhu nhược. Những loài cung cấp đồ mặc kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng lao nhọc. Những loài chim mùa kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng văn hoa. Những loài đem điềm lạnh kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông minh. Những loài thuần hóa

phải trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông đạt.

“Anan! Các chúng sanh đó đều do trả hết nợ cũ, trở lại hình của cõi người đều do từ vô thủy đến nay Điên Đảo mà gây nghiệp, sanh sát lẫn nhau, chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe Chánh Pháp, ở trong trần lao cứ vậy mà xoay vần. Chúng ấy gọi là đáng thương xót vậy.

#### **4. Không tu thành Chánh Giác thành các thứ Tiên**

“Anan! Lại có chúng sanh từ loài người, không nương theo Chánh Giác tu pháp Tam Ma Địa, mà riêng tu vọng niệm tồn giữ tư tưởng, củng cố hình hài, đi vào rừng núi, người chẳng đến được, thành mười loại Tiên.

“Anan! Các chúng sanh kia bèn gắng dùng đồ bỏ không ngừng nghỉ, khi đạo ăn được thành tựu, gọi là **Địa Hành Tiên**.

“Bèn gắng dùng cỏ cây không ngừng nghỉ, khi đạo thuốc được thành tựu, gọi là **Phi Hành Tiên**.

“Bèn gắng dùng kim thạch không ngừng nghỉ, khi đạo hóa chất được thành tựu, gọi là **Du Hành Tiên**.

“Bèn gắng làm những động tác không ngừng nghỉ, khi đạo khí tinh được thành tựu, gọi là **Không Hành Tiên**.

“Bèn gắng luyện nước bọt không ngừng nghỉ, khi nhuận đứơc đã thành tựu, gọi là **Thiên Hành Tiên**.

“Bèn gắng hấp thụ tinh hoa không ngừng nghỉ, khi hấp thụ tinh túy thành tựu, gọi là **Thông Hành Tiên**.

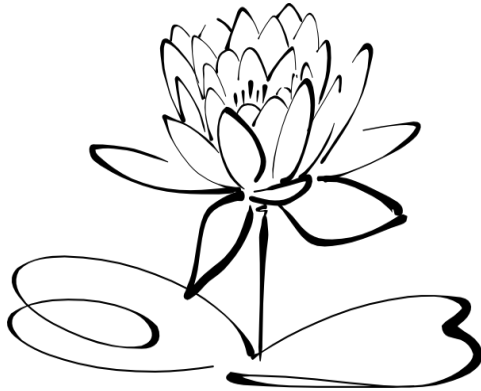
“Bèn gắng làm chú thuật không ngừng nghỉ, khi thuật pháp được thành tựu, gọi là **Đạo Hành Tiên**.

“Bền gắng chuyên chú tâm niệm không ngừng nghỉ, khi chuyên niệm được thành tựu, gọi là **Chiếu Hành Tiên**.

“Bền gắng về thủy hỏa giao cấu không ngừng nghỉ, khi cảm ứng được thành tựu, gọi là **Tĩnh Hành Tiên**.

“Bền gắng tập luyện biến hóa không ngừng nghỉ, khi tinh Giác được thành tựu, gọi là **Tuyệt Hành Tiên**.

“Anan! Những người này đều ở trong loài người mà luyện tâm, chẳng tu theo Chánh Giác, chỉ riêng được sanh lý, thọ ngàn vạn năm, nhàn nghỉ trong núi sâu hay trên hoang đảo giữa đại dương, dứt tuyệt với cảnh người. Đó cũng là ở trong vọng tưởng trôi lăn của sự luân hồi. Chẳng tu pháp Tam Muội nên khi quả báo hết thì trở lại tẩn vào trong sáu nẻo.



## Quyển IX

### Phần 21

#### Các cõi Trời

*(Lưu ý: Đoạn này đọc cho biết mà thôi, không cần phải nhớ.)*

#### Cõi Trời Dục Giới

“Anan! Các người thế gian chẳng cầu cái thường trụ, chưa thể lìa bỏ được thế thiếp, ân ái, nhưng tâm không buông lung trong tà dâm. Do lắng trong sanh ra sáng suốt, sau khi mạng chung, gần với mặt trời, mặt trăng. Hạng như vậy gọi là **Tứ Thiên Vương Thiên**.

“Đối với vợ nhà, dâm ái ít ỏi, trong khi tịnh cư chưa được toàn vẹn mùi vị. Sau khi mạng chung, vượt sức sáng của mặt trời, mặt trăng, ở trên đỉnh của nhân gian. Một hạng như vậy, gọi là **Đạo Lợi Thiên (Tam Thập Tam Thiên)**.

“Gặp cảnh dục tạm theo, qua rồi không nghĩ nhớ, ở trong cõi nhân gian động ít tĩnh nhiều. Sau khi mạng chung, an trụ sáng rỡ ở trong hư không. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng soi chiếu chẳng bằng. Các người ấy tự có ánh sáng. Một hạng như vậy, gọi là **Tu Diệm Ma Thiên (Thời Phân)**.

“Luôn luôn yên tĩnh, nhưng khi có cảm xúc đến, chưa thể nghịch hẳn. Sau khi mạng chung, bay lên cõi tinh vi, không giao tiếp với các cảnh nhân-thiên cõi dưới cho đến thời kiếp hoại, tam tai cũng không đến được. Một hạng như vậy gọi là **Đâu Suất Đà Thiên (Tri Túc)**.

“Chính mình không có lòng dâm, đáp ứng với người mà hành sự, trong lúc phô diễn vô vị như sáp. Sau khi mạng

chung, sanh vượt vào cõi biến hóa. Một hạng như vậy, gọi là Lạc **Biến Hóa Thiên**.

“Không có tâm thế gian, chỉ đồng theo thế gian mà hành sự, trong khi làm việc ấy, suốt thông siêu việt. Sau khi mạng chung, vượt trên tất cả cảnh biến hóa và không biến hóa. Một hạng như vậy, gọi là **Tha Hóa Tự Tại Thiên**.

“Anan! Sáu cõi trời như vậy thì hình thức tuy ra khỏi Động, nhưng tâm Tánh còn dính mắc. Từ các cõi ấy trở xuống gọi là Dục Giới.

### **Cõi Trời Sắc Giới**

“Anan! **Tất cả những người tu tâm trong thế gian mà không nhờ Thiên Na thì không có Trí Huệ**. Người có thể giữ cái thân không làm chuyện dâm dục, khi đi khi ngồi đều không tưởng nhớ, ái nhiễm chẳng sanh thì không còn ở trong Dục Giới. Người ấy liền được bản thân làm Phạm Lữ. Một hạng như vậy gọi là **Phạm Chúng Thiên**.

“Thói quen dâm dục đã trừ, tâm ly dục hiện ra, đối với các Luật Nghi thì yêu thích tùy thuận. Người ấy liền có thể thực hành Phạm đức. Một hạng như vậy gọi **Phạm Phụ Thiên**.

“Thân tâm diêu viên, uy nghi chẳng thiếu, Cấm Giới trong sạch, lại thêm minh ngộ, người ấy liền có thể thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương. Một hạng như vậy gọi là **Đại Phạm Thiên**.

“Anan! Ba hạng trời vượt này, tất cả khổ não không thể bức bách được. Tuy chẳng phải chân chánh tu hành Tam Ma Địa mà trong tâm thanh tịnh các lậu chẳng động, gọi là **Sơ Thiên**.

“Anan! Kế đó hàng Phạm Thiên thống nhiếp Phạm Chúng tròn đầy Phạm Hạnh, lóng tâm chẳng động, trong lặng sanh ra ánh sáng. Một hạng như vậy, gọi là **Thiểu Quang Thiên**.

“Ánh sáng soi nhau, chiếu sáng vô tận, dọi mười phương cõi, khắp hết thành lưu ly. Một hạng như vậy, gọi là **Vô Lượng Quang Thiên**.

“Vẹn giữ ánh sáng tròn đủ, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa thanh tịnh, ứng dụng không cùng. Một hạng như vậy, gọi là **Quang Âm Thiên**.

“Anan! Ba hạng trời vượt này, tất cả lo buồn không thể bức bách được. Tuy không phải chân chánh tu hành Tam Ma Địa, mà trong tâm thanh tịnh các lậu thô đã dẹp xuống, gọi là **Nhị Thiên**.

“Anan! Hạng Người Trời như vậy, ánh sáng toàn vẹn thì thành âm thanh, mở âm thanh bày lộ sự mâu diệu, phát nên hạnh tinh thuần, tiếp thông với cái vui tịch diệt. Một hạng như vậy, gọi là **Thiền Tịnh Thiên**.

“Trống rỗng, thanh tịnh hiện tiền, rộng phát không bờ bến, thân tâm khinh an, thành cái vui tịch diệt. Một hạng như vậy, gọi là **Vô Lượng Tịnh Thiên**.

“Thân tâm, thế giới tất cả đều vẹn toàn sáng sạch, cái tánh đức trong sạch đã thành tựu, cảnh giới thù thắng hiện tiền, quy về cái vui tịch diệt. Một hạng như vậy, gọi là **Biến Tịnh Thiên**.

“Anan! Ba hạng trời vượt này, đầy đủ chỗ tùy thuận bao la, thân tâm an ổn, được cái vui vô lượng. Tuy chẳng phải chân chánh được Tam Ma Địa mà trong tâm an ổn, đầy đủ hoan hỉ, gọi là **Tam Thiên**.

“Anan! Kế đó, những hạng Người Trời thân tâm không còn bị bức bách, cái nhân khổ đã hết, nhưng cái vui chẳng thường trụ, lâu rồi cũng tiêu hoại. Bởi thế, đồng thời bỏ ngay hai cái tâm khổ, vui. Những tướng thô nặng diệt mất, tánh phúc thanh tịnh sanh ra. Một hạng như vậy, gọi là **Phúc Sanh Thiên**.

“Tâm xả bỏ viên dung, sự hiểu biết thù thắng càng trong sạch, trong cái Phúc không gì che đậy đó, được sự tùy thuận màu nhiệm cùng tột vị lai. Một hạng như vậy, gọi là **Phúc Ái Thiên**.

“Nếu nơi tâm trước kia, nhằm chán cả khổ lẫn vui, lại nghiên ngẫm cái tâm xả bỏ tiếp tục không ngừng, đến cùng tột sự buông bỏ, thân tâm đều diệt, tâm ý dứt ngưng, trải qua năm trăm kiếp. Người đó đã lấy cái sanh diệt làm nhân thì chẳng có thể phát minh cái Tánh không sanh diệt. Nên nửa kiếp đầu diệt, nửa kiếp sau lại sanh. Một hạng như vậy, gọi là **Vô Tướng Thiên**.

“Anan! Ba hạng trời vượt này, tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể làm lay động. Tuy chẳng phải địa bất động chân thật của Vô Vi, mà cái tâm có chỗ đắc thì công dụng thuần thực, gọi là **Tứ Thiên**.

“Anan! Trong đó lại có năm **Bất Hoàn Thiên**. Đã diệt hết tập khí chín phẩm Tư Hoặc ở cõi dưới, Khổ Vui đều mất, bên dưới không còn chỗ ở, nên an lập chỗ ở nơi chúng đồng phận của tâm xả.

“Anan! Khổ Vui cả hai đều diệt, tâm tranh đấu chẳng còn liên lụy, một hạng như vậy, gọi là **Vô Phiền Thiên**.

“Thênh thang độc hành, không còn chỗ so đo, một hạng như vậy, gọi là **Vô Nhiệt Thiên**.



“Khéo thấy mười phương thể giới, tròn vẹn lặng trong, không còn tất cả dơ nhiễm nặng nề của trần cảnh, một hạng như vậy, gọi là **Thiện Kiến Thiên**.

“Cái thấy trong suốt hiện tiền, trui rèn không ngăn ngại, một hạng như vậy, gọi là **Thiện Hiện Thiên**.

“Rốt ráo các cơ vi, cùng tốt tánh của sắc pháp, thể nhập cõi không bờ bến, một hạng như vậy, gọi **Sắc Cứu Cảnh Thiên**.

“Anan! Những bậc Bất Hoàn Thiên đó, chỉ riêng bốn vị **Thiên Vương Tứ Thiên** được sự kính nghe, nhưng không thể thấy biết. Như hiện giờ có các Thánh, đạo tràng nơi rừng sâu, đồng rộng thể gian đều là chỗ trụ trì của các vị A La Hán, mà người thô thiển của thể gian chẳng thể thấy biết.

“Anan! Mười tám hạng Trời đó, độc hành không giao thiệp, nhưng chưa hết cái lụy của Hình Sắc. Từ đây trở lại, gọi là Sắc Giới.

### **Cõi Trời Vô Sắc Giới**

“Lại nữa, Anan! **Từ chỗ cao tốt của Sắc Giới này lại có hai đường rẽ.**

“Nếu nơi tâm xả bỏ, phát minh được Trí Huệ, ánh sáng Trí Huệ viên thông, thì ra khỏi cõi trần, thành vị A La Hán, vào Bồ Tát Thừa. Một hạng như vậy, gọi là **Hồi Tâm Đại A La Hán**.

“Nếu nơi tâm xả bỏ, thành tựu sự chán bỏ, biết thân là ngăn ngại, trên cái ngăn ngại ấy vào cái Không. Một hạng như vậy, gọi là **Không Xứ**.

“Các ngăn ngại đã tiêu, nhưng cái Vô Ngại không diệt, trong đó còn lưu lại thức A Lại Da nguyên vẹn và nửa phần vi tế của thức Mạt Na. Một hạng như vậy, gọi là **Thức Xứ**.

“Sắc, Không đã hết, cái Thức Tâm diệt xong, mười phương vắng lặng, tuyệt không qua lại. Một hạng như vậy, gọi là **Vô Sở Hữu Xứ**.

“Thức tánh bất động, do nghiên cùng cái Diệt, trong nơi vô tận, bày ra cái tánh dứt hết, như còn mà chẳng còn, như hết mà chẳng hết. Một hạng như vậy, gọi là **Phi Tướng, Phi Phi Tướng Xứ**.

“Những hạng đó nghiên cùng cái Không, mà chẳng tột hết Lý Không. Từ Bất Hoàn Thiên, thì cái Thánh Đạo đã đến giới hạn tột cùng. Một hạng như vậy, gọi là **Bất Hồi Tâm Độn A La Hán**.

“Nếu từ cõi trời Vô Tướng của các ngoại đạo, nghiên cùng cái Không mà chẳng quay lại, mê lầm không nghe Chánh Pháp thì sẽ rơi vào luân hồi.

“Anan! Trên các cõi trời đó, mỗi người trời là những phạm phu theo sự báo đáp của nghiệp quả. Quả hết thì rơi luân hồi. Thiên Vương của các cõi ấy tức là Bồ Tát, dạo qua Tam Ma Địa mà lần lượt tăng tiến trên đường hướng về Phật Đạo.

“Anan! Các cõi trời Tứ Không đó, thân tâm diệt hết, cái tánh Định hiện tiền, không có sắc pháp của nghiệp quả. Từ đó đến cuối cùng, gọi là **Vô Sắc Giới**.

“Những hạng đó chẳng rõ tánh Diệu Giác Minh Tâm, chứa nhóm vọng tưởng mà phát sanh, vọng có ra ba cõi. Ở trong đó, hư vọng theo bày nẻo chìm đắm, mỗi một chúng sanh theo loại của mình.

## **Bốn Loại A Tu La**

“Lại nữa, Anan! Trong ba cõi ấy, lại có bốn thứ A Tu La:

“Nếu từ loài Quỷ, do sức hộ pháp, nương thần thông nhập vào Không. Hạng A Tu La này từ trứng mà sanh, thuộc về loài **Quỷ**.

“Nếu từ cõi trời, đức kém phải sa đọa thì chỗ ở gần với mặt trời, mặt trăng. Hạng A Tu La này từ Thai mà sanh, thuộc về loài **Người**.

“Có Tu La Vương nắm giữ thế giới, sức mạnh thấu triệt không phải sợ ai, có thể tranh quyền với Phạm Vương, Đế Thích và Tứ Thiên Vương. Hạng A Tu La này do biến hóa mà có, thuộc về loài **Trời**.

“Anan! Lại có một số Tu La thấp kém, sanh trong lòng biển cả, lặn trong đáy vực, ngày dạo chơi trên không, tối về ngủ dưới nước. Hạng A Tu La này do thấp khí mà có, thuộc về loài **Súc sanh**.

### **Khai thị sự hư vọng của bảy loài để khuyên tu chân chánh**

“Anan! xét kỹ ra thì bảy loài Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Người và Thần Tiên, Trời và A Tu La như thế đều là các tướng hữu vi tối tăm chìm đắm, do vọng tưởng mà thọ sanh, do vọng tưởng mà theo Nghiệp, trong Bản Tâm Diệu Viên Minh Vô Tác thì đều như hoa đóm giữa hư không, vốn không dính bám, chỉ thuần là hư vọng, tuyệt không gốc rễ, mỗi manh.

“Anan! Những chúng sanh đó chẳng nhận biết Bản Tâm, chịu sự luân hồi như kia trong vô lượng kiếp, chẳng được cái Thanh Tịnh Chân Thật đều là do thuận theo Sát, Đạo, Dâm vậy. Còn ngược lại ba thứ đó thì lại sanh ra không Sát, không Đạo, không Dâm. Có Sát, Đạo, Dâm thì gọi là loài Quỷ;

không có gọi là loài Trời. Có, Không đáp đối nhau, khởi ra tánh luân hồi.

“Nếu nhiệm mầu phát huy được pháp Tam Ma Đề ắt là thường hằng tịch lặng nhiệm mầu, trong đó hai cái Có và Không đều không, mà cái Không, Có cả hai cũng diệt. Cái không Sát, không Đạo, không Dâm còn không có, lấy đâu mà lại thuận theo việc Sát, Đạo, Dâm?

“Anan! Chẳng đoạn ba nghiệp thì mỗi mỗi chúng sanh đều có phận riêng. Nhân mỗi mỗi phận riêng đó mà có đồng phận chung của các cái riêng, không phải là không có chỗ nhất định. Ấy là do tự hư vọng phát sanh ra, cái hư vọng phát sanh ra đó vốn không có nhân, không có nguồn gốc ở đâu cả.

“Ông khuyên người tu hành muốn đắc Bồ Đề, cốt yếu phải đoạn trừ ba cái Hoặc<sup>80</sup>. Ba Hoặc chẳng hết thì dầu có được thần thông cũng đều là công dụng hữu vi của thế gian. Tập khí mà chẳng diệt thì lạc vào đường ma, tuy muốn trừ vọng, lại càng thêm hư dối, sai lầm. Như Lai nói là rất đáng thương xót. Đó là tự mình tạo ra hư vọng, đâu phải là lỗi nơi Bồ Đề.

“Nói như thế gọi là lời chân chánh. Nếu nói khác thế, tức là lời Ma Vương.

### **Phân biệt các Âm Ma**

*(Lưu ý: Đọc cho biết, không cần phải nhớ. Muốn khỏi bị ngũ Âm Ma, chỉ cần xem các hiện tượng gọi là “thần thông” hiện ra trong Thiên Định chỉ là tu tập có tiến bộ mà thôi, không thành Thánh, Phật gì cả)*

---

<sup>80</sup> Ba Hoặc là Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, Vô Minh Hoặc.

Lúc bấy giờ, Đức Như Lai sắp chấm dứt thời thuyết pháp, ở nơi Sư Tử tòa, vịn ghế thất bảo, xoay về Tử Kim sơn, trở lại dựa nơi ghế, bảo khắp đại chúng cùng Ông Anan rằng:

“Các ông là hàng Duyên Giác Thanh Văn hữu học, ngày nay hồi tâm, hướng về Vô Thượng Diệu Giác Đại Bồ Đề. Nay ta đã nói pháp tu hành chân chánh, nhưng các ông còn chưa biết những Ma Sự vi tế khi tu hành Xa Ma Tha, và Tỳ Bà Xá Na<sup>81</sup>.

“Cảnh Ma nếu hiện mà ông không thể nhận biết thì việc làm trong sạch tâm không được đúng, lạc vào tà kiến. Hoặc bị Ma Ngũ Ấm của ông, hoặc bị Thiên Ma, hoặc mắc Quỷ Thần, hoặc gặp Ly My mà trong tâm không rõ thì nhận giác làm con. Lại nữa, ở trong đó được ít mà cho là đủ, như Tỳ kheo Vô Văn được Đệ Tứ Thiên, vọng nói là chứng Thánh, khi quả báo chư Thiên hết, tướng suy hiện ra, bài báng quả vị A La Hán là còn phải thọ sanh, nên đọa vào địa ngục A Tỳ. Các ông nên nghe kỹ, nay Ta vì các ông mà phân biệt rành rẽ.”

Ngài Anan đứng dậy cùng các hàng hữu học trong hội, hoan hỉ đánh lễ, kính nghe lời dạy bảo từ bi. Phật bảo ngài Anan cùng cả đại chúng:

“Các ông nên biết **cái tâm thể tổ biết vẹn toàn, Bản Giác Diệu Minh của mười hai loại chúng sanh trong thế giới hữu lậu cùng mười phương Chư Phật không hai, không khác**. Do vọng tưởng của các ông, mê Chân Lý thành ra lỗi lầm. Si, Ái phát sanh, sanh mê cùng khắp nên có hư không. Biến hóa ra cái mê không ngớt nên có thế giới sanh ra. Vậy thì mười phương cõi nước nhiều như vi trần này chẳng phải là vô lậu, đều do vọng tưởng mê lầm kiến lập.

---

<sup>81</sup> Tỳ Bà Xá Na: Sanskrit là Vipassana (Quán)

“Phải biết, hư không sanh trong tâm ông cũng như điểm mây trong bầu trời, huống chi các thế giới ở trong hư không ấy! **Một người trong các ông phát khởi sự về nguồn chân thật thì mười phương hư không ấy thấy đều tiêu mất.** Làm sao các cõi nước trong hư không ấy lại không rung đổ? Các ông tu thiền, trau dồi pháp Tam Ma Địa thì cùng với mười phương Bồ Tát và các vị Đại A La Hán vô lậu tâm tinh thông hợp thàm nhiệm, đương xứ trong lặng như nhiên. Còn tất cả Ma Vương, Quỷ Thần, loài Trời phàm phu thì thấy cung điện mình không có gì đổ vỡ, đất đai rung động, các loài thủy lục bay nhảy thấy đều kinh sợ.

“Hạng phàm phu hôn muội không rõ, nên nghĩ lầm, còn hạng kia đều được năm thứ thần thông, trừ Lậu Tận Thông, luyện tiếu cảnh trần lao này đâu để ông phá hoại chỗ ở. Bởi thế, Quỷ Thần, Thiên Ma, Vọng Lượng, Yêu Tinh trong khi ông tu Tam Muội đều đến quấy phá.

“Nhưng các Ma kia, tuy rất giận dữ mà họ ở trong trần lao, còn các ông ở trong Diệu Giác, thì cũng như gió thổi ánh sáng, như dao chặt nước, chẳng hề hấn gì. Ông như nước sôi, họ như giá cứng, vừa gần hơi ấm thì chẳng bao lâu mà tiêu tan. Chúng ý lại sông thần lục, nhưng chỉ là Khách. Nếu chúng có thể phá rối được, là do người Chủ ngủ ấm trong tâm ông. Chủ nhân mà mê lầm, Khách mới được dịp quấy phá.

“Đương xứ thiên định, Giác ngộ không lầm thì các Ma sự kia không làm gì ông nổi. Khi Ấm tiêu tan vào trong tánh sáng; sáng phá được tối, tối đến gần sáng thì tự tiêu mất, mà chúng tà ma kia đều tối tăm làm sao còn dám ở lại quấy phá sự thiên định? Nếu không tỏ ngộ sáng suốt, bị Ngũ Ấm ngăn che, mê lầm thì chính Ông Anan là con của Ma và thành người Ma. Như Cô Ma Đăng Già, sức còn yếu kém, chỉ dùng

chú thuật bắt ông phá Luật Nghi của Phật, trong tám muôn hạnh chỉ phá một Giới, nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên chưa bị chìm đắm. Còn chúng Ma này thì phá hoại toàn thân Bảo Giác của ông, giống như nhà quan Tể Tướng bỗng bị tịch biên, long đong xiêu lạc, không thể thương cứu !

### Phạm vi của Sắc Ám

*[Lưu ý: Phần nói về Ngũ Ám Ma, đọc kỹ phần nói về “phạm vi của các Ám” và khi các Ám tiêu diệt các “thành quả của Thiên Định” hiện ra như thế nào để biết. Nếu những hiện tượng xảy ra cho mình giống như đức Phật dạy trong kinh, nhớ đừng cho rằng mình đã chứng Thánh quả, chỉ coi như có tiến bộ.]*

“Anan! Nên biết, ông ngồi đạo tràng, tiêu diệt các niệm, **niệm ấy mà hết thì tâm-liã-niệm thuần túy sáng suốt thấy cả, động tĩnh chẳng dòi, nhớ quên như một.** Đang khi an trụ nơi đó mà vào Tam Ma Địa thì như người sáng mắt mà ở chỗ rất tối. **Cái tinh thuần của Tánh thì trong sạch nhiệm màu, nhưng tâm chưa phát sáng**<sup>82</sup>. Thế gọi là phạm vi của Sắc Ám.

**Nếu mắt sáng tỏ, mười phương mở suốt, không còn tối tăm, gọi là Sắc Ám hết.** Người ấy có thể siêu vượt khỏi **Kiếp Trược**<sup>83</sup>. Xét lại nguyên do Kiếp Trược thì gốc rễ là Vọng tưởng kiên cố<sup>84</sup>.

*[Đức Phật đưa ra mười ví dụ điển hình có thể xảy ra khi ở trong trạng thái của tâm-liã-niệm chứ không giới hạn trong số mười, vì mỗi hành giả có căn cơ khác nhau. Phần mười]*

---

<sup>82</sup> Tâm chưa phát sáng là vì sáu Căn che lấp.

<sup>83</sup> Kiếp Trược là do Sắc Pháp đan nhau với cái Thấy mà thành. Muốn hiểu rõ năm Trược (ngũ Trược) xem đoạn “Tâm Nhân Địa” trang 81-82.

<sup>84</sup> Vọng tưởng kiên cố gồm ba thứ: của cha, của mẹ, và của mình.

*ví dụ điển hình này giúp chúng ta nếu chúng ta có trải nghiệm.]*

1.”Anan! Ngay tại trong đó, nghiên cứu tinh tường<sup>85</sup> Tánh Diệu Minh, bốn Đại chẳng kết hợp thì trong khoảng chốc lát, tâm thức có thể ra khỏi sự ngăn ngại, đây gọi là tinh minh tuôn tràn ra tiền cảnh, đó chỉ do dụng công mà tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

2.”Anan! Lại dùng cái tâm này nghiên cứu tinh tường Tánh Diệu Minh, trong thân thành rỗng suốt, người ấy bỗng nhiên ở trong thân mình nhặt ra các thứ giun sán mà thân thể vẫn y nguyên, không bị thương tổn, đây gọi là tinh minh tuôn tràn nơi hình thể, đó chỉ do tu hành tinh tiến mà tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh tức lọt vào tà.

3.“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu tinh tường trong ngoài, khi ấy hôn phách<sup>86</sup>, ý chí, tinh thần, ngoài cái thân chấp thọ ra, đều ăn nhập vào nhau, đắp đổi làm khách, làm chủ. Bỗng nhiên, ở trong hư không nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương đồng diễn bày mật nghĩa. Đây gọi là sự thành tựu thiện chủng của tinh phách thay nhau lia hợp, tạm được như vậy, chẳng phải Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh tức lọt vào tà.

---

<sup>85</sup> Nghiên cứu tinh tường có nghĩa là dùng pháp Quán trong khi đang trong trạng thái tâm-lìa-niệm của pháp “Chỉ.”

<sup>86</sup> Người dịch là người Trung Hoa (ảnh hưởng Lão giáo) nên dùng chữ “hôn phách” thuộc Lão giáo thay vì chữ “thần thức” của Phật giáo.



4.“Lại dùng cái tâm ấy lắng trong, hiện ra sáng suốt, ánh sáng bên trong phát ra, mười phương biến thành sắc Diêm Phù Đàn, hết thấy mọi loài hóa là Như Lai. Bảy giờ bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang, có ngàn Đức Phật vây quanh. Trăm ức cõi nước cùng với hoa sen cùng một lúc hiện ra. Đây gọi là sự tiêm nhiễm của tâm thức linh ngộ. Do ánh sáng của tâm phát ra soi sáng các thế giới mà tạm được như vậy, chẳng phải Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

5.“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu tinh tường Tánh Diệu Minh, quan sát chẳng ngừng, đè nén hàng phục, ngăn dứt thái quá, khi ấy bỗng nhiên mười phương hư không thành sắc bảy báu hay sắc trăm báu, đồng thời cùng khắp, không ngăn ngại nhau: xanh, vàng, đỏ, trắng mỗi mỗi hiện ra rõ ràng. Đây gọi là công sức đè nén quá phần, tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

6.“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu, lặng suốt sáng trong chẳng loạn, bỗng nhiên giữa đêm, ở trong nhà tối thấy thấy vật không khác gì ban ngày, mà những vật trong nhà tối đó cũng không diệt mất. Đây gọi là tâm tế nhiệm lặng đứng mà thấy, nên thấy suốt chỗ tối tăm, tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc thánh, tức lọt vào tà.

7.“Lại dùng cái tâm ấy vẹn nhập vào chỗ hư dung, bốn vóc bỗng đồng như cây cỏ, lửa đốt, dao cắt hoàn toàn không cảm giác, lửa ngọn không thể đốt cháy, dầu cho cắt thịt cũng như chẻ cây. Đây là gọi là cùng như trần, do bài trừ bốn Đại một

mực, nhập vào sự thuần nhất, tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

8.“Lại dùng cái tâm ấy thành tựu sự trong sạch, dụng công trong sạch tâm tốt bậc, bỗng thấy mười phương đất đai, sông núi đều thành cõi Phật, đầy đủ bảy báu chói sáng cùng khắp. Lại thấy hằng sa Chư Phật Như Lai đầy khắp hư không, lầu điện rực rỡ. Dưới thấy địa ngục, trên thấy thiên cung, được không chướng ngại. Đây gọi là ưa thích đề nén ngưng tưởng lâu ngày mà tưởng hóa thành, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

9.“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu sâu xa, bỗng nhiên ở giữa đêm thấy rõ chợ búa, làng xóm bà con họ hàng ở phương xa, hoặc nghe lời nói của họ. Đây gọi là bức bách cái tâm tốt bậc nên nó bay ra, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

10.“Lại dùng cái tâm ấy, nghiên cứu tinh tế cùng tốt, thấy được thiện tri thức, thân thể biến hóa, trong giây lát không duyên có gì mà biến đổi đủ thứ. Đây gọi là tà tâm bị loài Ly Mị hoặc Thiên Ma vào trong thân thể, không duyên có gì mà thuyết pháp, thông suốt diệu nghĩa, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì Ma sự tự tiêu mất, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Anan! mười thứ cảnh giới hiện ra trong thiền định như vậy đều thuộc về Sắc Âm, do dụng tâm giao xen lẫn nhau nên hiện ra cái việc đó. Chúng sanh mê đại, chẳng biết tự xét, gặp nhân duyên ấy, mê chẳng tự biết, cho là lên bậc Thánh,

thành Đại Vọng Ngữ, đọa địa ngục Vô Gián. Sau khi Như Lai diệt độ rồi, các ông nên tuyên bày nghĩa này trong đời Mạt Pháp, chớ để Thiên Ma được dịp quấy phá, giữ gìn che chở cho người tu hành thành đạo Vô Thượng.

### Phạm vi của Thọ Âm

“Anan! Thiện nam tử ấy tu Tam Ma Đề, **trong Xa Ma Tha khi Sắc Âm hết, thấy Tâm chư Phật như trong gương sáng hiển hiện hình tượng.** Hình như có được nhưng chưa thể dùng, **như người bị Mộc đê:** Tay chân y nguyên, thấy nghe không lầm, nhưng tâm gặp khách tà mà không cử động được. Đó gọi là phạm vi của Thọ Âm. **“Nếu Mộc hết đê thì cái tâm lìa thân, trở lại xem mặt mũi, đi ở tự do, không còn ngăn ngại, gọi là Thọ Âm hết.** Người ấy có thể siêu vượt **Kiến Trược**<sup>87</sup>, xét lại nguyên do thì gốc rễ là vọng tưởng hư minh.

1.”Anan! thiện nam tử ấy, ngay ở trong đó, được biết sáng tỏ, cái tâm phát minh, bên trong đê nén quá độ, bỗng ở nơi đó phát lòng Bi vô cùng, như vậy cho đến xem thấy muỗi mòng như con đò, tâm sanh thương xót, bắt giặc chảy nước mắt. Đây gọi là công dụng đê nén quá mức. Biết thì không có lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Hiểu biết chẳng mê, lâu tự tiêu mất. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Bi vào trong lòng dạ, thấy người thì thương xót, khóc thương vô hạn; sai mất Chánh Định, sẽ bị chìm đắm.

2.“Anan! Lại các thiện nam tử ấy, ở trong Định, thấy Sắc Âm tiêu rồi, Thọ Âm tỏ rõ, thắng tướng hiện tiền nên cảm kích quá độ, bỗng ở trong đó sanh lòng dững mãnh vô hạn. Cái tâm mạnh bén, chí bằng Chư Phật, nói rằng một niệm có

---

<sup>87</sup> Muốn hiểu rõ năm Trược (ngũ Trược) xem đoạn “Tâm Nhân Địa” trang 81-82.

thể vượt khỏi ba tầng kỳ. Đây gọi là công dụng lần lướt quá mức. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Cuồng vào trong lòng dạ, thấy người thì khoe, ngã mạn không ai bằng, đến nỗi tâm người ấy trên không thấy Phật, dưới chẳng thấy người; sai mất Chánh Định, sẽ bị chìm đắm.

3.“Anan! Lại các thiện nam tử ấy ở trong Định, thấy Sắc Âm tiêu rồi, Thọ Âm tỏ rõ. Tới trước thì chưa có chỗ chứng mới, lui lại thì mất chỗ cũ, trí lực suy kém, vào địa vị Trung Hủy (Trung Âm,) hoàn toàn không thấy gì. Trong tâm bỗng nhiên sanh ra rất khô khát. Trong cả mọi thời thềm nhớ không thôi, cho như vậy là tướng chuyên cần tinh tấn. Đây gọi là tu tâm không Trí Huệ, tự sanh làm lạc. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Nhớ vào trong lòng dạ, ngày đêm nắm cái tâm treo vào một chỗ; sai mất Chánh Định, sẽ bị chìm đắm.

4.“Lại các thiện nam tử ấy ở trong Định, thấy Sắc Âm tiêu rồi, Thọ Âm tỏ rõ, cái sức Huệ quá Định, sai lầm nơi chỗ mạnh mẽ, sắc bén, ôm giữ các thắng tánh trong tâm, tự ngỡ mình là Phật Lô Xá Na! được ít cho là đủ. Đây gọi là dụng tâm quên mất suy xét, đắm vào Tri Kiến. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Dễ Biết Đủ Nên Hèn Kém vào trong lòng dạ; thấy người thì tự nói “Ta đắc Đệ Nhất Nghĩa Đế Vô Thượng”; sai mất Chánh Định, sẽ bị chìm đắm.

5.“Lại các thiện nam tử ấy ở trong Định, thấy Sắc Âm tiêu rồi, Thọ Âm tỏ rõ, chỗ chứng mới thì chưa được mà tâm cũ thì đã mất, xem cả hai bên, tự cho là khó hiểu, trong tâm bỗng sanh lo lắng không cùng, như ngồi giường sắt, như uống thuốc độc. Tâm không muốn sống, thường cầu người khác sát hại mạng mình để sớm giải thoát. Đây gọi là tu hành

sai mất phương tiện. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần thứ ma Thường Lo Buồn vào trong lòng dạ, tay cầm đao, kiếm tự cắt thịt mình, thích được bỏ mạng, hoặc thường lo buồn, chạy vào rừng núi, không muốn thấy người; sai mất chánh niệm, sẽ bị chìm đắm.

6. “Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong Định, thấy Sắc Âm tiêu rồi, Thọ Âm tỏ rõ, ở trong thanh tịnh, tâm an ổn rồi, bỗng nhiên tự sanh ra mừng vui vô hạn. Trong tâm mừng rỡ không thể tự dừng. Đây gọi là sự khinh an mà không có Huệ tự ngăn lại. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần thứ ma Thích Vui Mừng vào trong lòng dạ, thấy người thì cười, ở bên đường cái tự ca, tự múa, tự bảo rằng đã đắc vô ngại giải thoát; sai mất Chánh Định, sẽ bị chìm đắm.

7. “Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong Định, thấy Sắc Âm tiêu, Thọ Âm tỏ rõ, tự bảo đã đủ, bỗng nhiên vô có sanh đại ngã mạn, như vậy cho đến lòng mạn, quá mạn, và mạn quá mạn, hoặc lòng tăng thượng mạn, hoặc ty liệt mạn đồng thời phát ra. Trong tâm còn khinh cả mười phương Như Lai, hướng gì các địa vị dưới như Thanh Văn, Duyên Giác. Đây gọi là thắng giải quá mức, không có Huệ để tự cứu. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần ma Đại Ngã Mạn vào trong lòng dạ, chẳng lạy tháp, miếu, phá hủy kinh tượng, bảo với người đàn việt rằng “Đó là vàng, đồng, hoặc gỗ, đất. Kinh là lá cây, hay là giấy lụa. Xác thịt chân thường không tự cung kính, lại sùng bái gỗ, đất, thật là điên đảo.” Những kẻ quá tin theo đó mà đập nát, chôn bỏ trong đất; do gây nghi ngờ làm lạc cho chúng sanh, đọa vào ngục Vô Gián; sai mất Chánh Định, sẽ bị chìm đắm.

**8.**“Lại nữa, những thiện nam tử ấy ở trong Định, thấy Sắc Ấm tiêu rồi, Thọ Ấm tỏ rõ, trong chỗ tinh minh, viên ngộ tinh lý, được đại tùy thuận, tâm ấy bỗng sanh vô lượng khinh an, tự nói đã thành Thánh, đắc đại tự tại. Đây gọi là nhân cái Huệ mà được các sự nhẹ trong. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần loại ma Thích Sự Trong Nhẹ vào trong lòng dạ, tự cho là đủ, chẳng thêm cầu tiến. Hạng này phần nhiều làm như Tỳ Kheo Vô Văn, gây nghi lầm cho chúng sanh, đọa vào ngục A Tỳ; sai mất Chánh Định, sẽ bị chìm đắm.

**9.**“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong Định, thấy Sắc Ấm tiêu rồi, Thọ Ấm tỏ rõ, trong chỗ minh ngộ, được tánh hư minh, trong ấy bỗng xoay hướng về sự vĩnh viễn đoạn diệt, bác bỏ không có nhân quả, một mực nhắm vào Không. Tâm Không hiện tiền đến nỗi tâm sanh chấp chặt là đoạn diệt mãi mãi. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Không vào trong lòng dạ, bèn bài báng sự giữ Giới cho là Tiểu Thừa, còn Bò Tát ngộ Không có gì mà giữ hay phạm! Người này thường ở chỗ thí chủ tín tâm, ăn thịt uống rượu, làm nhiều điều dâm uế. Nhờ có sức Ma mà nhiếp phục người ta, khiến chẳng sanh nghi báng. Quỉ vào tâm lâu ngày: ăn uống cứt đá cũng không khác gì rượu thịt, cứ cho là mọi thứ đều Không. Phá Luật Nghi của Phật, làm người khác lầm lạc mắc tội; sai mất Chánh Định, sẽ bị chìm đắm.

**10.**“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong Định, thấy Sắc Ấm tiêu rồi, Thọ Ấm tỏ rõ, tham nếm cái hư vinh, ăn sâu vào tìm cốt, trong tâm bỗng có lòng yêu vô hạn sanh ra. Yêu thương quá phát cuồng, bèn làm chuyện tham dục. Đây gọi là cảnh Định an thuận vào tâm, không có Huệ tự giữ, làm vào Ngũ Dục. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là

hiều biết việc Thánh thì có ma Dục vào trong lòng dạ, một bề nói Dục tức đạo Bồ Đề, dạy hàng cư sĩ bình đẳng mà hành Dục, những người hành Dâm gọi là đệ tử giữ Pháp. Do sức Thần Quỷ nhiếp phục người phạm phu trong đời Mạt Pháp nhiều đến cả một trăm, hai trăm, năm trăm, sáu trăm, nhiều đến ngàn vạn. Khi tâm ma sanh chán, lia khỏi thân thể, oai đức đã không còn thì sa vào lưới pháp luật. Gây nghi lầm cho chúng sanh, vào ngục Vô Giá; sai mất Chánh Định, sẽ bị chìm đắm.

“Anan! mười thứ cảnh hiện của Thiên Na như vậy đều thuộc về Thọ Âm, do dụng tâm giao xen lẫn nhau mà hiện các việc đó. Chúng sanh mê dại, chẳng biết tự xét, gặp nhân duyên ấy, mê chẳng tự biết cho là lên bậc Thánh, thành Đại Vọng Ngữ, đọa ngục Vô Giá. Sau khi Ta diệt độ, các ông hãy đem lời nói này của Như Lai truyền dạy cho đời Mạt Pháp, khiến khắp chúng sanh đều tỏ ngộ nghĩa đó, không để cho Thiên Ma được dịp khuấy phá, giữ gìn che chở cho người tu hành thành đạo Vô Thượng.

### **Phạm vi của Tướng Âm**

“Anan! Thiện nam tử kia tu Tam Ma Đề, **khi Thọ Âm hết rồi, tuy chưa hết các Lộ, nhưng tâm rời khỏi hình hài như chim ra khỏi lồng.** Từ phạm thân này tiến lên, trải qua sáu mươi Thánh Vị Bồ Tát<sup>88</sup>, được Ý Sanh Thân, tùy ý đi lại không ngăn ngại, đã có thể thành tựu như vậy. Ví như có người ngủ say nói mơ, người ấy tuy không hay biết gì, nhưng lời nói đã thành âm vận, thứ tự khiến những người không ngủ đều hiểu được lời nói ấy. Đây là phạm vi của Tướng Âm.

---

<sup>88</sup> Muốn biết chi tiết các Thánh vị, xem phần “An lập các Thánh vị” từ trang 173-179.

**“Nếu động niệm hết, vọng tưởng vật vờ tiêu trừ, thì nơi Tâm Giác Minh như bỏ hết bụi dơ, một dòng sanh tử đầu đuôi soi sáng khắp, gọi là hết Tướng Ấm.** Người ấy mới có thể vượt khỏi **Phiền Não Trược**<sup>89</sup>, xét lại nguyên do thì gốc rễ là vọng tưởng dung thông.

1. “Anan! thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa tâm lại ưa thích sự tròn đầy sáng suốt, thúc đẩy tư tưởng thêm tinh nhạy, tham cầu thiện xảo. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, tự nói đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thiện xảo kia, trải tòa thuyết pháp. Thân hình người đó giấy lát, hoặc làm Tỳ Kheo cho người kia thấy, hoặc làm Đế Thích, hoặc làm phụ nữ, hoặc làm Tỳ Kheo Ni, hoặc nằm trong nhà tối mà thân có hào quang chói sáng. Người tu hành kia mê đại lầm cho là Bồ Tát, tin theo lời dạy, chao đảo cái tâm, phá Luật Nghi Phật, lén làm việc tham dục. Miệng Ma ưa nói sự rủi may, biến đổi, hoặc nói Như Lai ra đời chỗ này chỗ nọ, hoặc nói về Kiếp Hỏa, hoặc nói có đao binh làm người ta sợ hãi, khiến cho nhà cửa, sự nghiệp vô có hao tán. Đây gọi là Quái Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rời, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

2. “Anan! lại nữa, thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa tâm lại ưa thích đi chơi, cho tư tưởng bay đi, tham

---

<sup>89</sup> Muốn hiểu rõ năm Trược (ngũ Trược) xem đoạn “Tâm Nhân Địa” trang 81-82.



cầu trải qua nhiều chốn. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy không biết bị Ma gá vào, rồi tự nói đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử muốn ngao du kia, trải tòa thuyết pháp. Hình người đó không thay đổi, nhưng những người nghe pháp bỗng tự thấy mình ngồi trên hoa sen báu, toàn thân hóa thành sắc vàng sáng chói. Cả thầy thỉnh chúng, mỗi mỗi đều như vậy, được sự chưa từng có. Người tu hành kia mê dại lầm cho là Bồ Tát, tâm trở nên dâm dật, phá Luật Nghi Phật, lén làm việc tham dục. Miệng Ma ưa nói các Đức Phật ứng hóa ra đời, người ấy, chỗ ấy là Đức Phật ấy. Người kia hóa thân đến đây tức là vị Bồ Tát kia, đến giáo hóa nhân gian. Người tu hành thấy thế, tâm sanh ngưỡng mộ, tà kiến âm thầm nổi lên, Chủng Trí tiêu diệt. Đây gọi là Bạt Quỷ lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa địa ngục Vô Gian.

3.”Anan! Lại nữa, thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa tâm lại ưa thâm hợp, lặng đứng cái tư tưởng, tham cầu sự khế hợp. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, rồi tự nói đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử muốn cầu khế hợp kia, trải tòa thuyết pháp. Hình người đó và những người nghe pháp bề ngoài không có gì thay đổi, nhưng lại khiến cho các thánh giả, trước khi nghe pháp, tâm đã tự khai ngộ, niệm niệm dời đổi. Hoặc được Túc Mạng Thông, hoặc được Tha Tâm Thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc lành dữ trong thế gian, hoặc miệng nói kệ, hoặc tự tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được sự chưa từng có. Người tu hành mê dại, lầm cho

là Bồ Tát, tâm sanh ra mê luyến, phá Luật Nghi Phật, lén làm chuyện tham dục. Miệng Ma thích nói rằng Phật có lớn, nhỏ, Phật X là Phật trước, Phật Y là Phật sau, trong đó cũng có Phật thật Phật giả, Phật trai, Phật gái. Các Bồ Tát cũng thế. Người tu hành thấy vậy, bỏ mất bản tâm, dễ vào tà ngộ. Đây gọi là Mỹ Quỷ lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

4.“Anan! Lại nữa, thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa, tâm lại ưa biết cái cội gốc, nơi sự vật biến hóa, muốn xét rõ cùng tột chung thủy. Thúc cái tâm sáng suốt thêm, tham cầu phân biệt, chia chẻ. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu biết cái cội gốc kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó có uy thần làm cho những người cầu pháp đều kính phục, khiến cho thánh chúng dưới pháp tòa tuy chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã phục rồi. Cả bọn họ đều cho rằng Niết Bàn, Bồ Đề, Pháp Thân của Phật chính là cái xác thịt hiện tiền của ta đây; cha con sanh nhau, đời này sang đời khác, tức là Pháp Thân thường trụ chẳng dứt; đều chỉ hiện tại tức là cõi Phật, không có Tịnh Độ và Tướng Sắc Vàng nào khác. Người tu hành tin nhận, quên mất Tự Tâm, đem thân mạng mà quy y, được sự chưa từng có. Người ấy mê đại, lầm cho là Bồ Tát, tu hành theo tâm ấy, phá Luật Nghi Phật, lén làm chuyện tham dục. Miệng Ma ưa nói rằng mắt, tai, mũi, lưỡi đều là Tịnh Độ; hai căn nam, nữ là chỗ đích thực của Bồ Đề, Niết Bàn! Hạng không biết kia đều tin lời dơ uế đó. Đây gọi là Cổ Độc Quỷ

và Áp Thắng Qui, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

5.“Anan! Lại nữa, thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa lại ưa biết các việc trước sau, cứu xét cùng khắp, tham cầu được thắm cảm. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi cũng tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu cảm ứng kia, trải tòa thuyết pháp. Có thể khiến cho thính chúng tạm thấy cái thân như đã trăm ngàn tuổi, tâm sanh ái nhiễm, không thể rời bỏ; đem thân làm nô bộc, cúng dường tứ sự chẳng biết mệt mỏi. Lại khiến cho mỗi ai nghe pháp dưới tòa tâm biết đó là vị tiên sư, là vị thiện trí thức của mình, riêng sanh lòng yêu pháp, khẩn khít như keo sơn, được sự chưa từng có. Người tu hành mê dại, lầm cho là Bồ Tát, gần gũi tâm Ma, phá Luật Nghi Phật, lén làm chuyện tham dục. Miệng Ma ưa nói ta ở kiếp trước, trong đời X độ người Y, lúc đó là thê thiếp, anh em của ta, nên nay lại đến độ cho nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau về thế giới X cúng dường Đức Phật Y. Hoặc nói có cõi trời Đại Quang Minh riêng biệt, Phật trụ nơi ấy, là chỗ nghỉ ngơi của tất cả Chư Phật. Hạng không biết kia tin những lời lừa gạt đó, bỏ mất tự tâm. Đây gọi là giống Lệ Qui, lâu năm thành Ma, khuấy phá người tu. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

6. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa tâm lại ưa đi sâu vào, cần khổ ép mình, thích chỗ vắng vẻ, tham cầu sự yên lặng. Bảy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thăm lặng kia, trải tòa thuyết pháp, khiến cho thính chúng mỗi người đều biết nghiệp cũ của mình. Hoặc ở nơi đó, bảo với một người: “Người nay chưa chết đã làm súc sanh”, rồi bảo một người khác đạp cái đuôi đằng sau, thì khiến người đó đứng dậy không được. Cả thầy chúng ấy đều hết lòng khâm phục. Có người móng tâm thì liền biết ý. Ngoài Luật Nghi của Phật ra, nó lại còn gia thêm khắc khổ, chê bai Tỳ Kheo, mắng nhiếc đờ chúng, phơi lộ việc người ta chẳng tránh sự cơ hiềm. Miệng Ma ưa nói những việc họa phúc chưa đến và khi đến thì không sai mảy may. Đây gọi là Đại Lực Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gian.

7. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa tâm lại ưa thấy biết, cần khổ xét tìm, tham cầu biết tức mạng. Bảy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu hiểu biết kia, trải tòa thuyết pháp. Người tu hành bỗng nhiên ở chỗ thuyết pháp được hạt châu báu lớn. Hoặc có khi Ma hóa làm súc sanh, miệng ngậm hạt châu cùng những vật kỳ lạ như đồ trân bảo, giản sách, phù độc, đến trao trước cho người tu hành, rồi sau đeo vào mình.

Hoặc có khi Ma bảo người nghe pháp có hạt châu minh nguyệt chôn dưới đất chói sáng chỗ đó, làm cho các thính giả được sự chữa từng có. Ma thường ăn cây thuốc chứ không ăn cơm. Hoặc có khi mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, hoặc hạt mạch, do sức Ma giữ gìn, thân hình vẫn béo tốt. Ma lại chê bai Tỳ Kheo, nhiech mắng đờ chúng, chẳng tránh sự cơ hiềm. Miệng Ma ưa nói kho báu ở phương khác và chỗ ẩn cư của Thánh Hiền thập phương. Những người đi theo sau Ma thường thấy có những người kỳ lạ. Đây gọi là giống Quỷ Thần Rừng Núi, Thổ Địa, Thành Hoàng, Sông Núi lâu năm thành Ma. Hoặc có khi kêu gọi làm điều dâm dục, phá Giới Luật Phật, cùng với kẻ thừa sự lén làm việc Ngũ Dục. Hoặc có khi tinh tấn, ăn toàn cỏ cây. Việc làm không nhất định, cốt để khuấy phá người tu hành. Khuấy rối chán rời, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

**8.**“Anan! Lại nữa, thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa tâm lại ra các thứ thần thông biến hóa, nghiên cứu nguồn gốc biến hóa, tham cầu có thần lực. Bây giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thần thông kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó hoặc tay cầm ngọn lửa, nắm chia ngọn lửa trên đầu bốn chúng nghe pháp, ngọn lửa trên đỉnh đầu những người nghe pháp đều dài vài thước mà không nóng, cũng không đốt cháy. Hoặc đi trên nước như đi trên đất bằng, hoặc giữa hư không ngồi yên không động, hoặc vào trong bình, hoặc ở trong đẫy, hoặc vượt cửa sổ, hoặc xuyên qua tường không chút ngăn ngại. Chỉ đối với đao binh thì không được tự tại. Người đó tự bảo là Phật, thân

mặc bạch y, chịu Tỳ Kheo lễ bái, chê bai luật Thiên, mắng nhiếc đồ chúng, phơi lộ việc người không tránh sự cơ hiểm. Trong miệng thường nói thần thông tự tại, hoặc cho người thấy cõi Phật cạnh bên. Đó là do sức quỷ mê hoặc, không có gì chân thật. Người đó khen ngợi việc hành dâm, không từ bỏ những việc làm thô tục, đem những việc bậy bạ với nhau cho là truyền pháp. Đây gọi là những giống Sơn Tinh, Hải Tinh, Phong Tinh, Hà Tinh, Thổ Tinh và những loài Tinh My của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp có sức lớn trong trời đất. Hoặc là Long My, hoặc là tiêu hết kiếp sống lại làm My. Hoặc tiêu đến hồi hết quả báo, kể năm thì phải chết, nhưng hình hài không tiêu mất, nên loài quái khác bám vào. Bọn ấy lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

9.“Anan! Lại nữa, thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa tâm lại ưa các thứ thần thông biến hóa, nghiên cứu nguồn gốc biến hóa, tham cầu cái rộng không sâu nhiệm. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu rộng không kia, trải tòa thuyết pháp. Ở trong đại chúng, hình người ấy bỗng hóa thành không, cả chúng không thấy gì, rồi lại từ hư không bỗng hiện ra, khi còn khi mất rất tự tại. Hoặc hiện cái thân rộng suốt như ngọc lưu ly. Hoặc duỗi tay chân xuống phát mùi hương chiên đàn. Hoặc đại, tiểu tiện như đường phèn cứng ngắt. Người đó chê phá Giới Luật, khinh rẻ bậc xuất gia, trong miệng thường nói không nhân không quả, một lần chết là xong hết vĩnh viễn, không còn có thân sau. Lại nói phạm, Thánh tụy đắc không

tịch, vẫn lén làm chuyện tham dục, thọ Dục ấy mà vẫn đắc tâm không, bác không Nhân Quả. Đây gọi là những giống Tinh Khí của Nhật, Nguyệt giao che; vàng, ngọc, chi thảo, lân, phụng, quy, hạc trải ngàn vạn năm không chết trở thành tinh linh, sanh ra trong cõi nước, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

**10.**“Anan! Lại nữa, thiện nam tử kia, Thọ Âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Địa tâm lại ưa sống lâu, cần khổ nghiên cứu tinh vi, tham cầu sống mãi, bỏ cái sống phần đoạn mà trông mong cái tướng vi tế của biến dịch được thường trụ. Bây giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu sống lâu kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó ưa nói đi qua phương khác rồi trở về không trở ngại, hoặc trải qua muôn dặm, giày lát trở lại mà đều lấy được đồ vật ở phương kia. Hoặc ở một chỗ hay trong nhà, cách chỉ vài bước bảo người ta đi từ vách phía Đông qua vách phía Tây, nhưng người ta đi mau cả năm không đến. Nhân đó người tu hành tin tưởng, cho là Phật hiện tiền. Miệng Ma thường nói mười phương chúng sanh đều là con ta, ta sanh Chư Phật, ta sanh thế giới. Ta là Phật nguyên thủy, tự nhiên ra đời, chẳng nhờ tu mà đắc. Đây gọi là Thiên Ma trụ thế tự tại, nó khiến bọn quyền thuộc chưa phát tâm như bọn Giá Văn Trà hay đồng tử Tỳ Xá cõi Tứ Thiên Vương thích cái hư minh đến ăn tinh khí người tu hành. Hoặc không nhân ông thầy, người tu hành chính tự mình xem thấy bọn đó đến xưng là thần Chấp Kim Cang ban cho trường thọ. Bọn đó hiện thân gái đẹp, thịnh hành việc

dâm dục, làm cho chưa đến một năm, gan óc người tu khô kiệt, miệng lẩm bẩm một mình nghe như yêu my. Người ngoài chưa rõ biết, nên phần nhiều mắc phải lưới pháp luật, và chưa kịp xử hình đã chết khô trước. Thế là bọn Ma khuấy phá người tu hành đến phải ốm chết. Ông nên tỏ biết trước thì chẳng lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục vô gián.

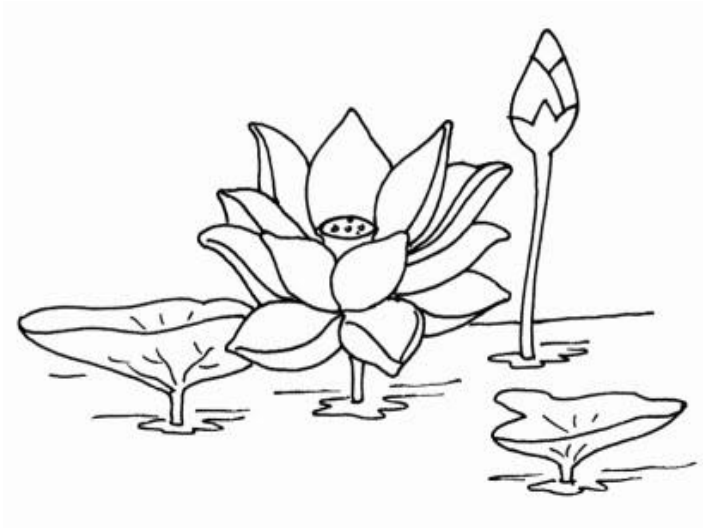
“Anan! phải biết rằng mười thứ Ma đó, trong thời Mạt Pháp, hoặc xuất gia tu hành trong giáo pháp của Ta, hoặc gá thân người, hoặc tự hiện hình, đều nói là đã thành Chánh Biến Tri Giác, khen ngợi dâm dục, phá Luật Nghi Phật. Trước là thầy Ác Ma cùng đệ tử Ma dâm dục truyền nhau, tà ma như vậy mê hoặc lòng dạ, ít thì chín đời, nhiều thì trăm đời, khiến cho người tu hành chân chánh đều làm quyến thuộc của Ma. Sau khi chết đi hãm làm dân Ma, bỏ mất Chánh Biến Tri, đọa ngục Vô Gián.

“Các ông nay chưa nên vội nhận lấy Niết Bàn tịch diệt trước. Dầu đắc quả Vô Học, cũng phát nguyện vào trong đời Mạt Pháp kia, khởi Tâm Đại Từ Bi mà cứu độ cho chúng sanh tâm địa ngay chánh, lòng tin tha thiết, khiến họ không mắc vào tà ma, được tri kiến chân chánh. Nay Ta đã độ các ông ra khỏi Sóng Chết; các ông tuân theo lời Phật, đó gọi là báo Phật Ân.

“Anan! Mười thứ cảnh hiện của Thiên Na như vậy đều thuộc về Tướng Âm, do dụng tâm giao xen lẫn nhau mà hiện các việc đó. Chúng sanh mê đại, chẳng biết tự xét, gặp nhân duyên ấy, mê chẳng tự biết, cho là lên bực Thánh, thành Đại Vọng Ngữ, đọa ngục Vô Gián. Sau khi Ta diệt độ, các ông hãy đem lời nói này của Như Lai truyền dạy cho đời Mạt Pháp, khiến khắp chúng sanh đều tỏ ngộ nghĩa đó, không để



cho Thiên Ma được dịp khuấy phá; giữ gìn che chở cho người tu hành thành Đạo Vô Thượng.



**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢN THỦ LĂNG NGHIÊM**  
(TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)



## Quyển X

### Phạm vi của Hành Âm

“Anan! Thiện nam tử kia, tu Tam Ma Đề, **khí Tường Âm hết rồi thì những mộng tưởng bình thường của người ấy tiêu diệt. Thức, ngũ là một, tánh Giác Minh rỗng lặng như hư không trong trẻo, không còn những sự tướng tiền trần thô trọng.** Xem những núi sông, đất liền của thế gian như gương soi sáng, đến không chỗ dính, đi không dấu vết, rỗng thỏ chiếu ứng, rõ ràng không còn các tập khí, chỉ thuần một Tánh Tinh Chân. “Căn nguyên của Sanh Diệt từ đó phơi lộ ra, thấy được mười hai loài chúng sanh mười phương, rõ hết các loài. Tuy chưa thông suốt manh mối của mỗi chúng sanh nhưng đã thấy cái cơ sở sanh diệt chúng, giống như bóng đã mờ, vụn vụn lãnh xãng sơ tượng hiện ra, làm cái then chốt phát sanh của Phù căn trần. Đây gọi là phạm vi của Hành Âm.

“**Nếu cái nguồn gốc của những chớp nhoáng lãnh xãng đó nhập vào tánh lặng trong bản lai, những tập khí nguồn gốc lặng trong thành một phiến, như sóng mồi diệt hóa thành nước đứng, thì gọi là Hành Âm hết.** Người đó liền vượt khỏi **Chúng Sanh Trược**<sup>90</sup>. Xét lại nguyên do, cội gốc là Vọng Tưởng u ần.

1.”Anan! Ông nên biết rằng các thiện nam tử được sự Chánh Tri trong Tam Ma Địa thì Chánh Tâm đứng lặng sáng suốt, mười loài Thiên Ma không còn được dịp khuấy phá, mới được cứu xét cùng tột cái cội gốc sanh loại. Nơi cái cội gốc sanh loại, **nguồn gốc sự sống bày lộ ra.** Xét cái cội nguồn máy động lãnh xãng tròn khắp giản phác u ần kia ở trong

---

<sup>90</sup> Muốn hiểu rõ năm Trược (ngũ Trược) xem đoạn “Tâm Nhân Địa” trang 81-82.

Tánh vốn toàn vẹn lại mỏng tâm so đo suy diễn, thì người đó rơi lọt vào hai thứ luận Vô Nhân.

“Một là, người đó thấy cái gốc vốn không có Nhân. Vì sao thế? Người đó đã phát lộ hoàn toàn được cơ quan của Sanh Diệt, nương theo tám trăm công đức của Nhân Căn, thấy được trong tám muôn kiếp tất cả chúng sanh đều do dòng nghiệp lực mà xoay vần, chết đây sanh kia. Chỉ thấy chúng sanh luân hồi trong đó, ngoài tám muôn kiếp thì mờ mịt không thấy gì, bèn khởi tâm suy diễn rằng những loài chúng sanh mười phương trong thế gian này trước tám vạn kiếp không có Nhân, mà tự có. Do sự suy diễn này, bỏ mất Chánh Biến Tri, rơi lạc vào ngoại đạo, mê lầm Tánh Bồ Đề.

“Hai là, người đó thấy cái ngọn không có Nhân. Vì sao thế? Người đó nơi sự Sanh Diệt đã thấy cội gốc, biết rằng người sanh người, rõ chim sanh chim, quạ xưa nay đen, hạc xưa nay trắng, người, trời thì thân đứng, súc sanh thì thân ngang, màu trắng không phải do tẩy mà thành, màu đen chẳng phải do nhuộm mà ra. Suốt tám muôn kiếp không hề đời đổi, sống hết đời này cũng lại vẫn vậy, mà mình xưa nay chẳng thấy Bồ Đề, làm sao có chuyện thành tựu Bồ Đề, rồi cho rằng tất cả sự vật ngày nay đều vốn không có Nhân. Do so đo suy diễn như vậy, bỏ mất Chánh Biến Tri, rơi lạc vào ngoại đạo, mê lầm Tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Nhất, lập ra luận Vô Nhân.

2.”Anan! Trong Tam Ma Địa đó, các thiện nam tử chánh tâm lặng trong, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác uẩn thường máy động kia, trong Tánh Viên Thường lại khởi lên so tính thì người ấy sa vào **bốn cái Luận Biến Thường**.

“Một là, người ấy xét cùng tánh của Tâm Cảnh, cả hai đều không có Nhân. Tu tập biết được trong hai vạn kiếp mười phương chúng sanh, chỗ có sanh diệt đều là xoay vần, chưa hề tan mất, nên chấp đó là Thường.

“Hai là, người ấy xét cùng nguồn gốc tứ Đại, thấy bốn Đại thường trụ. Tu tập biết được trong bốn vạn kiếp, mười phương chúng sanh, chỗ có sanh diệt đều nằm trong bản thể thường hằng, chưa hề tan mất, nên chấp đó là Thường.

“Ba là, người ấy xét cùng sáu Căn, trong Tâm, Ý và Thức của Mạt Na Thức chấp thọ thì thấy cái gốc gác nguyên do tánh vẫn thường hằng. Tu tập biết được trong tám vạn kiếp, tất cả chúng sanh xoay vần chẳng mất, bản lai thường trụ. Xét cùng cái tánh chẳng mất đó, chấp ấy là Thường.

“Bốn là, người ấy đã hết Tướng Âm, cái lẽ sanh diệt không còn, sự trôi chuyển dừng lặng, tâm tướng sanh diệt nay đã vĩnh viễn diệt dứt. Trong lý tự nhiên thành ra cái chẳng sanh diệt. Do tâm so tính mà chấp đó là Thường. Do những sự Chấp Thường ấy, bỏ mất Chánh Biến Tri, sa vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Hai, lập ra những luận Viên Thường.

3. “Lại nữa, trong Tam Ma Địa, các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tốt gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác uẩn thường máy động kia, lại khởi tâm so tính ra cái Ta và cái khác Ta, thì người ấy sa vào bốn Kiến Chấp điên đảo, là những luận Một phần Vô Thường, một phần Thường.

“Một là, người ấy xét thấy cái tâm diệu minh lặng nhiên khắp mười phương cõi, cho là Thần Ngã rất ráo. Từ đó suy diễn rằng Ta khắp cả mười phương, lặng sáng chẳng động, còn tất cả chúng sanh, ở trong tâm Ta tự sanh tự chết. Vậy

thì tâm tánh của Ta gọi là Thường, còn các thứ sanh diệt kia là tánh Vô Thường.

“Hai là, người ấy không xét xem cái tâm, lại xét xem khắp mười phương hằng sa cõi nước, thấy chỗ kiếp hoại thì cho là chủng tánh rốt ráo Vô Thường, còn chỗ kiếp chẳng hoại thì gọi là rốt ráo Thường.

“Ba là, người ấy xét xem riêng cái Tâm mình, thấy nó tinh tế nhỏ nhiệm giống như vi trần, lưu chuyển mười phương, Tánh không dời đổi. Có thể khiến thân này liền sanh liền diệt. Cho cái tánh chẳng hoại đó là Tánh Thường của mình, còn tất cả sự sanh tử từ tánh ấy sanh ra thì gọi là tánh Vô Thường.

“Bốn là, người ấy biết Tướng Âm hết, thấy dòng Hành Âm, chấp rằng sự trôi chuyển không ngừng của Hành Âm là tánh Thường, còn Sắc, Thọ, Tướng nay đã diệt hết thì cho là Vô Thường. Do sự so tính một phần Vô Thường, một phần Thường đó mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Ba, lập ra những luận Một Phần Thường.

4. “Lại nữa, trong Tam Ma Địa các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứ xét cùng tội cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn gián phác uẩn thường máy động kia, lại sanh so tính về phận vị, thì người ấy sa vào bốn cái luận Hữu Biên.

“Một là, người ấy so tính cái cội nguồn Sanh Diệt lưu chuyển không ngừng, chấp quá khứ, vị lai là Hữu Biên, còn cái tâm tương tục là Vô Biên.

“Hai là, người ấy xét xem trong tám vạn kiếp thì thấy chúng sanh, còn trước tám vạn kiếp thì bất không thấy nghe gì, rồi

gọi chỗ không thấy nghe gì là Vô Biên, còn chỗ có chúng sanh là Hữu Biên.

“Ba là, người ấy cho rằng mình biết cùng khắp là được cái tánh Vô Biên, còn tất cả các người kia hiện ra trong cái biết của mình mà mình không hề biết cái tánh biết của họ, vậy thì họ không được cái tâm Vô Biên, chỉ có tánh Hữu Biên.

“Bốn là, người ấy xét cùng Hành Ấm là Không, dùng chỗ thấy biết của mình mà so lường, trừ tính rằng trong một thân của tất cả chúng sanh đều là nửa phần sanh, nửa phần diệt, và chấp rằng tất cả sự vật có ra trong thế giới đều một nửa là Hữu Biên, một nửa là Vô Biên. Do sự suy tính Hữu Biên, Vô Biên này mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Tư, lập ra những luận Hữu Biên.

5. “Lại nữa, trong Tam Ma Địa các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tốt gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn gián phác uẩn thường máy động kia, trong chỗ tri kiến lại khởi sanh so tính thì người đó sa lạc vào bốn thứ luận hư vọng Biến Kế Điền Đảo, Bất Tử Càn Loạn.

“Một là, người ấy quan sát cái cội nguồn biến hóa, thấy chỗ dời đổi thì gọi là Biến, thấy chỗ tương tục thì gọi là Thường. Thấy chỗ thấy được thì gọi là Sanh, chỗ không thấy được thì gọi là Diệt. Chỗ các nhân tương tục, không có gián đoạn thì gọi là Tăng, chính trong tương tục, chỗ rời nhau ở giữa thì gọi là Giảm. Chỗ sanh ra của mỗi cái thì gọi là Có, chỗ mất đi của mỗi cái thì gọi là Không. Dùng lý quán sát tất cả, dụng tâm thấy riêng biệt nhau. Có người cầu pháp đến hỏi nghĩa lý thì đáp rằng “Ta nay cũng sanh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm.” Trong mọi thời đều nói năng lộn xộn, khiến cho người nghe lầm loạn chữ nghĩa.

“Hai là, người ấy quán kỹ cái tâm đáp đối không nơi chốn, nhân cái Không mà cho là chúng, có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là Không. Ngoài chữ Không ra không nói gì cả.

“Ba là, người ấy quán kỹ cái tâm mỗi mỗi đều có chỗ, nhân cái Có mà cho là chúng, có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là Phải. Trừ chữ Phải ra, không nói gì cả.

“Bốn là, người ấy chấp cả Có và Không. Cái cảnh đã phân chia như vậy thì cái tâm cũng lộn xộn. Có người đến hỏi thì đáp rằng: Cũng Có tức là cũng Không, trong cái Cũng Không chẳng phải là Cũng Có. Tất cả đều càn loạn, không thể nói hết được. Do những so tính, càn loạn trống rỗng như vậy mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Năm, lập ra bốn thứ luận hư vọng Biến Kế Điền Đảo, Bất Tử Càn Loạn.

**6.** “Lại nữa, trong Tam Ma Địa các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác uẩn thường máy động kia, ở nơi dòng sanh diệt vô tận khởi sanh so đo thì người ấy sa vào cái chấp điền đảo là sau khi chết có tướng.

“Hoặc tự củng cố sắc thân, bảo Sắc là Ta. Hoặc thấy cái Ta tròn đầy, bao trùm khắp các cõi nước, bảo ta có sắc. Hoặc thấy các tiền trần kia theo ta mà xoay trở lại, bảo sắc thuộc về Ta. Hoặc thấy cái Ta nương trong Hành Ấm mà tương tục, bảo Ta ở nơi sắc. Họ đều so Tính mà cho rằng sau khi chết có tướng, tuần hoàn như vậy có đến mười sáu tướng.

“Từ đó mà suy tính rằng rất ráo phiền não và rất ráo Bồ Đề, hai tánh đó đi song song, không tiếp xúc nhau.



“Do sự so tính chấp rằng sau khi chết có tướng như vậy mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Sáu, lập ra những Luận điên đảo Trong năm Ấm, sau khi chết có tướng.

7. “Lại nữa, trong Tam Ma Địa các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giải phác uẩn thường máy động kia, ở trong các Ấm: Sắc, Thọ, Tưởng đã diệt ở trước khởi sanh so tính, người ấy sa vào những tư tưởng điên đảo là sau khi chết không có Tướng.

“Người ấy thấy Sắc Ấm diệt, hình hài không nhân vào đâu. Xét Tưởng Ấm diệt, tâm không ràng buộc vào đâu. Biết Thọ Ấm diệt, không còn dính dáng. Tánh các Ấm được tiêu tan, dù có sanh lý mà không có Thọ, Tưởng: đồng như cỏ cây. Cái hình chất hiện tiền còn không thể nắm được, vậy sau khi chết làm sao còn có các Tướng? Do vậy mà cho rằng sau khi chết không có Tướng. Xoay vần như vậy mà có tám thứ Vô Tướng.

“Từ đó mà suy tính rằng: Niết Bàn, Nhân Quả, tất cả đều Không, chỉ có danh tự sông, chứ rốt ráo là Đoạn Diệt. Do sự suy tính, chấp sau khi chết không có Tướng này mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Bảy, lập ra những luận điên đảo Trong ngũ Ấm, sau khi chết không có Tướng.

8. “Lại nữa, trong Tam Ma Địa các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giải phác uẩn thường máy động kia, trong chỗ Hành Ấm còn tồn tại và Thọ, Tưởng Ấm đã diệt, lại so tính cả cái Có và

Không, tự thể phá nhau, thì người ấy lọt vào những luận điên đảo Sau khi chết, Có và Không đều chẳng phải.

“Người ấy trong Sắc, Thọ, Tưởng thấy Có mà chẳng phải Có, trong Hành Âm chuyển biến thấy Không mà chẳng phải Không. Xoay vần như vậy cùng tột các Âm thành ra tám Tướng đều chẳng phải. Tùy gặp duyên gì đều nói sau khi chết có Tướng, không Tướng.

“Lại suy tính Hành Âm tánh nó dời đổi nên tâm phát ra thông tỏ, cho rằng Có, Không đều chẳng phải, hư thật lộn lạo. Do sự so tính, chấp “Sau khi chết, Có và Không đều chẳng phải” mà việc về sau tối tăm mù mịt, không còn lối đi, sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Tám, lập luận điên đảo: Trong ngũ Âm, sau khi chết, Có và Không đều chẳng phải.

9. “Lại nữa, trong Tam Ma Địa các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, sanh ra so tính rằng về sau này là Không, thì người ấy lọt vào bảy thứ luận Đoạn Diệt.

“Hoặc chấp Thân này là diệt, hoặc chấp hết Dục là diệt, hoặc hết Khổ là diệt, hoặc Cực Lạc là diệt, hoặc Tột Xả là diệt. Xoay vần như vậy cùng tột bảy cách, cho rằng hiện tiền là tiêu diệt, diệt rồi không trở lại nữa.

Do sự so tính “Sau khi chết là đoạn diệt” như vậy, sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Chín lập ra luận điên đảo “Sau khi chết là Đoạn Diệt.”

10. “Lại nữa, trong Tam Ma Địa các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng vững chắc, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn

giản phác uẩn thường máy động kia, lại sanh ra so tính rằng sau này là Có, thì người ấy sa vào năm luận Niết Bàn.

“Hoặc lấy Dục Giới làm cái chuyển y chánh thật, do xem thấy sáng suốt vẹn khắp mà sanh yêu mến vậy. Hoặc lấy Sơ Thiên làm cái chuyển y chánh thật, vì thấy tánh cõi này không có Lo Âu. Hoặc lấy Nhị Thiên, vì tánh nó không có Khổ. Hoặc lấy Tam Thiên, vì rất Vui Đẹp. Hoặc lấy Tứ Thiên, vì Khổ Vui đều hết, chẳng chịu luân hồi sanh diệt. Vậy là mê lầm cõi trời Hữu Lộ là tánh Vô Vi, cho rằng năm chỗ yên ổn trên là nơi quả báo thù thắng thanh tịnh. Xoay vẫn như vậy cùng tội có năm chỗ.

“Do suy tính chấp trước năm thứ Niết Bàn hiện có như vậy mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề. Đây gọi là ngoại đạo Thứ Mười, lập ra những luận điên đảo: Trong năm Âm có năm thứ Niết Bàn hiện có.

“Anan! Mười thứ cuồng giải Thiên Na như vậy đều do Hành Âm và tâm dụng công xen nhau, nên hiện ra những nhận thức đó. Chúng sanh mê dại, không biết tự lượng xét, gặp các cái đó hiện ra, lấy mê làm ngộ, tự cho là chứng Thánh, thành tội Đại Vọng Ngữ mà đọa ngục Vô Gián.

“Các ông quyết phải đem lời của Như Lai, sau khi Ta diệt độ rồi, truyền dạy cho đời Mạt Pháp, khắp giúp chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho Tâm Ma tự gây nên những tội lỗi sâu nặng, giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu diệt các tà kiến, dạy cho thân tâm họ khai mở Giác ngộ Chân Nghĩa, không mắc vào các đường rẽ trong Đạo Vô Thượng. Chớ để họ được một ít đã cho là đủ, và nêu ra lời chỉ dạy thanh tịnh của vị Đại Giác.

## Phạm vi của Thức Âm

“Anan! Thiện nam tử ấy tu Tam Ma Đề, **Hành Âm hết rồi** thì cái then chốt chung U Ân giảm phác máy động sanh ra các loài thế gian bỗng chốc nát tan. Giềng mỗi vi tế, mạch ngầm gây nghiệp chịu quả báo của ngã thể chúng sanh, cảm ứng đều dứt bật. **Người ấy hầu như sắp đại minh ngộ trong bầu trời Niết Bàn**, ví như gà gáy lần chót, ngấm về phương Đông đã có sắc tinh sáng. Sáu Căn rỗng sạch, không còn rong ruổi, trong ngoài trong lặng sáng suốt, nhập vào cái Không Chỗ Vào. Thấu suốt nguyên do nắm lấy cội nguồn, các loài không còn hấp dẫn được. Nơi mười phương thế giới đã được Tánh Đồng. Cái sắc tinh sáng chẳng chìm, phát hiện u ẩn bí mật. Đây gọi là phạm vi của Thức Âm.

“Nếu trong Tánh Đồng đã chứng được của các loài mà tiêu tan sáu căn, khi hợp, khi chia được thành tựu, thấy nghe thông nhau, dùng thay lẫn nhau một cách thanh tịnh, mười phương thế giới cùng với thân tâm như ngọc lưu ly, trong ngoài sáng suốt thì gọi là Thức Âm hết. Người ấy có thể **siêu vượt Mạng Trược**<sup>91</sup>. Xét lại nguyên do, cội gốc là vọng tưởng điên đảo, ảo tượng rỗng không.

“Anan! Phải biết thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của các Hành, về đến nguồn Thức, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Người ấy có thể khiến nơi thân mình, các Căn khác nhau khi hợp, khi chia và cùng với các loài mười phương thông chung Tánh Giác. Cái Giác Tri thông suốt một màu vắng lặng, có thể nhập vào nguồn viên mãn.

---

<sup>91</sup> Muốn hiểu rõ năm Trược (ngũ Trược) xem đoạn “Tâm Nhân Địa” trang 81-82.

*[Sau khi đã phá được Hành Âm rồi và đang trong trạng thái của Thức Âm, hành giả có thể khởi sanh những tư tưởng cho là “thắng giải” như mười quan niệm của các nhóm ngoại đạo thời bấy giờ như Đức Phật nêu ra sau đây.]*

1. “Anan! Nếu ở chỗ quay về, lập ra cái nhân Chân Thường mà sanh thắng giải, thì người ấy sa vào cái chấp Nhân Sở Nhân, thành bạn bè với đám Sa Tỳ Ca La, quy về Minh Đế, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến. “Đó gọi là hạng Thứ Nhất, lập ra cái tâm có chỗ đắc, thành cái quả có chỗ quy về, trái xa tánh Viên Thông, ngược với đạo Niết Bàn, sanh vào giống ngoại đạo.

2. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột Tánh Không của Hành Âm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở chỗ quay về mà ôm làm tự thể của mình, tất cả chúng sanh trong mười hai loài khắp cả hư không đều ở trong thân mình tuôn khởi ra, rồi sanh thắng giải thì người ấy sa vào kiến chấp Năng, Phi Năng, thành bạn bè với Trời Ma Hê Thủ La, hiện thân Vô Biên, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến. “Đó gọi là hạng Thứ Hai, lập ra cái tâm Năng Vi, thành cái quả Năng Sự, trái xa tánh Viên Thông, ngược với đạo Niết Bàn, sanh vào giống Đại Mạn Thiên, cho cái Ta là cùng khắp viên mãn.

3. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột Tánh Không của Hành Âm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở chỗ quay về mà có chỗ nương tựa, tự nghĩ rằng thân tâm mình từ chỗ kia phát sanh ra, và cả mười phương hư không cũng đều do chỗ kia sanh ra, rồi ngay nơi cái chỗ sanh ra tất cả đó cho là thể chân thường không sanh diệt. Vậy là ở trong sanh diệt sớm chấp là thường trụ. Đã lầm là chẳng sanh, mà còn mê sự sanh diệt. An trụ trong mê lầm trầm trọng mà sanh thắng giải thì người

ấy sa vào cái chấp Thường, Phi Thường, thành bạn bè của những kẻ chấp Tự Tại Thiên, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến. “Đó gọi là hạng Thứ Ba, lập ra cái tâm Nhân Y, thành cái quả Vọng Kế, trái xa Viên Thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra dòng giống Đáo Viên.

4. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột Tánh Không của Hành Ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu nơi chỗ hay biết, nhân sự hay biết cùng khắp mà lập ra cái nhận thức rằng cỏ cây mười phương đều gọi là hữu tình, không khác với người. Cây cỏ làm người, người chết rồi trở lại thành cỏ cây mười phương. Ở nơi cái hay biết cùng khắp, không có chọn lựa và cho là thắng giải. Người ấy sa vào kiến chấp Tri, Vô Tri, thành bạn bè của bọn Bà Tra, Tiễn Ni chấp tất cả đều có hay biết, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến. “Đó gọi là hạng Thứ Tư suy Tánh cái tâm Viên Tri thành cái quả sai lầm, trái xa Tánh Viên Thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Đáo Tri.

5. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột Tánh Không của Hành Ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở trong chỗ viên dung của các Căn dùng thay lẫn nhau đã được tùy thuận, bèn ở nơi tánh viên dung biến hóa phát sanh các thứ mà cầu cái ánh sáng của Hòa Đại, ưa cái trong sạch của Thủy Đại, thích cái tràn khắp của Phong Đại, ngắm cái thành tựu của Địa Đại. Mỗi mỗi đều sùng phụng cho các Đại kia là bản nhân, lập thành cái nhận thức thường trụ thì người ấy sa vào cái kiến chấp sanh vô sanh, thành bạn bè của nhóm Ca Diếp Ba và Bà La Môn, đem hết thân tâm thờ nước, thờ lửa để cầu ra khỏi sanh tử, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Năm, chấp trước sùng phụng, mê tâm theo vật, lập ra cái nhân mong cầu hư vọng mà đợi cái quả giả dối, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Điên Hóa.

6. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột Tánh Không của Hành Âm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở nơi chỗ viên minh, chấp sự trống không trong viên minh, bác bỏ tiêu diệt các sự vật biến hóa. Lấy sự vĩnh viễn diệt mất làm chỗ quy y, rồi sanh thẳng giải thì người ấy sa vào kiến chấp Quy Vô Quy thành bè bạn của nhóm chấp Không trong Vô Tướng Thiên, mê làm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Sáu, vẹn thành tâm hư vô, kết nên cái quả Không Vong, trái xa tánh Viên Thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Đoạn Diệt.

7. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột Tánh Không của Hành Âm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu nơi tánh Viên Thường cùng cố cái thân cho thường trụ như tánh ấy, mãi không suy mất mà sanh thẳng giải, thì người ấy sa vào cái chấp Tham Phi Tham, thành bè bạn của nhóm A Tu Đà, cầu được mạng sống lâu dài, mê muội Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Bảy, bám níu cái Mệnh Căn, lập cái Nhân củng cố vọng thân hưởng theo cái Quả Khổ nhọc lâu dài, trái xa tánh Viên Thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Vọng Diên.

8. “Lại nữa, thiện nam tử ấy cùng tột Tánh Không của Hành Âm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Xét Mệnh Căn thông lẫn với nhau, lại

muốn giữ lại nơi trần lao, sợ nó tiêu hết. Bèn ở giới hạn này, ngồi cung liên hoa, hóa ra nhiều thứ bảy báu cùng nhiều mỹ nữ, buông lung tâm mình mà sanh thắng giải. Người ấy sa vào cái chấp Chân Vô Chân thành bè bạn của nhóm Tra Chi Ca La, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Tám, lập cái nhân Tà Tư thành cái quả Xí Trần, trái xa tánh Viên Thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Thiên Ma.

9. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột Tánh Không của Hành Âm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Ở trong chỗ cội gốc rỗng sáng của Mạng Căn, phân biệt cái tinh, cái thô để quyết rõ Chân, Ngụy. Nơi nhân quả đền đáp, chỉ cầu cảm ứng, trái ngược với đạo thanh tịnh là thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo mà ở nơi chỗ Diệt cho là xong, không chịu tiến tới rồi sanh thắng giải. Người ấy sa vào hàng Định Tánh Thanh Văn, thành bạn bè của nhóm tăng Vô Văn là những người tăng thượng mạn, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Chín, cố viên thành cái tâm Tinh Ứng, thành cái quả Thú Tịnh, trái xa tánh Viên Thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Triền Không.

10. “Anan! Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột Tánh Không của Hành Âm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở trong tánh Giác Minh thanh tịnh viên dung phát minh chỗ thâm diệu bèn lập đó là Niết Bàn mà không tiến tới, sanh làm thắng giải, thì người ấy sa vào hàng định tánh Bích Chi, thành bạn bè của các vị Duyên Giác, Độc Giác chẳng hồi tâm hướng Đại Thừa, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.



“Đó gọi là hạng Thứ Mười, viên thành Giác Tâm vắng lặng, thành cái quả Trạng Minh, trái xa tánh Viên Thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra hạng Giác Viên Minh, mà không dung hóa được tánh Viên.

“Anan! Mười loại Thiên Na như vậy, giữa đường hóa điên, do nương mê lầm trong chỗ chưa đủ lại cho đã chứng đủ, đều do Thức Ám và tâm dụng công xen nhau mà sanh các thứ vị như thế. Chúng sanh mê dại, không biết tự xét, gặp cái đó hiện tiền, mỗi mỗi dùng cái tâm mê lầm còn ưa thích những tập quán cũ mà tự dừng nghỉ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo, tự bảo đã đầy đủ Vô Thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ. Các tà ma ngoại đạo khi nghiệp báo chiêu cảm hết rồi thì sa vào ngục Vô Giá. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thì không thể tiến tới thêm.

“Các ông để tâm giữ gìn Đạo Như Lai, sau khi Ta diệt độ rồi, đem pháp môn này truyền bày trong đời Mạt Pháp, khiến khắp chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho những ma tà kiến tự gây ra nạn lớn cho mình. Giữ gìn thương cứu, tiêu dứt các tà duyên, khiến cho thân tâm vào Tri Kiến Phật, từ bắt đầu đến thành tựu, không mắc các lỗi rẽ.

“Pháp môn như thế, các Đức Như Lai như số vi trần trong hằng sa kiếp quá khứ đều nương cái Tâm mở tỏ này mà đắc đạo Vô Thượng. **Khi Thức Ám hết sạch rồi thì ngay hiện tiền, các Căn của ông đều có thể dùng thay lẫn nhau. Từ chỗ các Căn dùng thay lẫn nhau, bèn vào Kim Cương Càn Huệ Địa Bồ Tát, cái Tâm tinh diệu viên minh ở trong đó phát hóa ra như ngọc lưu ly thanh tịnh bên trong ngậm mặt trăng báu.** Như thế mà vượt lên Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh Tâm và Thập Địa Kim Cương là chỗ Hành của Bồ Tát, cho đến địa vị Đẳng Giác Viên Minh mà thể nhập vào Biển Diệu

Trang Nghiêm Như Lai, viên mãn Bồ Đề, về trong Vô Sở Đắc.

“Đó là những ma sự vi tế mà các đức Phật Thế Tôn đòi quá khứ trước đã Giác ngộ, nghiệm rõ và phân tích trong pháp Chi Quán. Nếu cảnh ma hiện ra mà ông rõ biết thì sự do nhiễm của tâm được rửa trừ, không lạc vào tà kiến, Âm Ma tiêu diệt, Thiên Ma tan tác, Đại Lực Quỷ Thần hết hồn chạy trốn, Ly My, Vọng Lượng chẳng còn sanh ra, thẳng đến Bồ Đề, không có những thiếu sót. Hàng hạ liệt cũng được tăng tiến, đối trong Đại Niết Bàn Tâm không mê buồn. Nếu các chúng sanh mê đại trong đời Mạt Pháp chưa hiểu Thiền Na, chẳng rõ lời thuyết pháp mà ưa tu Tam Muội, ông e rằng họ lạc vào đường tà thì phải một lòng khuyên bảo họ trì chú Phật Đảnh Đà La Ni của Ta. Nếu chưa có thể tụng niệm, hãy viết nơi thiền đường hoặc đeo trong thân thì tất cả các ma không thể động đến. Ông nên kính vâng sự dạy bảo cuối cùng về đường tiến tu rốt ráo của mười phương Như Lai.

### **Sanh tử là vọng tưởng của năm Âm mà có, Lý tuy đốn ngộ, Sự phải tiệm trừ**

Ngài Anan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe Phật dạy bảo, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót, ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng:

“Như lời Phật dạy, trong Tướng Ngũ Âm có năm thứ hư vọng làm cái tâm tưởng cội gốc. Chúng con bình thường chưa được nhờ Đức Như Lai khai thị tỉ mỉ. Lại năm Âm ấy là tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà hết? Năm lớp như vậy đến đâu là giới hạn? Xin nguyện Đức Như Lai phát rộng đại từ làm cho con mắt Tâm của đại chúng này được trong sáng để làm đạo nhãn tương lai cho tất cả chúng sanh trong đời Mạt Pháp.”

Phật bảo ngài Anan: “Tánh Tinh Chân thì Diệu Minh, tánh Bản Giác là Viên Tịnh, chẳng có vết tích của sanh tử và các trần cấu, cho đến hư không cũng đều nhân vọng tưởng mà có ra. **Tất cả cái ấy nguyên là Bản Giác Diệu Minh Chân Tinh vọng phát sanh ra các khí thể gian**, như chàng Diễn Nhã Đa mê cái đầu mà nhận bóng trong gương. Vọng vốn không có nhân, mà ở trong vọng tưởng lập ra tánh Nhân Duyên. Mê lầm Nhân Duyên thì gọi đó là Tự Nhiên. Cái tánh của hư không kia còn thật là huyền hóa sanh ra huống là Nhân Duyên hay Tự Nhiên, tất cả đều là sự so tính của vọng tâm chúng sanh mà ra cả.

“Anan! Biết là hư vọng khởi ra mà nói nhân duyên hư vọng. Nhưng hư vọng gốc vốn không có thì cái nhân duyên hư vọng đó không chỗ có, huống gì là không biết mà suy rằng Tự Nhiên.

“Thế nên Như Lai phát minh cho các ông rằng bản nhân của **năm Âm đồng là Vọng Tưởng**. Thân thể của ông trước hết nhân cái Tưởng của cha mẹ mà sanh. Tâm của ông nếu chẳng phải là Tưởng thì đâu có đến trong Tưởng mà gá mạng. Như Ta đã nói ở trước, Tâm tưởng đến vị chua thì trong miệng chảy nước bọt. Tâm tưởng việc lên cao, trong lòng bàn chân thấy ghê ghê. Dốc cao không có, vật chua chưa tới, thân thể của ông nếu chẳng cùng loài hư vọng thì có sao nghe nói tới chua thì nước miếng chảy ra? “Thế nên, phải biết **Sắc Thân hiện giờ của ông chính là Vọng Tưởng kiên cố Thứ Nhất**.

“Ngay nơi cái tâm tưởng tượng lên cao vừa nói đó mà có thể khiến thân ông thật thọ sự ghê rợn. Do các Thọ sanh ra mà có thể giao động Sắc Thân.

**“Vậ hiện nay hai thứ Thuận Ích và Trái Tồn”<sup>92</sup> đang giống ruồi nơi ông chính là Vọng Tướng hư minh Thứ Hai.**

“Do những niệm lự sai khiến Sắc Thân của ông, nếu Sắc Thân chẳng phải cùng loại với Niệm thì có sao thân ông lại theo Niệm mà bị sai sử, mỗi mỗi nhận lấy hình tượng, tâm khởi nắm giữ hình tượng tương ứng với Niệm? Thức là tướng Tâm, ngũ làm chiêm bao.

**“Vậ Vọng Tinh, Tướng Niệm giao động của ông chính là Vọng Tướng dung thông Thứ Ba.**

“Sự chuyển hóa không dừng, xoay vần âm thầm dòi dổi, móng tay dài, tóc mọc lên, khí lực tiêu, dung mạo nhão, ngày đêm thay thế, không hề hay biết. Anan! Nếu cái đó không phải là ông thì có sao thân ông lại thay đổi? Còn nếu nó thật là ông, thì có sao ông không hay biết?

**“Vậ các Hành Âm của ông niệm niệm chẳng dừng chính là Vọng Tướng u ẩn Thứ Tư.**

“Lại chỗ tinh minh đứng lặng không giao động của ông mà gọi là thường hằng thì nơi thân ông chẳng ra ngoài những sự Thấy, Nghe, Hay, Biết. Nếu nó thật là Tánh Tinh Chân thì chẳng chứa nhóm hư vọng, vì sao các ông trong năm xưa đã từng thấy một vật lạ, trải qua nhiều năm không hề nghĩ đến, về sau bỗng nhiên thấy vật lạ đó thì nhớ lại rõ ràng, không hề sót mất. Vậy trong cái tinh minh đứng lặng không lay động này, niệm niệm chịu sự huân tập không thể tính toán hết được.

“Anan! Nên biết cái trong lặng này chẳng phải chân thật, như dòng nước chảy xiết, trông như đứng yên, vì chảy nhanh

---

<sup>92</sup> Thuận thì lợi Ích, Trái thì Tồn hại.

nên không thấy chứ chẳng phải không chảy. Nếu chẳng phải là nguồn Trường thì đâu chịu tập khí hư vọng. Nếu sáu Căn của ông chưa được chia hợp, dùng thay lẫn nhau thì cái Vọng Trường đó không khi nào diệt được.

**Vậy nên hiện nay cái tập khí tập hợp quán xuyên những sự Thấy, Nghe, Hay, Biết của ông là cái Trường tinh vi tế nhiệm, diên đảo, ảo tượng rỗng không Thứ Năm trong tánh trong lặng thấu suốt của ông.**

“Anan! Năm cái Thọ Âm đó do năm Vọng Trường tạo thành.

“Ông nay muốn biết nguyên do và giới hạn sâu cạn, thì **Sắc và Không là biên giới của Sắc Âm; Xúc và Lìa là biên giới của Thọ Âm; Nhớ và Quên là biên giới của Trường Âm; Diệt và Sinh là biên giới của Hành Âm; Lặng trong nhập hợp với Lặng trong là biên giới của Thức Âm.**

“Năm Âm ấy vốn trùng điệp sanh khởi. Sanh thì nhân Thức mà có, diệt thì từ Sắc mà trừ. Lý át độn ngộ, nương Ngộ tiêu sạch. Sự chẳng phải độn trừ, theo thứ lớp dứt hết.

“Ta đã chỉ cho ông về cái nút khăn Kiếp Ba La, có chỗ nào chẳng suốt tỏ, mà phải hỏi lại như vậy. Ông nên dùng cái tâm được khai thông về căn nguyên Vọng Trường này, truyền dạy cho tương lai những người tu hành trong đời Mạt Pháp, khiến cho họ rõ hư vọng, tự sanh nhàm chán sâu xa, **biết có Niết Bàn, chẳng luyến mê ba cõi.**

**Được Phước tiêu Tội hơn cả**

“Anan! Ví như có người đem các thứ thất bảo đầy đầy hư không cùng khắp mười phương, dâng lên Chư Phật như số vi trần, vâng thờ cúng dường, Tâm không lúc nào xao lãng. Ý ông thế nào? Người ấy do nhân duyên cúng dường Phật như vậy được phước nhiều chăng?”

Ngài Anan đáp rằng: “Hư không vô tận, trần bảo vô biên. Ngày xưa có chúng sanh cúng Phật bảy đồng tiền, đến lúc bỏ thân rồi còn được địa vị Chuyển Luân Vương, hưởng gì hiện tiền hư không cùng tốt, cõi Phật đầy khắp, đều là trần bảo, thì dù suy nghĩ cùng kiếp còn chẳng thể thấy, phước ấy làm sao có bờ bến.”

Phật bảo ngài Anan: “Chư Phật Như Lai lời không hư vọng. Nếu lại có người thân đủ các tội Tứ Trọng, thập Ba La Di, giây lát phải trải qua địa ngục A Tỳ phương này phương khác, cho đến cùng hết các địa ngục Vô Gián mười phương, không đâu chẳng trải mà có thể trong một niệm đem pháp môn này khai thị cho người chưa học đời Mạt Pháp, thì tội chướng người ấy trong niệm đó liền được tiêu diệt, biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành An Lạc Quốc, được phước siêu vượt trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần hơn người thí cúng trước, như thế cho đến toán số thí dụ không thể nói hết được.

“Anan! Nếu có chúng sanh tụng được kinh này, trì được chú này như Ta nói rộng ra thì cùng kiếp chẳng hết. Y theo lời dạy của Ta, như lời dạy mà hành đạo, thẳng vào Bồ Đề, không còn ma nghiệp.

Phật nói kinh này xong, hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tất cả thế gian Trời, Người, A Tu La cùng các vị Bồ Tát, Nhị Thừa, Thánh Tiên, Đồng Tử ở phương khác và các Đại Lực Quỷ Thần mới phát tâm thấy đều hoan hỷ, làm lễ mà lui.



### Kinh Chấm Dứt

## Những đoạn cần lưu ý, trích từ Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm

- (1) Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sống chết nối nhau đều do **không biết cái Chơn Tâm Thường Trụ, Thể Tánh vốn trong sạch, sáng suốt mà lại dùng các Vọng Tưởng chẳng chân thật** nên mới có sự chuyển động trôi lăn.
- (2) Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay, do không biết hai loại căn bản lầm lẫn tu tập, cũng như nấu cát mà muốn thành món ngon, dầu trải qua số kiếp nhiều như bụi, rốt cũng chẳng được. Thế nào là hai loại căn bản? Anan! Một là: **Cội gốc của Sanh Tử từ vô thủy**<sup>93</sup>. Tức là ông hiện giờ và các chúng sanh dùng cái **Tâm bám níu theo duyên**<sup>94</sup> mà làm Tự Tánh<sup>95</sup>. Hai là: **Cái Thể Bản Lai Thanh Tịnh Bồ Đề Niết Bàn Vô Thủy**, tức là cái **Chơn Tâm vốn sáng soi của ông bây giờ, hay sanh các duyên**. Ông lại duyên theo các tướng duyên này mà bỏ quên Chơn Tâm. Cho nên tuy trọn ngày sử dụng Nó (Chơn Tâm) mà chẳng tự biết, oan uổng lạc vào sáu nẻo.
- (3) Cái năng biết suy nghĩ hiện nay của Ông (ngài Anan) **đó là cái Tưởng tạo nên các tướng hư vọng của tiền trần**<sup>96</sup>, nó làm mê lầm Chơn Tánh của ông. Do từ vô thủy đến nay, ông nhận tên giặc đó làm con, bèn mất đi cái Vốn Thường Hằng (Chơn Tâm.)
- (4) Khi ấy Đức Thế Tôn liền khai thị cho ngài Anan và đại chúng muốn được Vô Sanh Pháp

---

<sup>93</sup> Cội gốc của Sanh Tử từ vô thủy là “Căn bản vô minh”

<sup>94</sup> Cái Tâm bám níu theo duyên là “Vọng Tâm.”

<sup>95</sup> Tự Tánh cũng gọi là Chơn Tâm, Phật Tánh ...

<sup>96</sup> Tất cả những gì là đối tượng của sáu căn thì được gọi là “tiền trần.”

Nhẫn<sup>97</sup>. Ngài nói: Như Lai thường nói **các Pháp<sup>98</sup> sanh ra đều do Tâm hiện**. Hãy phân biệt, **nếu rời cái tiền trần mà có cái phân biệt (cái biết nói chung) thì đó mới là Chơn Tâm** của ông; còn nếu rời tiền trần mà không có cái phân biệt (**cái biết**) thì đó chỉ là sự phân biệt bóng dáng tiền trần (Vọng Tâm) mà thôi không thể chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn.

(5) **Từ sắc thân cho đến núi sông, hư không, đất đai bên ngoài, hết thảy đều là vật hiện trong cái Diệu Minh Chơn Tâm.**

(6) Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, mê [lầm] mình làm vật, bỏ mất Bản Tâm, bị vật xoay chuyển, cho nên ở trong đó mà thấy lớn thấy nhỏ. **Nếu có thể chuyển được vật thì đồng với Như Lai, Thân Tâm tròn sáng.** Đó là Đạo Tràn Bất Động, trên đầu một mảy lông, trùm chứa mười phương quốc độ.

(7) Đức Phật bảo: Mười phương Như Lai và các Đại Bồ Tát ở trong Tự Trụ Ta Ma Địa<sup>99</sup>, ở trong ấy, cái Thấy và cái được thấy cùng các chỗ Tướng Tướng đều như hoa đóm giữa hư không, vốn không chỗ có cái Thấy cho đến những cái được Thấy, tất cả vốn là Thể Bồ Đề<sup>100</sup> sáng sạch nhiệm mầu. Làm sao ở trong đó lại có Phải hay Chẳng Phải<sup>101</sup>?

(8) Khi thấy mà có Tướng Thấy, cái thấy đó chẳng phải là Tánh Thấy. **Cái Thấy mà do lia Tướng Thấy vẫn có, đó mới là Tánh Thấy siêu việt.**

---

<sup>97</sup> Vô Sanh Pháp Nhẫn là quả vị không còn tái sanh nữa.

<sup>98</sup> Các Pháp ở đây có nghĩa là tất cả núi sông, đất đai, chúng sanh...

<sup>99</sup> Tam Ma Địa là âm chữ Phạn Samadhi có nghĩa là Chánh Định.

<sup>100</sup> Tất cả vốn Thể Bồ Đề có nghĩa là tất cả đưa về Như Lai Tạng.

<sup>101</sup> Không còn sự đối đãi, bất nhị (không hai).



(9) Đức Phật dạy: Này Anan! Tất cả chúng sanh luân hồi trong thế gian đều do hai thứ vọng thấy điên đảo phân biệt ngay nơi Tâm Tánh mà phát sanh, ngay theo nghiệp mà xoay vần. Thế nào là hai thứ vọng thấy? Một là Vọng Thấy Biệt Nghiệp của chúng sanh, hai là Vọng Thấy Đồng Phận của chúng sanh.

**Thế nào là Vọng Thấy Biệt Nghiệp?** Anan! Như người bị nhắm mắt ban đêm nhìn ngọn đèn thấy có năm màu bao phủ. Tuy nhiên, người không bị nhắm mắt, nhìn ngọn đèn lại không thấy có năm màu bao phủ. Cho nên cái thấy có năm màu bao phủ là do bệnh nhắm mắt mà ra. Còn cái thấy được bệnh nhắm mắt thì vốn chẳng phải là bệnh vậy. Cho nên **người trí không nên đi tìm căn nguyên của năm màu do mắt nhắm sanh ra là có hình tướng hay chẳng có hình tướng.**

**Thế nào là Vọng Thấy Đồng Phận?** Anan! Cõi Diêm Phù Đề này, ngoài nước biển ra, trong đó có ba ngàn Châu (lục địa.) Nếu ở trong đó có một Châu nhỏ chỉ có hai nước mà riêng người trong một nước đồng cảm ác duyên, thì chúng sanh trong nước đó thấy tất cả những cảnh giới không tốt. còn chúng sanh trong nước gần bên thì không thấy.

(10) Đức Phật dạy: Này Anan! Hiện giờ, ông dùng con mắt xem thấy núi sông, cõi nước và chúng sanh đều là do cái **Bệnh Thấy từ vô thủy**<sup>102</sup> tạo thành. Cái thấy và vật được thấy hình như hiện ra nơi tiền cảnh, nhưng thật ra đó vốn chỉ là cái bệnh nhắm mắt thành lòa, cho nên thấy có Năng Kiến (cái thấy) và

---

<sup>102</sup> Bệnh Thấy từ vô thủy còn gọi là Căn Bản Vô Minh.

Sở Kiến (vật được thấy) hiện ở trong cái Giác Minh (Bổn Giác Minh Tâm<sup>103</sup>) mà thôi.

- (11) Tóm lại, **hai cái thấy Vọng Thấy Biệt Nghiệp và Vọng Thấy Đồng Phận đều do cái Thấy Hư Vọng từ vô thủy sanh ra.** Chính cái bệnh duyên hư vọng tạo thành thấy nghe hay biết hòa hợp mà giả dối sanh ra, hòa hợp giả dối mà diệt mất. Cho nên, **nếu xa lìa các bệnh duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp này, tức thời diệt được các nguyên nhân sanh tử, trọn đủ Thể Bồ Đề Không Sanh, Không Diệt.** Đó là cái Bản Tâm xưa nay trong sạch (Chơn Tâm,) cái vốn Giác Ngộ Thường Trụ xưa nay. Thêm vào đó, phải hiểu rằng Bản Giác không phải hòa hợp mà sanh, cũng không phải không hòa hợp.
- (12) Trong **Như Lai Tạng**<sup>104</sup>: Tánh Sắc là Chân Không, Tánh Không là Chân Sắc, bản nhiên thanh tịnh, tròn khắp pháp giới, tùy tâm chúng sanh ứng ra chỗ hay biết, theo nghiệp mà hiện bày.
- (13) Tánh của Thức không có nguồn gốc, nhân nơi sáu thứ Căn và Trần mà hư vọng hiện ra.
- (14) Trong Như Lai Tạng, cái Thức là Tánh Giác Minh. Tánh Giác Minh là Chân Thức, là cái Biết nhiệm mầu vắng lặng toàn khắp pháp giới, ngầm chứa và nhả ra mười phương hư không, nào có nơi chốn. Chỉ tùy theo nghiệp mà hiện bày ra.
- (15) Nơi **Tánh Giác** thì nói Diệu Minh, vì cái Thể ấy vốn tự nhiệm mầu (Diệu) mà hằng sáng (Minh), chẳng do cái nào khác mà sáng. Nơi **Bản Giác** thì nói là Minh Diệu, vì do lực huân tu bất tư nghi mà rõ biết

---

<sup>103</sup> Bổn Giác Minh Tâm còn gọi là Chơn Tâm, Phật Tánh ...

<sup>104</sup> Bảy Đại gồm thu về Như Lai Tạng: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức.

Tánh Giác nhiệm mầu. [**Học kỹ hai định nghĩa này sẽ không còn bối rối nữa.**]

- (16) Cái Giác không có gì là Sở Minh, thể mà nhân Minh lập nên cái sở. Cái Sở đã vọng lập nên, thì sanh khởi ra cái Vọng Năng của ông. Trong cái vốn không đồng, không khác bỗng khởi dậy thành có cái khác. Khác với cái khác đã có, nhân cái khác ấy mà lập nên cái đồng. Cái Đồng, cái Khác đã phát minh ra, thì nhân đó mới lập ra lại cái không đồng không khác! Như thế mà rối loạn, đối đãi với nhau mà sanh lao nhọc. Lao lự kéo dài sanh ra trần tướng mà làm vẩn đục nhau, do đó mà dẫn khởi ra những trần lao, phiền não. Khởi lên thì có ra thế giới, yên lặng thì thành hư không. Hư không là Đồng, thế giới là Khác.
- (17) Anan! Ông tuy nhiều kiếp ghi nhớ những bí mật mầu nhiệm trang nghiêm của Như Lai, không bằng chỉ một ngày tu Nghiệp vô lậu, lìa xa thế gian hai thứ khổ ghét-thương.
- (18) Muốn nhiếp phục Tâm Phan Duyên bám níu, phải xét rõ gốc rễ phiền não, biết sáu Căn làm môi giới cho giặc, tự làm tự chịu. Chỉ cần chọn lựa một Căn viên thông, một cửa mà thâm nhập, thì sáu Căn hay biết kia, đồng thời trong sạch, đây là nghĩa thứ hai của Sơ Tâm. Muốn đắc Vô Sanh, phải diệt sạch phiền não. Hết sạch phiền não, thì chứng Vô Sanh. Hai cái này chưa từng rời nhau được.
- (19) Anan ! Nếu ở nơi nhân địa mà lấy cái Tâm Sanh Diệt<sup>105</sup> làm gốc, nhân đó mà tu để cầu quả Bất Sanh Bất Diệt<sup>106</sup> của Phật Thừa, thì không thể có chuyện ấy được.

---

<sup>105</sup> Tâm Sanh Diệt là Vọng Tâm.

<sup>106</sup> Bất Sanh Bất Diệt là Chơn Tâm.

- (20) Thế nào là Trược? Anan, ví như nước trong, thanh khiết bản nhiên, còn bụi đất, tro cát kia bản chất là ngăn ngại. Hai bên tự thể như vậy thì không hợp nhau được. Có người thế gian, lấy bụi đất kia, ném vào nước sạch, thì đất mất đi ngăn ngại, nước mất đi trong sạch, hình trạng đục vẩn, gọi đó là Trược.
- (21) Hư không và cái thấy chẳng phân rời nhau. Có cái không mà không có hình thể, có cái thấy mà không hay biết, đan nhau giả dối mà thành. Đó là lớp thứ nhất, gọi là **Kiếp Trược**.
- (22) Thân ông hiện nắm giữ bốn Đại làm cái thể, Thấy, Nghe, Hay, Biết bị che bít thành ra ngăn ngại. Còn các thứ Địa, Thủy, Hỏa, Phong lại thành ra hay biết. Đan nhau hư vọng mà thành. Đây là lớp thứ hai, gọi là **Kiến Trược**.
- (23) Trong tâm ông, những sự Nhớ, Biết, Học Tập, phát ra tri kiến, dung chứa hiện ra sáu trần. Rời trần thì không có tướng; rời hay-biết thì không có tánh. Đan nhau hư vọng mà thành. Đây là lớp thứ ba, gọi là **Phiền Não Trược**.
- (24) Tâm ông ngày đêm sanh diệt không ngừng, cái tri kiến thường muốn ở lại thế gian, nhưng nghiệp xoay chuyển thì lại thường dời đi các cõi. Đan nhau hư vọng mà thành. Đây là lớp thứ tư, gọi là **Chúng Sanh Trược**.
- (25) Cái thấy, cái nghe của ông vốn tánh không khác nhau, mà do các trần cách trở, không do đâu lại sanh ra khác nhau. Trong tánh thì biết nhau, mà trong chỗ dùng lại trái ngược nhau. Cái đồng và cái khác mất chuẩn đích. Xen nhau hư vọng mà thành lập. Đây là lớp thứ năm, gọi là **Mệnh Trược**.

- (26) Anan, giờ đây các Căn của ông mà nhỏ sạch ra được, thì cái sáng chói bên trong phát ra. Như thế, các phù trần và các tướng biến hóa của thế gian vật chất đều tiêu mất như băng gặp nước sôi, lập tức hóa thành **Tri Giác Vô Thượng**.
- (27) **Không Như Lai Tạng** là Quả Thường Trụ. **Đại Viên Cảnh Trí** thấy rõ tất cả mà không phân biệt. **Am Ma La Thức** phân biệt tất cả mà không nhiễm trước. Vì rõ ràng thấu suốt nên gọi là **Phật Tánh**. Rõ ràng thấu suốt là **Cứu Cánh Giác**, nên gọi là **Bồ Đề**. Cứu Cánh Giác, Thể vốn Tịch Diệt, nên gọi là **Niết Bàn**. Tịch Diệt nên hết thấy vọng tâm không chạm tới được, nên gọi là **Chân Như**. Bảy quả đức vốn là một Thể vậy (Kinh Bảo Tích.)
- (28) Tướng vọng tưởng là trần, thức tình là cấu. Hai thứ ấy một lúc xa lìa, thì con mắt Pháp của ông ngay liền trong sáng. Thế thì sao không thành Tri Giác Vô Thượng?
- (29) Anan! Ông muốn biết cái **câu sanh vô minh**<sup>107</sup>, khiến ông lưu chuyển, cái căn mỗi nút sanh tử. Đó chính là sáu Căn của ông, chứ chẳng phải vật gì khác! Ông lại muốn biết **Bồ Đề Vô Thượng**, khiến chóng chứng Tánh Diệu Thường an lạc, giải thoát, tịch tịnh thì cũng chính là sáu Căn của ông, chứ chẳng phải vật gì khác.”
- (30) Căn, Trần cùng nguồn. Trói mở không hai. Tánh của Thức là hư vọng, cũng như hoa đốm giữa hư không. Anan, do cái Trần mà phát ra cái biết, nhân cái Căn mà có cái Tướng. Cả Tướng Phần và Kiến Phần đều không có tự tánh, giống như các nhánh lau gác lên nhau.

---

<sup>107</sup> Câu sanh vô minh cũng còn gọi là Căn bản vô minh, vô minh từ vô thủy.

- (31) Chính nơi Thấy Biết mà lập ra Tướng có Thấy Biết, đó là cội gốc Vô Minh. Chính nơi Thấy Biết mà chẳng có Tướng Thấy Biết, đó là Niết Bàn chân tịnh, vô lậu.
- (32) **Kệ của Đức Phật:** (Trong) Chân Tánh, hữu vi (là) không/ Duyên sanh nên Như Huyền/ Vô vi, không khởi diệt/ Chẳng thật, như Không-hoa/ Nói Vọng để hiển Chơn/ Vọng, Chơn đều là vọng/ Còn không (phải) Chơn, Phi Chơn/ Lấy đâu Kiến, Sở Kiến?/ Mở nút theo thứ lớp/ Sáu mở, một cũng mất/ Nơi Căn, chơn Viên Thông/ Vào dòng, thành Chánh Giác!/ Thức Đà Na vi tế/ Tập khí thành dòng xiết/ Sự làm Chân, Phi Chân/ Ta thường chẳng khai diễn./ Tự tâm nắm tự tâm/ Chẳng huyền, thành pháp huyền/ Không giữ: không “chẳng huyền”/ “Chẳng huyền” còn không sanh/ Pháp huyền làm sao lập?/ Đó là Diệu Liên Hoa /Bảo Giác Kim Cương Vương/ Như huyền Tam Ma Đề/ Gãy móng (tay) vượt Vô Học/ Đây là pháp Vô Thượng/ Một đường đến Niết Bàn/ Cửa mười phương Chư Phật.
- (33) Anan, tùy nơi tâm ông mà chọn lựa một trong sáu Căn. Nếu trừ được cái nút của Căn, thì Trần Tướng tự diệt, các Vọng tiêu mất, còn đợi cái Chân nào nữa?
- (34) Cởi trừ sáu Căn cũng như vậy. Căn ấy khi mới mở, thì trước hết được Nhân Không, đến khi Tánh Không tròn sáng thì giải thoát được Pháp Chấp. Giải thoát khỏi Pháp Chấp rồi, thì cả hai Nhân Không và Pháp Không đều chẳng sanh. Đó gọi là Bồ Tát do Tam Ma Địa mà đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.
- (35) **Tăng Phụng Nghi bình giảng:** Năng và Sở đều tịch diệt, đó tức là cái Định Thủ Lăng Nghiêm,

“Diệu Trạng Tổng Trì Bất Động Tôn” vậy. Thế nên nói là đặc Vô Sanh Nhân.

(36) Nếu có tập khí cũ không thể diệt trừ, ông dạy người đó nhất tâm trì tụng Thần Chú Vô Thượng Phật Đảnh Quang Minh “Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra” của Ta.

(37) Anan, hãy biết, cái Diệu Tánh tròn sáng lia mọi danh tướng, bốn lai không có thế giới, chúng sanh. Nhân vọng mà có sanh, nhân sanh mà có diệt. **Sanh diệt thì gọi là vọng, diệt vọng thì gọi là Chân.** Đó gọi là hai danh hiệu chuyển y Bồ Đề Vô Thượng và Đại Niết Bàn của Như Lai vậy.

(38) Anan, nay ông muốn tu pháp Chân Tam Ma Địa, thẳng đến Đại Niết Bàn của Như Lai thì trước hết phải biết hai cái nhân điên đảo này của chúng sanh cùng thế giới. Điên đảo chẳng sanh, đó là Chân Tam Ma Địa của Như Lai. Anan, do Tâm Tánh vốn Minh, tánh Minh ấy tròn đầy toàn khắp, nên nhân cái Minh **vọng phát hình như có tánh**, cái tánh ấy do vọng kiến mà sanh. Vậy là từ chỗ “Rốt ráo không” lại hóa thành “Rốt ráo có.” Cái Có này có được là do cái vốn chẳng có nhân làm nhân. Tướng Năng Trụ và Sở Trụ từ căn bản không có cội gốc. Rồi nương nơi cái cội gốc không có chỗ trụ này mà kiến lập ra thế giới cùng chúng sanh. “Vì mê Bốn Tánh Viên Minh mà sanh hư vọng, nhưng tánh của vọng không có tự thể, chẳng có chỗ nương trụ. Vừa muốn trở lại Chân Tánh thì cái muốn Chân đó đã chẳng phải là Tánh Chân Như chân thật. Trong cái chẳng phải Chân mà cầu trở lại Chân thì rõ ràng là hiện thành những Phi Tướng: Phi Sanh, Phi Trụ, Phi Tâm, Phi Pháp. Xoay vần phát sanh. Sanh lực phát minh, huân tập thành Nghiệp. Đồng nghiệp thì cảm nhau, nhân có cảm nghiệp bèn

có sự sanh nhau, diệt nhau. Do vậy mà có cái Điên Đảo tạo thành Chúng Sanh. Anan, thế nào là Điên Đảo tạo thành Thế Giới? “Cái Có đó có được là do từng phần từng đoạn vọng sanh. Do đó mà Giới (Không Gian) kiến lập, chẳng phải nhân mà làm nhân, không có trụ mà làm trụ. Trôi dờn chẳng trụ, do đó mà Thế (Thời Gian) thành. Bốn phương ba đời hòa hợp giao thiệp lẫn nhau biến hóa thành chúng sanh mười hai loài. Thế nên, thế giới thì nhân động có Tiếng, nhân Tiếng có Sắc, nhân Sắc có Hương, nhân có Hương có Xúc, nhân Xúc có Vị, nhân Vị biết Pháp. Sáu vọng tưởng lộn loạn thành nghiệp tính, bởi thế mà có mười hai Phần Hạng (Loài) xoay chuyển. Vậy nên trong thế gian, các thứ Thanh, Hương, Vị, Xúc... biến đổi cùng tột đến mười hai lần là quay trở lại. “Dựa theo Tướng Điên Đảo luân chuyển đó mà có ra Thế Giới, thành những loài: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, phi hữu sắc, phi vô sắc, phi hữu tướng, phi vô tướng.

**(39)** Thế nào là ba món tiệm thứ? Một là, tu tập trừ các Trợ Nhân<sup>108</sup>. Hai là, chân tu, nạo sạch Chánh Tánh<sup>109</sup>. Ba là, tăng tiến trái lại Hiện Nghiệp<sup>110</sup>.  
**[Chúng ta không thực hành ba món tiệm tu này.]**

**(40)** Ba Hoặc, các kinh thường chỉ Kiến Tư Hoặc<sup>111</sup>, Trần Sa Hoặc<sup>112</sup> và Vô Minh Hoặc<sup>113</sup>. Kiến

---

<sup>108</sup> Trợ Nhân: Không ăn ngũ vị tân

<sup>109</sup> Chánh Tánh: Sát, Đạo, Dâm

<sup>110</sup> Hiện Nghiệp: Nghiệp tạo ra do vô minh hiện tại.

<sup>111</sup> Kiến Tư Hoặc: Kiến hoặc là những thứ mê lầm thuộc về Lý. Chúng gồm có 5 thứ: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ. Còn tư hoặc là những thứ mê lầm thuộc về Sự. Chúng cũng gồm có 5 thứ: tham, sân, si, mạn, nghi.



Tư Hoặc cũng gọi là Thông Hoặc vì chung cho cả ba thừa cùng đoạn trừ. Trần Sa Hoặc còn gọi là Biệt Hoặc, vì chỉ hàng Bồ Tát mới đoạn trừ nổi. Vô Minh Hoặc là chủng tử của nghiệp thức, chỉ có hàng Bồ Tát Đại Thừa mới đoạn trừ nổi.

- (41) Các ông nên biết cái tâm thể tỏ biết vẹn toàn, Bản Giác Diệu Minh của mười hai loại chúng sanh trong thế giới hữu lậu cùng mười phương Chư Phật không hai, không khác. Do vọng tưởng của các ông, mê [mờ] Chân Lý thành ra lỗi lầm. Si, Ái phát sanh, sanh mê cùng khắp nên có hư không. Biến hóa ra cái mê không ngớt nên có thế giới sanh ra. Vậy thì mười phương cõi nước nhiều như vi trần này chẳng phải là vô lậu, đều do vọng tưởng mê làm kiến lập.
- (42) Khi Âm tiêu tan vào trong tánh sáng; sáng phá được tối, tối đến gần sáng thì tự tiêu mất, mà chúng tà ma kia đều tối tăm làm sao còn dám ở lại quấy phá sự thiên định?
- (43) Anan, nên biết, ông ngồi đạo tràng, tiêu diệt các niệm<sup>114</sup>, niệm ấy mà hết thì tâm lìa niệm thuần túy sáng suốt thảy cả, động tĩnh chẳng dời, nhớ quên như một. Đang khi an trụ nơi đó mà vào Tam Ma Địa thì như người sáng mắt mà ở chỗ rất tối. Cái tinh thuần của Tánh thì trong sạch nhiệm mầu, nhưng tâm chưa phát sáng. Thế gọi là phạm vi của Sắc Âm. Nếu mắt sáng tỏ, mười phương mở suốt, không còn tối

---

<sup>112</sup> Trần Sa Hoặc: Trần sa hoặc không phải là thứ phiền não của các vị A la hán. Vì những vị A la hán đã đoạn hết kiến, tư hoặc, như các ngài bị chướng ngại ở nơi hoặc lậu (phiền não) của chúng sanh. Nghĩa là các ngài thấy phiền não của chúng sanh nhiều như cát bụi (trần sa.) Do đó, các ngài không dám ra độ sanh như các vị Bồ tát.

<sup>113</sup> Vô minh Hoặc: Mê lầm không rõ bản chất của Chơn Tâm.

<sup>114</sup> Thiên Định tiêu diệt các niệm là pháp Xa Ma Tha.

tâm, gọi là Sắc Âm hết. Người ấy có thể siêu vượt khỏi Kiếp Trước.

(44) Anan, thiện nam tử ấy tu Tam Ma Đề<sup>115</sup>, trong Xa Ma Tha khi Sắc Âm hết, thấy Tâm chur Phật như trong gương sáng hiển hiện hình tượng. Hình như có được nhưng chưa thể dùng, như người bị Mộc đê: tay chân y nguyên, thấy nghe không làm, nhưng tâm gặp khách tà mà không cử động được. Đó gọi là phạm vi của Thọ Âm. Nếu Mộc hết đê thì cái tâm lìa thân, trở lại xem mặt mũi, đi ở tự do, không còn ngăn ngại, gọi là Thọ Âm hết. Người ấy có thể siêu vượt Kiếp Trước.

(45) Anan, thiện nam tử kia tu Tam Ma Đề<sup>116</sup>, khi Thọ Âm hết rồi, tuy chưa hết các lậu, nhưng tâm rời khỏi hình hài như chim ra khỏi lồng. Từ phàm thân này tiến lên, trải qua sáu mươi Thánh Vị Bồ Tát, được Ý Sanh Thân, tùy ý đi lại không ngăn ngại, đã có thể thành tựu như vậy. Ví như có người ngủ say nói mơ, người ấy tuy không hay biết gì, nhưng lời nói đã thành âm vận, thứ tự khiến những người không ngủ đều hiểu được lời nói ấy. Đây là phạm vi của Tưởng Âm. Nếu động niệm hết, vọng tưởng vật vờ tiêu trừ, thì nơi Tâm Giác Minh như bỏ hết bụi dơ, một dòng sanh tử đầu đuôi soi sáng khắp, gọi là hết Tưởng Âm. Người ấy mới có thể vượt khỏi Phiền Não Trước.

(46) Anan, thiện nam tử kia, tu Tam Ma Đề, khi Tưởng Âm hết rồi thì những mộng tưởng bình thường của người ấy tiêu diệt. Thức, ngủ là một, tánh Giác Minh rỗng lặng như hư không trong trẻo, không

---

<sup>115</sup> Phải chăng đây là thiền Quán Tỳ Bà Xá Na do in sai chăng?)

<sup>116</sup> Ở đây, nếu không còn tu pháp Xa Ma Tha mà vào pháp quán thì gọi là Tỳ Bà Xá Na! sao gọi là tu Tam Ma Đề, có in sai chăng?

còn những sự tướng tiền trần thô trọng. Xem những núi sông, đất liền của thế gian như gương soi sáng, đến không chỗ dính, đi không dấu vết, rỗng thò chiếu ứng, rõ ràng không còn các tập khí, chỉ thuần một tính Tinh Chân. “Căn nguyên của Sanh Diệt từ đó phơi lộ ra, thấy được mười hai loài chúng sanh mười phương, rõ hết các loài. Tuy chưa thông suốt manh mối của mỗi chúng sanh nhưng đã thấy cái cơ sở sanh diệt chung, giống như bóng đã mờ<sup>117</sup>, vùn vụt lảng xảng sơ tượng<sup>118</sup> hiện ra, làm cái then chốt phát sanh của Phù căn trần. Đây gọi là phạm vi của Hành Ấm. “Nếu cái nguồn gốc của những chớp nhoáng lảng xảng đó nhập vào tánh lặng trong bản lai, những tập khí nguồn gốc lặng trong thành một phiến, như sóng mồi diệt hóa thành nước đứng, thì gọi là Hành Ấm hết. Người đó liền vượt khỏi Chúng Sanh Trược.

- (47) Anan, thiện nam tử ấy tu Tam Ma Đề, Hành Ấm hết rồi thì cái then chốt chung u ẩn giản phác máy động sanh ra các loài thế gian bỗng chốc nát tan. Giềng mỗi vi tế, mạch ngầm gây nghiệp chịu quả báo của ngã thể chúng sanh, cảm ứng đều dứt bật. Người ấy hầu như sắp đại minh ngộ trong bầu trời Niết Bàn, ví như gà gáy lần chót, ngấm về phương Đông đã có sắc tinh sáng. Sáu Căn rỗng sạch, không còn rong ruổi, trong ngoài trong lặng sáng suốt, nhập vào cái Không Chỗ Vào. Thấu suốt nguyên do nắm lấy cội nguồn, các loài không còn hấp dẫn được. Nơi mười phương thế giới đã được tính Đồng. Cái sắc tinh sáng chẳng chìm, phát hiện u ẩn bí mật. Đây gọi là phạm vi của Thức Ấm. “Nếu trong tính Đồng đã chứng

---

<sup>117</sup> Đã mờ là hạt bụi nhỏ bay lảng xảng.

<sup>118</sup> Lảng xảng sơ tượng có nghĩa là nhiễu loạn một cách nhỏ nhiệm (thanh nhiễu)

được của các loài mà tiêu tan sáu căn, khi hợp, khi chia được thành tựu, thấy nghe thông nhau, dùng thay lẫn nhau một cách thanh tịnh, mười phương thể giới cùng với thân tâm như ngọc lưu ly, trong ngoài sáng suốt thì gọi là Thức Âm hết. Người ấy có thể siêu vượt Mệnh Trược. [Các đoạn sau đây (48-57) là dành cho những ai đã qua được Hành Âm, phải coi chừng, nếu không sẽ bỏ mất Chánh Tri Kiến]

(48) Anan, phải biết thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của các Hành, về đến nguồn Thức, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Người ấy có thể khiến nơi thân mình, các Căn khác nhau khi hợp, khi chia và cùng với các loài mười phương thông chung Tánh Giác. Cái Giác Tri thông suốt một màu vắng lặng, có thể nhập vào nguồn viên mãn. **Nếu ở chỗ quay về, lập ra cái nhân chân thường mà sanh thắng giải, thì người ấy sa vào cái chấp Nhân Sở Nhân**, thành bạn bè với đám Sa Tỳ Ca La, quy về Minh Đế, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(49) Anan, lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của Hành Âm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở chỗ quay về mà ôm làm tự thể của mình, tất cả chúng sanh trong mười hai loài khắp cả hư không đều ở trong thân mình tuôn khởi ra, rồi sanh thắng giải thì người ấy sa vào kiến chấp Năng, Phi Năng, thành bạn bè với Trời Ma Hê Thủ La, hiện thân Vô Biên, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(50) Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của Hành Âm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở chỗ quay về mà có chỗ nương tựa, tự nghi rằng thân tâm

mình từ chỗ kia phát sanh ra, và cả mười phương hư không cũng đều do chỗ kia sanh ra, rồi ngay nơi cái chỗ sanh ra tất cả đó cho là thể chân thường không sanh diệt. Vậy là ở trong sanh diệt sớm chấp là thường trụ. Đã lầm là chẳng sanh, mà còn mê sự sanh diệt. An trụ trong mê lầm trầm trọng mà sanh thắng giải thì người ấy sa vào cái chấp Thường, Phi Thường, thành bạn bè của những kẻ chấp Tự Tại Thiên, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(51) Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tốt tánh không của Hành Ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu nơi chỗ hay biết, nhân sự hay biết cùng khắp mà lập ra cái nhận thức rằng cỏ cây mười phương đều gọi là hữu tình, không khác với người. Cây cỏ làm người, người chết rồi trở lại thành cỏ cây mười phương. Ở nơi cái hay biết cùng khắp, không có chọn lựa và cho là thắng giải. Người ấy sa vào kiến chấp Tri, Vô Tri, thành bạn bè của bọn Bà Tra, Tiền Ni chấp tất cả đều có hay biết, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(52) Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tốt tánh không của Hành Ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở trong chỗ viên dung của các Căn dùng thay lẫn nhau đã được tùy thuận, bèn ở nơi tánh viên dung biến hóa phát sanh các thứ mà cầu cái ánh sáng của Hỏa Đại, ưa cái trong sạch của Thủy Đại, thích cái tràn khắp của Phong Đại, ngắm cái thành tựu của Địa Đại. Mỗi mỗi đều sùng phụng cho các Đại kia là bản nhân, lập thành cái nhận thức thường trụ thì người ấy sa vào cái kiến chấp sanh vô sanh, thành bè bạn của nhóm Ca

Diếp Ba và Bà La Môn, đem hết thân tâm thờ nước, thờ lửa để cầu ra khỏi sanh tử, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(53) Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của Hành Ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở nơi chỗ viên minh, chấp sự trống không trong viên minh, bác bỏ tiêu diệt các sự vật biến hóa. Lấy sự vĩnh viễn diệt mất làm chỗ quy y, rồi sanh thắng giải thì người ấy sa vào kiến chấp Quy Vô Quy thành bè bạn của nhóm chấp Không trong Vô Tướng Thiên, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(54) Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của Hành Ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu nơi tánh Viên Thường cùng cố cái thân cho thường trụ như tánh ấy, mãi không suy mất mà sanh thắng giải, thì người ấy sa vào cái chấp Tham Phi Tham, thành bè bạn của nhóm A Tư Đà, cầu được mạng sống lâu dài, mê muội Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(55) Lại nữa, thiện nam tử ấy cùng tột tánh không của Hành Ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Xét Mệnh Căn thông lẫn với nhau, lại muốn giữ lại nơi trần lao, sợ nó tiêu hết. Bèn ở giới hạn này, ngồi cung liên hoa, hóa ra nhiều thứ bảy báu cùng nhiều mỹ nữ, buông lung tâm mình mà sanh thắng giải. Người ấy sa vào cái chấp Chân Vô Chân thành bè bạn của nhóm Tra Chỉ Ca La, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(56) Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của Hành Ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa

viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Ở trong chỗ cội gốc rỗng sáng của Mạng Căn, phân biệt cái tinh, cái thô để quyết rõ Chân, Ngụy. Nơi nhân quả đền đáp, chỉ cầu cảm ứng, trái ngược với đạo thanh tịnh là thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo mà ở nơi chỗ Diệt cho là xong, không chịu tiến tới rồi sanh thắng giải. Người ấy sa vào hàng Định Tánh Thanh Văn, thành bạn bè của nhóm tăng Vô Văn là những người tăng thượng mạn, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(57) Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của Hành Ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở trong tánh Giác Minh thanh tịnh viên dung phát minh chỗ thâm diệu bèn lập đó là Niết Bàn mà không tiến tới, sanh làm thắng giải, thì người ấy sa vào hàng định tánh Bích Chi, thành bạn bè của các vị Duyên Giác, Độc Giác chẳng hồi tâm hướng Đại Thừa, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

(58) Anan, mười loại Thiên Na như vậy, giữa đường hóa điên, do nương mê lầm trong chỗ chưa đủ lại cho đã chứng đủ, đều do Thức Ấm và tâm dụng công xen nhau mà sanh các thứ vị như thế. Chúng sanh mê đại, không biết tự xét, gặp cái đó hiện tiền, mỗi mỗi dùng cái tâm mê lầm còn ưa thích những tập quán cũ mà tự dừng nghỉ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo, tự bảo đã đầy đủ Vô Thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ. Các tà ma ngoại đạo khi nghiệp báo chiêu cảm hết rồi thì sa vào ngục Vô Gián. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thì không thể tiến tới thêm. Các ông để tâm giữ gìn Đạo Như Lai, sau khi Ta diệt độ rồi, đem pháp môn này truyền bày trong đời Mạt Pháp, khiến khắp chúng sanh hiểu rõ nghĩa này,

không để cho những ma tà kiến tự gây ra nạn lớn cho mình. Giữ gìn thương cứu, tiêu dứt các tà duyên, khiến cho thân tâm vào Tri Kiến Phật, từ bắt đầu đến thành tựu, không mắc các lỗi rẽ.

(59) Pháp môn như thế, các Đức Như Lai như số vi trần trong hằng sa kiếp quá khứ đều nương cái Tâm mở tỏ này mà đắc đạo Vô Thượng. **Khi Thức Âm hết sạch rồi thì ngay hiện tiền, các Căn của ông đều có thể dùng thay lẫn nhau.** Từ chỗ các Căn dùng thay lẫn nhau, bèn vào Kim Cương Càn Huệ Địa Bồ Tát, cái Tâm Tinh Diệu Viên Minh ở trong đó phát hóa ra như ngọc lưu ly thanh tịnh bên trong ngậm mặt trăng báu. Như thế mà vượt lên Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Tứ Gia Hạnh Tâm và Thập Địa Kim Cương là chỗ Hành của Bồ Tát, cho đến địa vị Đẳng Giác Viên Minh mà thể nhập vào Biển Diệu Trang Nghiêm Như Lai, **viên mãn Bồ Đề, về trong Vô Sở Đắc.**

(60) Đó là những ma sự vi tế mà các đức Phật Thế Tôn đời quá khứ trước đã giác ngộ, nghiệm rõ và phân tích trong pháp Chỉ Quán. **Nếu cảnh ma hiện ra mà ông rõ biết thì sự dơ nhiễm của tâm được rửa trừ, không lạc vào tà kiến,** Âm Ma tiêu diệt, Thiên Ma tan tác, Đại Lực Quỷ Thần hết hồn chạy trốn, Ly My, Vọng Lượng chẳng còn sanh ra, thẳng đến Bồ Đề, không có những thiếu sót. Hàng hạ liệt cũng được tăng tiến, đối trong Đại Niết Bàn Tâm không mê buồn. **Nếu các chúng sanh mê đại trong đời Mạt Pháp chưa hiểu Thiền Na! chẳng rõ lời thuyết pháp mà ưa tu Tam Muội, ông e rằng họ lạc vào đường tà thì phải một lòng khuyên bảo họ trì chú Phật Đảnh Đà La Ni của Ta.** Nếu chưa có thể tụng niệm, hãy viết nơi thiền đường hoặc đeo



trong thân thì tất cả các ma không thể động đến. Ông nên kính vâng sự dạy bảo cuối cùng về đường tiến tu rốt ráo của mười phương Như Lai.

- (61) Tánh Tinh Chân thì Diệu Minh, tánh Bản Giác là Viên Tịnh, chẳng có vết tích của sanh tử và các trần cấu, cho đến hư không cũng đều nhân vọng tưởng mà có ra. Tất cả cái ấy nguyên là Bản Giác Diệu Minh Chân Tinh vọng phát sanh ra các khí thế gian, như chàng Diễn Nhã Đa mê cái đầu mà nhận bóng trong gương. Vọng vốn không có nhân, mà ở trong vọng tưởng lập ra tánh Nhân Duyên. Mê lầm Nhân Duyên thì gọi đó là Tự Nhiên. Cái tánh của hư không kia còn thật là huyền hóa sanh ra huống là **Nhân Duyên hay Tự Nhiên đều là sự so tính của vọng tâm chúng sanh**. Anan, biết là hư vọng khởi ra mà nói nhân duyên hư vọng, nhưng hư vọng gốc vốn không có thì cái nhân duyên hư vọng đó không chỗ có, huống gì là không biết mà suy rằng Tự Nhiên. Thế nên Như Lai phát minh cho các ông rằng bản nhân của năm Ấm đồng là Vọng Tưởng.<sup>119</sup> **Anan! Ông nên dùng cái tâm được khai thông về căn nguyên Vọng Tưởng này, truyền dạy cho tương lai những người tu hành trong đời Mạt Pháp, khiến cho họ rõ hư vọng, tự sanh nhằm chán sâu xa, biết có Niết Bàn, chẳng luyến mê ba cõi.**

Hết

Mô Phật

Sa Môn Di Trì

---

<sup>119</sup> Nếu nhận biết được năm Ấm vốn là vọng tưởng thì đi thẳng vào gốc này mà quán tưởng đó là pháp “Đốn.”



HỘ PHÁP

# MỤC LỤC

## KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH THỦ LĂNG NGHIÊM (TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)

LỜI NÓI ĐẦU .....	1
TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG ĐÀN TRÀNG LĂNG NGHIÊM TẠI HOA KỶ .....	3
1. Khởi quyết tâm xây dựng Đàn tràng Lăng Nghiêm .....	4
2. Giai đoạn giải quyết các điều kiện xây dựng Đàn tràng Lăng Nghiêm .....	6
3. Xây dựng Đàn tràng đầu tiên .....	8
4. Đàn tràng cho tứ chúng .....	9

### Quyển I

#### Phần 1

Duyên khởi của kinh:.....	15
---------------------------	----

#### Phần 2

Chỉ bày Chơn Tâm .....	16
------------------------	----

Đức Phật bảy lần phá cái chấp của ngài Anan về nơi trú của Tâm

1. Chấp Tâm ở trong thân .....
2. Chấp Tâm ở ngoài thân .....
3. Chấp Tâm núp sau con mắt .....
4. Chấp nhắm mắt thấy tối là thấy bên trong thân.....
5. Chấp Tâm hợp chỗ nào thì liền có ở chỗ đó.....
6. Chấp Tâm ở chặng giữa .....
7. Chấp Tâm chẳng dính dấp vào đâu cả .....

#### Phần 3

Đức Phật chỉ rõ Tánh Thấy .....	20
---------------------------------	----

Hai thứ căn bản .....	20
-----------------------	----

Nương cái Thấy gạn hỏi cái Tâm .....	21
--------------------------------------	----

Tánh Thấy không phải là con mắt .....	22
---------------------------------------	----

Ý nghĩa chủ và khách .....	23
----------------------------	----

### Quyển II

#### Phần 4

Chỉ Tánh Thấy không sanh diệt .....	25
-------------------------------------	----

Chỉ chỗ diên đảo .....	26
------------------------	----

Lựa bỏ Tâm phan duyên để chỉ tánh	
Thấy không trả về đâu .....	27
Lựa riêng trần cảnh để nêu ra Tánh Thấy .....	28
<b>Phần 5</b>	
Đức Phật nêu ra Tánh Thấy ngoài các nghĩa “Phải” và “Chẳng Phải” .....	28
<b>Phần 6</b>	
Chỉ thẳng Tánh Thấy .....	29
<b>Phần 7</b>	
Chỉ ra cái Vọng Thấy .....	30
<b>Phần 8</b>	
Tánh Thấy không phải là Cái Thấy .....	31
<b>Phần 9</b>	
Tóm thu về Như Lai Tạng .....	31
Thu Sắc Âm .....	32
Thu Thọ Âm .....	33
Thu Tưởng Âm .....	34
Thu Hành Âm .....	34
Thu Thức Âm .....	35

### Quyển III

Thu Sáu Nhập .....	37
Thu nhãn nhập .....	37
Thu nhĩ nhập .....	37
Thu tỷ nhập .....	38
Thu thiệt nhập .....	39
Thu thân nhập .....	40
Thu ý nhập .....	40
Thu Mười Hai Xứ .....	41
Thu hai xứ sắc trần và nhãn căn .....	41
Thu hai xứ thanh trần và nhĩ căn .....	42
Thu hai xứ hương trần và tỷ căn .....	43
Thu hai xứ vị trần và thiệt căn .....	44
Thu hai xứ xúc trần và thân căn .....	44
Thu hai xứ pháp trần và ý căn .....	45
Thu mười tám giới .....	46
Thu nhãn, sắc và nhãn thức giới .....	46
Thu nhĩ, thanh và nhĩ thức giới .....	47
Thu tỷ, hương và tỷ thức giới .....	48
Thu thiệt, vị và thiệt thức giới .....	50
Thu thân, xúc và thân thức giới .....	51
Thu ý, pháp và ý thức giới .....	52

Thu bảy Đại .....	53
Xin khai thị về tứ đại hòa hợp .....	53
Chỉ rõ thể tánh tứ đại không phải hòa hợp .....	53
Thu địa đại .....	54
Thu hỏa đại .....	55
Thu thủy đại .....	56
Thu phong đại .....	57
Thu không đại .....	58
Thu kiến đại .....	60
Thu thức đại .....	62
Giác Ngộ và Phát Nguyện .....	64

## Quyển IV

### Phần 10

Căn nguyên và Tánh Giác vẹn toàn .....	67
Vô Minh Đầu tiên .....	68
Nguyên nhân vọng thấy có thể giới .....	68
Giác chẳng sanh mê .....	71
Các Đại có thể tương dung .....	73
Chỉ rõ Tánh Diệu Minh là Như Lai Tạng rời cả hai nghĩa “Phi” và “Tức” .....	74
Mê vọng không có nhân, hết mê là Bồ Đề .....	76
Phá xích nhân duyên, tự nhiên xưa nay không vọng .....	77
Đưa vào Bồ Đề .....	78

### Phần 11

Chỉ nghĩa quyết định .....	80
Các pháp tu hành sau khi đốn ngộ, phát Bồ Đề Tâm .....	80
Phát Tâm trong lúc tu nhân .....	80
Xét rõ gốc rễ phiền não .....	82
Nghi căn tánh không có tự thể .....	89
Thỉnh chuông để thể hiện tánh nghe là thường trụ .....	89

## Quyển V

### Phần 12

Nương chỗ ngộ mà tu

Nêu ra cái căn để chỉ chỗ mê .....93

### Phần 13

Cầu Phật khai thị cởi nút .....95

Phật dạy cách mở nút .....97

### Phần 14

Đức Phật hỏi đại chúng về pháp tu viên thông .....98

Viên thông về thanh trần .....99

Viên thông về Sắc trần .....99

Viên thông về hương trần .....100

Viên thông về vị trần .....100

Viên thông về xúc trần .....101

Viên thông về Pháp trần .....101

Viên thông về nhãn căn .....102

Viên thông về tỷ căn .....102

Viên thông về thiệt căn .....103

Viên thông về thân căn .....103

Viên thông về ý căn .....104

Viên thông về nhãn thức .....104

Viên thông về nhĩ thức .....105

Viên thông về tỷ thức .....105

Viên thông về thiệt thức .....106

Viên thông về thân thức .....106

Viên thông về ý thức .....107

Viên thông về hỏa đại .....107

Viên thông về địa đại .....108

Viên thông về thủy đại .....109

Viên thông về phong đại .....110

Viên thông về không đại .....111

Viên thông về thức đại .....	111
Viên thông về kiến đại .....	112

### Quyển VI

Viên thông về nhĩ căn .....	115
<b>Phần 15</b>	
Mười bốn công đức vô úy .....	119
<b>Phần 16</b>	
<b>Chỉ dạy Pháp Viên tu</b>	
Đức Phật phóng hào quang hiện điềm lành .....	123
Đức Phật bảo ngài Văn Thù chọn căn viên thông .....	124
Lựa ra những căn viên thông .....	124
Nhĩ căn viên thông hơn hết .....	128

### Quyển VII

<b>Phần 17</b>	
Đức Phật khai thị về Mật giáo .....	141
Khai thị đàn tràng tu chứng .....	142
Tuyên thuyết Thần Chú .....	144
<b>Phần 18</b>	
Khai thị hai cái nhân điên đảo .....	165

### Quyển VIII

<b>Phần 19</b>	
Khai thị ba tiệm thứ tu tập .....	171
An lập các thánh vị .....	173
Càn Huệ Địa .....	173
Thập Tín .....	173
Thập trụ .....	175
Thập Hạnh .....	176
Thập Hồi Hướng .....	177
Tứ Gia Hạnh .....	178
Thập Địa .....	178
Đẳng Giác và Diệu Giác .....	179

**Chỉ dạy tên kinh .....180**

**Phần 20**

**Phân biệt các nghiệp quả tạo thành tam giới .....180**

- 1. Hỏi về sự sanh khởi và nhân quả của sáu đường .....180**
- 2. Khai thị về phận trong, phận ngoài của chúng sanh ..181**
- 3. Mười tập nhân và sáu giao báo .....184**
- 4. Không tu thành Chánh Giác thành các thứ Tiên .....193**

**Quyển IX**

**Phần 21**

**Các cõi Trời**

**Cõi Trời Dục Giới .....195**

**Cõi Trời Sắc Giới .....196**

**Cõi Trời Vô Sắc Giới .....199**

**Bốn Loại A Tu La .....200**

**Khai thị sự hư vọng của bảy loài để khuyên tu chân chánh ....201**

**Phân biệt các Âm Ma .....202**

**Phạm vi của Sắc Âm .....205**

**Phạm vi của Thọ Âm .....209**

**Phạm vi của Tưởng Âm .....213**

**Quyển X**

**Phạm vi của Hành Âm .....225**

**Phạm vi của Thức Âm .....234**

**Được Phước tiêu Tội hơn cả .....243**

**Những đoạn cần lưu ý, trích từ Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng**

**Nghiêm .....245**



# KINH ĐẠI PHẬT ĐẢN THỦ LĂNG NGHIÊM (TÓM TẮT VÀ HƯỚNG DẪN)

(Tái bản lần thứ ba)



**BÀN THỜ ĐÀN TRƯỜNG LĂNG NGHIÊM**

# TÂM NGUYỆN

1. Giữ Bồ đề tâm kiên cố
2. Chí tu học vững bền
3. Mau đắc quả giải thoát sinh tử luân hồi
4. Đề cứu độ chúng sanh
5. Giữ gìn Phật Pháp trường tồn.

– Sa Môn DI TÙNG

**PHẬT QUỐC THANH TỊNH TÂM**  
**MAITREYA BUDDHA MEDITATION CENTER**  
**310 E. Red Bird Lane**  
**Duncanville, Texas 75116 - U.S.A.**  
**Tel. 972-709-5685**

-----\*\*\*-----

PL. 2561 - DL. 2017



